

DÂN SỐ KÝ

Warren W. Wiersbe

MỤC LỤC

01. THỨ TỰ QUY ĐỊNH TRONG TRẠI QUÂN
02. SỰ BIỆT RIÊNG RA VÀ CÁC NGHI LỄ - PHẦN I
03. SỰ BIỆT RIÊNG RA VÀ CÁC NGHI LỄ - PHẦN II
04. HÀNH TRÌNH TIẾN VỀ MÔ-ÁP
05. KHỦNG HOẢNG TẠI CA-ĐE
06. VỀ VẤN ĐỀ NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN
07. KHỦNG HOẢNG LẦN NỮA TẠI CA-ĐE
08. ĐI ĐẾN THẮNG LỢI - ĐÁNH BẠI QUÂN THÙ
09. NHỮNG SỰ THỐNG TRỊ VÀ CÁC THỂ LỰC - PHẦN I
10. NHỮNG SỰ THỐNG TRỊ VÀ CÁC THỂ LỰC - PHẦN II
11. SỰ KHỞI ĐẦU MỚI
12. CHUẨN BỊ CHO CUỘC CHINH PHỤC

1. THỨ TỰ QUY ĐỊNH TRONG TRẠI QUÂN (Dan 1:1-4:49 9:1-14)

Một tổ chức kinh doanh nọ có tên mật mã là “Chiến Dịch Overlord”. Tên này nghe quen thuộc hơn với hình thức “Ngày Đổ Bộ” (D-Day) – mùng 6 tháng 6 năm 1943, khi các lực lượng Liên Minh kéo quân đổ bộ lên “Bãi biển Omaha” báo hiệu cuộc chiến tranh ở Châu Âu đã bắt đầu kết thúc. Đó là tiếng kèn tập hợp vang lên lớn nhất triệu tập các binh sĩ trong quân đội cùng với mọi trang thiết bị của họ trong lịch sử chiến tranh. Sử gia Samuel Eliot Morison đã viết: “Các lực lượng Liên Minh gồm có lính bộ, lính thủy và những ban ngành phục vụ hỗ trợ cả thảy là 2.800.000 người ở Anh quốc.” [1]

Môi-se cũng đã nói về việc phát động “Chiến Dịch Overlord” của chính mình, và khát khao lớn nhất của ông là Đức Giê-hô-va, Chúa Tể của các cơ binh, quả thật là Chúa luôn cai trị trên tất cả mọi công trình sự nghiệp. Có hơn 2.000.000 người Do Thái cùng nhau tiến về Ca-na-an, chinh phục các cư dân ở đó, chiếm lấy đất, và vui hưởng sản nghiệp thừa kế như đã được hứa của họ. Nhưng trước khi xảy ra tất cả những điều này, Môi-se đã phải tổ chức tập hợp những người trước đó vốn là nô lệ vừa được hưởng tự do chỉ được một năm. Ấy là một công việc không phải dễ.

Sự chuẩn bị của Môi-se cho cuộc chinh phục gồm có bốn phần: tổ chức kỷ niệm Lễ Vượt Qua (9:1-14), kiểm tra quân số các chiến binh (phân đoạn 1), tổ chức thiết lập các chi phái (phân đoạn 2), và phân công nhiệm vụ cho các thầy tế lễ (phân đoạn 3-4).

1. Tổ chức kỷ niệm Lễ Vượt Qua (Dan 1:1-54) (Dan 9:1-14)

Các sự kiện được ghi nhận trong Dân 1-6 nhằm giới thiệu trước cho những điều được mô tả cụ thể trong 7:1-6,15. Bây giờ chúng ta đang đến với năm thứ hai của lịch sử dân tộc Y-sơ-ra-ên (1:1 9:1). Đền tạm được dựng lên vào ngày đầu tiên của tháng thứ nhất (Xu 40:2,17). Các tộc trưởng của mười hai chi phái bắt đầu mang lễ vật đến dâng trong ngày đó (Dan 7:1), công việc này kéo dài 12 ngày (c.78). Vào ngày thứ 13, người Lê-vi được thanh tẩy và dự phần lễ biệt riêng họ ra thánh (8:1-26), vào ngày thứ 14 thì người Do Thái cử hành Lễ Vượt Qua (9:1-14).

Giữ Lễ Vượt Qua lần thứ hai (Dan 9:1-5): Đó đúng là thời điểm dân Y-sơ-ra-ên được trả tự do hai năm và họ tổ chức lễ kỷ niệm về cái đêm kinh hoàng mà Đức Chúa Trời đã giải phóng họ thoát khỏi xích xiềng nô lệ tại Ai Cập, “*Ấy là một đêm người ta phải giữ cho Đức Giê-hô-va*” (Xu 12:42, NKJV). Khi nhìn lại quá khứ, dân sự sẽ rất ngưỡng mộ những gì Đức Chúa Trời đã làm cho họ, và họ có thể dạy cho con cái họ biết “ngày độc lập” của Y-sơ-ra-ên có ý nghĩa trọng đại như thế nào (12:26-28 13:8-16). Trừ phi các bậc cha mẹ thường nhắc nhở con cái họ nhớ về những điều Đức Giê-hô-va đã làm, nếu không thì thế hệ con cháu kế tiếp của họ sẽ không còn giữ đức tin nữa (Phu 6:1-9 ITi 2:2).

Theo Xu 12:1-50, mỗi gia đình phải giết một con chiên rồi đem quay nó trên lửa cho chín, sau đó ăn nó chung với bánh không men và rau đắng (Dan 9:11). Việc dùng bánh không men vì hai lý do là lý do thực tế và lý do biểu tượng. Lý do thực tế là vì dân Do Thái đã phải chuẩn bị rời khỏi Ê-díp-tô bất kỳ lúc nào, cho nên họ không thể chờ cho bột lên men được. Còn lý do biểu tượng liên quan đến vấn đề là, đối với người Do Thái thì men làm cho bột nở tượng trưng cho điều xấu; và dân Do Thái phải là một dân tộc thánh khiết tất cả men làm bánh phải được đem ra khỏi nhà họ trước Lễ Vượt Qua và cứ thế trong suốt tuần lễ kế tiếp (ICo 5:1-8 Mat 16:6,12 Ga 5:9). Rau

đăng nhắc người Do Thái nhớ về cảnh nô lệ khốn nạn, tàn khốc của họ còn làm nô lệ ở Ê-díp-tô.

Đối với Cơ Đốc nhân ngày nay, Lễ Vượt Qua nói về Chúa Giê-xu Christ, Chiên con của Đức Chúa Trời, Đấng đã chết vì có tội lỗi nhân loại (Gi 1:29 ICo 5:7 Es 53:7 IPhi 1:19 Kh 5:6). Hễ ai tin Ngài thì sẽ được cứu chuộc khỏi tội lỗi (IPhi 1:18 Ro 8:34 Eph 1:7 He 9:12) và được công nhận có quyền kế tự thuộc linh trong Đấng Christ (Eph 1:3). Trong bữa tiệc của Lễ Vượt Qua cuối cùng với các môn đồ Ngài, Chúa Giê-xu đã lập nên lễ gọi là Bữa Tiệc của Chúa (Tiệc Thánh, Lễ Ban Thánh Thể) để khích lệ dân sự Ngài luôn nhớ đến Ngài. Tiệc Thánh nhắc chúng ta rằng Đấng Christ đã hi sinh cả mạng sống Ngài và đổ huyết ra để cứu chuộc chúng ta (Mat 26:26-30 Mac 14:22-25 Lu 22:17-20) và rồi đây sẽ có ngày Ngài trở lại đón chúng ta (ICo 11:23-24 ITe 4:13-18).

Tình huống bất ngờ (Dan 9:6-12): Bất kỳ ai khi bị ô uế đều phải bị đuổi ra ngoài doanh trại, bởi vì sự ô uế mang tính chất lây lan (5:1-2). Điều này có nghĩa là những ai bị ô uế sẽ bị cấm tham dự Lễ Vượt Qua. Tình huống mới này đòi hỏi cần có sự hiểu biết mới, do đó Môi-se quay sang kêu cầu Đức Chúa Trời giúp đỡ (Gia 1:5). Vì đó là Lễ Vượt Qua của Chúa, cho nên chỉ có Chúa mới có thể thay đổi được các luật lệ mà thôi.

Đức Chúa Trời đã đáp lại bằng ân điển và lòng thương xót: Hễ ai bị ô uế hoặc không có mặt ở nhà trong Lễ Vượt Qua vào tháng thứ nhất thì có thể tham dự lễ tiệc vào ngày thứ 14 của tháng thứ hai, nhưng họ phải cẩn thận tuân thủ theo những lời chỉ dạy thánh tượng tự của Chúa trong Xu 12:1-50. Đức Chúa Trời không hề thiết lập thêm một Lễ Vượt Qua nào khác nữa, nhưng Ngài chỉ cho phép Lễ Vượt Qua nguyên thủy của Ngài được tổ chức, cử hành vào một thời điểm khác mà thôi. Thịt con sinh tể không được xem như thức ăn bình thường (“phải ăn hết sạch sẽ”) và không được làm gãy xương nào của chiên con dùng làm con sinh đó cả (Gi 19:31-37).

Có hai điều cảnh báo (Dan 9:13-14): Điều đặc biệt cần phải nghĩ đến về phía Chúa như vậy có lẽ dẫn đến tình trạng một số ít người trong dân Y-sơ-ra-ên đã bắt đầu khiêu khích, đối đầu lại với những lời giáo huấn thánh đã được quy định trong Lễ Vượt Qua, do đó Đức Chúa Trời phán bảo Môi-se hãy cảnh cáo họ phải luôn tuân giữ các luật lệ nguyên thủy, đối với cả tháng thứ nhất và tháng thứ hai. Bất cứ người Do Thái nào có đủ điều kiện dự Lễ Vượt Qua ở tháng thứ nhất nhưng lại không dự, mà lại có ý định để dự vào tháng thứ hai cho thuận tiện hơn thì người đó ắt sẽ bị Chúa trừng phạt. Từ “truất khỏi” có nghĩa là gì đã không được giải thích ở đây; có lẽ nó có nghĩa là bị loại ra khỏi doanh trại, hoặc cũng có thể có nghĩa là bị xử tử. Tương tự Lễ Vượt Qua là lễ có tính chất quan trọng đối với người Do Thái, thì Tiệc Thánh cũng có ý nghĩa rất quan trọng đối với mọi Cơ Đốc nhân ngày nay (ICo 11:28-30).

Điều thứ hai cần cảnh báo đối với những khách trọ là ngoại kiều sống trong trại quân nhưng không được sinh ra dưới thời Giao Ước của Áp-ra-ham và không được thừa nhận bằng dấu hiệu cắt bì. Họ cho rằng có lẽ Lễ Vượt Qua vào tháng thứ hai không phải hạn chế và nghiêm ngặt khắc khe như ở tháng thứ nhất, tuy nhiên họ đã nhầm. Nếu người ngoại muốn giữ Lễ Vượt Qua với người Do Thái thì họ phải theo đạo của người Do Thái (Xu 12:19,43).

Một bi kịch khủng khiếp: Đây là Lễ Vượt Qua cuối cùng mà người Do Thái đã cử hành mãi cho đến khi Giô-suê dẫn họ tiến vào Đất Hứa vào khoảng chừng 40 năm

sau (Gios 5:10). Vì sự vô tín và sự dấy loạn của họ tại Ca-đe Ba-nê-a (Dan 13:1-14:45), cho nên giờ đây dân sự những ai từ 20 tuổi sắp lên đều bị Đức Chúa Trời loại ra và họ phải chết trong cuộc hành trình nơi đồng vắng của Y-sơ-ra-ên. Khi Giô-suê lãnh đạo thể hệ mới đi vào xứ Ca-na-an, tất cả những người nam đều nhận được dấu hiệu của giao ước và Đức Chúa Trời đã khôi phục họ lại trong ân điển tốt lành của Ngài (Gios 5:2-9). đó là sự bắt đầu mới đối với Y-sơ-ra-ên trong nơi ở mới của họ.

2. Kiểm tra quân số và tu bổ các chiến sĩ (Dan 1:1-54)

Vào tháng thứ hai của năm thứ nhì, tức vừa tròn 13 tháng sau khi Xuất khỏi Ai Cập, Y-sơ-ra-ên phải bắt đầu chuẩn bị cho cuộc chiến. Nếu Sáng Thế Ký là sách viết về những sự khởi đầu, sách Xuất Ê-díp-tô Ký viết về sự cứu chuộc thì kế tiếp sách Dân Số Ký là sách viết về cuộc chiến. Người Do Thái đang ở trong lãnh địa của quân thù, họ đang hành quân tiến về vùng đất mà Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ giúp đỡ họ chinh phục được, họ phải tổ chức, chuẩn bị tinh thần cho cuộc đối đầu và xung đột sắp xảy ra. Cụm từ “đi ra trận được” đã được dùng 14 lần trong phân đoạn Kinh Thánh này. Nếu Đức Chúa Trời kiểm tra quân số và tu bổ các Cơ Đốc nhân trong Hội Thánh ngày nay theo khả năng của họ để tiến hành cuộc chiến thuộc linh, thì hãy tưởng tượng xem chúng ta sẽ có một đội quân khổng lồ hùng mạnh biết chừng nào.

Nội quy được ban hành (Dan 1:1-3): Có trên 150 lần trong sách Dân Số Ký được ký thuật rằng Đức Chúa Trời phán dạy Môi-se và ban cho ông những chỉ thị để ông chỉ dạy lại cho dân sự. Quả thực, Dân Số Ký đã mở ra với những lời Đức Chúa Trời phán dạy đầy tớ Ngài, và nó đóng lại với sự nhắc nhở rằng Chúa đã phán dạy Y-sơ-ra-ên qua Môi-se (36:13). Một trong những tên theo tiếng Hê-bơ-rơ dành cho sách này là “Và Ngài Đã Phán”, dựa theo ý của 1:1. [2]

Nếu Đức Chúa Trời không bày tỏ ý chỉ của Ngài, thì Y-sơ-ra-ên sẽ chẳng biết phải làm gì và không biết đóng trại ở đâu, “*Chúa cật tay Môi-se và A-rôn, Mà dẫn dắt dân sự Ngài như một đoàn chiên*”(Thi 77:20, NKJV).

Đức Chúa Trời truyền lệnh cho Môi-se và A-rôn cùng với những tộc trưởng của các chi phái hãy thống kê hết những người nam có đủ khả năng đầu quân để phục vụ quân đội. Quân đội Y-sơ-ra-ên được hình thành không phải dựa vào những người lính tình nguyện mà thôi, nhưng nó chiêu tập hết thầy mọi người nam nào hể từ 20 tuổi trở lên, khoẻ mạnh, có thân hình tráng kiện thì đều có thể đăng ký vào quân ngũ để phục vụ Chúa và nhân dân. [3] Có một số người lấy làm bối rối bởi sự nhấn mạnh về chiến tranh nhiều chỗ trong Kinh Thánh, thậm chí có một vài giáo phái không dùng đến những bài Thánh Ca ca ngợi người lính, chẳng hạn như bài “Tinh Binh Giê-xu Tiến Lên!” (Thánh Ca 314). Thế nhưng chúng ta không tìm thấy những nỗi sợ và sự khủng hoảng của dân sự. “*Đức Giê-hô-va là một chiến sĩ*” (Xu 15:3) khi cuộc chiến xảy ra để Ngài trừng phạt tội lỗi và trừ khử tội ác. Các dân mà Y-sơ-ra-ên đã tiêu diệt ở Ca-na-an là những dân đã sống đời sống đạo đức suy đồi với nếp sống ô trọc đầy tội lỗi gồm ghiếc, họ phạm tội khước từ nguồn sáng của Đức Chúa Trời và Ngài đã phải chịu đựng họ rất lâu (Sa 15:13-16 Ro 1:18-32). Ngày nay có ai đi lên án một bác sĩ phẫu thuật nào đó sao lại lấy khối u ung thư gây chết người ra khỏi cơ thể của bệnh nhân không? Song, đó là điều Đức Chúa Trời đã làm cho xã hội khi Ngài dùng Y-sơ-ra-ên đoán phạt các dân tộc suy đồi ở Ca-na-an.

Hơn nữa, hình ảnh đội quân này thường xuyên được dùng trong Kinh Thánh Tân Ước, ngay cả Chúa Giê-xu cũng đã dùng (Mat 16:18) và đặc biệt là Phao-lô dùng trong

(Ro 8:31 Eph 6:10-18 IICo 10:3-5 ICo 9:7 IITi 2:1-4). Đời sống Cơ Đốc nhân là một chiến trường chứ không phải là một sân chơi, lúc nào chúng ta cũng phải chiến đấu với kẻ thù nào đó để giành lại lãnh thổ cho Đức Chúa Trời. Chúa đã tuyên bố trước rằng cuộc chiến của chúng ta với Sa-tan là một cuộc chiến vốn có từ rất lâu (Sa 3:15) và chúng ta không thể có thái độ trung lập trong trận chiến thuộc linh này, vì Chúa Giê-xu đã nói: *“Ai không ở với Ta thì nghịch cùng Ta”* (Mat 12:30).

Những vị lãnh đạo được chọn (Dan 1:4-6): Môi-se và A-rôn được giao nhiệm vụ điều tra dân số qua các tộc trưởng do họ chỉ định cho mỗi chi phái. Những tộc trưởng này cũng được nêu tên trong 2:1-34 7:1-89 10:1-36. Chẳng có gì khó khăn để thực hiện việc thống kê này vì dân tộc được tổ chức thành các đơn vị theo những đại gia đình, theo họ hàng (thị tộc) và theo từng chi phái (bộ lạc) (Gios 7:14), có nhiều vị lãnh đạo giám sát cai quản cho từng đơn vị gồm 10, 100 và 1000 người Y-sơ-ra-ên (Xu 18:21). Hãy chú ý Na-ha-sôn (Dan 1:7) thuộc dòng dõi Đa-vít (Ru 4:20-22) và do đó người là một tổ tiên của Đấng Christ (Mat 1:4). Cũng hãy chú ý việc cá nhân mỗi người phải cho biết mình thuộc họ hàng tông tộc nào (Dan 1:18) nhằm loại ra những người không đủ tư cách gia nhập vào quân đội của Đức Giê-hô-va.

Những con số được ghi nhận (Dan 1:17-26): Những con số ở đây được làm tròn với số lớn nhất xấp xỉ cả trăm ngàn, ngoại trừ dòng dõi Gát chỉ xấp xỉ năm mươi ngàn (c.24-25). Tổng cộng tất cả các chiến binh tuổi từ 20 trở lên là 603.550 người (v.46). Trừ Giô-suê và Ca-lép ra, còn hết thảy những người này đều đã chết cả trong những năm Y-sơ-ra-ên đi lưu lạc trong đồng vắng. Cuộc điều tra dân số lần thứ hai được tổng cộng 601.730 người (26:51), là đội quân đã tiến vào Đất Hứa và nhận lấy sản nghiệp này.

Người Lê-vi được biệt riêng ra (Dan 1:47-54): Ba con trai của Lê-vi là Ghết-sôn, Kê-hát và Mê-ra-ri (Sa 46:11); Môi-se và A-rôn là hậu duệ của Kê-hát (Dan 3:14-24) và A-rôn là thầy tế lễ thượng phẩm đầu tiên. Chỉ có các con trai A-rôn được phép phục vụ công tác tại bàn thờ (c.1-4) và người Lê-vi được phân công thi hành chức vụ tế lễ của mình. Dưới sự giám sát, chỉ đạo của thầy tế lễ thượng phẩm, người Lê-vi có nhiệm vụ tháo dỡ đền tạm chứng có khi trại quân cần di dời đi, họ có bốn phận vận chuyển nhiều thứ khác nhau gồm những dụng cụ, đồ đạc, bình chậu thuộc về đền tạm trong thời gian hành quân, và sau đó họ lại dựng đền tạm chứng có lên tại nơi đóng trại mới.

Người Lê-vi dựng lều ở chung quanh đền tạm chứng có nằm ở vị trí trung tâm của trại quân, gồm có Kê-hát ở phía nam, Mê-ra-ri phía bắc và Ghết-sôn phía tây. Môi-se và A-rôn dựng trại ở phía đông, tại cổng đền tạm. Bằng cách này, người Lê-vi đã bảo vệ trại quân không cho người ngoài vô phận sự xâm nhập vào trong trại được, và thêm nữa là họ ở phía trước đền tạm như vậy nên họ có thể nhìn thấy cụm mây làm dấu hiệu dẫn đường cho trại quân biết hướng dời đi.

Vì chức vụ thầy tế lễ của họ theo sự phân công quan trọng như vậy, cho nên người Lê-vi đã được miễn trừ nghĩa vụ quân sự. Đền tạm là công trình mấu chốt quan trọng nhất trong toàn bộ trại quân, và chỉ có các thầy tế lễ và người Lê-vi mới có thể được đến gần phục vụ coi sóc nó. Do đó, họ không phải đăng tên vào danh sách đi quân dịch của quân đội quốc gia. Công việc thờ phượng và công việc đi chiến đấu dường như không hề liên quan với nhau, thế nhưng trong cái nhìn của Đức Chúa Trời thì chúng lại đi đôi với nhau. Một trong những đề tài chính của sách Khải Huyền là cuộc

chiến của Đức Chúa Trời chống lại quyền lực tối tăm của ma quỷ trên đất và sự thờ phượng được Ngài chấp nhận trên thiên đàng. Trừ phi dân sự Chúa tỏ ra xứng đáng với Chúa trong sự thờ phượng của họ, nếu không, họ sẽ không tài nào đối mặt nổi với kẻ thù của họ và sẽ đánh không lại chúng trong trận chiến, *“Sự ngợi khen Đức Chúa Trời ở trong miệng họ, Thanh gươm hai lưỡi bén ở trong tay họ”* (Thi 149:6).

3. Tổ chức bố trí các chi phái (Dan 2:1-34)

Khi trụ mây di chuyển phía trên đền tạm cho biết trại quân sẽ phải đi đâu, thì thật là trở ngại nếu dân sự không kịp dỡ trại nhanh để có thể xúc tiến cuộc hành quân ngay và hiệu quả, do vậy cần phải có một vài hình thức nào đó về thứ tự quy định trong trại quân. *“Nhưng mọi sự đều nên làm cho phải phép và theo thứ tự”* (ICo 14:40) là lời khuyên nhắc nhở dành cho dân sự Đức Chúa Trời ở mọi thời đại, *“Vả, Đức Chúa Trời chẳng phải là Chúa sự loạn lạc, bèn là Chúa sự hòa bình”* (c.33).

Chúng ta thấy rằng Mô-i-se và A-rôn, với các thầy tế lễ và người Lê-vi, đã đóng trại ở ngay xung quanh đền tạm. Mỗi chi phái đều được chỉ định ở tại một vị trí đặc biệt nào đó đối với trại quân, và cũng như đối với đền tạm; vì Đức Chúa Trời ngự ở giữa trại quân, và vị trí đóng trại của mỗi chi phái do Chúa bố trí.

Giu-đa, I-sa-ca và Sa-bu-lôn, tất cả đều là hậu tự của Lê-a, đóng trại ở phía đông, với quân số tổng cộng là 186.400 người. Vì lối đi vào đền tạm nằm phía ấy, cho nên cần có một đội quân đông đảo nhất ở đó để bảo vệ nó là điều quan trọng. Ru-bên, Si-mê-ôn và Gát đóng trại ở phía nam của đền tạm với quân số là 151.450 người. Ép-ra-im và Ma-na-se, hậu duệ của Giô-sép, đóng trại ở phía tây đền tạm, cùng với Bên-gia-min, tổng cộng quân số là 108.100 người. Như vậy, tất cả các hậu duệ của Ra-chên đã cùng đóng trại với nhau. Phía bắc đền tạm có Đan, A-se và Nép-ta-li với số là 157.600 người.

Hễ khi nào trại quân dời đi, thì hòm giao ước được các thầy tế lễ khiêng đi trước. Kế đó là các chi phái Giu-đa, I-sa-ca, và Sa-bu-lôn đi kế tiếp, theo sau là người của họ hàng Ghệt-sôn và Mê-ra-ri lo vận chuyển những vật dụng đồ đạc thuộc về đền tạm (các khung trại, màn trướng và các tấm bạt). Tiếp theo là Ru-bên, Si-mê-ôn và Gát, có người của họ hàng Kê-hát lo vận chuyển các vật dụng thuộc về đền tạm theo sau. Ép-ra-im, Ma-na-se, và Bên-gia-min đi kế tiếp, còn Đan, A-se và Nép-ta-li phải đi hậu binh. Đội quân đông đảo nhất là 186.400 chiến sĩ đi trước dẫn đường và đội quân hùng hậu kế tiếp là 157.600 chiến sĩ đi hậu vệ.

Cả 12 chi phái phải hết sức cẩn thận không được đóng trại quá gần đền tạm, vì khu vực đó chỉ dành cho các thầy tế lễ và người Lê-vi (Dan 2:2). Nếu ai liều lĩnh dám đến gần nơi ấy ắt sẽ bị xử tử (1:51). Đồng thời, mỗi chi phái phải ở trong trại quân mình và mỗi họ hàng phải ở bên ngọn cờ mình (c.52 2:2). Trong Kinh Thánh không có chỗ nào nói cho chúng ta biết về màu sắc cờ xí của các chi phái này hoặc về những hình ảnh biểu tượng được vẽ trên chúng, do vậy, chúng ta đừng phí công vô ích để phỏng đoán chúng sẽ như thế nào. Truyền thống người Do Thái gợi ý rằng màu sắc đó giống như màu của 12 viên ngọc quý dát trên tấm bảng đeo ngực của thầy tế lễ thượng phẩm vậy (Xu 28:15-29), thế nhưng chúng ta không chắc có đúng như vậy không. Truyền thống Do Thái cũng cho biết có bốn hình biểu tượng của các chi phái như trong Exe 1:10 và xem (Kh 4:7) gồm có hình sư tử là biểu tượng cho chi phái Giu-đa, hình con bò biểu tượng cho Ru-bên và hình chim ưng biểu tượng cho chi phái Đan. Nhưng những điều này không được chỗ nào trong Kinh Thánh khẳng định cả.

Với khung cảnh ban ngày có trụ mây trôi lơ lửng phía trên đỉnh giữa của trại quân, và ban đêm thì trở thành trụ lửa rực cháy lên toả sáng, còn các doanh trại của 12 chi phái thì được bố trí tại những địa điểm khác nhau theo sự chỉ định, chắc hẳn trại quân Y-sơ-ra-ên lúc ấy trở nên một cảnh tượng hết sức hoành tráng đẹp đẽ. Khi tiên tri Ba-la-am nhìn thấy cảnh trí trại quân này từ trên những ngọn núi cao, ông đã thốt lên:

“Hỡi Gia-cốp! Trại ngươi tốt dường bao!

Hỡi Y-sơ-ra-ên! Nhà tạm ngươi đẹp biết mấy!

Nó trương ra như trũng núi,

Khác nào cánh vườn ở nơi mé sông,

Tợ cây trầm hương mà Đức Giê-hô-va đã trồng,

Tỉ như cây hương nam ở nơi mé nước” (Dan 24:5-6 NIV).

Trong chương trình của Đức Chúa Trời, Y-sơ-ra-ên và Hội Thánh là hai thành phần khác nhau (ICo 10:32), nhưng chúng ta không thể không xem trại quân Y-sơ-ra-ên là một sự minh họa cho hình ảnh của Hội Thánh Chúa trong thế gian này: là những người hành hương theo Chúa, có vinh quang Ngài ở giữa mọi sự và có Ngài hiện diện dẫn đường. Y-sơ-ra-ên là một dân tộc hiệp nhất trong Đức Chúa Trời và hiệp một với nhau. Tuy nhiên, họ lại được Đức Chúa Trời thừa nhận họ theo từng nhóm, từng chi phái độc lập, mỗi chi phái có cờ riêng với sắc thái và biểu tượng riêng, được bố trí ở vị trí đặc biệt riêng, và tất cả cùng hành quân ra đi theo mệnh lệnh của Chúa.

4. Phân công nhiệm vụ (Dan 2:1-34) (Dan 3:1-4:49)

Hai phân đoạn này hoàn toàn nói về người Lê-vi là những người phục sự Đức Chúa Trời qua công việc và nhiệm vụ của thầy tế lễ tại đền tạm. Môi-se ký thuật lại hai lần kiểm tra số người Lê-vi, một lần là gồm những người nam từ một tháng tuổi trở lên và lần nữa là gồm những người từ 20 tuổi trở lên, và đồng thời phân công chức phận cho họ. Người Lê-vi không được quyền thừa kế Đất Hứa nhưng họ được nuôi sống bằng những phần mười của các của lễ dâng mà dân sự đã đem dâng cho Chúa (18:20-24).

Các thầy tế lễ (Dan 3:1-4): Các thầy tế lễ là những hậu tự của A-rôn –thầy tế lễ thượng phẩm đầu tiên, họ gồm bốn người: Na-đáp, A-bi-hu, Ê-lê-a-sa và I-tha-ma (Xu 6:23). Na-đáp và A-bi-hu mang sự thờ phượng trái lẽ vào trong nơi thánh nên đã bị Đức Chúa Trời giết chết (Le 10:1-20) [4] Ê-lê-a-sa giữ chức tổng trưởng của người Lê-vi (Dan 3:32) và cuối cùng ông được thay cha mình làm thầy thầy tế lễ thượng phẩm (20:22-29). I-tha-ma được nhận các sinh tế về các của lễ bởi có công chỉ đạo, xây dựng đền tạm và quản lý, hướng dẫn họ hàng Ghệt-sôn với họ hàng Mê-ra-ri (4:28,33). Làm thầy tế lễ của Đức Chúa Trời thật là ý nghĩa bởi vì thầy tế lễ là những đầy tớ được Chúa xức dầu và đặc biệt là được dâng mình cho sự vinh hiển Ngài (Xu 28:1-29:46).

Đặc ân dành cho người Lê-vi (Dan 3:5-1): Đức Chúa Trời xem Y-sơ-ra-ên là con trai đầu lòng của Ngài (Xu 4:22). Ngài giữ lại các con đầu lòng của Y-sơ-ra-ên trong ngày Lễ Vượt Qua, còn các con trai đầu lòng của Ê-díp-tô thì Ngài giết hết (11:1-7 12:29-30). Vì lý do này, mà mọi giống đực đầu lòng của Y-sơ-ra-ên, dù là con người

hay súc vật, đều thuộc về Đức Giê-hô-va và phải được chuộc tội bằng một sinh tế nào đó (13:1-2,11-13 22:29-30 34:19-20 Lu 2:7,22-23).

Hết thầy quốc gia Y-sơ-ra-ên phải đều là “vương quốc chỉ toàn các thầy tế lễ” trước mặt Đức Chúa Trời (Xu 19:5-6), và Ngài đã lập ra chức thầy tế lễ đặc biệt để giúp dân sự Ngài tuân theo luật lệ Ngài và làm chứng cho sự nhân từ Ngài. Người Lê-vi được Chúa ban cho đặc ân đảm nhiệm chức phận thầy tế lễ, thay cho các con trai đầu lòng đã được chuộc tội của Y-sơ-ra-ên là những người thuộc về Đức Chúa Trời. Người Lê-vi đã làm điều này cho Chúa và các thầy tế lễ làm những công việc phục sự Chúa mà đáng lý ra các con trưởng nam của dân sự sẽ phải làm, do đó người Lê-vi đã thi hành chức vụ ở vị trí của họ.

Sự điều tra quân số người Lê-vi và giao nhiệm vụ cho họ (Dan 3:14-4:49): Người Lê-vi được điều tra dân số hai lần khác nhau. Lần thứ nhất, Môi-se thống kê tất cả những người nam từ một tháng tuổi trở lên để đảm bảo đủ số lượng người thay thế cho hết thầy con đầu lòng trong Y-sơ-ra-ên. Có 7.500 trưởng nam thuộc họ hàng Ghết-sôn (3:22), 8.600 trưởng nam thuộc họ hàng Kê-hát (c.28) và 6.200 thuộc họ hàng Mê-ra-ri (c.33-34), tổng cộng là 22.000 trưởng nam người Lê-vi. [5] Khi Môi-se kê sổ các con trưởng nam trong Y-sơ-ra-ên, ông đếm được 22.273 người (c.40-43), như vậy bị dư ra 273 người nam mà người Lê-vi không có đủ để thay thế đại diện họ trong nơi thánh. Số 273 người nam này đã phải được chuộc tội bằng cách mỗi người phải trả năm đồng bạc, và người ta đưa số tiền này cho A-rôn để ông dùng vào công tác phục vụ, coi sóc đền tạm.

Lần thống kê thứ hai là thống kê hết tất cả những người Lê-vi tuổi từ 30 đến 50 có khả năng làm việc phục vụ trong nơi thánh (4:1-3,21-23,29-30) và có tổng cộng 8.580 người (c.46-49). Theo 8:24, thì người Lê-vi bắt đầu công tác phục vụ Chúa từ tuổi 25, vì vậy hình như những người trẻ hơn đã phải trải qua giai đoạn huấn luyện tập sự 5 năm để chuẩn bị bước vào công việc mình. Họ phải học hỏi rất nhiều về các cửa lễ và công tác phục vụ đền tạm, vì khi thực thi công việc mà nếu họ vấp phải sai lầm nào đó thì rất là nguy hiểm. Về sau này, Đa-vít đã hạ độ tuổi cho người bắt đầu là từ 20 (ISu 23:24-25).

Họ hàng Ghết-sôn (Dan 3:21-26 4:21-28,38-41) được thống kê là 7.500 người trong đó có 2.630 người đủ khả năng phục vụ (4:40). Họ đóng trại ở cuối phía đông đền tạm dưới sự chỉ dẫn của Ê-li-a-sáp. Trách nhiệm của họ là vận chuyển những tấm bạt (tấm tăng), màn trướng với những bức rèm và dàn khung của đền tạm, cùng những đồ đạc vật dụng thuộc về đền tạm; để làm công việc này, họ được giao cho hai chiếc xe kéo và bốn con bò (7:7). I-tha-ma là thầy tế lễ lo giám sát chỉ đạo họ hành sự.

Họ hàng Kê-hát (3:27-32 4:1-20,34-37) được kê sổ là 8.600 người trong đó có 2.750 người đủ khả năng phục vụ (4:36). họ đóng trại ở phía nam đền tạm và Ê-li-phan là người lãnh đạo họ. Họ có nhiệm vụ vận chuyển đồ đạc thuộc về nơi thánh, và 4:1-20 đã giải thích rõ công việc này của họ. Khi nào trại quân sắp sửa dời đi, thì A-rôn và các con trai người sẽ đi vào nơi thánh lấy tấm màn xuống phủ lên trên hòm bằng chứng. Họ phủ như vậy để bảo vệ lớp ngoài của hòm và kế tiếp họ phủ thêm lên bên ngoài một tấm vải màu xanh. Sau đó họ xỏ hai cái đòn khiêng bằng gỗ qua những cái khoen móc trên hòm để cho bốn người đàn ông có thể khiên hòm đi trước đoàn dân đang hành quân.

Tương tự như hòm báng chúng được che phủ bảo vệ, các vật dụng đồ đạc cũng được che phủ bảo vệ theo cách như vậy. Trước hết, họ che phủ bàn để bánh trần thiết, kế tiếp là các chân đèn và bàn thờ xông hương bằng đồng, và cuối cùng là bàn thờ dùng về của lễ thiêu. Đủ loại các bình, chậu và nhiều đồ dùng của trại cũng được che phủ, bao bọc lại. Mỗi thứ vật dụng thánh thích hợp cho các nhân viên mang vác, khuân đi và người của họ hàng Kê-hát đã khiêng các đồ đạc vật dụng trên vai của họ. [6]

Mọi đồ đạc phải được che phủ lại là điều cần thiết và quan trọng vì sợ rằng sẽ có người Lê-vi nào đó tò mò nhìn vào thì tự mình người ấy sẽ phải lãnh nhận sự đoán phạt của Đức Chúa Trời (c.16-20). Ê-lê-a-sa con trai của A-rôn chịu trách nhiệm về công việc của họ hàng Kê-hát (3:32), và ông còn có nhiệm vụ vận chuyển dầu để dùng thắp đèn, hương liệu dùng cho việc xông hương trên bàn thờ bằng vàng, bột dùng cho của lễ chay hằng hiến và dầu xức thánh (4:16).

Người nhà dòng họ Ghệt-sôn và dòng họ Mê-ra-ri được giao cho mấy chiếc xe bò để chuyên chở những đồ đạc, vật dụng nặng, còn người nhà dòng họ Kê-hát thì không (7:1-9). Những vật dụng thánh của đền tạm phải được các đầy tớ thánh của Đức Chúa Trời khiêng trên vai. Khi Đa-vít đưa hòm giao ước vào Giê-ru-sa-lem, ông không tuân thủ luật định này, và điều đó đã dẫn đến cái chết của a-xa (II Sa 6:1-23). Người của họ hàng Kê-hát là những người phải làm công việc khuân vác nặng, nhưng những gánh nặng của họ là quý báu là rất quan trọng đối với dân sự, và công việc ấy của họ vốn do Đức Chúa Trời giao phó. Chắc chắn họ đã nhận biết được việc họ khiêng vác các vật dụng đồ đạc thánh thuộc về nơi thánh trên vai họ đi khắp trong đồng vắng là một đặc ân đối với họ.

Họ hàng Mê-ra-ri (Dan 3:33-37 4:29-33,42-45) được thống kê là 6.200 người trong đó có 3.200 người đủ tuổi phục vụ (c.44). Họ đóng trại ở phía bắc đền tạm dưới sự lãnh đạo của Xu-ri-ên. Họ có một công việc đặc biệt khó khăn bởi vì họ phải khiêng những tấm ván nặng nề của đền tạm, những cây xà ngang, cột trụ và những lỗ trụ bằng bạc dùng để luồn các cột trụ vào. Dĩ nhiên là Môi-se đã giao cho họ bốn cái cộ và tám con bò kéo xe để giúp họ thi hành công việc (7:8). I-tha-ma con trai của A-rôn chịu trách nhiệm giám sát công việc của họ.

Tất cả những thông tin cho biết về chức phận của người Lê-vi như vậy đã nhắc nhở chúng ta rằng Đức Chúa Trời của chúng ta luôn quan tâm đến từng chi tiết nhỏ và Ngài muốn dân sự mà Ngài đã chọn Ngài thực hiện các công việc Ngài theo cách Ngài hoạch định. Không có thứ gì trong trại quân của Y-sơ-ra-ên bị bỏ lại do vô tình hay hữu ý của con người cả. Mỗi người Lê-vi và mỗi thầy tế lễ đều biết rõ trách nhiệm của mình và mong ước “*hầu việc Chúa với lòng kính sợ*” (He 12:28). Coi sóc đền tạm là công việc nghiêm túc và quan trọng, là vấn đề liên quan đến sự sống chết chứ không phải chuyện đùa.

Những phân đoạn Kinh Thánh này cũng nhắc nhở chúng ta rằng mỗi người đều phải mang những gánh nặng nhưng cách thức không ai giống ai. Họ hàng Ghệt-sôn và họ hàng Mê-ra-ri có thể chất các gánh nặng của họ lên xe bò kéo đi, nhưng họ hàng con cháu Kê-đát lại phải mang lấy gánh nặng của họ trên đôi vai mình. Có một số gánh nặng mà chúng ta có thể chia sẻ (Ga 6:2), nhưng cũng có một số gánh nặng mà chỉ có chúng ta mới có thể mang nổi mà thôi (c.5). [7]

Cuối cùng, chúng ta phải lưu ý rằng Đức Chúa Trời của chúng ta chấp nhận sự tổ chức, nhưng sự tổ chức chỉ là những phương tiện đưa đến mục đích nào đó chứ bản

thân nó không phải là điều quan trọng. Một trong những đồng sự của tôi tại Hội Thánh Moody rất thích nói câu này: “Hãy nhớ rằng, Hội Thánh là một cơ thể sống chứ không phải là một tổ chức!”. Nhưng tôi nhắc anh ta rằng nếu như cơ thể sống đó không có tổ chức sắp xếp ắt thì nó sẽ chết! Đúng vậy, Hội Thánh là một cơ thể sống thuộc linh, nhưng nó cũng là một tổ chức. Nếu một đội quân không có tổ chức thì nó sẽ không thể chiến đấu đánh bại kẻ thù được; nếu một gia đình không có tổ chức trật tự, thì gia đình ấy ắt sẽ không kinh nghiệm được gì ngoại trừ sự hỗn loạn và rối rắm, lộn xộn.

Đức Chúa Trời đang chuẩn bị cho dân sự Ngài để chiến đấu với các dân kẻ thù và đánh bại chúng. Trại quân phải có thứ tự và công việc của đền tạm phải có tổ chức là điều rất quan trọng. Mặc khác, nếu sự thờ phượng không đẹp lòng Đức Chúa Trời thì cuộc chiến của dân sự ắt sẽ đi đến thất bại.

Chúng ta đang sống trong thời đại không giống như thời đại được mô tả trong sách Các Quan Xét, là khi mà *“mọi người cứ làm theo ý mình tưởng là phải”* (Cac 17:6 18:1 19:1 21:25). Nhưng lời của Đức Chúa Trời phán bảo dân sự Ngài thì hoàn toàn ngược lại: *“Hãy cẩn thận, làm mọi việc theo như kiểu mẫu đã chỉ cho người tại trên núi”* (He 8:5, NKJV Xu 25:40).

Khi công việc Chúa được thực hiện theo ý Ngài, trong sự vâng theo lẽ thật của Ngài, thì chắc chắn chúng ta sẽ không bao giờ thiếu ơn phước của Ngài.

Dan 3:1-51; xem giải nghĩa 2:1-34

Dan 4:1-49; xem giải nghĩa 2:1-34

2. SỰ BIỆT RIÊNG RA VÀ CÁC NGHI LỄ – PHẦN I (Dan 5:1-7:89)

Khi Mohandas K. Grandhi là một nhà lãnh đạo tôn giáo ở Ấn Độ, có một nhà truyền giáo hỏi ông rằng theo ông thì trở ngại lớn nhất cản trở các cuộc truyền giáo của đạo Cơ Đốc là gì, Grandhi đáp: “là những Cơ Đốc nhân”.

Cho dù chúng ta không thích câu trả lời này của ông ta, nhưng chúng ta bắt buộc phải đối mặt với thực tế rằng dân sự Đức Chúa Trời thường hay xen vào ngăn trở công việc Ngài. Không có chỗ nào minh họa rõ cho điều này hơn là ở trong sách Dân Số Ký chỗ chúng ta đọc thấy dân Y-sơ-ra-ên cứ tái phạm tội bất tuân đối với Đức Chúa Trời và Ngài đã phải chịu đựng việc đó mãi. Điều này giải thích lý do tại sao Đức Chúa Trời đã đề ra một số luật lệ thiết thực và đơn giản để hiểu áp dụng vào đời sống hàng ngày trong trại quân của Y-sơ-ra-ên. Y-sơ-ra-ên là tuyển dân của Đức Chúa Trời, được Ngài biệt riêng ra khỏi các dân tộc khác, và Đức Chúa Trời muốn họ phải sống khác với cách sống trước đây họ đã sống. Vậy Chúa muốn họ trở thành một dân tộc như thế nào?

1. Một dân tộc thánh sạch (Dan 5:1-31)

Vì có sự hiện diện đầy vinh quang của Đức Chúa Trời ngự trong trại quân của Y-sơ-ra-ên (5:3 Xu 29:45) cho nên trại quân phải được tinh khiết và thánh sạch trong cái nhìn của Chúa. *“Ta sẽ đi giữa các người, làm Đức Chúa Trời các người, và các người sẽ làm dân ta”* là lời phán hứa của Ngài (Le 26:12 NKJV), và lời hứa ân điển này đã đưa đến trách nhiệm nghiêm túc sau: *“vì ta là Thánh, nên các người phải nên Thánh”* (11:44-45) [8]

Khái niệm “sạch” và “không sạch” trở nên rất quan trọng trong đời sống hàng ngày ở Y-sơ-ra-ên. Tính sạch sẽ có liên quan nhiều hơn đến vấn đề vệ sinh cá nhân; nó liên

quan đến việc được Đức Chúa Trời chấp nhận về những gì người ta ăn, những thứ người ta mặc và cách thức biểu lộ tư cách đạo đức của bản thân mỗi người ra sao ở tại gia đình riêng và tại những nơi công cộng. Người Y-sơ-ra-ên đã sống với đức tin ngay từ nhỏ còn trong bụng mẹ, và Đức Chúa Trời thường dùng những hình ảnh quen thuộc để dạy dỗ họ về lẽ thật thuộc linh. Ngài ví sánh tội lỗi với những dịch bệnh, so sánh sự ô uế và sự thánh khiết với sức khoẻ và sự sạch sạch sẽ (Le 11:1-15:33). Những người không sạch sẽ bị đuổi ra khỏi trại quân cho đến khi họ phải thực hiện một số nghi lễ tẩy uế theo quy định.

Từ ngữ “bị ô uế” được dùng 9 lần trong Dân Số Ký đoạn 5, và có ba hình thức bị ô uế được mô tả như sau.

Bị ô uế thân thể (Dan 5:1-4): Nhiều học giả không đồng ý với những điều nói về bệnh phong cùi (bệnh phong) trong thời cổ đại như vậy, và có một số cách dịch hiện đại hơn đó là “bệnh lây nhiễm về da”. Nhưng cho dù gọi nó ở hình thức gì đi nữa thì bệnh phong cùi vẫn là một căn bệnh ghê sợ vì nó khiến cho người bệnh bị xem là ô uế, là không sạch thực sự. Những người bị bệnh này phải sống bên ngoài trại quân, và nếu có ai đó đến gần họ thì họ phải la lên rằng “Ô uế! Ô uế!” (Le 13:1-59). Nếu họ được chữa lành rồi, họ phải trải qua một tiến trình tẩy uế rất là nhiều khê trước khi họ được chấp nhận vào trại quân trở lại (14:1-57).

Nhóm bị ô uế thứ hai là những người có cơ thể tiết ra chất dịch (15:1-33). Sự tiết chất dịch đó có thể là do tự nhiên (c.16-18,25-30), hoặc do bất thường (c.1-15,19-24), nhưng dù ở trường hợp nào đi chăng nữa thì điều đó cũng đã làm cho người ta không được sạch sẽ. Một số sự tiết dịch như vậy có lẽ do nguyên nhân bởi các bệnh lây truyền đường sinh dục gây ra hoặc do bị các bệnh nhiễm trùng khiến người bệnh có nguy cơ lây nhiễm cho người khác, vì vậy cần phải tách họ riêng ra ngoài để bảo vệ sức khoẻ và sự lành mạnh cho cộng đồng trong trại quân.

Nhóm thứ ba bao gồm những người tiếp xúc với xác chết bất kể là xác người hay xác thú vật. Luật lệ quy định liên quan đến việc bị ô uế bởi xác chết được giải thích rõ ràng trong Dan 19:11-12 và trong Le 21:1-4. Xác súc vật chết đã bị thối rửa hoặc bị chương sinh lên sẽ có nguy cơ gây dịch bệnh lây lan, còn xác người chết thì bị xem là ô uế, không sạch. Những ai bắt tay vào công việc chôn cất, mai táng những người thân yêu của mình thì sẽ bị ô uế theo hình thức lễ nghi suốt một tuần lễ và họ phải trải qua nghi thức tẩy uế trước khi được nhận vào trại quân trở lại.

Mặc dù vấn đề sức khoẻ và vấn đề vệ sinh có liên quan đến những luật lệ này, nhưng mục đích cơ bản của chúng là nhằm dạy dỗ người Do Thái ý nghĩa của sự cách ly và sự thánh khiết. Y-sơ-ra-ên sẽ phải là một dân tộc thánh khiết, và nếu họ biết vâng theo Lời Đức Chúa Trời trong mọi lĩnh vực của cuộc sống họ thì chắc chắn họ sẽ trở thành được như vậy. Dân sự Chúa ngày nay cần khắc cốt ghi tâm câu này: *“Hỡi những kẻ rất yêu dấu của tôi, chúng ta đã có lời hứa dường ấy, thì hãy làm cho mình sạch khỏi mọi sự dơ bẩn phần xác thịt và phần thần linh, lại lấy sự kính sợ Đức Chúa Trời mà làm cho trọn việc nên thánh của chúng ta”* (II Co 7:1).

Khi Chúa Cứu Thế của chúng ta thi hành chức vụ trên đất, Ngài cố tình lờ đi luật định về sự không sạch và Ngài đã tiếp xúc với người phong (Lu 5:12-15), nhiều người có bệnh tật cũng đã chạm đến Ngài (8:43-48), và thậm chí Ngài còn đụng đến cả xác chết nữa (7:11-17 8:49-56). sự tiếp xúc của vị Bác Sĩ Đại Tài này đã đem đến sự chữa lành cho nhiều bệnh nhân nhưng điều đó vẫn không hề làm ô uế Con của Đức Chúa

Trời. Chính lúc Ngài chết trên thập tự giá thì Ngài đã mang lấy mọi sự ô uế của chúng ta cùng với “bệnh tật” gớm ghê của tội lỗi chúng ta (IPhi 2:24 Es 53:4-6).

Sự làm ô uế giữa cá nhân với nhau (Dan 5:5-10): Hễ ai phạm tội gây tổn hại cho người khác thì phải nhận tội và phải bồi thường cho người ta (Le 6:1-7 7:1-10). Chỉ thừa nhận tội mình đã làm không thôi thì chưa đủ, phải nói là “cho tôi xin lỗi” rồi sau đó còn phải bồi thường bằng một lễ vật dâng lên cho thầy tế lễ. Người có lỗi phải bồi hoàn cho phía người bị hại (hoặc người có liên quan hay là thầy tế lễ) một khoản tiền tương đương số tiền hay tài vật đã thất thoát cộng thêm 20 % giá trị nữa của khoản bồi thường ấy. Bằng cách này, Đức Giê-hô-va đã dạy cho dân sự Ngài biết tội lỗi đã gây cho người khác đau lòng thế nào và nó phải bị trả giá ra sao, rằng sự ăn năn thật đòi hỏi phải có sự bồi thường thiệt hại tử tế, đàng hoàng.

Nhưng còn có liên quan đến một tác nhân khác nữa. Y-sơ-ra-ên sắp sửa phải đối mặt với kẻ thù mình, nếu mọi người xung khắc với nhau vì không nhất trí về các bộ phận và phương pháp tấn công trong trận đánh thì họ sẽ không có sự đoàn kết hiệp một. Các chiến sĩ sẽ thờ ơ với nhau và không quan tâm gì đến Đức Chúa Trời là điều khiến họ đi đến thất bại. Sự đoàn kết hiệp một bắt đầu khi mỗi người ở trong sự ổn định trật tự đối với Chúa và với nhau.

Sự làm ô uế trong đời sống vợ chồng (Dan 5:11-31): Tính chung thủy trong hôn nhân là viên đá làm nền tảng cho mọi xã hội, vì khi gia đình đi lên vững vàng thì quốc gia cũng đi lên vững vàng. Trong Y-sơ-ra-ên, phạm tội gian dâm là tội không những làm ô uế người có liên quan mà còn làm ô uế cả đất nước của họ nữa, đó là tội mà Đức Chúa Trời rất ghê tởm (Le 18:20,24-29). Tội tà dâm là tội bị tử hình. Nếu sự phạm tội đó được chứng minh là có thực sự, thì cả hai kẻ nam nữ cùng phạm tội tà dâm ấy sẽ bị người ta ném đá cho đến chết (Phu 22:22-24).

Giả sử có một người chồng nghi ngờ vợ mình không chung thủy với mình nhưng anh ta không có chứng cứ chứng minh cho điều đó thì sao? Anh ta có thể làm gì? Nếu sự nghi ngờ của anh không đúng, thì những ý nghĩ ngờ vực đó trong anh sẽ cứ âm ỉ mãi khiến anh và vợ anh cùng gia đình anh ngày càng thêm bị dày vò, khổ sở, tức tối. Còn nếu sự ngờ vực của anh đúng, thì có phải chính tội lỗi vợ anh gây ra đã đưa đến sự nghi ngờ đó – hoặc thậm chí đem sự rối loạn – vào trong gia đình anh chứ còn gì nữa? Để giúp giải quyết vấn đề khó xử này, Đức Chúa Trời đã đưa ra sự kiểm tra sau đây.

Chúng ta hãy nhìn vào thủ tục đầu tiên và sau đó xem xét những vấn đề có liên quan đến sự kiểm tra này. [9]

Thứ nhất, người chồng đưa vợ mình đến gặp thầy tế lễ tại cửa đền tạm và mang theo sinh tế dùng làm của tế lễ đến đó (Dan 5:15-16). Sự kiểm tra này được thực hiện công khai cho nhiều người có thể chứng kiến và nghe. Thầy tế lễ sẽ trình người vợ kia ra trước mặt Đức Chúa Trời, bởi vì chỉ có Chúa là Quan Tòa duy nhất xét xử vụ này (c.15-16 Le 5:1-13). Cụm từ “trước mặt Đức Giê-hô-va” được tìm thấy bốn lần trong phân đoạn này (Dan 5:16,18,25,30), và danh Ngài được đề cập đến hai lần trong lời thề (c.21). Cửa lễ có thể là thứ tầm thường rẻ tiền nhất mà người nghèo cũng có khả năng chuẩn bị được, nó được trình lên mà không cần phải có dầu với trầm hương. Cả hai vợ chồng đứng trước mặt Đức Chúa Trời với dáng vẻ đáng thương nhất của người nghèo.

Thứ hai, thầy tế lễ sẽ lấy nước từ chậu nước dùng để rửa tội đổ vào một chậu đất rồi hốt bụi đất từ nền nhà đèn tạm bỏ vào đó khuấy lên (c.17). Có lẽ bụi đất đó là hình ảnh nhắc nhở về sự xuất thân từ địa vị thấp hèn của loài người (Sa 2:7) và kết cuộc cuối cùng của họ là sự chết mà thôi (Thi 22:15).

Thứ ba, thầy tế lễ sẽ làm cho tóc người vợ đó sổ tung ra, rồi để cho tóc ấy xoa dài xuống trông như thể cô ta đang có tang vậy (Dan 5:18). Thường thì tóc phụ nữ được coi là danh dự của họ và chúng phải được trùm kín lại, nhưng trong hành động này, người vợ ấy phải trình danh dự mình ra trước mặt Đức Giê-hô-va và không được giấu diếm gì với Ngài (ICo 11:15). Cùng lúc đó, thầy tế lễ sẽ đặt của tế lễ vào hai lòng bàn tay nàng.

Thứ tư, thầy tế lễ bắt nàng thề trước mặt Đức Giê-hô-va (Dan 5:19) và kế tiếp tuyên ra những lời rửa sả trói buộc lời thề đó (c.20-22). Nàng phải xác quyết sự xét xử công minh chính trực của Đức Chúa Trời bằng cách nói “A-men! A-men!”, có nghĩa “tin là sẽ xảy ra đúng như vậy”.

Thứ năm, thầy tế lễ viết những lời rửa sả vào một cuộn giấy rồi bỏ nó vào trong nước đắng vò qua vò lại cho nó phai sạch những chữ viết ấy đi (c.23).

Thứ sáu, người vợ kia phải uống nước đắng đó (c.24). Từ “đắng”, được dùng năm lần trong đoạn sách này (c.18-19,23-24), nhưng ở đây không phải nói đến vị đắng của nước mà là ngụ ý đến sự ảnh hưởng tác động của nước khi nó vào trong cơ thể người nữ ấy. Nếu cô ta phạm tội thực sự, thì Đức Chúa Trời sẽ khiến cho người phải chịu đau đớn đắng cay.

Thứ bảy, khi người nữ đó uống nước đắng rồi, thầy tế lễ liền lấy của lễ từ tay nàng trình ra trước mặt Chúa. Nếu cô ta quả thật có phạm tội, thì các kết quả của lời cô ta đã thề sẽ được chứng minh. Còn nếu cô ta đã mang thai, thì sẽ bị hư thai; hoặc cô ta sẽ bị vô sinh trong suốt phần đời còn lại của mình. Cô ta sẽ cứ phải cảm thấy đau đớn thể xác vì những hậu quả khủng khiếp do tội lỗi mình gây ra và phải sống với những hậu quả ấy suốt cho đến lúc lìa đời. Dĩ nhiên, đối với một người vợ Do Thái nếu bị tình trạng vô sinh thì đó là một thảm kịch, vì công việc quan trọng nhất của người vợ trong cuộc đời là sinh sản cho chồng mình những đứa con thừa tự để nối dõi tông đường cho chồng trong Y-sơ-ra-ên (Sa 30:1-2 Ru 4:14). [10]

Bây giờ chúng ta hãy xem xét một số vấn đề liên quan đến nghi lễ này. Không có kỹ thuật nào trong Kinh Thánh cho biết có người chồng hoặc người vợ đã bị rửa sả cụ thể nào từng bị áp dụng sự kiểm tra này. Có lẽ sự tồn tại của luật lệ này đã cho thấy có một rào cản ngăn chặn tội tà dâm và là lời cảnh cáo rằng hễ ai phạm tội đó sẽ bị phát hiện. Ở đây rõ ràng còn có một số “rào chắn” liên quan khiến người chồng sẽ do dự không thể vội chạy đến với thầy tế lễ và yêu cầu vợ mình phải đi đến đó để chịu sự kiểm tra.

Để bắt đầu sự kiểm tra này, vì đó là một việc phải thực hiện công khai, người ta thi hành tại cửa đèn tạm, và sau đó thì cả trại quân đều sẽ biết hết. Vậy có người chồng nào lại muốn phơi bày những vấn đề rắc rối lộn xộn trong quan hệ hôn nhân vợ chồng của mình ra trước bàn dân thiên hạ chứ? Đặc biệt là khi người chồng ấy không thể biết chắc kết quả của cuộc thử thách, kiểm tra vợ mình sẽ như thế nào? [11]

Hơn nữa, những điều được phơi bày ra đó rồi sẽ nói lên cái gì về người chồng cũng như người vợ kia. Nếu người chồng yêu thương vợ mình và hết sức đau lòng vì sự bội

bạc của cô ta như vậy, thì có sao người chồng ấy lại nỡ đem phơi bày cô ta ra giữa thiên hạ? Nhưng nếu người chồng không yêu thương vợ mình và chỉ muốn gây đau đớn cho cô ấy, thì anh ta có thể bị bối rối và chứng minh sai. Một người chồng khôn ngoan sẽ biết suy nghĩ thấu đáo và cân nhắc kỹ càng trước khi đưa vợ mình đi chịu xét xử theo cách này.

Còn người chồng cũng sẽ phải sống với các hậu quả mình gây ra. Nếu những sự nghi ngờ của anh ta được chứng minh là không đúng, thì anh ta phải chủ động xin lỗi vợ mình và phải làm công việc xây dựng lại mối quan hệ vợ chồng. (Nhưng tại sao anh ta lại không bị xử phạt như thế nào đó vì đã nghi ngờ và kết tội sai cho vợ mình?). Nếu cô ta bị phát hiện là có phạm tội, thì người chồng ấy cũng phải tiếp tục sống với cô ta, thế còn kẻ tình nhân của cô ta thì sao, cả việc cô ta phải chịu đựng những hậu quả về thể xác do sự rửa sả và tiếng xấu của cô ta nữa. Cô ta sẽ không bao giờ có thể sinh nở con cái cho người chồng ấy, thế nhưng người chồng lại vẫn phải chu cấp nuôi dưỡng nàng cùng các con cái nàng đã sinh ra cho anh ta trước khi nàng phạm tội.

Có nhiều câu hỏi gây bối rối liên quan đến tập tục lễ nghi này, nhưng ở đây chúng ta không nên đi chệch ra ngoài sứ điệp chính: Đức Chúa Trời muốn có sự thánh khiết trong hôn nhân, và những người chồng người vợ không thể thoát khỏi những hậu quả đau đớn cay đắng do thiếu sự chung thủy trong đời sống tình cảm vợ chồng với nhau. Đức Chúa Trời có thể tha cho người phạm tội tà dâm (Gi 8:1-11) và những người chồng người vợ cũng có thể cùng nhau làm lại từ đầu trong Chúa. Tuy nhiên, tội gian dâm ngoại tình thường gây đau khổ đắng cay cho mọi người và đôi khi người ta thấy thật khó sống nổi với những hậu quả của tội lỗi này cho dù đã được tha thứ.

2. Một dân tộc được biệt riêng ra (Dan 6:1-21)

Đừng nhầm lẫn giữa từ “Nazirite” (Na-xi-rê) với từ “Nazarene” (Na-xa-ren). Chúa Giê-xu được gọi là người Na-xa-ren bởi vì Ngài đến từ thành Na-xa-rét, một thành phố mà dân Giu-đa rất xem thường, kỳ thị (Gi 1:43-46) [12] Từ Na-xi-rê có nguồn gốc từ tiếng Hê-bơ-rơ nghĩa là “hãy biệt riêng mình ra, hãy tận hiến”. Chúa Giê-xu không phải là người Na-xi-rê vì Ngài đã đụng đến xác chết và có uống rượu nho là cả hai thứ đều bị cấm đối với người Na-xi-rê.

Sự biệt riêng được mô tả (Dan 6:1-8): Người Na-xi-rê là những người nam hoặc người nữ Do Thái tự nguyện dâng mình hoàn toàn cho Đức Giê-hô-va để làm trọn lời thề của người Na-xi-rê là biệt riêng hẳn mình ra cho Ngài. (Theo bản dịch KJV, những từ “hãy biệt riêng ra” và “sự biệt riêng ra” được dùng 16 lần trong phân đoạn Kinh Thánh này). Lời thề của người Na-xi-rê chứa đựng cả hai phương diện tích cực lẫn tiêu cực: về mặt tích cực, nó có nghĩa là được dành riêng ra để tận hiến cho Đức Chúa Trời; còn về phương diện tiêu cực nó có nghĩa là họ phải kiêng khem tất cả những gì mà Đức Chúa Trời không cho phép. Mỗi người Na-xi-rê có một mục đích khác nhau trong quyết định của mình, nhưng hết thảy họ đều mong muốn làm vinh hiển Đức Giê-hô-va và vâng theo Lời Ngài. Họ không tách mình ra khỏi xã hội nhưng thay vào đó họ làm những chứng cứ cho người khác nhận biết được tầm quan trọng của việc dâng mình hoàn toàn cho Chúa là thế nào. Họ phải giữ lời thề của mình trong suốt một thời gian có kỳ định đặc biệt (Cong 21:23-27) và vì mục đích đặc biệt nào đó.

Lời thề của người Na-xi-rê liên quan đến ba trách nhiệm sau. Thứ nhất, họ không được uống rượu, nước nho ép, giấm, và kể cả những thức uống có men gây kích thích, họ không được ăn trái nho tươi, nho khô, và thậm chí cũng không được ăn cả cái vỏ

trái nho và hạt nho! Thứ hai, họ phải để tóc dài là dấu hiệu cho biết họ đã dâng mình cho Đức Chúa Trời một cách đặc biệt. Còn người nữ Na-xi-rê thì đã để tóc dài sẵn, có lẽ họ xõa tóc ra và không chải chuốt gì hết mà cứ để mặc cho nó luộm thuộm một chút để làm một dấu hiệu cho sự biệt riêng của họ. Thứ ba, họ không bao giờ được đụng đến xác chết, cho dù đó là những người thân yêu hay bà con của mình.

Sự biệt riêng đã bị làm ô uế (Dan 6:9-12): Không ai ngoài Đức Chúa Trời mới có khả năng tế trị kiểm soát những hoàn cảnh cuộc sống chúng ta, và người Na-xi-rê có thể tình cờ bị làm ô uế. Nếu điều đó xảy ra, người ấy phải đợi một tuần lễ và đến ngày thứ bảy thì anh ta phải cạo đầu. Vì khoảng thời gian biệt riêng ra đã bị chấm dứt bất ngờ, và tóc là dấu hiệu của sự biệt riêng ra đó, cho nên tóc bị ô uế phải được cạo bỏ đi. Tuy nhiên, tóc đã được cạo bỏ ấy không có ý nghĩa gì trong thành phần của lễ đối với người Na-xi-rê nào đã hoàn thành lời thề nguyện của mình (c.18).

Vào ngày thứ tám, người Na-xi-rê vừa được nói đến ở trên đi gặp thầy tế lễ tại bàn thờ bằng đồng và dâng lên những sinh tế về các cửa lễ theo luật định: sinh tế là một con chim dùng cho cửa lễ chuộc tội, sinh tế là hai con chim thì dùng cho cửa lễ thiêu, và một con chiên làm con sinh dùng cho cửa lễ về sự mắc lỗi. Sau khi điều này được thực hiện sẽ cho phép người đó tái biệt riêng mình ta cho Đức Giê-hô-va và lại có sự bắt đầu mới. Đó chính là cơ hội thứ hai để họ làm trọn sự thề nguyện của họ đối với Đức Chúa Trời. Cơ Đốc nhân ngày nay cần phải nhận ra rằng không có sự thất bại nào là vĩnh viễn cả. Một Mục sư Giáo hội Trưởng Lão là Alexander Whyte (1837-1921) có nói: “Đời sống Cơ Đốc nhân chiến thắng là chuỗi những sự bắt đầu mới”.

Sự biệt riêng được hoàn thành (Dan 6:13-21): Người Na-xi-rê đã thực hiện thành công khoảng thời gian họ biệt mình riêng ra đến lúc họ đem các cửa lễ đến với thầy tế lễ và dâng chúng cho Đức Giê-hô-va. [13] Trước hết, thầy tế lễ dâng tế lễ gồm một chiên con cái giáp năm dùng cho lễ chuộc tội, bởi vì khoảng thời gian biệt riêng mình ra của người Na-xi-rê đã không làm cho họ trở nên vô tội. Sau đó, thầy tế lễ dâng con sinh là một chiên con đực giáp năm dùng về cửa lễ thiêu, tượng trưng sự biệt riêng hoàn toàn cho Đức Giê-hô-va. Thầy tế lễ dâng tiếp một chiên đực cùng với giỏ bánh không men làm cửa lễ thù ân (lễ thông công), cặp theo cửa lễ chay và cửa lễ quán. Bánh không men và cửa lễ thù ân về sau này trở thành một phần trong bữa ăn thông công tại đền tạm là bữa ăn để người đi thờ phượng Chúa có cơ hội chia sẻ với nhau. Theo luật Lê-vi, thầy tế lễ nhận được phần chia cho mình từ các cửa lễ dâng, vì đây là cách để Hội Thánh Chúa chu cấp nuôi sống cho họ.

Một trong những phần quan trọng nhất của nghi lễ là việc cạo đầu của người Na-xi-rê và bỏ tóc được cạo đó trên bàn thờ nằm bên dưới cửa lễ thù ân. Đây là lễ vật đặc biệt dâng lên cho Đức Giê-hô-va bởi vì tóc dài tượng trưng cho lời thề của người Na-xi-rê như thế là do Chúa quy định và giờ thì nó đã được hoàn nguyện xong xuôi. Vì họ đã làm theo đúng những sự chỉ dạy, cho nên giờ đây họ được phép uống rượu. [14]

Không ai có thể được cứu nhờ đã lập lời thề gì đó và giữ lời thề ấy. Sự cứu rỗi là đặc ân của Đức Chúa Trời ban cho kẻ tin cách nhưng không, chứ không phải là phần thưởng chỉ dành cho những ai xứng đáng. Tuy nhiên, có một số người được Chúa hướng dẫn đã lập lời thề với Chúa, thì họ sẽ không nhận gì từ Chúa mà chỉ dâng điều gì đó cho Ngài, và hể những sự thề nguyện của họ không mâu thuẫn với Kinh Thánh thì Đức Chúa Trời sẽ ban phước cho họ (Thi 22:25 50:14 61:5,8 76:11 116:14). Thường thì người ta thề nguyện với Chúa chỉ khi nào họ nhờ Ngài giải cứu họ ra khỏi

gian truân, nguy hiểm (66:14 Gion 2:9), và rồi có không ít người vội quên đi những lời hứa nguyện của họ khi họ đã được Chúa giải cứu xong nên lại cảm thấy dễ chịu thoải mái. Nhưng thật nguy hiểm cho những ai đã hứa nguyện với Chúa điều gì đó mà không giữ lời (Tr 5:1-7).

3. Một dân tộc được chúc phước (Dan 6:22-27)

Các thầy tế lễ được ban cho đặc quyền phục vụ tại bàn thờ và thi hành chức vụ tại trong nơi thánh, bên cạnh đó họ còn được phép nhân danh Đức Chúa Trời chúc phước cho dân sự Ngài. Ngày nay chúng ta vẫn đang dùng cách chúc phước này, vì chúng ta được phép dùng cách đó cũng như Y-sơ-ra-ên ngày xưa vậy. Hội Thánh được chúc phước với “*đủ mọi thứ phước thiêng liêng*” trong Chúa Giê-xu Christ (Eph 1:3) và chúng ta có thể nhận lãnh sự chúc phước này qua Ngài.

Nếu nói đến một dân tộc nào đó đã từng được chúc phước thì ấy chính là dân tộc Y-sơ-ra-ên. Đức Chúa Trời kêu gọi họ trong ân điển Ngài, giải cứu họ khỏi ách nô lệ, ban cho họ Lời thánh của Ngài, ban cho họ Đất Hứa, ngự ở giữa vòng họ trong nơi thánh; và Ngài còn ban cho họ nhiều ơn phước mà các dân tộc khác không hề có được. Dĩ nhiên, phước hạnh lớn lao nhất trong số tất cả các phước hạnh là qua dân tộc Y-sơ-ra-ên Ngài đã sai Con Ngài đến thế gian, vì “*sự cứu rỗi bởi người Giu-đa mà đến*” (Gi 4:22 Ro 9:1-5).

Việc nhân danh Ba Ngôi Đức Chúa Trời gợi ý rằng Đức Chúa Trời của chúng ta là Đấng có Ba Ngôi hiệp một: là Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Chúa Thánh Linh. Đức Chúa Cha là Đức Giê-hô-va (Thi 110:1), cũng là Đức Chúa Con (Ro 10:9), và là Đức Thánh Linh (IICo 3:17). Bạn sẽ gặp Đức Chúa Trời Ba Ngôi này trong Mat 3:16-17 28:19-20 Gi 3:34-35 IICo 13:14, và còn ở nhiều chỗ khác nữa trong Kinh Thánh. Eph 1:3-14 thực sự là một bản Thánh Ca ca ngợi Đức Chúa Trời Ba Ngôi là Đức Chúa Cha (c.3-6), Đức Chúa Con (c.7-12) và Đức Chúa Thánh Linh (c.13-14).

Những đại từ trong sự ban phước này ở dạng số ít, có nghĩa là các ơn phước của Đức Chúa Trời thường đến với chúng ta một cách cá nhân; nhưng có một đại từ số nhiều trong Dan 6:27, “*thì ta đây sẽ ban phước cho dân đó*” Đức Chúa Trời ban phước cho dân tộc Y-sơ-ra-ên bằng cách Ngài ban phước cho từng cá nhân, và qua đó bằng cách ban phước cho cả dân tộc, Ngài sẽ ban phước cho toàn thế giới. Đức Chúa Trời có hứa với Áp-ra-ham rằng “*Ta sẽ làm cho ngươi nên một dân lớn, ta sẽ ban phước cho ngươi, cùng làm nổi danh ngươi, và ngươi sẽ thành một nguồn phước*” (Sa 12:2, NIV). Chúng ta hãy ban phước cho thế giới này bằng cách chia sẻ lẽ thật của Đức Chúa Trời cho họ, thường thì hãy bắt đầu với một người nào đó vào dịp nào đó.

Chúng ta cần đến những phước hạnh mà Đức Chúa Trời đã liệt kê ra ở đây: được Chúa đoái xem, phù hộ, chăm sóc; được Ngài chiếu sáng mặt Ngài trên chúng ta và làm ơn cho chúng ta cách dư dật luôn; được Ngài chú ý đến và đáp lời khi chúng ta kêu cầu; và kết quả của mọi phước hạnh trên, chúng ta sẽ được hưởng sự bình an của Chúa trong lòng chúng ta. Sự bình an (*Shalom*) là một trong những từ rất hay trong từ vựng tiếng Hê-bơ-rơ, nó còn có nghĩa mở rộng hơn đó là nói về việc không có sự xuất hiện bão tố và những rắc rối, gian nan phiền toái xung quanh chúng ta. Nó nói về sự yên tĩnh trong tâm hồn chúng ta, về sức khoẻ thuộc linh và sự trưởng thành thuộc linh, là sự đáp ứng đầy đủ cho những nhu cầu đòi hỏi trong cuộc sống, và đó là sự biểu hiện của tinh thần khoẻ mạnh vượt lên trên mọi hoàn cảnh sống. George Morrison định nghĩa “sự bình an” là “trạng thái chiếm hữu những nguồn vui đầy đủ

sung mãn”, đây cũng chính là ý mà Phao-lô đã nghĩ đến khi ông viết trong Phi 4:6-20.

4. Một dân tộc rộng lượng, hào phóng (Dan 7:1-89)

Vào ngày đầu tiên của tháng thứ nhất trong năm thứ hai, sau khi Y-sơ-ra-ên được giải phóng khỏi Ai Cập, thì đền tạm chứng có được dựng lên và được tổ chức lễ khách thành dâng cho Đức Giê-hô-va (Xu 40:1-38). Trong ngày đó, 12 chi phái của Y-sơ-ra-ên bắt đầu mang những lễ vật đặc biệt đến dâng cho Chúa để các thầy tế lễ và người Lê-vi có mà dùng trong sự phục vụ coi sóc đền tạm. Dân sự dâng hiến rất rộng rãi, hào phóng để có kinh phí xây dựng đền tạm (25:1-8 35:4-36:7), và giờ đây họ lại đang đóng góp công sức vào để duy trì đền tạm cũng như để đảm bảo được vai trò hoạt động của nó.

Khi chúng ta đọc lướt qua phân đoạn Kinh Thánh Xu 25:1-40 dài dằng dặc này (là phân đoạn Kinh Thánh dài nhất trong các sách Ngũ Kinh), có thể chúng ta sẽ có ấn tượng rằng nội dung của nó không chứa đựng gì ngoài trừ sự nhắc đi nhắc lại, trong 12 ngày liên tiếp, tộc trưởng của từng chi phái đem các lễ vật giống hệt nhau đến dâng. Nhưng chúng ta không nên đi xa vấn đề Đức Chúa Trời đặc biệt lưu ý đến từng lễ vật, từng vị tộc trưởng, từng chi phái trong từng ngày liên tục. Thực tế, mỗi tộc trưởng được đề cập đến hai lần, vào lúc vừa bắt đầu bài ký thuật và vào lúc kết thúc. Chúng ta đã gặp các vị tộc trưởng này trong Dan 1:5-16 2:3-32. Sự sắp xếp thứ tự giữa vòng các vị ấy cũng giống như thứ tự đã được sắp đặt cho Y-sơ-ra-ên vào bất kỳ khi nào họ ra đi đến đóng trại ở một nơi mới nào đó.

Chúng ta không thể tính toán được giá cả và giá trị của các lễ vật này là bao nhiêu theo vật giá thời nay, nhưng có một điều rõ ràng rằng đây là sự dâng hiến rất rộng rãi hào phóng và rất có giá trị. Chắc chắn 12 vị tộc trưởng nọ đã cùng nhau họp lại bàn bạc quyết định sẽ dâng thứ gì, sau đó họ tạo điều kiện cho từng chi phái của mình đóng góp, dâng hiến. Những lễ vật dân sự đem dâng vừa có giá trị lớn vừa hữu ích, điều này cho thấy họ có tấm lòng rộng rãi và họ rất thực tế. Những cái đĩa, bát, chậu bằng bạc và những chén bằng vàng (theo bản dịch KJV là muông), rất cần cho công việc của các thầy tế lễ trong đền tạm, và còn dùng để đựng bột với các hương liệu. Dĩ nhiên, 21 con vật dùng để làm con sinh cho các của lễ mà mỗi vị tộc trưởng của từng chi phái đã đem đến dâng sẽ đại diện tượng trưng cho một số tiền lớn đáng kể, tổng cộng có đến 252 con súc vật!

Sự việc Đức Chúa Trời lưu tâm đến và ghi nhận lại từng tên người dâng với từng tên lễ vật cho thấy Ngài luôn dành tình yêu thương và sự quan tâm đến mỗi cá nhân con cái Ngài. Ngài biết hết tên của tất cả chúng ta (Gi 10:3) và Ngài đã ghi hết chúng theo từng tên một vào bản danh sách trên Thiên Đàng của Ngài (Lu 10:20 Phi 4:3). Khi chúng ta đứng trước mặt Ngài, Ngài sẽ nhìn thấy chúng ta theo từng cá nhân một, *“ai nấy sẽ bởi Đức Chúa Trời mà lãnh sự khen ngợi mình đáng lãnh”* (ICo 4:5) và *“ai nấy sẽ nhận phần thưởng tùy theo việc mình đã làm”* (3:8). Như vậy, không ai sẽ bị Chúa bỏ sót và không người nào sẽ bị lạc mất trong đám đông.

Đa-vít có giữ danh sách tên “những người hùng” của mình (IISa 23:8-39), và Phao-lô đã gửi những lời chào thăm và ngưỡng mộ đến các bạn bè của ông tại Rô-ma (Ro 16:1-27), ông kể tên 26 người một cách đặc biệt và đề cập đến hai người với cách thức rất giản dị mộc mạc. Đa-vít là một chiến binh vĩ đại, thế nhưng ông ắt sẽ phải ở vị trí nào nếu không có những người hùng của ông bên cạnh? Phao-lô là một sứ đồ

lùng danh và cũng là nhà truyền giáo tài ba xuất chúng, nhưng ông cũng phải cần có những trợ thủ đắc lực để giúp ông làm tốt công việc nhà Chúa.

Tương tự dân sự thời cổ đại của Ngài, Đức Chúa Trời mong muốn dân sự ngày nay của Ngài cũng phải được thánh sạch, được biệt riêng ra, “*và giữ lấy mình cho khỏi sự ô uế của thế gian*” (Gia 1:27). Campbell Morgan nói rằng khi Hội Thánh còn rất nhỏ bé so với gian, thì ấy là lúc Hội Thánh đã làm nhiều điều nhất cho thế gian. Chúng ta là những người được Đức Chúa Trời ban phước, và với những ơn phước này chúng ta phải có bổn phận, nghĩa vụ trở thành nguồn phước cho nhiều người khác nữa. Đức Chúa Trời muốn chúng ta hãy trở nên những người có tấm lòng rộng rãi, hào phóng, hỗ trợ cho Hội Thánh địa phương và giúp cho công việc Chúa trên khắp thế giới theo sự hướng dẫn của Ngài.

Đức Chúa Trời có thể kỳ vọng, trông mong gì ở chúng ta không?

3. SỰ BIỆT RIÊNG RA VÀ CÁC NGHI LỄ – PHẦN II (Dan 8:1-26 9:15-10:10)

Chúng ta vẫn còn đang xem xét những sự kiện xảy ra trong trại quân của Y-sơ-ra-ên tại Núi Si-na-i vào ngày đền tạm được dựng lên và được khánh thành dâng cho Đức Giê-hô-va (7:1 Xu 40:2,17). Đó là ngày đầu tiên của tháng thứ nhất trong năm thứ hai sau khi Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ê-díp-tô.

Mọi sự trong trại quân Y-sơ-ra-ên đã được thực hiện đầu vào đó theo mệnh lệnh của Đức Chúa Trời. Trong nơi thánh của đền tạm, phía trước bức màn, Môi-se thưa

chuyện với Đức Chúa Trời và Ngài đã phán bảo ông từ nắp thi ân (Dan 7:89). Sau đó, Môi-se sẽ truyền lại những chỉ thị, mệnh lệnh của Ngài cho dân Y-sơ-ra-ên, “*Đức Giê-hô-va đối diện phán cùng Môi-se, như một người nói chuyện cùng bạn hữu mình*” (Xu 33:11, NKJV).

Có hai điều liên quan đến ở đây: sự mặc khải thánh của Đức Chúa Trời và chức vụ lãnh đạo thánh do Ngài chỉ định. Hết thấy dân tộc Y-sơ-ra-ên phải là một dân giữ chức tế lễ thánh cho Đức Chúa Trời (19:6 IPhi 2:5,9) [15] và Ngài đã ban cho dân Ngài những vị lãnh đạo thuộc linh (Eph 4:11-16), những vị lãnh đạo này sẽ được người ta tôn trọng và vâng lời (Dan 12:6-8 He 13:7-9,17). Trong Hội Thánh ngày nay, Đức Chúa Trời không phán bảo rành rành với dân sự Ngài như Ngài đã phán bảo Môi-se; nhưng khi dân sự Ngài cùng hiệp lại với nhau thờ lạy Ngài, cầu nguyện, và học Lời Ngài, thì Ngài sẽ bày tỏ cho biết ý muốn Ngài, “*hãy xem xét mọi việc, điều chi lành thì giữ lấy*” (ITe 5:21). Đức Chúa Trời phán bảo Môi-se ba vấn đề quan trọng: trông coi việc đền đóm (Dan 8:1-4), biệt riêng người Lê-vi ra thánh (c.5-26), và tuân theo hướng dẫn của Ngài khi dân sự tiến về xứ Ca-na-an (9:15-10:10).

1. Sự trông coi việc đền đóm (Dan 8:1-4)

Đền tạm được phân chia thành hai nơi: nơi chí thánh có vinh quang Đức Chúa Trời ngự trên nắp thi ân đặt trên hòm báng chứng, và nơi thánh được ngăn ra riêng biệt cách nơi chí thánh bởi bức màn. Có ba thứ đồ dùng trong nơi thánh, đó là bàn dùng để 12 ổ bánh, bàn xông hương bằng vàng nằm phía trước bức màn, và chân đèn vàng dùng để thắp sáng bảy ngọn đèn. [16]

Khi đền tạm được khánh thành dâng cho Đức Giê-hô-va, vinh quang Ngài đã chuyển đến ngự vào trong (Xu 40:34-35) và lửa của Ngài đã loè ra thiêu hóa các của

lễ dâng trên bàn thờ (Le 9:23-24). Nhưng Đức Chúa Trời đã không thắp lên bảy ngọn đèn để trên chân đèn bằng vàng trong nơi thánh. Công việc này thuộc về nghĩa vụ và bổn phận của A-rôn, thầy tế lễ thượng phẩm, vì ông ta và các con trai ông cùng những hậu tự của họ sẽ phải có trách nhiệm theo quy định là trông nom các chân đèn, xếp các tim (bấc) đèn cho ngay ngay ngăn thứ tự, châm dầu thánh vào bình dầu, và đảm bảo lúc nào chúng cũng luôn cháy sáng (Xu 25:31-40 27:20-21 37:17-24 Le 24:1-3).

Vì trong nơi thánh không có cửa sổ nào cả, cho nên chỗ phát ra ánh sáng duy nhất chính là chân đèn làm bằng vàng đặt ở phía bên trái của bàn thờ xông hương trước bức màn. Chúng ta không được cho biết kích thước của chân đèn, nhưng chúng ta có sự mô tả về nó. Nó được làm bằng từng miếng vàng ròng dát mỏng, nặng khoảng 75 pound, có sáu nhánh đèn chĩa ra từ thân chân đèn và có một ống thông ở chính giữa. Các nhánh này được trang trí thành “những bầu và hoa” rất đẹp (Xu 25:33 NIV). Ở phần chân của mỗi nhánh đèn giáp với ống thông nằm chính giữa có một ngọn đèn được thắp sáng bởi dầu ô-liu của dân Y-sơ-ra-ên (27:20-21). [17]

Chắc chắn A-rôn chính là người đã lấy lửa từ bàn thờ châm vào bảy ngọn đèn để thắp sáng chúng lên. Kể từ đó trở đi, ông cùng với các con trai mình có bổn phận cắt tỉa những tim đèn lên và cứ vào mỗi buổi sáng rồi buổi tối họ phải lo đổ dầu vào đèn cho đầy khi họ đến xông hương trên bàn thờ (30:7-8). Nếu không có ánh sáng của các ngọn đèn này, thì Ê-đôm rằng các thầy tế lễ sẽ không thấy đường để làm công việc mình trong nơi thánh. Những lời chỉ dẫn ở đây đã đưa ra thêm một nét mô tả mới rất nổi bật: A-rôn đã xoay các ngọn đèn “*hướng ra phía trước trên phía trước chân đèn*” (Dan 8:3 NIV) để ánh sáng sẽ chiếu ra soi trên bàn để bánh trần thiết và soi sáng khắp trong nơi thánh.

Chân đèn này biểu thị cho điều gì vậy? vì đèn tạm, các vật dụng trang thiết bị cùng công việc và sự phục vụ của nó ngụ ý nói về thân vị và công tác của Chúa Giê-xu Christ (He 9:1-28), cho nên chân đèn chắc chắn là hình ảnh tượng trưng cho Chúa Giê-xu Christ – Sự Sáng của trần gian (Gi 8:12). “Đức Chúa Trời là sự sáng” (IGi 1:5), và chỉ có cách nhờ sự mặc khải của Ngài thì chúng ta mới có thể thấy và hiểu được lẽ thật thuộc linh.

Chân đèn ở đây là sự nhắc nhở các thầy tế lễ rằng Y-sơ-ra-ên đã được kêu gọi hãy làm ánh sáng chiếu soi ra thế giới người ngoại (Es 42:6 49:6). Trừ phi dân Y-sơ-ra-ên phải vâng lời Đức Chúa Trời và thờ lạy Ngài như Ngài đã phán dạy, nếu không, ánh sáng chúng có của họ ắt sẽ bị lu mờ và cuối cùng sẽ bị tắt lịm. Và đúng là đã xảy ra như vậy, một phần của trách nhiệm này thuộc về các thầy tế lễ (Ca 4:13). Chỉ có duy nhất Đức Chúa Trời mới có thể nhìn thấy các thầy tế lễ khi họ thi hành chức phận mình trong nơi thánh, đó là điều khích lệ họ vâng lời và kính sợ Chúa.

Nhưng trước khi chúng ta đi qua sự phán xét Y-sơ-ra-ên, chúng ta cần biết sự sáng chúng có của các Hội Thánh ngày nay đã và đang toả sáng ảnh hưởng sâu rộng đến cỡ nào? “*Phàm làm việc gì chớ nên làm bằng và lương lự, hầu cho anh em ở giữa dòng dõi hung ác ngang nghịch, được nên con cái của Đức Chúa Trời, không vít, không tì, không chỗ trách được, lại giữa dòng dõi đó, giữ lấy đạo sự sống, chiếu sáng như đuốc trong thế gian*” (Phi 2:14-16 NKJV Mat 5:14-16). Chân đèn chung đại diện tượng trưng cho Y-sơ-ra-ên, còn các Hội Thánh địa phương thì được mô tả như những chân đèn nhánh và có Chúa Giê-xu ở giữa họ, Ngài cai trị, kiểm soát họ và ban cho họ những lời cảnh cáo cùng những lời khuyên răn dạy bảo (Kh 1:12-20). Nếu ánh

sáng của Hội Thánh không chiếu ra theo như lẽ tự nhiên của nó, thì Đức Chúa Trời sẽ cất đi chân đèn ở đó (2:5). Đối với Ngài thì ở thành phố nào đó thì không có Hội Thánh nào cả còn hơn là có nhưng Hội Thánh ấy lại không yêu kính Ngài cho nên họ sẽ có thể đưa ra những lời chứng dối biết đâu được.

Dầu dùng cho việc thắp đèn tượng trưng cho Thánh Linh của Đức Chúa Trời là Đấng duy nhất có quyền ban cho chúng ta quyền năng để chúng ta làm chứng cho Chúa Giê-xu Christ thật kết quả (Xa 4:1-4 Cong 1:8). Một Hội Thánh nếu được đầy đầy Đức Thánh Linh thì Hội Thánh đó có thể đối mặt với mọi trở lực và tiếp tục can đảm làm chứng cho Chúa Giê-xu Christ (4:23-33).

2. Sự biệt riêng người Lê-vi ra thánh (Dan 8:5-16)

Nếu A-rôn và các con trai ông là những “tăng lữ chính thức” trong trại quân, phục vụ tại bàn thờ trong đền tạm, thì người Lê-vi chính là “những người thế tục được biệt riêng ra”, được ban cho đặc quyền làm thầy tế lễ trong chức vụ của mình. Họ được chọn ra từ “giữa vòng con cái Y-sơ-ra-ên” (c.6,14,16,19) làm sự thay thế cho các con trưởng nam là những người thuộc về Đức Giê-hô-va (8:16-18 3:40-51 Xu 13:1-22). Người Lê-vi thuộc về Đức Chúa Trời (Dan 8:14) và Ngài đã ban cho họ quyền làm thầy tế lễ như đó là một đặc ân đặc biệt của Ngài dành cho họ (c.19). Người Lê-vi có trách nhiệm coi sóc đền tạm, dỡ trại xuống mỗi khi dân sự hành quân, khiêng vác chuyên chở trại đi trong suốt cuộc hành quân, và sau đó lại dựng trại lên trở lại tại nơi đóng trại mới.

vì họ có bốn phận hầu việc Đức Chúa Trời tại đền tạm, cho nên người Lê-vi phải được biệt riêng ra cho Ngài. Thứ nhất, họ được thanh tẩy bởi nước (c.5-7), nhưng không giống các thầy tế lễ khác, họ chỉ được rưới nước lên sơ trên người mà thôi chứ không phải được tắm ướt hết cả người (Xu 29:4). Có khả năng Môise và A-rôn đã rưới nước lên người cho 22.000 người Lê-vi (Dan 3:39) dưới hình thức tập thể chứ không phải theo từng nhóm. Đồng thời, cùng với sự thanh tẩy này, người Lê-vi còn phải cạo hết lông tóc trên cơ thể mình (Le 14:8-9) và phải giặt giũ sạch áo xống mình. (Khi được thánh hóa dâng mình cho Đức Chúa Trời, các thầy tế lễ được ban cho những quần áo đặc biệt để mặc và không đòi hỏi phải cạo lông tóc như vậy xem Xu 25:5-9) [18]

Người Lê-vi được trình dâng trước mặt Đức Chúa Trời như “những của lễ sống” (Dan 8:8-14 Ro 12:1). Những vị tộc trưởng của các chi phái đại diện cho cả quốc gia, đặt tay họ trên người Lê-vi như một hành động của sự biệt riêng và nói thế này: “ Các ông là những người thay mặt cho tất cả chúng tôi, hãy hầu việc Đức Giê-hô-va vì có chúng tôi”. Lần lượt, người Lê-vi đặt tay họ trên hai con bò đực con, một con là con sinh dùng cho của lễ chuộc tội và con còn lại dùng cho của lễ thiêu. Đúng là nước không thôi thì không thể làm tinh sạch tội lỗi người ta được, do vậy cũng cần đến huyết để thanh tẩy. Của lễ thiêu nói về sự tận hiến hoàn toàn cho Đức Giê-hô-va.

Kể từ khi những hành động được mô tả này thực hiện xong, người Lê-vi được phép bắt đầu phục vụ, hầu việc Chúa và được giao nhiệm vụ làm thầy tế lễ trong với công tác khác nhau tại đền tạm (Dan 8:15-26). 4:3 tuyên bố rằng công việc của họ được bắt đầu khi họ 30 tuổi, nhưng 8:24 thì nói là khi họ 25 tuổi. Có khả năng người Lê-vi phải học việc trong 5 năm trước khi bước vào thi hành mọi công việc của chức vụ mình tại đền tạm, bởi vì chắc chắn có nhiều việc quan trọng mà họ cần phải học hỏi trước. Khi

người Lê-vi tròn 50 tuổi, họ được miễn không phải làm những công việc vất vả căng thẳng của bốn phận nữa, nhưng họ vẫn được phép làm thầy tế lễ nếu cần thiết. [19]

Có một số nguyên tắc thực tiễn liên quan đến sự hầu việc Chúa của Cơ Đốc nhân nổi lên từ sự dâng mình của người Lê-vi. Trước hết, chính Đức Chúa Trời đã chọn, trang bị và thánh hóa dân sự Ngài, sửa soạn họ sẵn sàng cho những công việc thuộc linh, và chúng ta phải chấp nhận ý chỉ, đường lối Ngài. Các thầy tế lễ chịu trách nhiệm về những công việc của đền tạm còn người Lê-vi làm trợ lý, cộng sự giúp đỡ họ. Mọi thầy tế lễ đều xuất thân từ dòng dõi A-rôn, không có người Lê-vi nào được phép đứng vào vị trí của một thầy tế lễ. Người Lê-vi không được phục vụ tại bàn thờ, không được mặc áo xống dành cho thầy tế lễ, và cũng không được vào trong nơi thánh (3:10,38 4:15-20 18:1-7 Xu 28:1 29:9).

Cho dù có những sự khác biệt như vậy nhưng vẫn không làm cho người Lê-vi giảm giá trị và cũng không làm giảm đi ý nghĩa và tầm quan trọng của công việc họ. Về sau đó, có một vài người Lê-vi cố tình phạm vào chức thầy tế lễ, nên đã bị Đức Chúa Trời trừng phạt nghiêm khắc (Dan 16:1-17:13). Chẳng có lý do gì để chúng ta kiêu hãnh, tự hào vì mình là một thầy tế lễ hay phải mắc cỡ, hổ thẹn vì mình là một người Lê-vi, bởi vì dù chúng ta ở vị trí nào thì đó thấy đều là do lòng nhân từ thương xót của Đức Chúa Trời mà chúng ta mới được như vậy (Gi 3:27 ICo 4:7). Trong sự hầu việc Chúa, không được có sự ganh đua, tranh cạnh nào cả, vì *“ai nấy sẽ nhận phần thưởng tùy theo việc mình đã làm”* (3:5-8).

Nguyên tắc thứ hai là những người làm công việc Chúa trước hết phải ưu tiên hầu việc, phục vụ Chúa rồi sau đó mới phục vụ dân sự Ngài. Các đầy tớ của Đức Chúa Trời phải là “những của lễ sống”, *“như một của lễ đưa qua đưa lại cho Đức Giê-hô-va”* (Dan 8:13 Ro12:1). Chúng ta hãy hầu việc Chúa bằng cách phục vụ dân sự Chúa, và những chỉ thị, mệnh lệnh mà chúng ta tuân theo phải được đến từ Ngài, *“vì tình yêu mến Đức Chúa Jêsus mà chúng tôi xưng mình là tôi tớ của anh em”* (ICo 4:5). Chúa giao cho chúng ta làm công việc gì không quan trọng, quan trọng là ở chỗ chúng ta phải vui vẻ và hết lòng mà làm công việc ấy cho Ngài.

Cuối cùng, cả người Lê-vi và các thầy tế lễ đều có nhiệm vụ và bốn phận bảo vệ nơi thánh của Đức Chúa Trời không cho những kẻ vô phận sự xâm nhập vào (Dan 8:19 1:53). Các thầy tế lễ và người Lê-vi đóng trại ở ngay sát chung quanh khu vực đền tạm và làm công tác bảo vệ ngăn cản không cho những kẻ muốn xâm phạm vào nơi thánh kéo e làm khuấy động và mời gọi sự trừng phạt của Đức Chúa Trời đến chẳng. Vì vậy ngày nay, những người lãnh đạo trong các Hội Thánh địa phương phải sốt sắng bảo vệ bày chiên đưng để người ta phá hoại Hội Thánh, *“Anh em hãy giữ lấy mình, và luôn cả bày mà Đức Thánh Linh đã lập anh em làm kẻ coi sóc”* là lời Phaolô nhắc nhở khuyên răn các vị lãnh đạo Hội Thánh Ê-phê-sô (Cong 20:28 NKJV), và ông cảnh báo cho họ biết rằng nhiều kẻ thù nguy hiểm sẽ dấy lên từ cả bên ngoài Hội Thánh lẫn bên trong nội bộ của Hội Thánh (c.29-31). Các đầy tớ của Đức Chúa Trời cần phải luôn có tinh thần cảnh giác và hãy can đảm đương đầu với những kẻ thù chống đối lại lẽ thật của Đức Chúa Trời.

3. Bước theo sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời (Dan 8:1-26) (Dan 9:15-10:10)

Dân Y-sơ-ra-ên là một dân tộc hành hương, họ đi thành đoàn vượt qua đồng hoang như một đội quân hùng hậu, và họ thường xuyên cần có sự hướng dẫn của

Đức Chúa Trời. Đích đến của họ là Đất Hứa, Đức Chúa Trời đã giải phóng họ khỏi Ai Cập và Ngài phán hứa sẽ đem họ vào trong nơi họ sẽ được thừa kế làm sản nghiệp với điều kiện họ phải tin cậy Ngài và làm theo ý Ngài.

Việc nhận biết được ý Chúa và làm theo ý Ngài là điều tối quan trọng để khiến cho đời sống Cơ Đốc nhân trở nên trọn vẹn và kết quả. Giê-rê-mi đã đúng khi ông nói: *“Hỡi Đức Giê-hô-va, tôi biết đường của loài người chẳng do nơi họ, người ta đi, chẳng có quyền dẫn đưa bước của mình”* (Gie 10:23). Con cái Chúa nào thất bại thì thường hay nói: “Ví bằng Chúa muốn”, là câu nói cho thấy tình trạng thất vọng và thất bại của họ (Gia 4:13-17).

Ngày nay, để giúp đỡ chúng ta quyết định và làm theo ý Chúa, chúng ta cần phải có Đức Thánh Linh ở cùng (Ro 8:26-27 Cong 16:6-7), cần có Lời Chúa đi trước chúng ta (Thi 119:105;), cần được Chúa Cứu Thế là Đấng Trung Bảo tể trị trên chúng ta và hành động vì có chúng ta (Ro 8:28-34;). Để dẫn dắt Y-sơ-ra-ên trong cuộc hành trình của họ, Đức Chúa Trời đã ban cho họ trụ mây vào ban ngày và trụ lửa vào ban đêm (Dan 9:15-23;); và mỗi khi Ngài muốn thông báo cho dân sự biết ý Ngài, Ngài đã ra lệnh cho các thầy tế lễ hãy thổi vang hai ống loa bằng bạc lên (10:1-10;).

Trụ mây và trụ lửa (9:15-23): Trụ mây lạ lùng này xuất hiện lần đầu tiên tại Cuộc Xuất Ai Cập (Xu 13:21-22;) và nó đã đồng hành với Y-sơ-ra-ên suốt cuộc hành trình của họ (Ne 9:19;) [20]

Khi nào Y-sơ-ra-ên dựng trại lên, thì trụ mây này liền dừng lại và treo lơ lửng ở tầm trên cao ngang chỗ đền tạm nằm chính giữa trại quân, nó chứng tỏ cho dân sự biết rằng Đức Chúa Trời đang ở cùng họ cả ngày lẫn đêm (Dan 9:17; tiếng Hê-bơ-ro diễn tả điều này bằng từ *shekinah*) và sẽ dẫn dắt họ từng ngày từng lúc, từng bước từng giờ. Đó thật là một cảnh tượng đẹp để uy nghi biết bao!

Bạn sẽ thấy cụm từ “theo *mạng lưới của Đức Giê-hô-va*” được dùng 7 lần trong đoạn sách này (c.18,20,23). Lúc này, trụ mây di chuyển theo mạng lưới của Đức Chúa Trời; Ngài không cần đến những lời cố vấn của các vị lãnh đạo hoặc của dân sự (Es 40:13-14). Dân sự Chúa cũng không tài nào đoán được Đức Chúa Trời sẽ làm gì kế tiếp. Có lẽ hể đêm đến thì trụ mây nán lại suốt đêm và đến sáng thì lại di chuyển tiếp, cũng có khi nó dừng lại hai ngày, hoặc một tháng và thậm chí có thể một năm. Việc trụ lửa di chuyển ngày hay đêm không thành vấn đề, điều quan trọng là dân Do Thái phải luôn luôn trong tư thế sẵn sàng nhổ trại rời khỏi đó và bước đi theo.

Thật lý thú biết bao khi chúng ta thấy trụ mây lạ lùng này mang ánh sáng đến cho dân Y-sơ-ra-ên nhưng lại đem lại sự tối tăm cho các kẻ thù của họ (Xu 14:19-20). Về phương diện này, trụ mây tượng trưng cho Lời Chúa, bởi vì những ai không nhận biết Đấng Christ bởi đức tin thì rõ ràng sẽ không hiểu được Lời Ngài muốn nói gì (ICo 3:12-16). Để nhận biết được ý nghĩ của Đức Chúa Trời, chúng ta phải đầu phục ý muốn và đường lối Ngài, và bước đầu tiên là hãy đặt niềm tin cứu rỗi nơi Đức Chúa Giê-xu Christ (Eph 2:8-9). Kế đó, bạn hãy bước ra khỏi bóng tối và bước vào sự sáng tuyệt diệu của Đức Chúa Trời (Gi 3:18-21 IPhi 2:9 IICo 4:6 Co 1:13).

Các thầy tế lễ và người Lê-vi, là những người đã sống ở gần đền tạm, có lẽ họ đã được phân công canh giữ cả ngày lẫn đêm để kịp nhận biết khi nào thì trụ mây di chuyển. Nếu chúng ta thật lòng muốn làm theo ý Chúa, thì lúc nào chúng ta cũng phải chú tâm quan sát và nhạy bén cảnh giác. Từ vụng mà Kinh Thánh Tân Ước

dùng nói về thái độ nhạy bén cảnh giác này cùng với sự trông mong hết lòng là từ “*hãy tỉnh thức*” (Mat 24:42 25:13 ICo 16:13 ITe 5:6 IPhi 4:7).

Chúa Giê-xu tự bảo mình là “*sự sáng của thế gian*” (Gi 8:12), và Ngài hứa với những ai bước theo (tin cậy) Ngài rằng họ sẽ không bao giờ đi trong nơi tối tăm. Chúng ta có đặc ân vĩ đại là “*được bước đi trong sự sáng*” và được vui hưởng mối tương giao với Chúa và với dân sự Ngài (IGi 1:4-10). Bước đi trong sự tối tăm có nghĩa là đi ra ngoài đường lối Chúa, xa rời các ơn phước Ngài, và đang bị sự trừng phạt của Ngài đe dọa. Tại sao bạn lại sống trong bóng tối và sự tối tăm khi bạn có thể được Đức Chúa Trời chiếu sáng mặt Ngài trên đời sống mình? (Dan 6:24-26).

Những ống loa kèn trompe) bằng bạc (10:1-10) [21]. Chính các thầy tế lễ chứ không phải người Lê-vi đã thổi lên hai khí cụ này, mặc dù người Lê-vi mới là những nhạc sĩ chính thức của dân sự (ISu 23:30 25:1-3). Hai cái kèn này được sử dụng không phải cho dịp thờ phượng mà là để kịp thời loan báo cho trại quân Y-sơ-ra-ên biết về những mệnh lệnh của Chúa. [22]. **Các vị lãnh đạo và dân sự không những lúc nào cũng phải dấn mắt lưu tâm đến trụ mây ở phía trên đền tạm, mà họ còn phải luôn luôn để tai chú ý lắng nghe những tiếng kèn vang lên nữa.**

Nếu Môi-se muốn triệu tập cả hội chúng và hết thầy các nhà lãnh đạo của dân sự lại, thì ông sẽ dùng tiếng kèn làm tín hiệu báo cho họ biết phải tập trung. Tiếng của hai kèn cùng vang lên một lúc là triệu tập dân sự, còn nếu chỉ nghe tiếng của một kèn thì các cấp lãnh đạo phải mau họp lại. Hễ khi nào trại quân dời đi, thì những kèn này sẽ được thổi lên phát tín hiệu cho cứ ba chi phái hiệp làm một biết mà xuất hành, bắt đầu từ chi phái Giu-đa, I-sa-ca và Sa-bu-lôn ở cuối phía đông của đền tạm. Những kèn này còn được dùng để thổi lên báo động truyền lệnh cho các chiến sĩ biết để chuẩn bị, sẵn sàng xung trận (Dan 31:1-6 IISu 13:13-15). Dan 10:9 mô tả tiếng kèn này như lời cầu nguyện trước mặt Đức Chúa Trời để Ngài sẽ ban cho dân sự Ngài chiến thắng trong trận đánh đó.

Sau khi quốc gia được thiết lập trong Đất Hứa, việc thổi vang lên những tiếng kèn này trở nên quan trọng vì đó là điều nhắc nhở dân sự Chúa nhớ đến các lễ hội trọng thể đặc biệt theo các kỳ định của lịch sinh hoạt trong đạo chúng ta (c.10). Lễ Hội Thổi Kèn đánh dấu sự khởi đầu của những sự kiện tôn giáo đặc biệt vào tháng thứ bảy trong năm như là: Ngày đại Lễ Chuộc Tội và Lễ Lều Tạm (29:1-39 Le 23:23-43 Thi 81:3). Kèn sẽ được thổi vang lên thông báo cho dân Do Thái biết về các kỳ lễ trọng thể đã đến, kể cả việc báo hiệu cho sự bắt đầu của Năm Hân Hỉ (Le 25:8-12).

Tương tự dân sự Đức Chúa Trời trong Cựu Ước, con cái Chúa ngày nay cũng đang chờ “*tiếng kèn thổi vang lên*” làm tín hiệu triệu tập mọi người cùng nhau hiệp lại dưới quyền Chúa Giê-xu theo như lời Đức Chúa Trời đã tuyên bố về cuộc chiến chống lại thế giới tội ác, là thế giới sắp sửa đón cơn đoán phạt của Ngài (ITe 4:13-18 ICo 15:51-57). Cho đến kỳ đó, chúng ta vẫn là những người đang hành hương trong đồng hoang là thế gian này, vậy hãy bước theo những sự chỉ dẫn của Ngài và hết lòng trung tín hầu việc Ngài.

4. Tổ chức kỷ niệm Lễ Vượt Qua (Dan 9:1-14)

Các sự kiện được ghi nhận trong Dân 1-6 nhằm giới thiệu trước cho những điều được mô tả cụ thể trong 7:1-6:15. Bây giờ chúng ta đang đến với năm thứ hai của lịch sử dân tộc Y-sơ-ra-ên (1:1 9:1). Đền tạm được dựng lên vào ngày đầu tiên của tháng thứ nhất (Xu 40:2,17). Các tộc trưởng của mười hai chi phái bắt đầu mang lễ vật đến dâng trong ngày đó (Dan 7:1), công việc này kéo dài 12 ngày (c.78). Vào ngày thứ 13, người Lê-vi được thanh tẩy và dự phần lễ biệt riêng họ ra thánh (Dan 8), vào ngày thứ 14 thì người Do Thái cử hành Lễ Vượt Qua (9:1-14).

Giữ Lễ Vượt Qua lần thứ hai (Dan 9:1-5): Đó đúng là thời điểm dân Y-sơ-ra-ên được trả tự do hai năm và họ tổ chức lễ kỷ niệm về cái đêm kinh hoàng mà Đức Chúa Trời đã giải phóng họ thoát khỏi xích xiềng nô lệ tại Ai Cập, “**Ấy là một đêm người ta phải giữ cho Đức Giê-hô-va**” (Xu 12:42 NKJV). Khi nhìn lại quá khứ, dân sự sẽ rất ngưỡng mộ những gì Đức Chúa Trời đã làm cho họ, và họ có thể dạy cho con cái họ biết “ngày độc lập” của Y-sơ-ra-ên có ý nghĩa trọng đại như thế nào (12:26-28 13:8-16). Trừ phi các bậc cha mẹ thường nhắc nhở con cái họ nhớ về những điều Đức Giê-hô-va đã làm, nếu không thì thế hệ con cháu kế tiếp của họ sẽ không còn giữ đức tin nữa (Phu 6:1-9 ITi 2:2).

Theo Xuất Ê-díp-tô Ký 12, mỗi gia đình phải giết một con chiên rồi đem quay nó trên lửa cho chín, sau đó ăn nó chung với bánh không men và rau đắng (Dan 9:11). Việc dùng bánh không men vì hai lý do là lý do thực tế và lý do biểu tượng. Lý do thực tế là vì dân Do Thái đã phải chuẩn bị rời khỏi Ê-díp-tô bất kỳ lúc nào, cho nên họ không thể chờ cho bột lên men được. Còn lý do biểu tượng liên quan đến vấn đề là, đối với người Do Thái thì men làm cho bột nở tượng trưng cho điều xấu; và dân Do Thái phải là một dân tộc thánh khiết Tất cả men làm bánh phải được đem ra khỏi nhà họ trước Lễ Vượt Qua và cứ thế trong suốt tuần lễ kế tiếp (ICo 5:1-8 Mat 16:6,12 Ga 5:9). Rau đắng nhắc người Do Thái nhớ về cảnh nô lệ khốn nạn, tàn khốc của họ còn làm nô lệ ở Ê-díp-tô.

Đối với Cơ Đốc nhân ngày nay, Lễ Vượt Qua nói về Chúa Giê-xu Christ, Chiên con của Đức Chúa Trời, Đấng đã chết vì có tội lỗi nhân loại (Gi 1:29 ICo 5:7 Es 53:7 IPhi 1:19 Kh 5:6). Hễ ai tin Ngài thì sẽ được cứu chuộc khỏi tội lỗi (IPhi 1:18 Ro 8:34 Eph 1:7 He 9:12) và được công nhận có quyền kế tự thuộc linh trong Đấng Christ (Eph 1:3). Trong bữa tiệc của Lễ Vượt Qua cuối cùng với các môn đồ Ngài, Chúa Giê-xu đã lập nên lễ gọi là Bữa Tiệc của Chúa (Tiệc Thánh, Lễ Ban Thánh Thể) để khích lệ dân sự Ngài luôn nhớ đến Ngài. Tiệc Thánh nhắc chúng ta rằng Đấng Christ đã hi sinh cả mạng sống Ngài và đổ huyết ra để cứu chuộc chúng ta (Mat 26:26-30 Mac 14:22-25 Lu 22:17-20) và rồi đây sẽ có ngày Ngài trở lại đón chúng ta (ICo 11:23-24 ITe 4:13-18).

Tình huống bất ngờ (Dan 9:6-12): Bất kỳ ai khi bị ô uế đều phải bị đuổi ra ngoài doanh trại, bởi vì sự ô uế mang tính chất lây lan (5:1-2). Điều này có nghĩa là những ai bị ô uế sẽ bị cấm tham dự Lễ Vượt Qua. tình huống mới này đòi hỏi cần có sự hiểu biết mới, do đó Môi-se quay sang nhờ Đức

Chúa Trời giúp đỡ (Gia 1:5). Vì đó là Lễ Vượt Qua của Chúa, cho nên chỉ có Chúa mới có thể thay đổi được các luật lệ mà thôi.

Đức Chúa Trời đã đáp lại bằng ân điển và lòng thương xót: Hễ ai bị ô uế hoặc không có mặt ở nhà trong Lễ Vượt Qua vào tháng thứ nhất thì có thể tham dự lễ tiệc vào ngày thứ 14 của tháng thứ hai, nhưng họ phải cẩn thận tuân thủ theo những lời chỉ dạy thánh tượng tự của Chúa trong Xu 12:1-50. Đức Chúa Trời không hề thiết lập thêm một Lễ Vượt Qua nào khác nữa, nhưng Ngài chỉ cho phép Lễ Vượt Qua nguyên thủy của Ngài được tổ chức, cử hành vào một thời điểm khác mà thôi. Thịt con sinh tể không được xem như thức ăn bình thường (“phải ăn hết sạch sẽ”) và không được làm gãy xương nào của chiên con dùng làm con sinh đó cả (Gi 19:31-37).

Có hai điều cảnh báo (Dan 9:13-14): Điều đặc biệt cần phải nghĩ đến về phía Chúa như vậy có lẽ dẫn đến tình trạng một số ít người trong dân Y-sơ-ra-ên đã bắt đầu khiêu khích, đối đầu lại với những lời giáo huấn thánh đã được quy định trong Lễ Vượt Qua, do đó Đức Chúa Trời phán bảo Môi-se hãy cảnh cáo họ phải luôn tuân giữ các luật lệ nguyên thủy, đối với cả tháng thứ nhất và tháng thứ hai. Bất cứ người Do Thái nào có đủ điều kiện dự Lễ Vượt Qua ở tháng thứ nhất nhưng lại không dự, mà lại có ý định để dự vào tháng thứ hai cho thuận tiện hơn thì người đó ắt sẽ bị Chúa trừng phạt. Từ “truất khỏi” có nghĩa là gì đã không được giải thích ở đây; có lẽ nó có nghĩa là bị loại ra khỏi doanh trại, hoặc cũng có thể có nghĩa là bị xử tử. Tương tự Lễ Vượt Qua là lễ có tính chất quan trọng đối với người Do Thái, thì Tiệc Thánh cũng có ý nghĩa rất quan trọng đối với mọi Cơ Đốc nhân ngày nay (ICo 11:28-30).

Điều thứ hai cần cảnh báo đối với những khách trọ là ngoại kiều sống trong trại quân nhưng không được sinh ra dưới thời Giao Ước của Áp-ra-ham và không được thừa nhận bằng dấu hiệu cắt bì. Họ cho rằng có lẽ Lễ Vượt Qua vào tháng thứ hai không phải hạn chế và nghiêm ngặt khắc khe như ở tháng thứ nhất, tuy nhiên họ đã nhầm. Nếu người ngoại muốn giữ Lễ Vượt Qua với người Do Thái thì họ phải theo đạo của người Do Thái (Xu 12:19,43).

Một bi kịch khủng khiếp: Đây là Lễ Vượt Qua cuối cùng mà người Do Thái đã cử hành mãi cho đến khi Giô-suê dẫn họ tiến vào Đất Hứa vào khoảng chừng 40 năm sau (Gios 5:10). Vì sự vô tín và sự dấy loạn của họ tại Ca-đe Ba-nê-a (Dan 13:1-14:45), cho nên giờ đây những ai từ 20 tuổi sắp lên đều bị Đức Chúa Trời loại ra và họ phải chết trong cuộc hành trình nơi đồng vắng của Y-sơ-ra-ên. Khi Giô-suê lãnh đạo thế hệ mới đi vào xứ Ca-na-an, tất cả những người nam đều nhận được dấu hiệu của giao ước và Đức Chúa Trời đã khôi phục họ lại trong ân điển tốt lành của Ngài (Gios 5:2-9). đó là sự bắt đầu mới đối với Y-sơ-ra-ên trong nơi ở mới của họ.

5. Bước theo sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời (Dan 9:1-14) (Dan 9:15-10:10)

Dân Y-sơ-ra-ên là một dân tộc hành hương, họ đi thành đoàn vượt qua đồng vắng như một đội quân hùng hậu, và họ thường xuyên cần có sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời. Mục tiêu của họ là Đất Hứa, Đức Chúa

Trời đã giải phóng họ khỏi Ai Cập và Ngài phán hứa sẽ đem họ vào trong nơi họ sẽ được thừa kế làm sản nghiệp với điều kiện họ phải tin cậy Ngài và làm theo ý Ngài.

Việc nhận biết được ý Chúa và làm theo ý Ngài là điều tối quan trọng để khiến cho đời sống Cơ Đốc nhân trở nên trọn vẹn và kết quả. Giê-rê-mi đã đúng khi ông nói: **“Hỡi Đức Giê-hô-va, tôi biết đường của loài người chẳng do nơi họ, người ta đi, chẳng có quyền dẫn đưa bước của mình”** (Gie 10:23). Con cái Chúa nào thất bại thì thường hay nói: “Ví bằng Chúa muốn”, là câu nói cho thấy tình trạng thất vọng và thất bại của họ (Gia 4:13-17).

Ngày nay, để giúp đỡ chúng ta quyết định và làm theo ý Chúa, chúng ta cần phải có Đức Thánh Linh ở cùng (Ro 8:26-27 Cong 16:6-7), cần có Lời Chúa đi trước chúng ta (Thi 119:105), cần được Chúa Cứu Thế là Đấng Trung Bảo tể trị trên chúng ta và hành động vì có chúng ta (Ro 8:28-34). Để dẫn dắt Y-sơ-ra-ên trong cuộc hành trình của họ, Đức Chúa Trời đã ban cho họ trụ mây vào ban ngày và trụ lửa vào ban đêm (Dan 9:15-23) và mỗi khi Ngài muốn thông báo cho dân sự biết ý Ngài, Ngài đã ra lệnh cho các thầy tế lễ hãy thổi vang hai ống loa bằng bạc lên (10:1-10).

Trụ mây và trụ lửa (Dan 9:15-23): Trụ mây lạ lòng này xuất hiện lần đầu tiên tại Cuộc Xuất Ai Cập (Xu 13:21-22) và nó đã đồng hành với Y-sơ-ra-ên suốt cuộc hành trình của họ (Ne 9:19) [23]

Khi nào Y-sơ-ra-ên dựng trại lên, thì trụ mây này liền dừng lại và treo lơ lửng ở tầm trên cao ngang chỗ đền tạm nằm chính giữa trại quân, nó chứng tỏ cho dân sự biết rằng Đức Chúa Trời đang ở cùng họ cả ngày lẫn đêm (Dan 9:17) tiếng Hê-bơ-rơ diễn tả điều này bằng từ (*shekinah*) và sẽ dẫn dắt họ từng ngày từng lúc, từng bước từng giờ. Đó thật là một cảnh tượng đẹp để uy nghi biết bao!

Bạn sẽ thấy cụm từ **“theo mạng lệnh của Đức Giê-hô-va”** được dùng 7 lần trong đoạn sách này (c.18,20,23). Lúc này, trụ mây di chuyển theo mạng lệnh của Đức Chúa Trời; Ngài không cần đến những lời cố vấn của các vị lãnh đạo hoặc của dân sự (Es 40:13-14). Dân sự Chúa cũng không tài nào đoán được Đức Chúa Trời sẽ làm gì kế tiếp. Có lẽ hễ đêm đến thì trụ mây nán lại suốt đêm và đến sáng thì lại di chuyển tiếp, cũng có khi nó dừng lại hai ngày, hoặc một tháng và thậm chí có thể một năm. Việc trụ lửa di chuyển ngày hay đêm không thành vấn đề, điều quan trọng là dân Do Thái phải luôn luôn trong tư thế sẵn sàng nhổ trại rời khỏi đó và bước đi theo.

Thật lý thú biết bao khi chúng ta thấy trụ mây lạ lòng này mang ánh sáng đến cho dân Y-sơ-ra-ên nhưng lại đem lại sự tối tăm cho các kẻ thù của họ (Xu 14:19-20). Về phương diện này, trụ mây tượng trưng cho Lời Chúa, bởi vì những ai không nhận biết Đấng Christ bởi đức tin thì rõ ràng sẽ không hiểu được Lời Ngài muốn nói gì (ICo 3:12-16). Để nhận biết Đức Chúa Trời, chúng ta phải đầu phục ý muốn và đường lối Ngài, và bước đầu tiên là hãy đặt niềm tin cứu rỗi nơi Đức Chúa Giê-xu Christ (Eph 2:8-9).

Kể đó, bạn hãy bước ra khỏi bóng tối và bước vào sự sáng tuyệt diệu của Đức Chúa Trời (Gi 3:18-21 IPhi 2:9 IICo 4:6 Co 1:13).

Các thầy tế lễ và người Lê-vi, là những người đã sống ở gần đền tạm, có lẽ họ đã được phân công canh giữ cả ngày lẫn đêm để kịp nhận biết khi nào thì trụ mây di chuyển. Nếu chúng ta thật lòng muốn làm theo ý Chúa, thì lúc nào chúng ta cũng phải chú tâm quan sát và nhạy bén cảnh giác. Từ vựng mà Kinh Thánh Tân Ước dùng nói về thái độ nhạy bén cảnh giác này cùng với sự trông mong hết lòng là từ “*hãy tỉnh thức*” (Mat 24:42 25:13 ICo 16:13 ITe 5:6 IPhi 4:7).

Chúa Giê-xu tự bảo mình là “*sự sáng của thế gian*” (Gi 8:12), và Ngài hứa với những ai bước theo (tin cậy) Ngài rằng họ sẽ không bao giờ đi trong nơi tối tăm. Chúng ta có đặc ân vĩ đại là “*được bước đi trong sự sáng*” và được vui hưởng mối tương giao với Chúa và với dân sự Ngài (IGi 1:4-10). Bước đi trong sự tối tăm có nghĩa là đi ra ngoài đường lối Chúa, xa rời các ơn phước Ngài, và đang bị sự trừng phạt của Ngài đe dọa. Tại sao bạn lại sống trong bóng tối và sự tối tăm khi bạn có thể được Đức Chúa Trời chiếu sáng mặt Ngài trên đời sống mình? (Dan 6:24-26).

Những ống loa (kèn trompet) bằng bạc (Dan 10:1-10) [24].. Chính các thầy tế lễ chứ không phải người Lê-vi đã thổi lên hai khí cụ này, mặc dù người Lê-vi mới là những nhạc sĩ chính thức của dân sự (ISu 23:30 25:1-3). Hai cái kèn này được sử dụng không phải cho dịp thờ phượng mà là để kịp thời loan báo cho trại quân Y-sơ-ra-ên biết về những mệnh lệnh của Chúa. [25] Các vị lãnh đạo và dân sự không những lúc nào cũng phải dán mắt lưu tâm đến trụ mây ở phía trên đền tạm, mà họ còn phải luôn luôn để tai chú ý lắng nghe những tiếng kèn vang lên nữa.

Nếu Môi-se muốn triệu tập cả hội chúng và hết thảy các nhà lãnh đạo của dân sự lại, thì ông sẽ dùng tiếng kèn làm tín hiệu báo cho họ biết phải tập trung. Tiếng của hai kèn cùng vang lên một lúc là triệu tập dân sự, còn nếu chỉ nghe tiếng của một kèn thì các cấp lãnh đạo phải mau họp lại. Hễ khi nào trại quân dời đi, thì những kèn này sẽ được thổi lên phát tín hiệu cho cứ ba chi phái hiệp làm một biệt mà xuất hành, bắt đầu từ chi phái Giu-đa, I-sa-ca và Sa-bu-lôn ở cuối phía đông của đền tạm. Những kèn này còn được dùng để thổi lên báo động truyền lệnh cho các chiến sĩ biết để chuẩn bị, sẵn sàng xung trận (Dan 31:1-6 IISu 13:13-15). Dan 10:9 mô tả tiếng kèn này như lời cầu nguyện trước mặt Đức Chúa Trời để Ngài sẽ ban cho dân sự Ngài chiến thắng trong trận đánh đó.

Sau khi quốc gia được thiết lập trong Đất Hứa, việc thổi vang lên những tiếng kèn này trở nên quan trọng vì đó là điều nhắc nhở dân sự Chúa nhớ đến các lễ hội trọng thể đặc biệt theo các kỳ định của lịch sinh hoạt trong tôn giáo của họ (c.10). Lễ Hội Thổi Kèn đánh dấu sự khởi đầu của những sự kiện tôn giáo đặc biệt vào tháng thứ bảy trong năm như là: Ngày đại Lễ Chuộc Tội và Lễ Lều Tạm (29:1-39 Le 23:23-43 Thi 81:3). Kèn sẽ được thổi vang lên thông báo cho dân Do Thái biết về các kỳ lễ trọng thể đã đến, kể cả việc báo hiệu cho sự bắt đầu của Năm Hân Hỉ (Le 25:8-12).

Tương tự dân sự Đức Chúa Trời trong Cựu Ước, con cái Chúa ngày nay cũng đang chờ “tiếng kèn thổi vang lên” làm tín hiệu triệu tập mọi người cùng nhau hiệp lại dưới quyền Chúa Giê-xu theo như lời Đức Chúa Trời đã tuyên bố về cuộc chiến chống lại thế giới tội ác, là thế giới sắp sửa đón cơn đoán phạt của Ngài (ITe 4:13-18 ICo 15:51-57). Cho đến kỳ đó, chúng ta vẫn là những người đang hành hương trong đồng hoang là thế gian này, vậy hãy bước theo những sự chỉ dẫn của Ngài và hết lòng trung tín hầu việc Ngài.

Dan 9:15-23; xem giải nghĩa Dan 8:1-14

Dan 10:1-9; xem giải nghĩa Dan 8:1-14

4. HÀNH TRÌNH TIẾN VỀ MÔ-ÁP (Dan 10:11-12:16)

Dân Y-sơ-ra-ên đóng trại tại Núi Si-na-i khoảng chừng 11 tháng. Họ đến đó vào tháng thứ ba sau cuộc giải phóng khỏi Ê-díp-tô (Xu 19:1), và bây giờ là nhằm tháng thứ hai của năm thứ hai. Trong suốt thời gian đó, Luật Pháp Đức Chúa Trời được ban bố ra, đền tạm được xây dựng xong và đã được khánh thành. Môi-se đã cử hành lễ thụ phong và biệt riêng ra thánh các thầy tế lễ và những người Lê-vi, ông cũng đã tu bộ binh sĩ, tổ chức bố trí các chi phái đầu vào đó hẳn hoi. Y-sơ-ra-ên giờ đây đang là một dân tộc sẵn sàng hành động.

Tuy nhiên, lịch sử về 38 năm kế tiếp của Y-sơ-ra-ên (Dan 10:11-22:1) mới là phần quan trọng nhất ký thuật lại sự vô tín và thất bại của họ.

Đó là những năm trời rông rã dân sự chống đối Môi-se và dấy loạn chống nghịch lại ý chỉ đường lối của Đức Chúa Trời. Vì sự bất tuân của Y-sơ-ra-ên tại Ca-đe Ba-nê-a, khiến cho họ phải đi lưu lạc trong đồng vắng 38 năm, bỏ lại đằng sau họ hàng loạt những mộ phần nối đuôi nhau khi thế hệ lớn tuổi của dân sự đều đã chết hết. Thuộc trong số của thế hệ đó chỉ còn sót lại Giô-sua và Ca-lép được đi vào miền Ca-na-an mà thôi.

Ngược lại, 10 phân đoạn đầu của sách Dân Số Ký ký thuật những hành động của dân tộc cho thấy họ có vâng lời Đức Chúa Trời. “*Dân Y-sơ-ra-ên làm y như mọi điều Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se vậy*” (1:54) là câu chủ chốt được nhắc đi nhắc lại trong những phân đoạn Kinh Thánh này (2:34 3:16,51 4:49 5:4 8:3,20,22 9:5,23). Khi vâng lời Đức Chúa Trời, Y-sơ-ra-ên nhận được mọi sự và không phải mất thứ gì; tuy nhiên, họ đã không tin cậy Chúa và từ chối làm theo các mạng lệnh Ngài. Không phải mãi cho đến Dân Số Ký 26 thì bức tranh đó mới thay đổi, khi Môi-se thực hiện cuộc điều tra dân số thế hệ mới và sửa soạn họ tiến vào xứ, đánh bại quân thù và thừa kế sản nghiệp của mình.

Chúng ta hãy xem xét ba khía cạnh cuộc sống của Y-sơ-ra-ên khi dân tộc bắt đầu bước vào cuộc hành trình, và chúng ta hãy học tập ý nghĩa của việc nhận biết ý Chúa và làm theo ý Ngài như thế nào.

1. Xuất hành theo mạng lệnh của Đức Chúa Trời (Dan 10:11-36)

Khi trụ mây phía trên đền tạm di chuyển, các thầy tế lễ liền thổi kèn lên rồi cùng với người Lê-vi dờ trại xuống, mọi người sửa soạn ra đi. Khi ở núi

Si-na-i, họ cảm thấy thật dễ chịu, thoải mái vì họ chỉ ở tại chỗ suốt gần cả năm và không phải đối mặt với sự ra đi hết ngày này sang ngày nọ đầy gian nan vất vả như vậy. Chiến thắng vĩ đại nhất của Đức Chúa Trời trên Ê-díp-tô là Ngài đã làm mới lại tâm thần họ, và mỗi buổi sáng khi họ cùng nhau đi lượm Ma-na, họ đều được nhắc nhở rằng vì lòng nhân từ thương xót mà Đức Chúa Trời đã nuôi dưỡng, chu cấp cho mọi nhu cầu của họ như vậy.

Tuy nhiên sản nghiệp thừa kế của họ không phải là Núi Si-na-i; mà đó là Đất Hứa, “*xứ đượm sữa và mật*” mà Đức Chúa Trời đã hứa ban cho dân sự Ngài. Giờ là lúc họ phải đến đó. Khi chúng ta cảm thấy được dễ chịu, thoải mái hơn thì chúng ta lại càng ngại sự thay đổi; nhưng sẽ không có sự phát triển nếu không có thử thách và nếu không có thử thách thì sẽ không có thay đổi. Sự thoải mái dễ chịu thường sẽ dẫn đến tính tự mãn, và tính tự mãn là kẻ thù của tính chất và sự tăng trưởng thuộc linh. Trong mỗi kinh nghiệm mới mẻ của cuộc sống, sẽ xảy ra một trong hai điều sau: hoặc chúng ta tin cậy Đức Chúa Trời thì Ngài sẽ khiến chúng ta được trở nên nổi bật bởi những công việc tốt việc thiện của chúng ta, hoặc chúng ta tin cậy Ma quỷ thì nó sẽ khiến chúng ta xuất đầu lộ diện với những công việc xấu việc ác.

Đoàn người xuất hành rất trật tự (Dan 10:11-28): Các chi phái đều đã có người lãnh đạo (1:1-54) và họ đều biết là phải ra đi theo hàng ngũ thật trật tự (2:1-34), vì vậy tất cả những gì các thầy tế lễ phải làm lúc này là thổi kèn lên để phát tín hiệu cho từng chi phái biết hãy sửa soạn ra đi nhập vào cuộc hành trình chung. Bước theo trụ mây, Người Lê-vi khiêng hòm giao ước đi trước dẫn đường (10:33-36 Ne 9:12 Thi 78:14). Hòm giao ước là ngai của Đức Chúa Trời (Thi 80:1 99:1 NIV), Đức Giê-hô-va ngự trên đó để cai trị dân sự Ngài. Ngài đang dẫn đường họ, “*Chúa cây tay Mô-i-se và A-rôn mà dẫn dắt dân sự Ngài như một đàn chiên*” (77:20 NKJV).

Giu-đa, I-sa-ca, và Sa-bu-lôn dẫn đầu cuộc hành quân, đi theo sau là người Ghê-tôn và người Mê-ra-ri khiêng đèn tạm theo quy định. Kế tiếp là Ru-bên, Si-mê-ôn và Gát, theo sau họ là người Kê-hát khiêng các đồ đạc trang thiết bị của đền tạm đi ở khoảng giữa đoàn người. Đó là khoảng cách an toàn nhất để bảo vệ các dụng cụ trang thiết bị có giá trị quý báu đó. Những chi phái Ép-ra-im, Ma-na-se và Bê-n-gia-min theo sau kế tiếp rồi đến chi phái Đan, A-se với Nép-ta-li. “Bọn dân tạp” là những người không thuộc về bất kỳ chi phái nào đi ở hậu quân (Dan 11:4 Xu 12:38).

Vị trí trong cuộc hành quân của từng chi phái không phải tự chọn mà là bắt buộc theo chỉ thị của Đức Chúa Trời Toàn Năng. Nếu chi phái Đan hoặc chi phái A-se cảm thấy chán nản vì phải ở phía cuối đoàn người nên họ đề nghị được đi lên phía trước, thì Mô-i-se sẽ từ chối đáp ứng yêu cầu của họ, vì ý Chúa trong vấn đề này là kiên định, không thay đổi được. Dân Y-sơ-ra-ên không phải đang trên đường đi giải trí hay du ngoạn ngắm cảnh. Họ là một đoàn quân đang đi chinh phục lãnh thổ của kẻ thù theo mạng lệnh của Đức Giê-hô-va Vạn Quân. Mỗi chi phái là một bộ phận của đội quân Đức Chúa Trời (28:1-31 “đơn vị” NIV), và mỗi đơn vị phải đóng quân tại nơi họ được quy định.

Mời gọi nhiều người khác cùng ra đi (Dan 10:29-32): Hô-báp là anh vợ của Môi-se, con trai Ra-u-ên cũng là Giê-trô (Xu 2:15-3:1) [26] Hình như lúc ấy Giê-trô đã chết nên Hô-báp lo quản trị gia đình. Môi-se muốn những người anh em bên vợ cùng ra đi với Y-sơ-ra-ên và nhận hưởng những phước hạnh mà Đức Chúa Trời đã hứa ban cho dân sự Ngài, nhưng Hô-báp từ chối lời mời gọi ấy. Ông thích ở lại quê hương mình với dân tộc mình hơn là ra đi như vậy. Tại sao ông lại có thể hy sinh sự sung sướng, yên ổn cho một tương lai không biết trước được sẽ ra sao như thế ?

Còn Môi-se biết rõ rằng Đức Giê-hô-va đang ở cùng Y-sơ-ra-ên và Ngài sẽ ban tương lai cho những ai tin cậy Ngài và tuân theo luật lệ Ngài. Có lẽ, còn bởi lý do sau mà Môi-se đã đưa ra lời mời gọi đặc biệt này: vì Hô-báp nắm rõ vị trí địa hình ở đó, cho nên ông có thể giúp đỡ Y-sơ-ra-ên trong chuyến hành trình đi vào đồng vắng ấy. Chắc hẳn Hô-báp đã đồng ý với kế hoạch này, bởi vì nhiều năm sau đó chúng ta tìm thấy hậu duệ của ông có sống cùng với người Y-sơ-ra-ên (Cac 1:16 4:11). Chắc chắn họ đã có sự xuất phát tốt đẹp hơn khi họ trở thành một phần của dân sự Đức Chúa Trời.

Những người nghiên cứu Kinh Thánh không đồng ý với nhau việc không biết Môi-se đúng hay sai khi ông đề nghị Hô-báp hãy làm “con mắt” của Y-sơ-ra-ên lúc họ đi vào đồng vắng. Nói tóm lại, phải chăng dân tộc đã không được trụ mây và hòm giao ước của Đức Giê-hô-va dẫn đường? Phải chăng Chúa đã không phán bảo Môi-se và bày tỏ cho ông biết ý Ngài? Sau đó tại sao loài người lại còn phát thảo ra thêm kế hoạch dẫn đường nữa trong khi họ đã có rất nhiều sự giúp đỡ từ thiên thượng như vậy?

Nhưng sự ban cho của Đức Chúa Trời không phải là quá ít ỏi hay là nhằm triệt tiêu khả năng và trách nhiệm của họ. Y-sơ-ra-ên không cần phải có Hô-báp đưa đường chỉ lối họ phải đi đến đâu và phải cắm trại ở chỗ nào; bởi vì đã có Đức Chúa Trời lo điều đó rồi. Còn sự am hiểu của Hô-báp về tình hình vùng đất đó lại càng giúp họ đưa ra nhiều quyết định khác nữa khi họ di chuyển từ nơi này đến nơi khác. Charles Spurgeon nói: “Theo tôi nghĩ, có lẽ chúng ta nên học hỏi ở điều này, rằng trong khi chúng ta đang tìm kiếm sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời qua sự bày tỏ của Ngài, nhiều lúc chúng ta hay tìm đến những sự chỉ bảo và hướng dẫn theo lẽ thường tình của chính chúng ta, là những sự chỉ dẫn mà Chúa đã tỏ cho bản thân chúng ta biết mà thôi”. [27] Chúng ta đừng “dựa vào” khả năng hiểu biết” của chính mình (Ch 3:5-6), và cũng cố tình làm điều đó. Đức Chúa Trời muốn chúng ta hành động thật khôn ngoan với niềm tin chắc chắn, và Cơ Đốc nhân có ý thức thuộc linh ắt sẽ biết cách vận dụng tâm trí mình hướng tới ý chỉ của Đức Chúa Trời (Ro 12:2).

Nhưng chúng ta cũng đừng bỏ qua động cơ chính khiến Môi-se hành động là: ông đã mời gọi nhiều người khác nữa hãy cùng ra đi với Y-sơ-ra-ên để nhận hưởng các phước hạnh của Đức Chúa Trời sẵn sẵn cho họ. Hội Thánh ngày nay là những người đang hành hương trên đất (IPhi 1:1 2:11), họ đang đi về Thiên Đàng, và họ có được đặc ân mời gọi nhiều người khác nữa cùng đi với chúng ta. Cuộc hành trình này không phải đơn giản, thoải mái, nhưng hiện tại Đức Chúa Trời đang ban phước cho dân Ngài, và Ngài

sẽ hằng còn ban phước cho họ đời đời. Vậy, rốt lại chúng ta sẽ mời gọi được bao nhiêu người đi cùng chúng ta?

Sự làm vinh hiển Đức Giê-hô-va (Dan 10:33-36): Ở đây có gợi ý rằng Môi-se và A-rôn đã đi phía trước các chi phái (bộ lạc), ngay đằng sau hòm bảng chứng. Mỗi lần trụ mây phát tín hiệu di chuyển thì các chi phái tập trung lại, rồi Môi-se cầu nguyện với Đức Chúa Trời xin Ngài dẫn đường và ban cho họ thắng lợi. lúc cả dân tộc dừng lại đóng trại, Môi-se cầu nguyện xin Đức Chúa Trời lại hiện diện ở cùng dân sự Ngài trong đền tạm. Hòm giao ước được đặt trong nơi chí thánh còn trụ lửa thì dừng lại phía trên trại quân. [28]

Y-sơ-ra-ên đã khởi hành rồi dừng lại bao nhiêu lần trong cuộc hành trình này là điều không thành vấn đề, quan trọng ở chỗ là Môi-se đã thực hiện đi thực hiện lại những lần cầu nguyện như vậy. [29] Môi-se muốn dân sự biết rằng Đức Chúa Trời chứ không phải ông là người chịu trách nhiệm về dân tộc, và Y-sơ-ra-ên là đội quân phải biết nhờ vào sức Chúa mới chiến thắng. Tương tự lời cầu khẩn và chúc phước tại buổi nhóm sinh hoạt thờ phượng của một Hội Thánh nọ, những lời cầu nguyện này đã trở nên quen thuộc với dân Do Thái, nhưng những lời cầu nguyện tóm tắt này rất cần thiết cho sự tăng trưởng để thành một dân tộc của Y-sơ-ra-ên. Môi-se ưu tiên đặt Đức Chúa Trời lên trên hết trong đời sống dân sự; và nếu người Do Thái biết lưu tâm đến điều này, thì chắc chắn họ sẽ tránh được những tội lỗi mà về sau này chúng đã đem đến cho họ biết bao điều khốn nạn, đau khổ.

2. Sự làm bầm dầy tở Đức Chúa Trời (Dan 11:1-35)

Vì tội lỗi mà lòng người có xu hướng quên đi các ơn phước Chúa, không quan tâm đến những lời Ngài đã phán hứa, và tìm thấy sự thiếu sót trong sự dự phòng, sẵn sẵn của Ngài, “*Nguyện người ta ngợi khen Đức Giê-hô-va vì sự nhân từ Ngài. Và vì các công việc lạ lùng Ngài làm cho con loài người!*” (Thi 107:8,15,21,31).

Dân Do Thái làm bầm (Dan 11:1-3). Lịch sử tự thân nó đã lặp lại chính nó. Sau buổi nhóm thờ phượng ngợi khen Chúa rất quy mô, đông đảo bên Biển Đỏ được ba ngày, người dân Do Thái đã quay sang làm bầm, phàn nàn Môi-se và Đức Chúa Trời bởi vì họ không có nước uống (Xu 15:22-27). Giờ đây, sau khi rời khỏi núi Si-na-i được ba ngày (Dan 10:33), dân Do Thái lại làm bầm tiếp. Phải có đức tin mới có thể chấp nhận được sự dẫn dắt theo ý của Đức Chúa Trời (Ro 8:28), và đức tin của dân Y-sơ-ra-ên thì không mạnh mẽ gì.

Vì dân sự đã đóng trại tại một chỗ gần cả năm, do đó có lẽ việc yêu cầu họ ra đi cùng với sự buồn tẻ của vị trí địa hình địa vật đã khiến họ nản chí, mệt mỏi. Bản dịch NIV dịch là Dan 11:1 là “*Vả, dân sự bèn làm bầm, và điều đó chẳng đẹp tai Đức Giê-hô-va, Đức Giê-hô-va nghe, cơn thanh nộ Ngài nổi lên, lửa của Đức Giê-hô-va cháy phừng phừng giữa dân sự và thiêu hóa đầu cùng trại quân*” Nhưng cho dù bất kỳ nguyên nhân gì đi nữa, thì Đức Chúa Trời cũng đã nghe được những lời lẽ chống nghịch và tội lỗi này của họ, Ngài liền nổi giận nên giết chết những kẻ bất trung, vôn

bạc nghĩa. [30] “Lửa của Đức Giê-hô-va” có thể được mô tả là những tia chớp sáng lòa bởi sấm sét (Xu 9:23-24), và thực tế là sự đoán phạt đã giáng trên dân sự và nó đang ở bên ngoài trại quân và cho thấy có lẽ “những dân tạp” chính là nguyên cớ đưa đến sự lầm bầm trong dân sự (Dan 11:4).

Khi tôi bước vào thi hành chức vụ mục sư của mình không bao lâu, tôi nhận thấy 11:2 cho biết rằng: dân sự tuy đã lầm bầm Đức Chúa Trời và những người lãnh đạo thuộc linh rất nhiều, vậy mà rốt cuộc họ cũng đã chạy đến những vị lãnh đạo đó cầu cứu giúp đỡ! Môi-se thật nhân từ độ lượng biết bao khi ông cầu thay giùm cho dân sự, và đó là hình ảnh giống Đức Chúa Giê-xu Christ của chúng ta biết chừng nào! **“Song Đức Chúa Jê-sus cầu rằng: Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết mình làm điều gì. Đoạn, họ bắt thăm chia nhau áo xống của Ngài”** (Lu 23:34). Khi Y-sơ-ra-ên phạm tội vài ba lần, nhờ Môi-se cầu thay mà Đức Chúa Trời đã trì hoãn sự trừng phạt của Ngài. Lại có lần, Môi-se thậm chí muốn tự nguyện chết để Y-sơ-ra-ên có thể được tha thứ khỏi bị trừng phạt (Xu 32:30-35).

Đám dân tạp lầm bầm (Dan 11:4-9): Chỉ có một chỗ này trong Kinh Thánh, từ vựng **“asapsup”** theo tiếng Hê-bơ-rơ đã được dùng, mô tả “sự hỗn tạp, lộn xộn”, “những người có thành tích bất hảo” là những người đã rời khỏi Ai Cập đi cùng dân Y-sơ-ra-ên (Xu 12:38). [31] Lý do tại sao đám dân tạp đó rời Ai Cập đã không được giải thích ở đây. Một phần trong số họ vì lo sợ sự đoán phạt của Đức Chúa Trời sắp xảy đến nên đối với họ để được an toàn nhất là họ nên đi cùng dân Do Thái (Xu 9:20). Một số đầy tớ và nô lệ có lẽ đã nhìn thấy sự ra đi của Y-sơ-ra-ên lần này là cơ hội cho họ thoát khỏi Ê-díp-tô trong khi nhiều người chỉ biết nghĩ đến việc chôn mình ở đó cho đến chết. Một số khác có lẽ có xu hướng tích cực hơn, nhưng bởi vì họ không có đức tin nơi Đức Chúa Trời, cho nên tấm lòng họ không bao giờ được biến đổi (He 4:1-2).

Cho dù sự khởi đầu của họ như thế nào đi nữa, thì “đám dân tạp” kia cũng chính là nguyên nhân khiến Môi-se và dân tộc Y-sơ-ra-ên phải rơi vào gian truân khốn đốn vô cùng, và ngày nay những người dân tạp tương tự như vậy cũng thường hay đem đến lăm vẩn đề cho các đầy tớ của Đức Chúa Trời và dân sự Ngài. Trong câu chuyện ẩn dụ về Cỏ Lùng (Mat 13:24-30,36-43), Chúa Giê-xu dạy dỗ rằng bất cứ nơi nào Chúa “giao trồng” các con cái thật của Ngài, thì cũng sẽ có ma quỷ xuất hiện gieo trồng xuống nơi đó những con người giả mạo giống con cái Chúa thật như đúc. Sa-tan là kẻ hay bắt chước và cũng là kẻ thường lén lút lén vào (Giu 1:4 IPhi 2:1-2), là điều giải thích cho lý do tại sao Phao-lô đã cảnh báo Hội Thánh về **“mấy người anh em giả”** (Ga 2:4 IICo 11:26), về những người phục vụ giả (c.13 đến hết đoạn) và về Phúc Âm giả (Ga 1:6-9).

Trải qua nhiều năm thi hành chức vụ, tôi học được rằng không phải những kẻ thù **bên ngoài** Hội Thánh địa phương mà là chính những kẻ giả vờ trà trộn ở **bên trong** nội bộ Hội Thánh đã phá hoại Hội Thánh (Cong 20:28-30 IIIGi 1:9-11). Những kẻ không mời mà đến này có lẽ đã trà trộn vào Hội Thánh và hành động y như thể họ là dân sự Đức Chúa Trời vậy, nhưng họ hoàn toàn không có lòng khao khát thuộc linh; và cuối cùng ý đồ của họ sẽ bị bóc trần ra (IGi 2:18-19).

Dân Do Thái kinh nghiệm được sáu buổi sáng lạ lùng trong một tuần lễ nọ khi “bánh từ trời rơi xuống” (Thi 78:24 105:40) trong trại quân và chu cấp nuôi nấng tất cả họ đủ dùng hằng ngày. Có lẽ vì họ bị đám dân tạp kia tác động, xúi giục khiến họ chán ăn những đồ ăn thường ngày của họ và họ muốn thay đổi, cải thiện bữa ăn của Đức Chúa Trời đã ban cho họ (Dan 11:8). Họ muốn ăn những thứ mà họ đã ăn ở Ê-díp-tô. Họ quên đi ách nô lệ ở đó và chỉ nhớ đến những thứ làm họ hài lòng thích chí là thịt mà thôi!

Thật đúng là bi kịch khi những người tự xưng mình là Cơ Đốc nhân trong Hội Thánh nhưng lại thèm muốn những thứ thuộc về đời này thay vì khát khao bánh ma-na từ trời là Lời Chúa (Gi 6:66-69 Mat 4:4). Trong sự cố gắng thu hút và làm hài lòng “đám dân tạp”, nhiều Hội Thánh đã biến các nơi thánh của họ thành những nhà hát và biến các công việc của họ làm trong nhà Chúa thành những sự trình diễn, còn việc thờ phượng Chúa thì trở thành việc giải trí, tiêu khiển. Ngay trong thời mình, Phao-lô đã có đề cập đến đám người ô hợp này (Phi 3:17-21), vì vậy đó không phải là điều mới mẻ gì.

Tuy nhiên, thật là nguy hại khi chúng ta làm bầm Chúa, tấn công đầy tớ Ngài và đòi “những sự thay thế thuộc linh” khác để thỏa mãn những thèm muốn mang tính xác thịt của chúng ta. Những kẻ hay làm bầm trong Y-sơ-ra-ên cuối cùng đã bị Đức Chúa Trời trừng phạt và Phao-lô đã dùng hình ảnh họ làm sự cảnh cáo cho các Hội Thánh ngày nay (ICo 10:10), “*Phàm làm việc gì chớ nên làm bầm và lương lý*” (Phi 2:14). Tấm lòng vô ơn sẽ khiến người ta dễ dàng vi phạm tất cả mọi thứ tội lỗi (Ro 1:2-32).

Môi-se than thở về sự kêu gọi của mình (Dan 11:10-15): Môi-se trước đó đã vui mừng ca hát ngợi khen Đức Giê-hô-va vì đã được thắng lợi (10:35-36), nhưng giờ đây ông đang than thở một cách cay đắng về công việc mà Đức Chúa Trời đã kêu gọi ông làm. Không gì làm cho các đầy tớ Chúa nản lòng nhụt chí nhiều hơn là việc họ bị dân sự lên án chỉ trích sao họ bất công và làm bầm, phàn nàn về những phước hạnh Chúa đã ban. [32]

Đây là lần thứ nhất trong số hai lần là khi thái độ trên của dân sự đã khiến cho Môi-se phạm tội (20:1-13). Sau khi chúng ta đã biết dân Y-sơ-ra-ên cứng lòng và bất trung như thế nào, thì chúng ta sẽ không khỏi ngạc nhiên sao Môi-se lại không thường hay nản lòng!

Thật đáng buồn khi thấy một vĩ nhân của Đức Chúa Trời nài xin Ngài hãy cất mạng sống của ông đi bởi vì người cảm thấy rằng sự kêu gọi thánh mà Chúa đã gọi ông giờ đây chỉ là một gánh nặng bởi lẽ vì sự đó mà Đức Chúa Trời đã làm đau lòng ông và khiến ông trở thành con người khốn khổ. Môi-se đã đánh mất cái nhìn tương lai của mình, rời mắt mình khỏi Chúa và chỉ lo nhìn vào chính mình, và chỉ muốn làm điều gì đó thật dễ dàng, hanh thông mà thôi trong những hoàn cảnh khó khăn, gian nan của cuộc sống. Câu “*Tôi không thể một mình gánh hết*” của Môi-se nhắc nhở chúng ta nhớ đến lúc Đức Chúa Trời kêu gọi ông và Ngài quả quyết rằng ông sẽ là người giúp đỡ của Ngài (Xu 3:11-12). Nhưng ít ra thì Môi-se cũng đã biết trao gánh nặng của mình cho Chúa và tiếp thu những sự chỉ dạy của Ngài (IPhi 5:7).

Môi-se nhận được sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời (Dan 11:16-35): Đức Chúa Trời đã giúp Môi-se giải quyết hai vấn đề khó khăn sau: một người chăn bầy cần phải biết làm thế nào trước hội chúng quá đông đảo như vậy và làm sao để có thể chu cấp đầy đủ bữa ăn cho tất cả mọi người. Cả hai vấn đề này đã phát xuất từ lúc họ còn ở tạm tại Ê-díp-tô và sinh ra những thềm muốn những thức ăn của những người chủ của họ. Giờ đây, dân Do Thái quên bèn đi những ngày mình đã từng làm nô lệ và chỉ còn nhớ đến thức ăn “miễn phí” mà thôi.

Để giải quyết vấn đề thứ nhất, (c.16-17,24-30), Đức Chúa Trời truyền bảo Môi-se hãy chọn ra 70 trưởng lão tin kính giúp đỡ ông coi sóc các công việc thuộc linh trong trại quân. Môi-se đã lập lên các vị lãnh đạo giúp đỡ dân sự dàn xếp các cuộc tranh luận của họ (Xu 18:1-27), và những vị lãnh đạo mới này chắc chắn phải có đời sống thuộc linh hơn hẳn dân sự. Nói tóm lại, cốt lõi của mọi vấn đề đều nằm ở lòng người và trừ khi nào lòng người được Chúa biến đổi, nếu không thì bản chất và hành vi của họ sẽ không bao giờ thay đổi được.

Có đến 68 người trong số 70 thành viên nhóm họp tại đền tạm đã được Đức Chúa Trời ban cho quyền năng của Đức Thánh Linh để họ có thể trợ giúp Môi-se làm các công việc của ông. [33]

Sự thờ lạy Đức Chúa Trời của họ là bằng chứng cho thấy họ đã nhận lãnh được Đức Thánh Linh thực sự (Cong 2:11 10:44-46 19:1-7 Eph 5:18-20). Lý do tại sao Ên-đát và Mê-đát không có mặt trong buổi nhóm hiệp này đã không được giải thích, nhưng vì họ đã không bị Đức Chúa Trời sửa trị cho nên chúng ta không xem sự vắng mặt của họ là vấn đề quan trọng cần bàn đến. Ít nhất họ đã không bỏ lỡ bất kỳ ơn phước nào. Giô-suê tỏ ra bực mình khi thấy họ nhận lãnh được Đức Thánh Linh, nhưng Môi-se thì lại cảm thấy dễ chịu. Dường như ông đã lấy lại được bình tĩnh và thái độ bao dung rộng lượng như thường lệ khi ông nói, “*Ôi! Chớ chi cả dân sự của Đức Giê-hô-va đều là người tiên tri, và chớ chi Đức Giê-hô-va ban Thần của Ngài cho họ!*”.

Không phải chỉ có Môi-se là đầy tớ duy nhất của Đức Chúa Trời phải đối diện với vấn đề “tranh giành quyền độc tôn thuộc linh” này. Giảng Báp-tít đã từng đối phó với điều đó (Gi 3:26-30) và Chúa Giê-xu cũng vậy (Lu 9:46-50), Phao-lô cũng thế (Phi 1:15-18). Tuy nhiên, Giô-suê có cảm tưởng rằng Môi-se và Đức Chúa Trời đã đánh mất điều gì đó qua việc cho phép hai người này nhận lãnh Đức Thánh Linh. Chúng ta gặp Giô-suê lần đầu tiên trong Kinh Thánh khi ông đang lãnh đạo quân đội Y-sơ-ra-ên đánh thắng người A-ma-lét (Xu 17:8-16). Sau đó chúng ta lại gặp ông trên núi Si-na-i với Môi-se (24:13 32:17), và giờ đây chúng ta còn được cho biết ông vốn là đầy tớ của Môi-se (Dan 11:28). Về sau này, ông trở thành người kế nhiệm Môi-se.

Vấn đề thứ hai cần giải quyết là phải kiếm đủ thịt để cung cấp cho toàn dân tộc (c.18-23,31-35 Xu 16:1-13). Chắc chắn người Do Thái đã không giết mổ bầy gia súc của mình bởi vì nếu làm vậy họ sẽ bị rơi vào tình trạng thiếu thốn cơ cực. Bằng cách sai một cơn gió nổi lên, Đức Chúa Trời đã đem chim

cút tới ngay trại quân với một lượng dày lên cách mặt đất ba feet; dân Do Thái phải bỏ ra hai ngày một đêm để bắt số chim cút đó và giết thịt chúng. [34]

Mùi hô-me thịt chim này (Dan 11:32) sẽ tương đương với 60 gia thịt! Nhưng Đức Chúa Trời bảo, ắt hẳn sẽ có đủ thịt cho họ ăn suốt một tháng (c.19-20).

Khi Đức Chúa Trời thực sự muốn đoán phạt người ta, Ngài sẽ để cho họ làm theo ý riêng họ (Ro 1:24,26,28), “*Ngài ban cho chúng nó điều chúng nó cầu xin, Nhưng sai bệnh tổn hại linh hồn chúng nó*” (Thi 106:15 NLT). Dân Do Thái bắt đầu tham ăn thịt, thấy sung sướng quá đỗi vì sự thèm ăn của mình đã được đáp ứng thỏa mãn; nhưng sự trừng phạt của Đức Chúa Trời đã giáng xuống giết chết nhiều người trong số họ (Dan 11:33 Thi 78:23-31 ICo 10:10). Môi-se gọi đó là nơi “*người ta chôn dân sự sanh lòng tham muốn*”, và chỗ những mồ mả này là nơi kỷ niệm cho hiểm họa của lời cầu nguyện thể này: “nhưng xin không theo ý Cha mà là ý con được nên!”.

Đức Giê-hô-va cảnh cáo Y-sơ-ra-ên rằng cách thức họ đã đối xử với ma-na hằng ngày sẽ là thử thách sự vâng lời của họ đối với Lời Ngài (Xu 16:4 Phu 8:3). qua việc khước từ bánh ma-na, Y-sơ-ra-ên cho thấy họ đã thực sự khước từ Chúa (Dan 11:20 NIV), và chính thái độ nổi loạn này đã khơi dậy, mời chào sự đoán phạt của Đức Chúa Trời. Điều này nhắc nhở chúng ta rằng cách thức chúng ta đối xử với Lời Chúa cũng chính là cách thức chúng ta đối xử với chính Ngài. Không quan tâm đến Lời Chúa, xem Lời Ngài không cẩn thận, hoặc không hết lòng vâng theo Lời Ngài ắt sẽ khiêu khích sự trừng phạt của Đức Chúa Trời (He 12:5-11). Thay vì lo đầu tư nuôi dưỡng những thứ thuộc về thế gian này là điều dẫn đến sự chết, chúng ta hãy trau dồi nuôi dưỡng niềm khát khao Lời thánh của Chúa (Giop 23:12 Thi 1:1 Gie 15:16 Mat 4:4 Lu 10:38-42 IPhi 2:1-3).

3. Bị trì hoãn vì sự sửa phạt của Đức Chúa Trời (Dan 12:1-16)

Những người nắm quyền lãnh đạo về thuộc linh trong Hội Thánh luôn biết rằng thường hay xảy ra một lần hai hoặc ba vấn đề cùng lúc. Tại sao vậy? Bởi vì Sa-tan vẫn đang sống và hành động ráo riết (IPhi 5:8-9), thêm vào đó bản chất tội lỗi của con người tự nhiên luôn chống đối lại ý muốn thánh và đường lối của Đức Chúa Trời (Ga 5:16-17). Hễ khi nào Chúa giúp bạn giải quyết ổn thỏa xong một vấn đề nào đó thì lại có vấn đề khác xuất hiện.

Lời buộc tội sai (Dan 12:1-3): Môi-se, A-rôn, và Mi-ri-am ở cùng một nhóm được Đức Chúa Trời sai đi giúp đỡ dẫn dắt dân tộc Y-sơ-ra-ên (Mi 6:4). Chúa dùng Mi-ri-am cứu đời sống một người em trai của bà (Xu 2:1-10), và bà còn là một nữ tiên tri hướng dẫn phụ nữ Do Thái thờ phượng Đức Chúa Trời (15:20-21). [35]

A-rôn là anh cả trong gia đình (7:7), ông được Đức Chúa Trời chọn không những chỉ để hỗ trợ Môi-se đối phó với Pha-ra-ôn (4:10-17) mà còn hầu việc Chúa với cương vị là thầy tế lễ thượng phẩm nữa. Mọi người trong Y-sơ-ra-ên đều biết rằng Môi-se, A-rôn, và Mi-ri-am thầy đều là các đầy tớ

được Đức Chúa Trời tuyển chọn, nhưng chỉ có Môi-se làm lãnh đạo mà thôi.

Có ba chứng cứ cụ thể đưa đến kết luận rằng Mi-ri-am là người cầm đầu cuộc nổi loạn của gia đình này: Bà được đề cập lần thứ nhất trong Dan 12:1 động từ “nói hành” ngụ ý nói rằng chỉ có đàn bà mới làm chuyện đó, và trong vụ này Đức Chúa Trời đã trừng phạt riêng một mình Mi-ri-am mà thôi. Bà không bắt đầu công kích Môi-se bằng cách lên án ông về quyền hành ông đang nắm giữ mà là gièm pha ông về người vợ của ông (Hầu hết những ai lên án phê bình chỉ trích các đầy tớ Chúa thì đều hiếm mà đưa ra được những lý do thích đáng giải thích cho sự bất đồng, phê phán đó của họ). Chắc là sau khi Sê-phô-ra chết, Môi-se đã cưới một người vợ nữa, và có thể người vợ đó đã làm cho Mi-ri-am cảm thấy bị đe dọa. Cũng vậy, khi Đức Chúa Trời sai Thần Linh Ngài giáng trên 70 trưởng lão, có lẽ Mi-ri-am liền cảm thấy lo sợ quyền hành của mình sẽ bị suy giảm phần nào.

Chỉ cần Môi-se đừng cưới bất luận một người đàn bà nào từ các dân tộc người Ca-na-an, thì chắc chắn cuộc hôn của ông sẽ được Đức Giê-hô-va chấp thuận (Xu 34:12-16). Trong Kinh Thánh, “Cút” thường được dùng ngụ ý về một giống dân sống gần Ê-díp-tô, nhưng bản Kinh Thánh KJV đã dịch nhầm từ vựng Hê-bơ-rơ này thành “Ê-ti-ô-bi”. Vì lý do đó, một số bản dịch Kinh Thánh khác dạy rằng do người vợ mới này thuộc dân tộc khác cho nên đã không được chấp nhận. Theo William S. LaSor thì, “Không có bằng chứng nào, và cũng không có chỗ nào trong Kinh Thánh hoặc trong các tài liệu mở rộng ngoài Kinh Thánh, ủng hộ và đồng tình với quan điểm cho rằng Ham cùng với hậu duệ của mình là người da đen cả”. [36]

Cuối cùng, Mi-ri-am cũng đã cho thấy thật sự của vấn đề bà lầm bầm chỉ trích là: Lễ nào chỉ có Môi-se mới làm được phát ngôn nhân cho Đức Chúa Trời sao? Còn Mi-ri-am và A-rôn sao lại không có quyền tuyên Lời Chúa ra ư? Vì thắc mắc về quyền hạn và ý chỉ của Đức Chúa Trời, cho nên Mi-ri-am và A-rôn đã hành động chẳng khác nào đám dân Y-sơ-ra-ên kia! Tuy nhiên, Môi-se đã không trả lời họ và cũng chẳng tự thanh minh, biện hộ gì cho mình cả; ông đã nhờ Đức Chúa Trời biện hộ thay cho ông. Đây là một bằng chứng cho thấy sự nhu mì, khiêm hòa của ông; nhu mì không có nghĩa là yếu đuối nhu nhược mà đó là sức mạnh được kiểm soát, kìm chế. [37]

Sự đoán phạt diễn ra nhanh chóng (Dan 12:4-10): Đức Chúa Trời đã nghe được những lời của họ, Ngài nhìn thấy những động cơ xấu xa trong lòng họ, và Ngài liền hành động thật mau lẹ vì Ngài e rằng tội lỗi ấy của họ sẽ lan tràn trong dân sự, bởi vì khi những người lãnh đạo phạm tội thì các hậu quả họ gây ra đó có thể trở thành đại họa cho lê dân bá tánh. Hãy chú ý trong câu 4 có ba cái tên được lặp lại theo thứ tự như trong câu 1. Đức Chúa Trời luôn luôn xếp Môi-se lên hàng đầu! Ngài gọi cả ba người đến tại hội mạc, phán bảo với hai người (Mi-ri-am và A-rôn), rồi Ngài tuyên bố trừng phạt chỉ một người – là Mi-ri-am.

Đức Chúa Trời cho biết rõ ràng rằng Môi-se là người còn hơn cả một tiên tri, bởi vì Chúa thường hay trò chuyện trao đổi với ông một cách cá

nhân và thậm chí Ngài còn bày tỏ cho mỗi mình ông thấy cả vinh quang Ngài nữa (Xu 19:16-19 24:17-18 34:5-11). Mi-ri-am và A-rôn mỗi người đều đã được Chúa phân công, giao thác nhiệm vụ, còn riêng Môi-se là nhà lãnh đạo do chính Chúa chọn cho Y-sơ-ra-ên và không ai có thể chiếm đoạt vị trí đó của ông. Chính Đức Chúa Trời đã ban cho Môi-se địa vị và quyền hành, vì lòng dạ xấu xa độc ác cho nên Mi-ri-am đã không chấp nhận vai trò và vị trí của người em trai mình. Đức Chúa Trời trừng phạt Mi-ri-am khiến bà bị bệnh phung rất đau đớn khổ sở.

Lời khẩn cầu gây xúc động (Dan 12:11-13). A-rôn biết rõ ý nghĩa của bệnh phung này, nên ông năn nỉ Môi-se xin giùm cho Mi-ri-am và cho cả ông nữa, theo như đại từ ông dùng ở số nhiều là: **“Chúng ta đã phạm tội”**. A-rôn là thầy tế lễ thượng phẩm vẫn thường hay cầu xin giùm cho Y-sơ-ra-ên, thế mà giờ đây ông lại đang cần đến một người khác xin giùm cho ông! Giờ thì lại còn bằng chứng về tính khiêm nhu của Môi-se, ông đã cầu nguyện xin cho chị mình; và Đức Giê-hô-va đã cất đi căn bệnh đau đớn đó khỏi bà.

Sự trì hoãn gây lúng túng (Dan 12:14-16): Mặc dầu Mi-ri-am đã được chữa lành, nhưng bà ta phải bị ở bên ngoài trại quân 7 ngày (Le 13:1-6 14:1-8 15:8) bởi vì bà đã bị ô uế. Điều này có nghĩa đã gây xấu hổ cho Mi-ri-am, vì cả trại quân đều biết điều gì xảy ra với bà. Nhưng nó còn có nghĩa gây trì hoãn cho dân sự, cho cả trại quân, bắt họ phải chờ bà ta được phục hồi rồi họ mới có thể đi tiếp được. Kẻ phạm tội nổi loạn luôn luôn là nguyên nhân níu kéo và làm chậm tiến trình của dân sự Đức Chúa Trời.

Có một điều rất quan trọng đối với người lãnh đạo thuộc linh là, nếu họ càng được người ta tôn trọng thì trách nhiệm của họ lại càng nặng nề hơn. Và còn là điều nghiêm trọng đối với ai cố tình chiếm đoạt quyền hạn mà Đức Chúa Trời đã ban cho người khác, **“Kẻ (người có quyền cao hơn) có lỗi, hãy quả trách họ trước mặt mọi người, để làm cho kẻ khác sợ”** (ITi 5:20 NKJV). Chúa Giê-xu cảnh cáo rằng kẻ thù chúng ta có thể chính là những người nhà của mình (Mat 10:34-36 Mi 7:6).

“Hãy vâng lời kẻ dắt dẫn anh em và chịu phục các người ấy- bởi các người ấy tỉnh thức về linh hồn anh em, dường như phải khai trình, hầu cho các người ấy lấy lòng vui mừng mà làm xong chức vụ mình, không phàn nàn chi, vì ấy chẳng ích lợi gì cho anh em” (He 13:17).

“Hãy nhớ lại điều Giê-hô-va Đức Chúa Trời người làm cho Mi-ri-am dọc đường, khi các người ra khỏi xứ Ê-díp-tô” (Phu 24:9 NKJV).

5. KHỦNG HOẢNG TẠI CA-ĐE (Dan 13:1-14:45)

Tại Ca-đe Ba-nê-a, thuộc biên giới Ca-na-an, dân Y-sơ-ra-ên đã ngu xuẩn để vuột mất cơ hội tiến vào Đất Hứa và quyền hưởng sản nghiệp thừa tự của mình. Thất bại đầy tính bi kịch này đã làm cho cái tên “Ca-đe” này trở thành đồng nghĩa với sự thua trận và mất cơ hội. Sự suy vi của Y-sơ-ra-ên tại Ca-đe là điều nhắc nhở chúng ta ngày nay phải luôn nhớ cho rằng nếu chúng ta coi thường ý Chúa và đường lối Ngài thì thật là nguy hiểm. Có khi bạn sẽ phải cứ đuổi theo phần đời còn lại của mình trong sự lang thang vớ vẩn một cách vô ích mãi cho đến lúc lìa đời.

Mặc dù có những điều như một số bài Thánh Ca của chúng ta ca ngợi, Ca-na-an vẫn không phải là hình ảnh của thiên đường. Chắc chắn trên thiên đường sẽ không hề có trận chiến nào cả! Hơn nữa, Ca-na-an còn là bức tranh sản nghiệp thừa kế mà Đức Chúa Trời đã có dự định dành cho mỗi con cái Chúa ngày nay, là công việc Ngài luôn mong muốn chúng ta hãy làm, và là nơi Ngài muốn chúng ta chiếm lấy. Phao-lô gọi đó là **“việc lành mà Đức Chúa Trời đã sắm sẵn trước cho chúng ta làm theo”** (Eph 2:10 NKJV). Đức Giê-hô-va có kế hoạch hoàn hảo cho từng con cái Ngài, nhưng chúng ta có thể nhận lãnh được các phước hạnh này chỉ bởi đức tin và sự vâng lời mà thôi.

Tương tự dân Y-sơ-ra-ên cách đây nhiều thế kỷ qua, có nhiều Cơ Đốc nhân ngày nay đang bước đi bởi mắt thấy chứ không phải bởi đức tin, và do đó họ đã thất bại không hưởng được những điều tốt đẹp phước hạnh mà Đức Chúa Trời đã sắm sẵn cho họ. Họ không thể nói như Đa-vít đã nói, **“Tôi may được phần cơ nghiệp ở trong nơi tốt lành: Phải, tôi có được cơ nghiệp đẹp đẽ”** (Thi 16:6NKJV). Vậy Y-sơ-ra-ên đã làm gì tại Ca-đe khiến đem lại thất bại nhục nhã cho mình như thế? Họ đã phạm ít nhất năm tội kêu réo gây lộn xộn om sòm, và con cái Chúa ngày nay cũng có thể phạm những tội tương tự và họ cũng phải nhận lãnh thất bại nhục nhã giống như sự thất bại của dân Y-sơ-ra-ên ngày đó vậy.

1. Sự nghi ngờ Lời Chúa (Dan 13:1-25)

Đức Chúa Trời giải phóng dân sự Ngài ra khỏi Ê-díp-tô để họ có thể tiến vào Đất Hứa và nhận lãnh các phước hạnh mà Ngài đã sắm sẵn cho họ. Bốn mươi năm sau, thế hệ mới của Y-sơ-ra-ên vẫn còn được lời Môi-se nhắc nhở rằng, **“Ngài đã đem chúng ta ra khỏi xứ ấy, để dẫn vào xứ Ngài đã thề cùng tổ phụ chúng ta, để ban cho chúng ta”** (Phu 6:23 Exe 20:6). Đức Giê-hô-va có hứa ban xứ cho hậu tự của Áp-ra-ham, I-sác, và Gia-cốp (Sa 12:7 13:15 17:8 28:13 35:12) và Ngài cũng đã tái xác nhận lời hứa đó qua Môi-se (Xu 3:8,17 6:4,8 13:5 33:3).

Thậm chí, Đức Giê-hô-va còn nhắc lại với dân sự những lời Ngài đã hứa đó khi họ dờ trại tại Si-na-i để ra đi (Phu 1:6-8) và khi họ đến Ca-đe (c.20-21). Lời hứa của Đức Chúa Trời chính là chứng thư hợp pháp của Y-sơ-ra-ên đối với xứ và đó cũng là sự bảo đảm của Ngài với họ rằng họ sẽ đánh bại các kẻ thù mình. Lời hứa của Đức Chúa Trời là tất cả mọi sự mà dân Y-sơ-ra-ên cần, nhưng họ đã đi nghi ngờ Lời Ngài và bắt đầu bước đi bởi mắt thấy chứ không phải bởi đức tin.

Họ bước đi những bước đầu tiên trong sự lưỡng lự nghi ngờ khi họ đề nghị Môi-se hãy để cho họ đi điều tra do thám xứ trước lúc toàn thể dân tộc tiến vào giáp mặt với kẻ thù trên chiến trường (1:22 Gia 1:5-8). Môi-se đồng ý với đề nghị của họ (Phu 1:23) và lợi dụng sự cho phép của Chúa mà tiến hành kế hoạch đó (Dan 13:1-3). Tuy nhiên, có vẻ như là Đức Chúa Trời đang để cho người Do Thái đi theo đường riêng của họ không phải vì lý do con đường họ chọn đi là đúng, mà là vì Ngài muốn dạy cho họ một bài học. Họ cần học bài học tin cậy vào Lời Chúa, làm theo ý chỉ Ngài và đường lối Ngài chứ không phải làm theo ý họ (Ch 3:5-6).

Mười hai thám tử được chọn ra gồm những đấng nam nhi vốn là những người lãnh đạo khác nhau được kể tên trong Dan 1:1-2:34 7:1-89 10:1-36. Những thám tử này chắc chắn là những người trẻ tuổi cho nên họ mới có thể chịu đựng nổi những cơn lạnh rét buốt xương và những nguy hiểm xảy ra trong quá trình họ đi do thám xứ. Chúng ta gặp Ca-lép lần thứ nhất trong 13:6, nhưng ông còn được đề cập đến 31 lần nữa trong Kinh Thánh Cựu Ước. Ông và Giô-suê là những thành viên duy nhất của thế hệ lớn tuổi được đi vào Đất Hứa. Tất cả những người còn lại của thế hệ đó đều đã chết hết trong đồng vắng.

Chúng ta gặp Giô-suê lần đầu tiên trong Kinh Thánh là một vị tướng lĩnh tài ba của Y-sơ-ra-ên (Xu 17:8-16), đã đánh bại dân A-ma-lét, và ông còn là người giúp việc cho Môi-se (24:13 Dan 11:28). Cuối cùng ông trở thành người kế nhiệm Môi-se (27:15-20) và lãnh đạo Y-sơ-ra-ên chinh phục được Đất Hứa. Tên tộc của ông là Hô-sê, nghĩa là “sự cứu rỗi”, nhưng Môi-se đã đổi tên ấy thành “Giô-suê” có nghĩa “Đức Giê-hô-va là sự cứu rỗi”. Đó là tên có ý nghĩa khích lệ đức tin những người chiến sĩ và nhắc nhở họ rằng Đức Giê-hô-va đang chiến đấu vì họ.

Mười hai thám tử đi được khoảng 500 dặm trong suốt 40 ngày họ thực hiện cuộc do thám Ca-na-an, nhưng họ chẳng khám phá ra được thứ gì cả vì Chúa đã không nói cho họ biết! Họ có biết tên các dân ngoại đang sống trong xứ đó (Sa 15:18-21), rằng đó là một vùng đất tốt (Xu 3:8) màu mỡ, đượm sữa và mật (c.8,17). Họ nhìn thấy những trái cây dị thường của xứ và họ đã khiêng về một chùm nho khổng lồ cho dân sự cùng xem. Thậm chí họ còn đến thăm Hếp-rôn là nơi các tù trưởng của Y-sơ-ra-ên đã được chôn chung với vợ họ (Dan 13:22 Sa 23:2,19 49:29-31 50:13). Đây là sự nhắc nhở về đức tin của Áp-ra-ham, I-sác, Gia-cốp và Giô-sép đã khích lệ niềm tin của chính họ đặt nơi Chúa phải không? Cả 10 trong số 12 thám tử đó đều trả lời là không.

Cuộc do thám xứ có lẽ là ý tưởng hay xuất phát từ cái nhìn quân sự truyền thống, nhưng nó không phải là cái nhìn thuộc linh. Đức Chúa Trời đã sẵn sàng ban cho họ vùng đất đó và Ngài ra lệnh cho họ hãy tiến vào chiếm lấy nó. Ngài hứa ban cho họ chiến thắng, vì vậy tất cả những gì họ phải làm bây giờ là chỉ việc “hãy tin và vâng theo” mà thôi. Đức Giê-hô-va sẽ đi trước họ và đánh tan các quân thù của họ (Dan 10:33-36), nhưng dân sự bắt buộc phải bước đi bằng đức tin mới được. Và họ đã thất bại ở điểm này đây. Họ nghi ngờ rằng Đức Chúa Trời vẫn dư sức giữ lời hứa Ngài và chắc chắn sẽ cho họ ban xứ đó.

2. Sự ngã lòng của con dân Chúa (Dan 13:1-25) (Dan 13:26-33 Phu 1:26-28)

Có ai đó định nghĩa ủy ban là “một nhóm người mà nếu riêng từng người thì chẳng thể làm được trò trống gì và chẳng quyết định được gì cho tập thể hành động cả”. Bởi vì họ thiếu đức tin cho nên tất cả các thám tử ngoại trừ Ca-lép và Giô-suê đã ngã lòng nhụt chí không muốn tiến vào xứ và chiến đấu với quân thù nữa, sự sợ hãi, nản lòng của họ nhanh chóng lan

ra trong trại quân. Tính nghi ngờ đã biến thành sự vô tín và sự vô tín thì thường dẫn đến dấy loạn chống nghịch Chúa (Dan 14:9 He 3:16-19).

Thật gây chú ý biết bao khi 10 thám tử kia nhận định Ca-na-an là **“xứ mà người đã sai chúng tôi đi”** (Dan 13:27) và là **“Xứ mà chúng tôi đã đi khắp”** (c.32), chứ đó không phải là **“xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời của chúng ta đang ban cho chúng ta”**. Bởi vì 10 thám tử này đang bước đi bởi mắt thấy chứ họ không thực sự tin vào các lời hứa của Đức Chúa Trời. Họ nhìn vào dân bản xứ và bắt gặp những người khổng lồ; họ nhìn vào các thành phố của người Ca-na-an và trông thấy những bức tường thành cao ngất với các cổng được khóa chặt chắc chắn; họ nhìn vào chính mình và nhận thấy bản thân họ chẳng khác nào những con châu chấu bé nhỏ mà thôi. Giả như họ quan sát mọi sự đó bằng đức tin họ đặt nơi Đức Chúa Trời thì chắc hẳn họ sẽ thấy có một Đấng đầy quyền năng đánh bại mọi kẻ thù của họ và dưới mắt Ngài thì các dân trên thế giới này chỉ là những con châu chấu không hơn không kém (Es 40:22), **“Chúng ta không thể”** là tiếng kêu của kẻ vô tín (Dan 13:31), nhưng, **“đối với Chúa chúng ta tất cả mọi sự đều có thể”** (Dan 3:17 Phi 4:13).

Những điều Giảng Gardner nói về vũ đài chính trị có thể được ứng dụng vào chiến trường thuộc linh và bước đi bằng đức tin của Cơ Đốc nhân: **“Chúng ta cứ phải liên tục đối diện với hàng loạt các cơ hội lớn được ngụy trang một cách rục rỏ chói lòa và đó là những vấn đề không thể nào giải quyết được”**. Đức tin không được thử nghiệm thì không thể là đức tin thật, và Đức Chúa Trời thường hay thử nghiệm đức tin chúng ta để giúp chúng ta đảm bảo tính chân thực của nó (IPhi 1:1-9) và làm cho nó tăng trưởng, **“Đức tin trước hết là đến từ tai nghe”**, A. W. Tozer đã nói như vậy, **“chứ không phải đến từ khả năng nhận thức chín chắn”**. **“Như vậy, đức tin đến bởi sự người ta nghe, mà người ta nghe, là khi lời của Đấng Christ được rao giảng”** (Ro 10:17, NKJV).

Đối với thế gian vô tín, họ cảm thấy vô lý khi đi tin vào một Đức Chúa Trời mà họ chưa bao giờ gặp hoặc nghe tiếng nói, còn chúng ta thì có tất cả các bằng cứ khiến chúng ta tin rằng Đức Chúa Trời là Đấng đáng tin cậy và có quyền năng hoàn thành những gì Ngài nói Ngài sẽ làm. Những gì Ngài hứa, Ngài đều có thể thực hiện được cả (4:21). Y-sơ-ra-ên đã chứng kiến những việc Chúa làm đối với dân Ê-díp-tô và dân A-ma-lét (Xu 17:8-16), nên họ thấy chắc chắn Ngài sẽ không để cho dân sự thất bại đâu. sự vô tín rất nguy hiểm bởi vì nó sẽ khiêu khích thách thức bản chất của Đức Chúa Trời và nó sẽ nổi loạn chống nghịch lại ý muốn Ngài, **“Vả, không có đức tin, thì chẳng hề có thể nào ở cho đẹp ý Ngài (Đức Chúa Trời)”** (He 11:6), **“phàm làm điều chi không bởi đức tin thì điều đó là tội lỗi”** (Ro 14:23). Môi-se nhắc nhở dân sự nhớ lại những gì Đức Chúa Trời đã từng làm cho họ (Phu 1:29-33), thế nhưng họ vẫn tiếp tục làm bầm máng. Họ cứ khẳng khăng cho rằng tốt nhất là nên quay về Ê-díp-tô trở lại với đời sống nô lệ trước đây vậy.

Dan 13:26-33; xem giải nghĩa Dan 13:1-25

3. Sự bất chấp ý chỉ của Chúa (Dan 14:1-10)

Trong trại quân Y-sơ-ra-ên, sự vô tín và sự ngã lòng lan ra nhanh chóng từ người này sang người nọ, trước khi dẫn đến tình cảnh, “**Cả hội chúng bèn cất tiếng la lên, và dân sự khóc lóc trong đêm đó**” (c.1, xin chú ý thêm c.2,10). Ngày hôm sau, cả hội chúng lên tiếng phê bình, chỉ trích Môi-se và A-rôn, rồi họ khóc lóc than thở sao lại không chết đi cho xong ở Ê-díp-tô hay ở trong đồng vắng cũng được. Khi bạn chỉ lo mãi mê nhìn như dán mắt vào chính mình và hoàn cảnh mình, bạn sẽ đánh mất cái nhìn về tương lai, sẽ nói nhiều lời và làm nhiều điều buồn cười, lỗ bịch.

Tuy nhiên, dân Do Thái có một phần kỹ thuật thật dài về việc họ làm bầm chống lại Đức Giê-hô-va với các vị lãnh tụ của họ, và họ đã bị đoán phạt vì điều đó. Họ bắt đầu làm bầm kêu ca ngay từ đêm họ xuất khỏi Ê-díp-tô khi họ sợ hãi tin chắc rằng quân đội của Pha-ra-ôn sẽ tiêu diệt họ (Xu 14:10-14). Lúc Y-sơ-ra-ên đi vào đồng vắng Su-rơ, họ cần nhận oán trách vì không có nước uống (15:22-27), sau đó lại phàn nàn vì họ không còn có những bữa ăn ngon mà họ đã được ăn ở Ê-díp-tô hôm nào (16:1-36), “**Ôi! Chớ chi chúng tôi đã chết trong xứ Ê-díp-tô!**” là lời than van nơi cửa miệng của họ. Tại Rê-phi-dim, dân sự đã lấy đá ném Môi-se vì họ không có nước uống (17:1-7), và tại Tha-bê-ra, một số người trong dân sự làm bầm nên đã bị lửa thiêu chết (Dan 11:1-3). Sau đó không lâu, đám dân tạp lại sách động dân Do Thái đòi ăn thịt, Môi-se cảm thấy chán nản, thất chí vô cùng nên ông chỉ muốn chết quách cho rồi (c.4 đến hết đoạn).

Tại hầu hết các Hội Thánh, thường vẫn có đôi ba người thường xuyên có thói quen hay làm bầm, nói xấu, phê bình những người lãnh đạo thuộc linh, đôi khi họ cũng có bị kỷ luật; nhưng ở đây chỉ vì lòng vô tín của chính họ mà họ lại đang cùng nhau khóc lóc kêu rêu như thế! họ không chịu thừa nhận sự thất bại của mình; thay vào đó, họ lại đi đổ lỗi cho Đức Chúa Trời và quyết định chọn ra một lãnh tụ mới cho mình và quay về Ai Cập (14:3-4). Đây đúng là sự nổi loạn chống nghịch lại ý Chúa.

Khi con cái Chúa ở trong đường lối Ngài thì sẽ không có sự làm bầm nào, cho dù họ có gặp phải những hoàn cảnh khó khăn đến mấy đi chăng nữa. Đường lối Chúa sẽ không bao giờ dẫn chúng ta đi đến những nơi mà Chúa sẽ không thể ban nổi ân điển cho chúng ta hay không đủ quyền năng được bảo vệ chúng ta. Nếu chúng ta thường cầu nguyện hằng ngày thế này, “Xin ý cha được nên!” và nếu chúng ta bước đi trong sự thuận phục, thì chúng ta còn để làm bầm than trách về điều gì nữa? Đời sống thuộc linh hay làm bầm là bằng cứ của tấm lòng vô ơn và ý chí không thuận phục. Khi làm bầm, chúng ta sẽ dám bảo rằng chúng ta biết nhiều hơn cả Đức Chúa Trời về điều gì là tốt nhất dành cho dân sự Ngài! “**Phàm làm việc gì chớ nên làm bầm và lưỡng lự**” (Phi 2:14 NIV ICo 10:10).

Trong trại quân có bốn người có đức tin - Môi-se, A-rôn, Ca-lép, và Giô-suê - họ đã cố thay đổi hoàn cảnh. Môi-se và A-rôn sắp mặt xuống cầu nguyện xin với Đức Chúa Trời là công việc họ vẫn thường làm trong những năm đầu trước đó (Dan 16:4,22,45 20:6 22:31), còn Ca-lép và Giô-suê thì nói với dân sự và bảo đảm với họ rằng đoàn quân Do Thái có thể dễ dàng chiếm được xứ bởi vì Đức Chúa Trời ở cùng họ. Hai người này nhìn thấy tội lỗi thực sự của dân tộc chính là: sự dấy loạn chống nghịch lại Chúa.

Mười thám tử vô tín tranh cãi nhau, họ quả quyết xứ Ca-na-an chắc chắn sẽ “nuốt chửng” dân Do Thái (13:32), nhưng Giô-suê và Ca-lép nhìn thấy dân Ca-na-an mới chính là “bánh” để đoàn quân Do Thái “nuốt chửng” thì có (14:9). Dân Do Thái không ưa gì những điều Giô-suê và Ca-lép nói đó nên đã lấy đá ném hai người cùng với Môi-se và A-rôn nữa (c.10). Khi chúng ta bước đi bằng mắt thấy chứ không phải bằng đức tin, chúng ta sẽ không đủ nhận thức nhận biết những người bạn thực sự của chúng ta là ai, và chúng ta có thể sẽ quay sang đối đầu chống nghịch lại những người đã hết lòng giúp đỡ chúng ta nhiều nhất.

Ý chỉ Đức Chúa Trời là sự biểu lộ tình yêu Ngài dành cho dân sự Ngài, vì các chương trình kế hoạch Ngài đưa ra đều phát xuất từ tấm lòng của Ngài (Thi 33:11). Ý định của Ngài không phải là trừng phạt chúng ta mà là nuôi dưỡng chăm sóc (Gi 4:31-34); không phải gông cùm gây cho chúng ta đau đớn mà là những sợi dây yêu thương (Thi 2:3), nhưng những sợi dây yêu thương ràng buộc sẽ cột chặt chúng ta vào lòng Ngài để Ngài có thể dẫn dắt chúng ta đi đúng đường (Os 11:4). Những kẻ dấy loạn chống nghịch lại đường lối của Đức Chúa Trời đang phủ nhận sự khôn ngoan cả thể của Ngài, nghi ngờ tình yêu Ngài, và đang khiêu khích Chúa trừng phạt họ. Đôi khi Đức Chúa Trời phải “mắc một cái hàm thiếc và thắt dây cương” vào những kẻ nổi loạn để không chế họ và kiểm soát họ (Thi 32:8-9), đó là điều chẳng dễ chịu và thú vị chút nào.

Đức Chúa Trời muốn chúng ta nhận biết ý Chúa (Cong 22:14), hiểu được ý Ngài (Eph 5:17), lấy làm vui thích thỏa lòng về đường lối Ngài (Thi 40:8) và hết lòng vâng theo ý muốn Ngài (Eph 6:6). Khi chúng ta đầu phục Chúa, tin cậy Chúa và vâng theo Ngài, chúng ta sẽ “nếm biết” được ý muốn tốt lành của Ngài là thế nào (Ro 12:1-2). Thánh Linh Chúa sẽ trải Lời Ngài ra cho chúng ta hiểu được để giúp chúng ta nhận thức rõ điều Chúa muốn chúng ta làm là gì. Nhưng quan trọng hơn cả là chúng ta phải có thiện chí vâng theo Lời Chúa, nếu không Ngài sẽ không chỉ dạy cho chúng ta biết được điều chúng ta cần biết là điều gì (Gi 7:17). F.W. Robertson, một mục sư truyền giáo người Anh đã đứng khi ông nói rằng “sự vâng lời là cơ quan ngôn luận của sự hiểu biết thuộc linh. Nếu chúng ta không thiện chí vâng Lời Chúa, thì Ngài cũng sẽ không buộc mình phải tiết lộ cho chúng ta biết được ý muốn Ngài là gì”.

4. Sự xứng đáng với cơn đoán phạt của Chúa (Dan 14:11-13)

Đã nhiều lần, sự kiêu ngạo của Y-sơ-ra-ên trỗi lên khiêu khích Đức Chúa Trời trong đồng vắng, và Ngài đã đáp lại điều đó bằng sự đoán phạt (Phu 6:16 Thi 78:17-18,41,56 95:8-11 106:1-48). Giống như đứa trẻ ngu ngốc, dân Do Thái dường như không bao giờ có thể tiếp thu nổi bài học của mình. thay vì làm hài lòng Chúa là Đấng đã làm cho họ rất nhiều điều, họ lại đi chọc tức Ngài nổi giận và khích bác Ngài ra tay.

Sự kêu xin giùm (Dan 14:11-19): Tương tự như ông đã làm khi Y-sơ-ra-ên thờ lạy con bò bằng vàng (Xu 32:1-35), lần này Môi-se lại phải cầu xin giùm cho dân sự để làm nguôi cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Đối với lần thứ hai này, Đức Chúa Trời cho biết Ngài sẽ tạo nên một dân tộc mới từ

Môi-se và Ngài sẽ tiêu diệt hoàn toàn những người Do Thái lúc ấy (Dan 14:11), nhưng Môi-se không đồng ý. điểm nổi bật của những người lãnh đạo vĩ đại và có lòng tin kính Chúa là họ chỉ luôn luôn lo nghĩ đến việc đem lại những gì tốt đẹp cho dân chúng chứ không phải cho cá nhân họ. Thực vậy, Môi-se thậm chí còn muốn chịu chết để dân tộc Y-sơ-ra-ên khỏi bị Đức Chúa Trời tiêu diệt (Xu 32:32 Ro 9:1-3).

Môi-se biện luận với Chúa và trước hết ông lý sự rằng nếu Y-sơ-ra-ên bị Chúa tiêu diệt thì vinh quang Chúa sẽ bị lu mờ. Các dân khác có nghe về những điều Đức Chúa Trời đã làm tại Ai Cập, nhưng giờ đây nếu Chúa hủy diệt Y-sơ-ra-ên thì họ sẽ không còn kính sợ Ngài nữa. Họ sẽ bảo thế này, “Chúa đã đem được Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập, vậy mà giờ đây Chúa lại không đem nổi vào trong xứ. Điều này có nghĩa là các thần của Ca-na-an mạnh hơn Đức Giê-hô-va!” Sự quan tâm lớn nhất của Môi-se lúc bấy giờ là làm sao để Đức Chúa Trời được vinh hiển trước các dân các nước.

Môi-se đưa ra sự biện luận thứ hai nói về giao ước mà Đức Chúa Trời đã lập với các quan trưởng trước đó nhiều năm (Dan 14:6). Chúa có phán hứa với Áp-ra-ham, I-sác và Gia-cốp rằng Ngài sẽ ban cho họ xứ cho nên bây giờ Ngài không thể không giữ lời (Sa 13:17 15:7-21 28:13 35:12).

Còn ở lần biện luận thứ ba, Môi-se chỉ ra bản chất của Đức Chúa Trời và trưng dẫn lại những gì chính Ngài đã từng tuyên bố với ông trên Núi Si-na-i (Dan 14:17-18 Xu 34:6-7). Bởi vì Ngài là Đức Chúa Trời thánh khiết, do đó bắt buộc Ngài phải trừng phạt tội lỗi, nhưng vì Ngài cũng là Đức Chúa Trời nhân từ giàu lòng thương xót, cho nên Ngài hay tha thứ. Vậy, Ngài sẽ giải quyết tình trạng khó xử tiến thoái lưỡng nan này ra làm sao đây? Bằng cách Ngài ban chính Con Ngài để chịu chết trên cây thập tự, trả giá cho tội lỗi của cả thế gian. Vì thập tự giá này, Đức Chúa Trời công bình mà cũng chính là Đấng biện hộ cho tất cả những ai tin đến Đức Chúa Giê-xu Christ (Ro 3:21-31). Ngài luôn giữ đúng luật pháp thánh và bản chất của Ngài và Ngài sẽ sẵn lòng tha thứ cho những tội nhân nào ăn năn tin nhận Chúa Giê-xu Christ.

Đức Chúa Trời bởi ân điển và lòng thương xót đã tha thứ tội lỗi, nhưng trong sự tể trị thánh của Ngài, Ngài thường cho phép tội lỗi đó gây ảnh hưởng tồi tệ đáng buồn trên đời sống các tội nhân. Ngài không buộc các con cái phải gánh chịu trách nhiệm của cha mẹ mình, nhưng chúng có thể bị đau khổ vì tội lỗi của các bậc cha mẹ đã phạm. Vì có nhiều gia đình Do Thái thường bao gồm hai hoặc ba thế hệ cùng sống với nhau, điều này có nghĩa là cả đại gia đình sẽ phải chịu đau khổ vì tội lỗi của ông bà tổ tiên họ.

Sự tranh luận cuối cùng của Môi-se nhằm xin Chúa tha thứ cho Y-sơ-ra-ên là thực tế trước đó Đức Giê-hô-va đã tha thứ cho dân sự Ngài nhiều lần (Dan 14:19), ***“Ngài không đả chúng tôi theo tội lỗi chúng tôi,***

“Cũng không báo trả chúng tôi tùy sự gian ác của chúng tôi” (Thi 103:10 NKJV Exe 9:13). Việc Chúa tha thứ cho chúng ta không phải là sự khuyến khích chúng ta tiếp tục phạm tội, bởi vì Chúa sẽ trừng phạt những ai nổi loạn chống nghịch Ngài. Ngài tha thứ cho chúng ta để chúng ta hết

lòng kính sợ Ngài (Thi 130:4) và không còn ý định phạm tội nữa (Gi 8:10-11).

Sự tha thứ (Dan 14:20-22): Đức Chúa Trời bảo đảm với Môi-se rằng quả thật Ngài đã tha thứ cho tội lỗi họ (c.20), nhưng Ngài sẽ phải ngăn chặn họ phạm tội kéo tội lỗi ấy đưa họ đến với những hậu quả khủng khiếp khó lường được. Những người Y-sơ-ra-ên nổi loạn không quan tâm đến vinh quang Chúa, cho dầu chính vinh quang của Ngài đã dẫn đường họ đi mỗi ngày và nán lại phía trên đèn tạm mỗi đêm. Đức Chúa Trời muốn dùng Y-sơ-ra-ên để làm cho Ngài được vinh hiển khắp thế giới này (c.21 Thi 72:19 Es 6:3 2:14), thế nhưng họ đã thất bại một cách tệ hại.

Sự sửa phạt (Dan 14:23-38): Sự đoán phạt của Đức Chúa Trời gồm ba phần:

1) Cả dân tộc sẽ phải đi lưu lạc suốt 38 năm trường, do đó họ mất 40 năm ở trong đồng vắng, các thám tử phải đi do thám xứ mỗi ngày trong suốt 40 ngày.

2) Thời gian đó, thế hệ những người lớn tuổi kể từ tuổi 20 trở lên, sẽ phải chết hết chứ ai không được vào xứ cả, ngoại trừ Ca-lép và Giô-suê.

3) Mười thám tử vô tín kia sẽ bị giết chết vì họ đã đi phao tin đồn nhảm (c.36-38).

Dân Do Thái than khóc kêu ca muốn chết trong đồng vắng cho rồi (c.2), và họ lầm bầm rằng rồi đây con cái họ chắc sẽ bỏ mạng ở Ca-na-an (c.3); nhưng Đức Chúa Trời tuyên bố con cái họ sẽ sống tại Ca-na-an còn những người trưởng thành thì sẽ phải chết trong đồng vắng! Vì môi miệng của chính họ mà Đức Chúa Trời đã đưa sự đoán phạt tới. **[38]**

Hãy cẩn thận về những gì bạn nói với Chúa khi bạn lầm bầm, bởi vì Ngài có thể cất bạn đi vì những lời đó không chừng! Cuối cùng, sự đoán phạt khủng khiếp nhất của Đức Chúa Trời là Ngài cứ để cho họ tự đi theo đường riêng của họ.

Môi-se đã dẫn một đoàn người đưa tang dài nhất thế giới ra đi, còn Giô-suê và Ca-lép thì chứng kiến thế hệ của họ chết bỏ thây. **[39]** Nhưng Ca-lép và Giô-suê đã được lời phán hứa của Đức Chúa Trời khích lệ rằng cả hai người họ đều sẽ được vào trong xứ và hưởng được sản nghiệp thừa kế đó. Chính sự bảo đảm này đã khiến họ có sức chịu đựng trong suốt những ngày hành quân đầy gian nan của dân tộc, một sự rèn luyện giúp Ca-lép lẫn Giô-suê không vi phạm lỗi lầm gì. Niềm hy vọng đầy phước hạnh về sự tái lâm của Đấng Christ luôn khích lệ dân sự Chúa ngày nay hãy vượt lên trên mọi gian truân thử thách mà chúng ta đã, đang và sẽ trải qua trên bước đường chúng ta đi hành hương.

5. Sự bất tuân mạng lệnh Đức Chúa Trời (Dan 14:1-13) (Dan 14:39-45 Phu 1:41-46)

(Dan 14:11-13). Vào ngày kế tiếp sự thất bại thảm hại của mình, dân Do Thái được thông báo hãy tiếp tục ra đi thành một đoàn người dài dằng dặc vượt qua đồng vắng (Dan 14:25), thế nhưng dân chúng không chịu

nghe. Sự vô tín, tính hay làm bầm cùng với thái độ hay nổi loạn là những điều rất kinh khủng gây ra nhiều rắc rối tương chừng không bao giờ dứt trong đời sống kẻ dung dưỡng chúng, **“Sự kiêu ngạo đi trước, sự bại hoại theo sau. Và tánh tự cao đi trước sự sa ngã”** (Ch 16:18 NKJV).

Chắc trong dân Y-sơ-ra-ên đã **“có một sự thâm sâu rất lớn”** (Dan 14:39) và họ thú nhận, **“chúng tôi có phạm tội”** (c.40), [40] nhưng “sự thâm sâu” này chỉ là hối hận chứ không phải sự ăn năn thật. Dân Do Thái ân hận vì những hậu quả do tội lỗi họ gây ra chứ không phải hối hận vì chính bản thân họ đã phạm tội. Y-sơ-ra-ên nổi loạn chống nghịch lại Đức Chúa Trời và cướp đoạt sự vinh hiển Ngài, tuy nhiên họ bày tỏ ra tấm lòng đau thương thống hối hoặc sâu thăm vì đã phạm tội. Không giống Môi-se và A-rôn, họ đã không sấp mặt xuống tìm kiếm sự giúp đỡ của Chúa. Thay vào đó, họ đi từ sự nổi loạn đến sự kiêu căng ngạo mạn và đã tự dựa vào sức mình quyết đánh lại kẻ thù.

Thừa nhận tội lỗi không giống như xưng tội mình ra và trở về với Chúa tìm kiếm sự thương xót của Ngài. Dân Do Thái tưởng rằng họ có thể lập lại một sự bắt đầu mới bởi vì hiển nhiên Chúa sẽ ban sự tha thứ cho họ, nhưng họ đã nhầm. Đức Chúa Trời đã tha thứ tội lỗi họ, tuy vậy, Ngài cũng đã lập ra một kế hoạch mới làm trì hoãn cuộc chinh phục Đất Hứa của họ kéo dài gần 40 năm. Một dân tộc vô tín lại thêm có thái độ kiêu căng ngạo mạn sẽ không bao giờ đánh bại được các dân thế tục ở Ca-na-an. Nếu Y-sơ-ra-ên không hiểu đúng về Chúa, thì họ sẽ không bao giờ công nhận sự giúp đỡ của Chúa khi họ tìm kiếm để chinh phục xứ. [41]

Cả Môi-se lẫn hòm giao ước đều không rời khỏi trại quân (10:33-36), trụ mây không rời khỏi đền tạm, và những cái kèn bằng bạc cũng không được thổi lên. Vậy mà đoàn quân tạm thời kia lại dám đi ra chiến đấu! Từ được dịch “cố ý” trong 14:44 có nguồn gốc từ tiếng Hê-bơ-rơ nghĩa là “lên mình”, là “kiêu căng ngạo mạn, tự cho mình là quan trọng”. Quân lính Y-sơ-ra-ên tỏ ra rất kiêu ngạo, **“Chúng tôi sẽ đi lên chiến trận”**, và họ đã được Chúa trả lời bằng sự cảnh cáo, **“ta không ngự giữa các ngươi”** (Phu 1:41-42 NIV). Cho dù con người có ra sức nỗ lực cách mấy đi chăng nữa nhưng không được Đức Chúa Trời ban phước cho thì cũng vô ích mà thôi, vì Chúa Giê-xu có phán rằng, **“Không có Ta các ngươi chẳng làm chi được”** (Gi15:6).

Lời báo trước của Đức Giê-hô-va đã thành sự thật và đội quân Y-sơ-ra-ên đã bị thất bại nhục nhã. Không chỉ có dân A-ma-lét mà cả dân Ca-na-an nữa cũng đã đánh cho các lực lượng Y-sơ-ra-ên tan tác khi Y-sơ-ra-ên tấn công họ, họ còn tiếp tục truy sát đạo binh Y-sơ-ra-ên chạy về hướng bắc 100 dặm, xa tới tận Họt-ma. Đó là một ngày đáng buồn cho các hậu duệ của Áp-ra-ham, I-sác và Gia-cốp.

Tất cả các kinh nghiệm tại Ca-đe Ba-nê-a đã dạy chúng ta bài học rằng không gì thay thế được đức tin đặt nơi những lời phán hứa của Đức Chúa Trời và sự tuân theo các mạng lệnh Ngài. Đức tin là chỉ đơn giản vâng theo Đức Chúa Trời bất kể chúng ta cảm thấy thế nào, nhìn thấy điều gì, hoặc chúng ta có thể nghĩ đến chuyện gì. Khi dân sự Chúa tin cậy vâng lời, Ngài

sẽ rất hài lòng và lấy làm vui thích thực hiện nhiều công việc lạ lùng để đáp lại sự tin cậy vâng lời đó , bởi vì việc ấy sẽ làm vinh hiển danh Ngài.

Henry L. Mencken, một người Mỹ theo thuyết bất khả tri, là chủ bút của một tờ báo định nghĩa đức tin như sau, “đó là tin vào những chuyện không thể xảy ra được một cách thật phi lý”. Mark Twain viết về đức tin thế này, “đó là tin những điều bạn biết là không tài nào xảy ra”. Cả hai định nghĩa trên đều sai.

D. L. Moody, một nhà truyền giáo có nói rằng, “Đức tin thật là sự yếu đuối của loài người nương dựa vào sự mạnh mẽ của Đức Chúa Trời”. Hãy đón nhận Chúa qua Lời Ngài và chứng minh điều đó bằng cách làm theo những gì Ngài bảo chúng ta .

Y-sơ-ra-ên thất bại là ở chỗ đó.

Chúng ta đừng bắt chước theo gương họ!

Dan 14:1-45; xem giải nghĩa Dan 14:1-13

6. VỀ VẤN ĐỀ NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN (Dan 15:1-17:13)

Những sự kiện được mô tả trong các phân đoạn Kinh Thánh này có lẽ đã xảy ra ngay sau thất bại đầy bi kịch của Y-sơ-ra-ên tại Ca-đe Ba-nê-a, và rõ ràng chúng ta đã cho thấy dân sự vẫn không học được bài học phải tin cậy vâng lời như thế nào. Không hiểu sao Đức Giê-hô-va lại loại bỏ thế hệ lớn tuổi hơn và tạo lập một thế hệ mới chỉ toàn là những người trẻ.

Đức Chúa Trời có lời quan trọng khích lệ thế hệ trẻ đó, “*Khi các ngươi vào xứ mà ta ban cho các ngươi đang ở*” (15:1-2 NIV). Thế hệ trẻ này phải đương đầu với 38 năm đi lang thang lưu lạc, nhưng Đức Giê-hô-va cam đoan rằng sẽ có một ngày họ được vào xứ thừa hưởng sản nghiệp thừa kế của mình. Những người con cháu này phải chịu đau khổ vì có tội lỗi của cha mẹ ông bà tổ tiên họ và phải tham gia vào đoàn người đưa tang dài nhất trong lịch sử nhân loại.

Thế hệ lớn tuổi hơn của dân Y-sơ-ra-ên thường hay không chịu đầu phục quyền năng của Lời Chúa cũng như quyền hành của các nhà lãnh đạo vốn đã được Chúa chỉ định. Cơ Đốc nhân ngày nay cũng phạm phải những tội lỗi tương tự, và nhiều hậu quả xảy đến là những chứng cứ cho điều đó: nhiều Hội Thánh bị phân hóa, chia rẽ, nhiều gia đình trở nên bất thường, nhiều cá nhân con cái Chúa trở nên bất tuân đi lang thang hết nhà thờ này đến nhà thờ nọ mà chẳng làm được gì kết quả cho Chúa cả. Trừ phi chúng ta đầu phục Lời Chúa và các vị lãnh đạo đã được Chúa chọn (He 13:7-9,17), nếu không, chúng ta sẽ không thể nào nhận được sản nghiệp thừa tự trong Đấng Christ cả (Eph 2:10) và sẽ không thực hiện thành công kết quả những việc Chúa muốn chúng ta làm.

1. Quyền năng của Lời Chúa (Dan 15:1-41)

Đức Giê-hô-va muốn thế hệ mới tiến vào Đất Hứa và hưởng lấy xứ nhiều năm, nhưng niềm vui sướng phước hạnh đó sẽ tùy thuộc vào sự vâng Lời Chúa của họ. [42] Môi-se đã ban cho họ bốn lời chỉ giáo đặc biệt mà Cơ Đốc nhân ngày nay cũng cần phải lưu ý đến.

Hãy làm đẹp lòng Đức Giê-hô-va (Dan 15:1-21). Cụm từ, “**dâng một của lễ có mùi thơm cho Đức Giê-hô-va**” được tìm thấy 5 lần trong đoạn kinh này (c.3,7,10,13-14) và có nghĩa là, “**hương vị làm hài lòng Chúa**”. Năm của lễ căn bản theo luật Môi-se gồm có của lễ thiêu, của lễ chay, của lễ thù ân, của lễ chuộc tội, và của lễ chuộc sự mắc lỗi (Le 1:1-7:38). Ba của lễ đầu là những của lễ có “mùi thơm”, được chế biến dâng lên làm hài lòng Chúa, còn của lễ chuộc tội và của lễ chuộc sự mắc lỗi không có “mùi thơm” bởi vì chúng được dùng giải quyết cho vấn đề mắc lỗi và phạm tội, và đối với Chúa khi nói đến tội thì không gì có thể làm hài lòng Ngài.

Của lễ thiêu tượng trưng tiêu biểu việc người thờ phượng Chúa dâng mình trọn vẹn cho Đức Chúa Trời, vì con sinh được thiêu hoàn toàn trên bàn thờ. Của lễ chay (gồm ngũ cốc) nói về việc người thờ phượng Chúa dâng hiến công sức và thành quả lao động của họ cho Chúa, còn của lễ thù ân tiêu biểu cho mối tương giao phước hạnh vui vẻ và sự biết ơn Chúa về những ơn phước của Ngài. [43]

Các của lễ được bàn đến trong những câu này là những sự biểu lộ tự nhiên của lòng kính mến và biết ơn Chúa. Cùng với những của lễ này, người thờ phượng được chỉ dạy dâng 1/10 ê-pha bột lọc [44]

Bột loại ngon trộn chung với khoảng một lít dầu, một phần được để trên bàn thờ và phần còn lại thì cho thầy tế lễ. Người đến thờ phượng cũng mang tới một lít rượu cho thầy tế lễ dùng đổ ra trên nền bàn thờ chỗ huyết con sinh tế bị đổ ra. Đối với những con sinh lớn hơn thì lượng bột, dầu và rượu cũng được tăng theo với tỉ lệ cân đối.

Dân Do Thái vẫn chưa trở thành dân nông nghiệp mãi cho đến khi họ định cư trong xứ, sau đó họ chỉ chuyên trồng nho, trồng cây ô-li-ve, và canh tác các loại cây ngũ cốc. Thêm vào với bột, dầu và rượu dùng để làm của lễ, người đến thờ phượng Chúa còn phải mang tới dâng cho Ngài bông trái thành quả của sự lao động như là chứng cứ của sự nhân từ Ngài. Ngày nay, chúng ta đem tiền bạc đến dâng cho Chúa, và chúng ta sẽ không kiếm được tiền nếu như Ngài đã không ban cho chúng ta công ăn việc làm và khả năng làm việc (Phu 8:18).

Cơ Đốc nhân ngày nay xem bột mịn ngon là hình ảnh Chúa Giê-xu Christ, là Bánh Hằng Sống (Gi 6:1-71), Đấng đã phó dâng chính mình Ngài cho Đức Chúa Trời vì cơ chúng ta, “**như một thức hương có mùi thơm**” (Eph 5:2). Bột mịn cũng được xem như sự nhận biết Đức Chúa Trời là cội nguồn của tất cả lương thực nuôi sống chúng ta. Dầu tượng trưng Đức Thánh Linh (Xa 4:1-14), và rượu nhắc chúng ta hãy luôn thỏa vui nơi Chúa (Thi 104:15) [45] Chắc chắn Chúa sẽ rất hài lòng khi dân sự tự động tạ ơn Ngài về những phước hạnh thuộc thể lẫn thuộc linh mà Ngài đã thành tín ban cho họ hết sức rỗi rộng và dư dật.

Còn của lễ quán, đã được đổ ra trên nền bàn thờ, tượng trưng cho đời sống được tuôn đổ cho Chúa. Trên thập tự giá, Chúa Giê-xu, “**đã đổ mạng sống mình cho đến chết**” (Es 53:12 NKJV) để hể bất cứ ai tin Ngài thảy đều có thể nhận được sự sống đời đời. Khi chúng ta hầu việc Đức Giê-hô-va với tinh thần tận hiến, chúng ta sẽ giống như “**của lễ quán**”, đời sống mình

được đổ ra để phục vụ nhiều người khác nữa và để làm vinh hiển Chúa (Phi 2:17 IITi 4:6 IISa 23:14-17).

Những dân đồng minh sống giữa vòng người Do Thái được phép đem các của lễ có mùi thơm dâng cho Chúa (Dan 15:14-16), nhưng ở đây họ làm vậy cũng chẳng có ý nghĩa gì vì họ chưa chịu phép cắt bì (Xu 12:48). Ngay cả các nam nhi Do Thái cũng không được làm dấu của sự giao ước trong thời gian Y-sơ-ra-ên đi lưu lạc nhiều năm vì dân tộc đã nổi loạn chống nghịch Đức Chúa Trời và phá vỡ giao ước với Ngài. Các nam nhi thuộc thế hệ mới đều được đánh dấu giao ước khi họ tiến vào Đất Hứa (Gios 5:1-8).

Cuối cùng, phụ nữ Y-sơ-ra-ên được truyền lệnh phải đem dâng một phần bột nhào cho Đức Giê-hô-va, dâng lễ hoa quả đầu mùa tượng trưng cho sự nhận biết Ngài là Chúa của đời sống họ (Dan 15:17-21), ***Hãy lấy tài vật và huê lợi đầu mùa của con. Mà tôn vinh Đức Giê-hô-va***” (Ch 3:9). Câu Kinh Thánh Cựu Ước này có nội dung như trong Mat 6:33.

Hãy tìm kiếm Chúa (Dan 15:22-29): Các của lễ này đã được mô tả trong Le 1:1-7:38 quan tâm đến vấn đề tội lỗi đã vi phạm, nhưng ở đây là nói về sự vi phạm không cố tình, là những điều mà người ta đáng lý ra đã không nên làm. Có lẽ đây là sự vi phạm chung có liên quan đến toàn dân tộc (15:24-26) hoặc đó chỉ là sự vi phạm của cá nhân nào đó (c.27-29). Dân sự mặc dù phạm tội nhưng lại không nhận ra tình trạng của mình, và đó cũng là tội, bắt buộc họ phải giả quyết nó. “Tôi đã không biết” là câu sẽ chẳng có ý nghĩa giá trị gì tại ngai của Đức Chúa Trời.

Những kẻ phạm tội phải đến với con đường mà Chúa đã vạch ra để Ngài có thể tha thứ cho họ và phục hồi họ, đưa họ đến với mối tương giao và phước hạnh. Nếu cả dân tộc đều phạm tội, thì họ phải đem đến một con bò con dùng làm của lễ thiêu (sự dâng mình), cùng với của lễ quán theo quy định và của lễ chay, họ cũng phải dùng một con dê đực làm của lễ chuộc tội (sự chuộc tội). Còn hễ cá nhân nào phạm tội thì người đó phải đem đến một dê cái vừa giáp năm tuổi để làm của lễ chuộc tội. Đức Chúa Trời hứa tha thứ cho những ai thực sự hết lòng tìm kiếm Ngài bằng đức tin (c.25-26,28). Dĩ nhiên, có sự tha thứ không phải vì nhờ vào huyết con sinh, nhưng là nhờ bởi Đấng Christ đã đổ huyết Ngài ra thay cho các tội nhân, làm ứng nghiệm đầy đủ ý nghĩa tượng trưng của các con sinh tế này (He 10:1-18).

Đôi khi chúng ta phạm tội chống nghịch Chúa qua những việc chúng ta làm, và thỉnh thoảng bởi những điều chúng ta không làm (Lu 7:36-50). Những tội vi phạm do vô tình không phải tự nhiên được tha thứ ngay bởi vì chúng ta vô tâm nên mới quên các mạng lệnh Chúa; những tội lỗi này phải được xưng ra với Chúa lúc chúng ta xưng nhận những tội vi phạm do làm lỡ (1:9). [46]Việc Đức Chúa Trời tha thứ cho những tội lỗi vi phạm do không cố ý không có nghĩa là Ngài đã “dễ dãi với tội lỗi”, bởi lẽ huyết vẫn phải được đổ ra trước khi tội nhân có thể được tha thứ.

Hãy kính sợ Chúa (Dan 15:30-36): Đối với tội “quá kiêu căng, tự phụ” tức là tội kiêu ngạo, cố tình không tuân theo luật lệ Chúa, thì chúng ta nên biết rõ rằng sẽ có liên quan đến những hiểm họa khôn lường. Từ này trong

tiếng Hê-bơ-rơ theo nghĩa đen có nghĩa là “phạm tội với bàn tay giơ lên cao” tức là khi người ta đưa nắm đấm của mình ra dứ dứ trước mặt Đức Chúa Trời và thách thức Ngài làm điều gì đó. Hễ những ai **“*Chẳng có sự kính sợ Đức Chúa Trời ở trước mặt chúng nó*”** (Ro 3:18) thì chắc chắn họ sẽ phạm những tội kiêu căng tự phụ này.

Đức Chúa Trời truyền lệnh hãy loại bỏ những kẻ phạm tội trên ra khỏi dân tộc, nghĩa là phải lấy đá ném họ cho đến chết. Họ là những người không chỉ bất tuân Luật Pháp Đức Chúa Trời mà còn bất chấp ý Chúa và coi thường Lời Ngài. Không có của lễ nào được Chúa ban ra để chuộc tội cho những tội ý quyền ý thế lên mặt kiêu ngạo coi người khác không ra gì như vậy, do đó sẽ không thể có sự tha thứ được Chúa chấp thuận tại bàn thờ. [47]

Môi-se ghi nhận một ví dụ về tội kiêu ngạo, xem thường Luật lệ Chúa, đó là chuyện kể lại việc có một người nọ đi lượm nguyên liệu chất đốt vào ngày Sa-bát (Dan 15:32-36).

Chắc chắn người này vốn biết rõ các mạng lệnh Chúa (Xu 20:8-11 31:12-17), và như vậy tức là anh ta đã cố tình không tuân theo chúng. Hình như anh ta đi lượm củi để về nhóm bếp đun nấu, và đó chính là hành động chống lại Luật Pháp Chúa không được phép đốt lửa lên trong ngày Sa-bát (35:1-3). Đây là một kinh nghiệm mới mẻ đối với dân Do Thái, vì thế Môi-se đã tìm kiếm ý chỉ của Chúa, và Ngài nói với ông hãy bảo dân sự lấy đá ném kẻ phạm tội láo xược này cho đến chết.

Thật nguy hiểm cho những Cơ Đốc nhân nào phát biểu rằng, “Tôi sẽ đi đi dẫn đầu và cứ việc phạm tội, bởi vì sau đó, tôi có thể xin Chúa tha thứ cho tôi!”. Họ bắt gặp lời hứa của Chúa trong (IGi 1:9) và họ liền tách rời câu Kinh Thánh ấy ra đem ứng dụng cho mình sau khi họ cố ý bất tuân với Đức Chúa Trời.

Những ai tự xưng mình là Cơ Đốc nhân mà lại cố tình phạm tội thì có lẽ đó chẳng phải Cơ Đốc nhân (Ro 6:1-23 IGi 3:7-10 5:1-5,18) còn những ai là con cái Chúa thật sự nhưng lại nuôi dưỡng, dung túng thái độ sống cầu thả thì họ sẽ bị Đức Chúa Cha sửa phạt cho đến chừng nào họ đâu phục ý muốn Ngài mới thôi (He 12:3-15). Khi sắp sửa qua đời, Nhà thơ Heine người Đức có nói, “Chắc chắn Đức Chúa Trời sẽ tha thứ cho tôi vì đó là công việc của Ngài mà!”, không những ông đã hiểu được sự khùng khiếp của tội lỗi ra sao mà ông cũng chẳng rõ giá cao phải trả cho ân điển của Đức Chúa Trời cỡ nào.

Hãy luôn nhớ đến Chúa (Dan 15:37-41): Một đời sống bận rộn chắc chắn luôn có nhiều nhu cầu đòi hỏi, và cũng có nhiều sự sao lãng, vì thế Đức Chúa Trời đã ban cho dân sự Ngài một cách đơn giản là họ cần luôn nhớ phải có bốn phạm tuân theo Luật Pháp của Ngài. Ngài bắt buộc họ đính những nút tua rua lên phía trên của áo choàng ngoài của họ, các tua rua đó phải được dệt bằng chỉ màu xanh da trời. Những tua áo này luôn nhắc nhở rằng dân Do Thái là dân tộc giao ước của Đức Chúa Trời và họ không giống với bất cứ dân tộc nào khác (Phu 22:12 Xa 8:23 Mat 23:5). Những

người Do Thái chính thống thời nay đều vẫn có dính những tua rua này trên khăn choàng dùng khi cầu nguyện của họ.

Vào buổi sáng mỗi khi ăn mặc như vậy, người Do Thái sẽ nhìn thấy các nùm tua rua đó thì họ ắt sẽ được nhắc nhở rằng họ là dân sự của Đức Chúa Trời, phải có bốn phận làm theo ý chỉ của Ngài. Có lẽ những sợi chỉ màu xanh kia sẽ nhắc họ nhớ Đức Chúa Trời của họ đang ở trên trời nhìn thấy tất cả những gì họ đã làm. Khi họ đi dạo đâu đó ban ngày, họ sẽ nhìn thấy các tua áo đó thì họ sẽ nhớ đến các mạng lệnh Chúa, và đồng thời khi sắp sửa đi ngủ vào ban đêm cũng vậy. Ban ngày cho dù họ có trông thấy bao nhiêu thần tượng đi chẳng nữa cũng không thành vấn đề, vì chỉ có Đức Giê-hô-va duy nhất, là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên Đấng đã giải cứu họ thoát khỏi Ai Cập, cho nên họ phải thờ lạy và hầu việc một mình Ngài mà thôi, *“Hỡi linh hồn ta, hãy ngợi khen Đức Giê-hô-va, Chớ quên các ân huệ của Ngài.”* (Thi 103:2).

2. Thẩm quyền của các thầy tư Chúa (Dan 15:1-41) (Dan 16:1-17:13)

Khi bạn ôn lại lịch sử Y-sơ-ra-ên, từ Ê-díp-tô đến Ca-na-an, bạn sẽ khám phá ra hễ lúc nào dân tộc chống đối lại quyền lãnh đạo của Môi-se và A-rôn thì y như rằng họ đều rơi vào trong gian truân, khốn đốn. Bất cứ khi nào Đức Chúa Trời thấy cần xây dựng đức tin của dân sự Ngài, thì Ngài thường hay đem họ vào trong những hoàn cảnh khó khăn nan giải, và những lúc ấy dân sự liền phản loạn chống nghịch Môi-se với A-rôn, đổ lỗi tại hai người mà giờ đây họ mới bị rơi vào cảnh ngộ khốn khổ tuyệt vọng như vậy, thế rồi họ đưa ra ý định muốn trở về lại Ê-díp-tô.

Những phân đoạn Kinh Thánh này ký thuật hai sự thách thức đối với thẩm quyền lãnh đạo của Môi-se và A-rôn, thách thức thứ nhất là của người Lê-vi (Dan 16:1-35), và thách thức thứ hai là của toàn bộ phần dân tộc còn lại (c.41-50). Mỗi thách thức mang tính đối đầu này rõ ràng đã trở thành điều nhắc nhở người Do Thái về sự phản loạn của họ: những tấm đồng được dát mỏng dùng để bọc bàn thờ (c.36-40) và cây gậy của A-rôn đã nở hoa (17:1-13).

Sự đương đầu thứ nhất (16:1-35): Mặc dù đã được Đức Chúa Trời làm rất nhiều việc vì có họ và dạy dỗ họ, thế nhưng dân Y-sơ-ra-ên vẫn không phải là một dân tộc có suy nghĩ thuộc linh (Phu 31:16-30). Họ vẫn tiếp tục chứa đựng hình ảnh Ê-díp-tô trong tim mình, và họ cứ thường xuyên thèm khát, mơ tưởng đến các thần tượng của họ trước đó ngay cả lúc họ đang hành quân vượt qua đồng vắng (Am 5:25-26 Cong 7:42-43). Môi-se là một vị lãnh đạo tin kính Chúa, và dân Y-sơ-ra-ên nếu biết vâng theo những gì ông dạy dỗ, thì ắt hẳn họ đã trở thành một dân tộc tin kính như ông vậy.

1. Cô-rê, nhà lãnh đạo quý tộc (Dan 16:1-3): Là một người Lê-vi thuộc dòng họ Kê-hát, cho nên Cô-rê chắc hẳn là nhà lãnh đạo tài ba vì ông có khả năng khích lệ, động viên, tuyển mộ được 250 *“người có danh giá”* từ các chi phái. Trên thực tế, đoạn sách này đã đưa ra bằng chứng của ông nhằm gợi ý rằng ông là một nhân vật quan trọng. 27:3 cho biết về những người từ các chi phái khác nhau đều có tham gia vào cuộc phản loạn, vì vậy mưu đồ dấy loạn lúc bấy giờ đã mang tính toàn quốc. Người nhà Kê-hát có

nhiệm vụ khiêng các vật dụng trang thiết bị của đền tạm đi mỗi khi Y-sơ-ra-ên hành quân đến một nơi tạm trú mới, và họ đóng trại ở phía nam đền tạm, là phía bên kia của Gát, Si-mê-ôn và Ru-bên. Có lẽ điều này giải thích lý do tại sao Cô-rê lại có thể rủ rê lôi kéo được Đa-than, A-bi-ram và Ôn, cả ba đều là người của chi phái Ru-bên tham gia vào chiến dịch dấy loạn của ông.

Hễ khi nào bạn thấy có sự lăm bằm và sự phản loạn giữa vòng dân sự Đức Chúa Trời, thì thường thường sẽ có “lý do rõ ràng” hoặc “lý do được giấu kín nào đó”. Cô-rê **đã công khai** lăm bằm Môi-se và A-rôn về “công việc điều hành quản lý” của họ, rằng họ đã không tạo điều kiện cơ hội cho dân sự tham dự vào. Ông muốn có sự dân chủ hơn trong trại quân. Cuối cùng, Đức Chúa Trời đã ngự trong toàn bộ trại quân và tất cả dân tộc phải là “vương quốc toàn những thầy tế lễ” (Xu 19:3-6), cho nên ông thắc mắc, Môi-se và A-rôn là ai mà lại được cất nhắc lên làm lãnh đạo điều phối công việc người khác như thế? Còn lý do **được giấu kín** là Cô-rê rất muốn người Lê-vi cũng phải được có đặc quyền giống như Môi-se và A-rôn cùng các con trai ông vậy (Dan 16:10). Cô-rê không bằng lòng với sự phân công mà Chúa đã phân cho các thầy tế lễ; ông muốn trở thành một thầy tế lễ.

Dù đối với trại quân Y-sơ-ra-ên thời cổ đại hay là đối với một thành phố hiện đại nào đi chăng nữa, thì không hề có một xã hội nào có thể hoạt động được mà lại không cần đến sự tác động lệ thuộc qua lại. [48] Phải có ai đó chịu trách nhiệm trông nom coi sóc. Cha mẹ có quyền trong gia đình, thầy cô giáo có quyền nơi trường lớp, các nhân viên quản lý chịu trách nhiệm giám sát hướng dẫn trong các nhà máy, công ty, xí nghiệp, còn những cán bộ dân sự thì có quyền ở cấp thành phố hoặc quốc gia (Ro 13:1-13 IPhi 2:11-25). Khi trật tự kỷ cương này bị phá vỡ thì xã hội ắt sẽ rơi vào những khó khăn, rắc rối nghiêm trọng. Đức Chúa Trời chọn Môi-se làm lãnh đạo dân sự, A-rôn thì làm thầy tế lễ thượng phẩm, do đó hễ ai chống đối lại sự sắp xếp bố trí này tức là người đó đã nổi loạn chống nghịch lại ý chỉ và đường lối của Đức Chúa Trời, khiến đưa đến sự phân rẽ, phân hoá sâu sắc rất nguy hại trong nội bộ trại quân.

Những tham vọng ích kỷ của cá nhân muốn trở nên vĩ đại và có quyền hành trong tay là đề tài phổ biến trong Kinh Thánh, không biết có phải Cô-rê đã chống đối Môi-se và A-rôn cũng chỉ vì lý do trên hay không, Áp-sa-lôm thì coi thường cha mình (II Sa 15:1-37), A-đô-ni-gia đòi mảo miện (IV Vua 1:1-53), còn các môn đồ đã tranh luận với nhau xem ai là người vĩ đại hơn hết (Lu 22:44), hoặc Đê-ô-trép thì ưa thích có được quyền hành cao nhất trong Hội Thánh địa phương (IIIGi 1:9-10). Vậy, vị trí quan trọng nhất trong đời sống Cơ Đốc nhân là vị trí do Đức Chúa Trời chọn cho, là vị trí Ngài vốn sẵn sẵn cho chúng ta và sửa soạn chúng ta cho ý muốn, đường lối Ngài. Điều quan trọng ở đây không phải là cấp bậc địa vị mà là sự trung tín, làm tốt công việc Chúa muốn chúng ta phải làm. Mỗi thành viên của Hội Thánh là chi thể của Đấng Christ cần phải có ân tứ thuộc linh để được Chúa sử dụng phục vụ nhiều người khác, do đó, mọi thành viên đều có vai trò quan trọng đối với Chúa và đối với Hội Thánh (ICo 12:14-18).

2. *Môi-se vị lãnh đạo rất khiêm nhu* (Dan 16:4-11): Như trước đây ông đã từng làm, giờ ông lại đang sấp mặt xuống trước Đức Giê-hô-va (14:5,22 16:22,45 20:6 22:31). Ông không tranh luận với Cô-rê cùng đám đông theo Cô-rê, nhưng ông cố gắng thay đổi suy nghĩ của họ, vì ông biết họ có mục đích muốn đoạt lấy chức thầy tế lễ, là việc mà Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ cho phép xảy ra. Chúa sẽ chỉ cho Cô-rê cùng với những kẻ theo ông ta biết rằng họ đã sai phạm ra sao, và sự kiêu ngạo của họ rất cuộc rồi đây ắt sẽ dẫn họ đến với sự hủy diệt đã dành sẵn cho họ (Ch 16:18).

Môi-se đưa ra một thách thức đơn giản. Nếu Cô-rê cùng đám tùy tùng của ông quả thật là những thầy tế lễ được Đức Chúa Trời chấp nhận, thì họ hãy đem những lư hương của họ tới đền tạm xem thử Chúa có chấp thuận họ hay không. Chắc chắn những kẻ phản loạn này đều vẫn còn nhớ những gì đã xảy ra với Na-đáp và A-bi-hu khi hai người đó liều mạng đem “một thứ lửa lạ” đến trước mặt Đức Giê-hô-va (Le 10:1-20), nhưng sự cảnh cáo này vẫn không ngăn cản được họ.

3. *Môi-se vị lãnh đạo nổi giận* (Dan 16:12-17): Môi-se gọi Đa-phan và A-bi-ram đến họp, nhưng họ từ chối không đến. Chẳng thấy nói gì về Ôn cả, có lẽ ông đã khôn ngoan rút ra khỏi cuộc nổi loạn đó. Sự kiêu căng tự phụ của Đa-phan và A-bi-ram đã gây ra rắc rối phiền phức vô cùng, họ không chỉ không vâng lời Môi-se nhưng còn đổ thừa tại ông mà dân Y-sơ-ra-ên đã phạm tội ở Ca-đe Ba-nê-a! Thậm chí họ còn gọi Ê-díp-tô là “xứ đượm sữa và mật”, đồng thời họ lên án Môi-se, cho rằng Môi-se đã tự tôn mình lên làm quan trưởng để “đè đầu cõi cổ” dân sự. Không phải nghi ngờ gì nữa, đúng là những người thiếu hiểu biết thuộc linh này đã ấp ủ trong lòng họ sự ghen ghét đố kỵ người khác và tham vọng muốn chiếm đoạt lấy chức vụ, địa vị lãnh đạo cho chính mình.

Một lần nữa, Môi-se đã không tranh cãi với những kẻ phản loạn; ông cầu nguyện với Chúa xin Ngài minh oan cho ông. Cơn giận của Môi-se không phải là sự cáu giận ích kỷ tư lợi; mà đó là cơn thịnh nộ chính đáng của một người thanh liêm chính trực chỉ mong muốn điều duy nhất là làm vinh hiển Đức Chúa Trời. Có sự nổi giận vì lẽ công bình mà dân sự Chúa có lẽ đã cảm nhận được khi các tội nhân phủ nhận, gạt bỏ ý chỉ đường lối Chúa, và đi xúi giục cám dỗ nhiều người khác phạm tội nữa (Xu 32:19 IICo 11:29 Mac 3:5 Eph 4:26).

4 *Đức Giê-hô-va là Quan Án công bình* (Dan 16:18-35): Sáng hôm sau, Cô-rê và những kẻ theo ông đã có mặt cùng với các lư hương, đến đứng trước mặt Môi-se với A-rôn tại lối cổng vào đền tạm, còn Đa-phan và A-bi-ram cùng với gia đình thân bằng quyến thuộc của họ đứng tại các cửa lều trại ở phía nam đền tạm. Chúng ta có thể hình dung ra khung cảnh của bầu không khí yên lặng khủng khiếp đến rợn người đang bao trùm ở đó, một lát sau, vinh quang Đức Chúa Trời xuất hiện (14:10 20:6 Xu 16:10-12) và có tiếng của Chúa phán ra. Giờ khắc xử án của Chúa đã đến!

Môi-se và A-rôn, là những nhà lãnh đạo chân thật, liền sấp mặt xuống trước Chúa cầu xin giùm cho dân tộc. Nhưng tại sao vì tội lỗi của hai người này mà tất cả mọi người đều sẽ phải chết? Môi-se thường xuyên cầu xin

giùm cho dân sự, nhưng có lẽ họ chẳng ưa thích những việc ông đã làm vì họ. Đối với cả lần trước lẫn lần này, Đức Chúa Trời thấy đều rất muốn tiêu diệt toàn bộ dân tộc, nhưng sự cầu xin giùm của Môi-se đã cứu sống họ (Dan 14:10-12 Xu 32:7-14).

Đức Chúa Trời cảnh báo dân Do Thái hãy mau rời xa các lều trại của Cô-rê, Đa-than và A-bi-ram; liền sau đó có một cơn động đất xảy ra nuốt chửng những kẻ xấu xa kia cùng với người nhà của họ, thế rồi ngọn lửa từ Đức Chúa Trời đã huỷ diệt 250 người tự mình muốn trở thành thầy tế lễ (Dan 11:1-3 Le 10:1-7). [49]

Đức Chúa Trời cho biết rõ ràng rằng dân Do Thái phải chấp nhận những người lãnh đạo đã được Chúa chỉ định và phải tôn trọng quyền hạn của họ. Thật nguy hiểm cho những ai dám thách thức chỉ thị của Đức Chúa Trời và tự đề bạt mình lên làm lãnh đạo. Họ không những phản loạn chống nghịch Chúa (Dan 16:11) mà họ còn đối kháng lại với cuộc sống của chính họ (c.38). Tiến sĩ A. W. Tozer đã từng nói thế này, “Đừng bao giờ bước theo một nhà lãnh đạo nào cả cho đến lúc bạn nhìn thấy đầu ông ta đã được xúc dầu phong chức”.

5. Ê-lê-a-sa thầy tế lễ trung tín (Dan 16:36-40). Vì 250 lư hương kia đã được đem dâng cho Đức Giê-hô-va, cho nên chúng đã được thánh hoá, nhưng những kẻ bưng nó trên tay đều là những kẻ gian ác, do đó chúng sẽ không được sử dụng giống như các kim loại thông thường khác. Đức Chúa Trời phán bảo con trai A-rôn là Ê-lê-a-sa hãy gom chúng lại rồi đập dẹp ra hết dát thành những cái đĩa mỏng đem để trên bàn thờ dùng vào việc dâng của lễ thiêu. Những đĩa này sẽ là sự nhắc nhở sốt dẻo nhất đối với dân chúng rằng, **“Sa vào tay Đức Chúa Trời hằng sống là sự đáng kinh khiếp thay!”** (10:31). Không biết những cái đĩa này có được dùng thay thế cho tấm vĩ lưới bằng đồng nguyên thủy mà người ta thường đặt các con sinh tế lên đó để thiêu, hay để đặt thêm thứ gì đó trên chúng, thì chúng ta không được nghe nói đến.

Khi Giu-đe viết những lời cảnh báo cho các Hội Thánh thời nguyên sơ về những giáo sư giả, ông có dùng hình ảnh Cô-rê làm thí dụ minh họa, cùng với Ca-in và Ba-la-am nữa (Giu 1:11). [50] Từ vựng “Sự chống đối” (KJV; “sự phản loạn”, NIV) có nghĩa là “nói những lời nghịch mạng, chống đối bằng lời nói và qua hành động, là sự nổi loạn”. Trong sứ điệp giả từ của mình gởi cho các vị trưởng lão ở Ê-phê-sô (Cong 20:28-31), Phao-lô đã cảnh báo họ rằng rồi đây sẽ xuất hiện những kẻ kiêu căng tự phụ bắt bớ quyền hạn của họ tại các Hội Thánh địa phương và những kẻ đó sẽ tự tôn mình lên làm lãnh đạo. Hình như càng ngày càng có nhiều Hội Thánh nội bộ bị chia rẽ vì lý do giới lãnh đạo trong Hội Thánh quá kiêu ngạo cùng với những giáo huấn sai trật giả dối của họ.

Sự đương đầu thứ hai (Dan 16:41-17:13): Sự chết chóc của trên 250 người kia ắt đã gieo vào lòng người dân Y-sơ-ra-ên nỗi kinh hoàng khủng khiếp, vậy mà vẫn, **“Chẳng có sự kính sợ Đức Chúa Trời ở trước mặt chúng nó.”** (Ro 3:18). Lúc bắt đầu chỉ có chừng vài trăm người nổi loạn, còn giờ đây sự lỗi loạn đó đã trở nên mang tính chất toàn quốc! Thay vì quỳ gối

xuống kêu nài Đức Chúa Trời tha thứ và thương xót, đấng này, dân Do Thái lại bạo loạn chống đối Môi-se và A-rôn giống như Cô-rê vậy! Những người có tinh thần thể tục sẽ không thể nào hiểu thấu được ý nghĩa tâm linh của những việc Đức Chúa Trời đã làm bởi vì họ thiếu sự nhận thức thuộc linh (ICo 2:1-16). Dân tộc chỉ nhìn thấy những hành động của Chúa, còn Môi-se thì hiểu được các đường lối Ngài (Thi 103:7).

Một lần nữa, vinh quang Đức Giê-hô-va lại xuất hiện và sự đoán phạt của Chúa bắt đầu phá hủy người Y-sơ-ra-ên; do đó, ở lần thứ hai này trong suốt hai ngày, Môi-se và A-rôn đã sắp mặt xuống cầu xin giùm cho dân sự. A-rôn cầm lư hương, len lỏi vào trong từng hàng người đang hối hận day dứt, và ông “*đứng giữa người sống và kẻ chết, thì tai vạ dừng lại.*” (Dan 16:48). Khi đếm các tử thi, họ thấy có đến 14.700 người bỏ mạng vì họ đã ngu xuẩn phản loạn chống nghịch Chúa, “*tiền công của tội lỗi là sự chết*” (Ro 6:23).

Nói về lòng người thì điều gì đã khiến cho họ quá dễ dàng hùa theo đám đông bất tuân với Chúa? “Nhưng những gì mà kinh nghiệm và lịch sử đã dạy chúng ta đó là dân sự cùng với chính quyền các cấp của họ sẽ không bao giờ học hỏi được gì từ lịch sử, hoặc hành động dựa trên các nguyên tắc được suy luận từ nguồn gốc lai lịch của nó”. Hegel, một triết gia người Đức đã viết như vậy trong lời giới thiệu tác phẩm *Philosophy of History* (Tích triết lý trong lịch sử), và ông đã đúng. Có một điều chúng ta cần học hỏi từ lịch sử là chúng ta không nên học hỏi gì ở lịch sử, kể cả lịch sử Hội Thánh.

1. Sự nhắc nhở thứ hai (Dan 17:1-13): Đức Chúa Trời đã có lần cho tất cả mọi người thấy rằng Ngài đã chọn A-rôn và các con trai người vào công tác phục vụ là những thầy tế lễ, cho nên hễ bất luận ai của bất cứ chi phái nào cố tình chiếm lấy chức vụ thầy tế lễ này thì kẻ đó ắt sẽ phải đón nhận cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời.

Sự kiểm tra này rất đơn giản. Tộc trưởng của từng bộ lạc đưa cho Môi-se một cây gậy có khắc tên của chi phái mình, và cả 12 cây gậy cộng thêm cây gậy của A-rôn nữa được đem để trước mặt Đức Giê-hô-va trong nơi chí thánh. Quả thật tất cả các chi phái đều được đề nghị chịu sự kiểm tra này và đúng là hết thảy đều có biểu hiện phản loạn. Cây gậy của người nào nứt mầm lên thì người có cây gậy đó đúng là người đã được Đức Chúa Trời chọn làm thầy tế lễ của dân sự. Ngày hôm sau, Môi-se đem hết gậy ra, ai nấy đều có thể nhìn thấy chỉ có gậy của A-rôn là có nứt lên mầm sự sống. Cây gậy A-rôn, “*đã trở hoa, nó có nứt mầm, sanh hoa và trái hạnh nhân chín*” (c.8 NIV). Vậy, dân Y-sơ-ra-ên còn muốn có thêm chứng cứ gì nữa?

Nếu Môi-se đem gậy của A-rôn vào đặt trở lại trong nơi chí thánh, thế thì liệu đó có còn là sự nhắc nhở dân tộc rằng bộ tộc Lê-vi đúng là bộ tộc được biệt riêng để thi hành công tác tư tế? Về vấn đề này, các tộc trưởng của các chi phái cùng với rất nhiều người nữa đều đã nhìn thấy những cây gậy đó và họ có thể làm chứng rằng chỉ có duy nhất gậy A-rôn mới nứt ra mầm sống mà thôi. Mỗi ngày, khi các tộc trưởng cầm gậy mình giơ lên thì họ sẽ được nhắc nhở Đức Chúa Trời đã chọn các con trai A-rôn làm công tác phục vụ tại bàn thờ. Hơn nữa, thầy tế lễ thượng phẩm A-rôn lúc nào

cũng có thể mang gậy của chi tộc Lê-vi ra cho mọi người thấy đó là chứng cứ đờ đờ rằng chỉ có dòng dõi nhà A-rôn là dòng dõi duy nhất đã được Chúa chọn để đảm nhiệm chức thầy tế lễ mà thôi.

Như thường lệ, người Y-sơ-ra-ên đã phản ứng dữ dội khi họ nghe những tin tức cho rằng bất kỳ ai dám đến gần đền tạm thì sẽ bị giết chết (c.12-13 14:40-45). Ít ra thì họ phải nên lo sợ cơn đoán phạt của Chúa, vậy mà, họ chẳng thực lòng kính sợ Chúa chút nào. Nhưng sự hiện diện của đền tạm trong trại quân sẽ luôn là bằng chứng cơ bản cho người Do Thái, vì nó cho thấy Đức Giê-hô-va đang ở cùng với họ. Ngài sẽ dẫn đường họ vượt qua đồng vắng, đánh bại các kẻ thù của họ, tiếp nhận các của lễ họ dâng lên, và đồng ý sẽ tha thứ cho họ. Để làm cho họ bớt sợ hãi, trong những phân đoạn Kinh Thánh kế tiếp, Môi-se đã giải thích chức vụ của các thầy tế lễ và tầm quan trọng của đền tạm trong trại quân.

Đức Giê-hô-va ban cho Y-sơ-ra-ên ba sự nhắc nhở nhằm khích lệ họ vâng theo luật pháp Ngài và đầu phục ý muốn Ngài, đó là: những tua áo trên áo choàng ngoài của họ, những cái đĩa bằng đồng trên bàn thờ, và cây gậy của A-rôn đặt trong nơi chí thánh. Để khích lệ động viên các Cơ Đốc nhân ngày nay hãy là những con cái Chúa biết vâng lời Ngài, Đức Giê-hô-va đã ban cho chúng ta Lời Chúa (Gi 17:17), ban Đức Thánh Linh vào lòng chúng ta (ICo 6:19-20), và cả Tiệc Thánh nữa, nhằm nhắc nhở chúng ta luôn nhớ đến sự chết của Đấng Christ và sự tái lâm theo như đã hứa của Ngài (11:23-34 IGi 3:1-3), nhớ đến Chúa Cứu Thế là Đấng cầu thay cho chúng ta trên Thiên đàng (He 4:14-16 Ro 8:34). Trước khi chúng ta đoán xét dân sự ngày xưa của Đức Chúa Trời, tốt hơn có lẽ là chúng ta nên suy xét chính tấm lòng mình trước xem thử chúng ta đã thực sự đầu phục quyền năng của Lời Chúa và đầu phục những người lãnh đạo do Chúa chọn hay chưa.

Dan 16:1-49; xem giải nghĩa Dan 15:1-41

Dan 17:1-13; xem giải nghĩa Dan 15:1-41

7. KHỦNG HOẢNG LẦN NỮA TẠI CA-ĐE (Dan 18:1-20:29)

Có lẽ Đức Giê-hô-va đã ban phát những lời dạy dỗ trong phân đoạn 18-19 lúc Y-sơ-ra-ên vẫn còn ở tại Ca-đe. Tuy nhiên, khi bạn đọc đến phân đoạn 20, bạn sẽ thấy Y-sơ-ra-ên đã mất trọn 38 năm đi lang thang và giờ đây lại trở về Ca-đe (20:1,16).

Chúng ta không thấy có ghi chép gì nhiều về những tháng năm lang thang lưu lạc của Y-sơ-ra-ên, mặc dầu Kinh Thánh có nêu tên những nơi họ dừng lại đóng trại như trong 33:1-56. Mi-ri-am qua đời vào tháng thứ nhất thuộc năm thứ bốn mươi (20:1), khi dân tộc quay về Ca-đe; và A-rôn qua đời vào tháng thứ năm cũng trong năm ấy luôn (33:38). Còn Môi-se chết vào cuối năm thứ bốn mươi (Phu 1:3), lúc bấy giờ, toàn bộ thế hệ lớn tuổi đều chết hết, ngoại trừ Giô-suê và Ca-lép là những người được phép vào xứ Ca-na-an.

Dân sự Đức Chúa Trời thường rất cứng đầu, bướng bỉnh và hay nổi loạn, cho nên Chúa đã trừng phạt họ, mặc dầu họ bất tuân như vậy, nhưng Ngài

vẫn luôn quan tâm chăm sóc họ, “*Dầu vậy, Ngài cứu họ vì có danh Ngài, Dầu cho bày ra quyền năng của Ngài*” (Thi 106:8). Hãy xem xét một số sự quan tâm của Chúa vì có dân sự Ngài được Ngài bày tỏ qua những lời chỉ dạy của Ngài và các biến cố được tìm thấy trong những phân đoạn Kinh Thánh này.

1. Việc bảo vệ nơi thánh (Dan 18:1-7)

Vì những sự đoán phạt của Đức Giê-hô-va giáng trên những kẻ phản loạn tại đền tạm (16:31-35) và việc Chúa đã bênh vực chức vụ thầy tế lễ thượng phẩm của A-rôn một cách lạ lùng như vậy (17:10-13), cho nên dân Y-sơ-ra-ên rất khiếp hãi khi có đền tạm trong trại quân, “*Phàm ai đến gần đền tạm của Đức Giê-hô-va đều chết. Có lẽ chúng tôi phải chết hết sao?*” (17:13 NIV), và họ đã kêu khóc lên như vậy. Quả thực, sự hiện diện của Đức Chúa Trời trong trại quân của họ chính là điểm đặc biệt, phân biệt dân Y-sơ-ra-ên với các dân khác (Xu 33:1-16), vì Y-sơ-ra-ên là dân tộc duy nhất có sự vinh quang của Đức Chúa Trời hằng sống hiện diện với họ và đi trước họ (Ro 9:4).

Đức Chúa Trời đã trực tiếp phán với A-rôn (Dan 18:1,8,20) chính việc này đã làm cho chức vụ thầy tế lễ thượng phẩm của ông được tôn cao hơn. Chúa có cho biết rõ ràng rằng các thầy tế lễ lo đảm trách công vụ trong đền tạm và bảo vệ ngăn ngừa không để đền tạm bị người ta làm ô uế, người Lê-vi có trách nhiệm phân công bố trí các thầy tế lễ hành sự phục vụ tại đền tạm. [51] Hễ chùng nào các thầy tế lễ và người Lê-vi còn biết vâng giữ luật lệ này thì sẽ không có sự đoán phạt nào giáng trên dân sự cả (c.5).

Chức vụ và công việc tư tế của các thầy tế lễ rất quan trọng, vì nếu các thầy tế lễ không làm theo những sự chỉ dạy của Đức Chúa Trời, thì họ ắt phải chết. Nếu họ để cho ai đó vô phạm sự đến gần đền tạm hoặc làm bất luận công việc gì tại đó thì họ sẽ bị Đức Chúa Trời giết chết. Họ sẽ gặp nguy hiểm nếu họ bất tuân trong cách ăn mặc (Xu 28:35,42-43) hoặc việc rửa ráy thường nhật (30:17-21). Đức Chúa Trời buộc A-rôn và các con trai người phải chịu trách nhiệm ngăn chặn không cho người ngoài xâm phạm nơi thánh và phạm vào chức tư tế của thầy tế lễ.

Chức tư tế là đặc quyền của Đức Chúa Trời ban cho Y-sơ-ra-ên, vì nếu không có các thầy tế lễ thì dân sự sẽ không thể nào đến gần Đức Chúa Trời được. Người Lê-vi là quà tặng của Đức Chúa Trời ban cho các thầy tế lễ, nhằm an ủi, phụ giúp các công việc có cần của họ để họ có thể dâng mình hoàn toàn cho sự phục vụ Chúa và phục vụ nhân dân. Trong Công Vụ Các Sứ Đồ 6, có 7 người thường được gọi là các chấp sự đều có mối liên hệ như nhau với các sứ đồ. Đối với công việc phục vụ ở bàn thì không gì gọi là mất phẩm giá cả, nhưng các sứ đồ còn có công việc quan trọng hơn phải làm.

Trong công tác lãnh đạo, mọi thứ có khi thành công nhưng cũng có lúc thất bại, A-rôn là người lãnh đạo một dòng họ chuyên lo về công việc tư tế. Ông phải chịu trách nhiệm giải trình với Đức Chúa Trời về những gì đã xảy ra tại nơi thánh. Đức Chúa Trời không ngự trong những Đền Thờ bởi tay người làm ra (Cong 7:48), nhưng Ngài ngự ở trong thân thể chúng ta bởi Đức Thánh Linh (ICo 6:19-20), và ở giữa vòng dân sự khi họ nhóm họp lại

thờ phượng Ngài (3:16 đến hết đoạn). Chúng ta phải hết sức cẩn thận trong cách chúng ta đối xử với thân thể mình và trong những việc chúng ta làm đối với Hội Thánh của Đức Chúa Giê-xu Christ, *“Vì có ai phá hủy đền thờ của Đức Chúa Trời, thì Đức Chúa Trời sẽ phá hủy họ, vì đền thờ của Đức Chúa Trời là thánh, mà chính anh em là đền thờ”* (c.17, NIV).

2. Việc chu cấp cho các đầy tớ Chúa (Dan 18:8-32)

Là những đầy tớ của Đức Chúa Trời, các thầy tế lễ và người Lê-vi rất xứng đáng được dân sự Chúa chu cấp nuôi nấng. Không giống như các chi phái khác, chi phái Lê-vi không có được quyền thừa kế Đất Hứa, vì Đức Giê-hô-va chính là cơ nghiệp của họ rồi (c.20 Phu 10:8-9 Gios 13:14,33 14:13 18:7), và người Lê-vi sẽ được ban cho 48 thành để cư ngụ sinh sống (Dan 35:1-8 Gios 21:1-45) [52] Cả người Lê-vi lẫn các thầy tế lễ đều được chu cấp lương thực nhờ vào các sinh tế, của lễ, và những phần mười của dân sự dâng hiến.

Các thầy tế lễ (Dan 18:8-20): Đức Chúa Trời quy định các thầy tế lễ được chia phần từ các của lễ chay, của lễ chuộc tội, của lễ chuộc sự mắc lỗi, và của lễ thù ân (Le 6:14-7:38), cũng như lễ trái đầu mùa (Phu 26:1-11) và từ những sinh tế là con vật đầu lòng của dân sự đem đến dâng cho Chúa. Có một số trong những đồ ăn này chỉ được dành riêng cho các thầy tế lễ ăn mà thôi, nhưng phần lớn là được đem phân phát cho các gia đình của họ. Tuy nhiên, bất kỳ ai trong gia đình các thầy tế lễ đã ăn các sinh tế được người ta đem dâng cho Đức Chúa Trời thì đều phải được thanh tẩy theo lễ nghi và dùng những đồ ăn đó với lòng kính sợ Chúa, bởi vì những của lễ ấy đã được thánh hoá bằng cách đem trình cho Đức Chúa Trời.

Người Lê-vi (Dan 18:21-32): Họ được Chúa ban cho phần mười của dân sự đem đến dâng trong nơi thánh cho Chúa, vì 10 % của mọi sản vật sản phẩm mà chúng ta làm ra là thuộc về Chúa. Người Do Thái bắt buộc phải trả 3/10: 1/10 cho người Lê-vi (c.21-24), 1/10 “được ăn trước mặt Chúa” (Phu 14:22-27), và 1/10 của sản vật cứ ba năm một lần để dùng ban cho người nghèo (Le 27:28-29). Người Lê-vi lần lượt đem 1/10 của những thứ họ nhận được dâng lên cho Chúa, và sau đó được đem cho thầy tế lễ thượng phẩm.

Nguyên tắc quy định này rất rõ ràng và thường được nhấn mạnh trong Kinh Thánh: Hễ ai hầu việc Đức Giê-hô-va và phục vụ dân sự Ngài thì sẽ được dân sự chu cấp của cải vật chất vốn là những ơn phước do Chúa ban cho họ, *“vì người làm công đáng được tiền lương mình”* (Lu 10:7 Mat 10:10), Chúa Giê-xu đã phán như vậy, và Phao-lô cũng có viết, *“Vì bằng công việc của ai xây trên nền được còn lại, thì thợ đó sẽ lãnh phần thưởng mình”* (ICo 3:14, NKJV). Phao-lô còn giải thích nguyên tắc này cụ thể hơn nữa trong Ga 6:6-10 Phi 4:10-19 ITi 5:17-18.

Người Do Thái không phải lúc nào cũng tuân giữ luật lệ này và đem dâng 1/10 cho Chúa, đó được xem là thành quả của công tác phục vụ tại đền tạm và bàn thờ, (Ne 10:35-39 12:44-47 13:10-14 Ma 1:6-2:9). Nếu các thầy tế lễ và người Lê-vi không có thức ăn để nuôi sống gia đình họ, thì họ bắt buộc phải rời khỏi nơi thánh để đi làm kiếm ăn trong nơi đồng ruộng

(Ne 13:10). Thật đúng là bi kịch khi dân sự Chúa không còn yêu kính Chúa và nhà Chúa, nên họ không trung tín chu cấp đầy đủ cho nhà Ngài nữa.

Đức Chúa Trời muốn người Lê-vi đem 1/10 của những gì họ nhận được chia sẻ cho thầy tế lễ thượng phẩm (Dan 18:25-32). Có lần tôi gặp những người làm công tác phục vụ trong giáo hội Tin Lành của chúng ta nhưng họ chẳng dâng gì cho công việc Chúa cả vì họ cho rằng riêng bản thân họ được miễn không phải dâng hiến gì nữa. “Chúng tôi đang hầu việc Chúa và tất cả những gì chúng tôi có đều đã thuộc về Chúa hết rồi”, họ biện luận như vậy, nhưng lập luận đó của họ không đứng vững được. Người Lê-vi hầu việc Chúa toàn thời gian, tuy nhiên, họ cũng phải dâng 1/10 những gì họ nhận được.

Việc dâng phần mười không nhất thiết là một thông lệ được tuân thủ nghiêm ngặt, vì Áp-ra-ham và Gia-cốp đã dâng phần mười này hàng bao thế kỷ trước khi Luật Pháp Chúa ra đời (Sa 14:20 28:22). Nếu dân Do Thái ở dưới Giao Ước cũ mà vẫn có khả năng dâng 10 % lợi tức từ những sản phẩm sản vật của họ cho Đức Giê-hô-va như vậy thì lẽ nào Cơ Đốc nhân chúng ta ngày nay dưới giao Ước mới lại có thể dâng cho Chúa ít hơn sao? Đối với chúng ta, việc dâng phần mười chỉ mới là khởi đầu! Nếu chúng ta hiểu được ý nghĩa của IICo 8:1-9:15, thì chúng ta ắt sẽ thực hiện “việc ban cho vì lòng thương xót” này thậm chí còn gấp bội phần hơn cả là dâng phần mười nữa là đằng khác. [53]

3. Việc thanh tẩy những gì bị ô uế (Dan 19:1-22)

Trong đời sống hằng ngày của dân Do Thái, họ phải luôn để ý nhận biết phân biệt những gì là “sạch” và “không sạch”, vì điều này quyết định mối liên hệ của họ với Chúa và với người khác trong trại quân. Luật lệ của Chúa: “*các người phải nên thánh, vì ta là thánh*” là câu được tìm thấy 8 lần trong Kinh Thánh (Le 11:44-45 19:2 20:7,26 21:8 IPhi 1:15-16). Những luật định về sự “sạch và không sạch” được nêu ra rất chi tiết cụ thể trong Lê-vi Ký 11-15, chỉ dẫn người Y-sơ-ra-ên nên được phép ăn những thức ăn nào, cách thức xử lý ra sao đối với những trường hợp thân thể bị tiết dịch và bị những bệnh lây nhiễm, và họ cần phải làm gì khi tiếp xúc với tử thi. Chắc chắn phải có một mục đích về vấn đề vệ sinh ở phía sau những luật lệ này, nhưng cũng có mục đích tâm linh là: nhằm chỉ dạy người Do Thái biết phân biệt giữa sự thánh khiết và tội lỗi để khích lệ họ bước đi một cách thánh sạch.

Sự chuẩn bị (Dan 19:1-10): Ở đây có một số nét tiêu biểu đặc biệt đề cập đến nghi lễ này. Con vật được chọn không phải là con đực; nó phải được giết chết ở bên ngoài trại quân ở chỗ cách xa đền tạm và bàn thờ; người giết con vật đó là một thường dân chứ không phải thầy tế lễ, không được làm đổ huyết con sinh ra trước mặt Đức Chúa Trời nhưng phải thiêu chúng cùng với xác con sinh; sau khi thiêu xong thì phải gom tro lại hòa với nước rồi dùng chúng vào việc thanh tẩy theo lễ nghi.

Thứ nhất, phải chọn con vật không tì vết, tật nguyên nào, có màu lông sắc hoe đỏ, chưa mang ách lần nào. Màu đỏ của lông có lẽ ám chỉ về huyết được đổ ra, nhưng có thể màu sắc này nói lên màu của bụi đất đã được

Chúa dùng nắn tạo nên hình người đầu tiên (Sa 2:7). Tên “A-đam” có xuất xứ từ tiếng Hê-bơ-rơ: *adamah* nghĩa là “bụi đất màu đỏ”.

Ê-lê-a-sa, con trai A-rôn và cũng là người kế nhiệm ông đã dắt con bò cái tơ đó đi ra bên ngoài trại quân đến nơi để một người dân thường giết chết nó trước sự chứng kiến của ông vốn là một thầy tế lễ. Từ dùng nói về sự sát sinh con vật này không phải là từ dùng để nói về sự hiến tế con sinh, vì ở đây không có sự liên quan đến bàn thờ. Ê-lê-a-sa hứng một ít huyết của con vật rồi rảy huyết ấy về phía đền tạm bảy lần.

Sau đó, người ta đem thiêu xác con sinh cùng với huyết của nó, Từ dùng ở đây không phải là từ bình thường khi nói về “sự thiêu con sinh tế”. Trong khi đang thiêu con sinh, Ê-lê-a-sa liền quăng vào lửa đó ba thứ có ý nghĩa quan trọng: cây hương nam, chum kinh giới (một loại cây thân xốp có tính chất hút nước) và tấm vải len màu đỏ sẫm, là những thứ thường được dùng trong nghi lễ tẩy uế cho người bị bệnh phung đã được chữa lành (Le 14:4,6,49,51-52 Thi 51:7).

Vì lý do tiếp xúc với xác chết, cho nên Ê-lê-a-sa và người được phân công giết con bò cái tơ đó được coi là không sạch theo lễ nghi, sẽ phải tắm rửa mình mấy và giặt giũ áo xống họ sạch sẽ trước khi trở lại trại quân vào buổi chiều tối. Có một người tinh sạch theo lễ nghi sẽ hốt tro sau khi thiêu con sinh ấy đổ vào một cái thùng rồi đem đặt tại một nơi sạch sẽ bên ngoài trại quân để dân sự có thể dùng được. Người hốt tro đó phải tắm rửa giặt giũ thật là sạch sẽ xong mới được phép trở lại trại quân.

Sự ứng dụng (Dan 19:11-22): Những tro này sẽ được người ta dùng như thế nào? Theo lễ nghi, người bị coi là ô uế nếu có tiếp xúc với xác chết (19:11-13), nếu ở trong lều có người chết (19:14-15), hoặc đụng phải bất kỳ thứ gì hay đồ vật nào đã bị ô uế (c.16), thì đều có thể được thanh tẩy hết ô uế nhờ dùng những tro này. Họ sẽ phải đợi ba ngày sau khi họ bị ô uế sau đó đi ra ngoài trại quân cùng với một người tinh sạch theo lễ nghi đến chỗ để tro ấy. Người tinh sạch kia hòa một ít tro với nước trong một cái bình, nhúng chum lá kinh giới vào nước đó rồi rảy nước ấy lên người đang bị ô uế. Việc này được thực hiện lặp đi lặp lại trong suốt bốn ngày cho đến ngày thứ bảy. Sau đó, những người đã được tinh sạch phải tắm rửa mình mấy và giặt giũ áo xống mình sạch sẽ rồi đợi đến chiều tối mới được quay về trại quân.

Đây là một công việc được thực hiện rất nghiêm túc bởi vì nếu một người nào đó bị ô uế nhưng không chịu tẩy uế thì sẽ làm ô uế cả trại quân. Vì có sự hiện diện của Đức Chúa Trời ngự trong đền tạm (c.13,20) và Ngài luôn bước đi giữa vòng dân sự (Le 26:11-12 Phu 23:12-14); cho nên trại quân phải được giữ thật thánh khiết. Nếu người nào không sạch mà không chịu tẩy uế thì sẽ bị loại ra khỏi dân tộc (Dan 19:20) và bị ném đá cho đến chết.

Hội Thánh Chúa ngày nay không phải lo về vấn đề không sạch theo nghi lễ hình thức nữa, nhưng chúng ta ghi lòng tạc dạ bài học của phân đoạn Kinh Thánh này rằng Đức Chúa Trời luôn muốn chúng ta hãy là những người sống thánh khiết. Chúng ta **“hãy làm cho mình sạch khỏi mọi sự đơ bẩn phần xác thịt và phần thần linh, lại lấy sự kính sợ Đức Chúa Trời mà**

làm cho trọn việc nên thánh của chúng ta” (II Co 7:1). Đức Chúa Trời hứa tha thứ và làm sạch tội lỗi cho con cái Chúa nếu họ từ bỏ tội lỗi mình và xưng chúng ra với Ngài (IGi 1:9). Một con vật vô tội phải chết để được dùng vào việc thanh tẩy tội lỗi cho người Do Thái theo lễ nghi, nhưng Chiên Con của Đức Chúa Trời đã phải chết để thanh tẩy tội lỗi cho chúng ta (Gi 1:29 IPhi 1:18-23).

4. Việc sửa phạt những người lãnh đạo của Chúa (Dan 20:1-13)

Cái chết của Mi-ri-am chắc chắn có gây ảnh hưởng sâu sắc đến Môi-se và A-rôn. Chính Mi-ri-am là người đã được Đức Giê-hô-va dùng để cứu mạng sống của Môi-se khi ông còn là đứa trẻ, thậm chí bà đã sắp xếp trước để chính mẹ ruột của chị em bà được nuôi Môi-se lớn lên (Xu 2:1-25). Bà từng làm người hướng dẫn ban phụ nữ nhóm họp ngợi khen Chúa tại Biển đỏ (15:1-27) và cùng đồng cam cộng khổ với những người anh em của mình vượt qua nhiều thử thách gian nan trong hoang mạc. Nhược điểm duy nhất của bà được ký thuật lại là việc bà đã chỉ trích Môi-se (Dan 12:1-16), nhưng thử hỏi có đầy tớ nào của Chúa lại không có hàng khối nhược điểm thiếu sót?

Một vấn đề xưa cũ (Dan 20:1-5): Đó là một phản xạ có điều kiện: bất cứ lúc nào người Y-sơ-ra-ên gặp phải khó khăn thử thách, họ đều làm bầm, cắn nhằn với Môi-se và A-rôn rồi khóc lóc bảo rằng sao không để họ ở lại Ê-díp-tô. Những sự khó khăn gian nan vất vả sẽ đem lại điều tốt nhất hoặc điều tồi tệ nhất cho dân sự; chúng sẽ làm cho chúng ta trưởng thành hoặc sẽ khiến chúng ta trở nên trẻ con hơn (Gia 1:2-8). Những lời nói và thái độ của Y-sơ-ra-ên cho thấy rõ ràng rằng họ vẫn còn để tâm để trí mình ở Ai Cập. Hãy hình dung xem sẽ ra sao đối với một người xưng mình Cơ Đốc nhân nhưng vẫn cứ để lòng tư tưởng đến thế gian (IGi 2:15-17) và hễ khi nào gặp sự cố gì thì liền quay lại thế gian nhờ giúp đỡ!

Một giải pháp thánh của Đức Chúa Trời (Dan 20:6-9): Đáng lý ra chính dân sự phải hạ mình xuống xưng nhận tội lỗi mình và tìm kiếm sự tha thứ của Đức Chúa Trời, nhưng đây, Môi-se và a-rôn đã phải sắp mặt xuống trước Chúa tìm kiếm sự khôn ngoan và sự giúp đỡ của Ngài (14:5 16:4,22,45 22:31). Những người lãnh đạo thuộc linh thường phải trả giá khi họ tìm kiếm sự phục vụ cho con dân Đức Chúa Trời, thế nhưng người ta vẫn không cảm kích điều ấy. Họ tiếp tục tái phạm tội lỗi như cũ, không chịu tin cậy Đức Chúa Trời và không vâng lời Ngài.

Môi-se đã từng dùng một cây gậy làm nhiều điều lạ lùng tại Ê-díp-tô, đặc biệt là dùng để rẽ Biển Đỏ ra. Tiếng Hê-bơ-rơ khi nói về “đá” tức là đề cập đến vách đá cao, là nơi dùng làm pháo đài, chứ không phải nói về một viên đá cuội. Đức Chúa Trời có khả năng giải quyết mọi vấn đề của chúng ta cho dù đó là những tình huống như thế nào đi chăng nữa, miễn là chúng ta tin cậy Ngài và làm theo ý chỉ, đường lối Ngài.

Tội bốc đồng (Dan 20:10-11): Vì bị dân sự khiêu khích, thay vì nói với tảng đá, Môi-se lại đập mạnh vào nó hai lần. Ông còn giận dữ gọi dân sự là “dân phản nghịch”, ông đã gây cho họ ấn tượng là chính ông với A-rôn đã chu cấp nước cho họ vậy. Đó là biểu hiện thái độ thù địch đáng trách của

một người nhu mì nhất thế gian (12:3), cho thấy rằng chúng ta có thể thất bại ngay khi chúng ta mạnh mẽ cũng như lúc chúng ta yếu đuối. [54]

Môi-se chỉ là một con người, giống như chúng ta vậy, và chắc chắn ông đã bị yếu đuối vào lúc sắp kết thúc cuộc hành trình trong đồng vắng, khi đó ông chẳng còn nhìn thấy gì ngoại trừ sự vô tín và ông không còn nghe gì ngoại trừ sự lầm bầm. Thi 106:32-33 tuyên bố rằng chính dân sự đã khiêu khích Môi-se khiến ông nổi giận, và đó không phải là điều khó tin. Có lẽ ông không còn xúc cảm nữa bởi cái chết của chị ông. Chắc là ông rất đau buồn, bởi vì, khi dân sự lầm bầm, Đức Giê-hô-va đã không bày tỏ vinh quang Ngài ra cùng với sự đoán phạt như Ngài đã bày tỏ trước đó.

Nhưng bất kể là do động cơ nào đi chăng nữa theo cách nghĩ của chúng ta thì sự thật vẫn là sự thật rằng Môi-se đã không tôn kính Đức Giê-hô-va và không tuân lệnh Ngài. Bằng cách đập mạnh vào tảng đá, Môi-se đã phá tan hình bóng Đấng Mê-si-a là Đấng ban nước hằng sống cho dân sự Ngài (Xu 17:1-7 Gi 7:37-39). Chúa Cứu Thế của chúng ta đã ban chính mạng sống Ngài cho chúng ta trên thập tự giá một lần đủ cả chứ không cần phải bị đóng đinh (bị đập mạnh) lần nữa (He 9:26-28). Giờ đây tất cả những gì mà Cơ Đốc nhân phải làm chỉ còn là cầu xin mà thôi, và Đức Chúa Trời luôn ban Đức Thánh Linh Ngài cho họ.

Có một điều đáng chú ý ở đây là Đức Chúa Trời đã ban nước cho dân sự dẫu rằng lúc ấy Môi-se có những thái độ và hành động sai hoàn toàn! [55] *“Ngài không đãi chúng tôi theo tội lỗi chúng tôi. Cũng không báo trả chúng tôi tùy sự gian ác của chúng tôi”* (Thi 103:10, NKJV). *“Hỡi Đức Giê-hô-va, nếu Ngài cố chấp sự gian ác, Thì, Chúa ôi! Ai sẽ còn sống?”* (130:3, NKJV), Đức Chúa Trời trong ân điển Ngài nên Ngài đã ban cho dân sự Ngài mọi nhu cầu có cần, bởi Ngài là Đấng giàu lòng nhân từ hay thương xót, tuy nhiên Ngài đã không bỏ qua tội lỗi của Môi-se.

Sự kỷ luật thật đau đớn (Dan 20:12-13): Nhân dân được cứu giúp nhưng còn Môi-se thì bị kỷ luật dưới hình thức đau đớn vô cùng: ông sẽ không được phép vào Đất Hứa (Lu 12:48). Ông đã tự làm vinh hiển bản thân mình thay vì làm vinh hiển Đức Chúa Trời. Một lần nữa, một hình bóng quan trọng trong Cựu Ước được đề cập đến, vì Luật Pháp (Môi-se) không thể ban cho chúng ta sản nghiệp thừa tự của chúng ta (Ga 3:18). Giô-suê là hình bóng của Đức Chúa Giê-xu Christ Đấng đi chinh phục, và chỉ có ông mới có thể dẫn dắt dân sự đi vào nơi sản nghiệp thừa kế của họ (He 4:1-11). Nếu Môi-se đã cùng vào được xứ với dân sự thì ắt hẳn ông đã làm tiêu tan sứ điệp của sách Hê-bơ-rơ mất rồi! [56]

Lần thứ nhất Đức Chúa Trời ban nước cho Y-sơ-ra-ên, Môi-se gọi nơi đó là “Ma-sa và Mê-ri-ba” nghĩa là “sự thử nghiệm và sự cãi cọ”. Còn ở lần thứ hai này, Môi-se gọi chỗ ấy là “Mê-ri-ba” (“sự cãi trả”), nhưng chính Môi-se đã bị thử nghiệm, và ông đã làm hỏng cuộc thử nghiệm này. Có lần, Môi-se nài xin Đức Chúa Trời cho phép ông đi qua vùng bên kia sông Giô-đanh, nhưng Chúa không đồng ý (Phu 3:23-29). Môi-se bày tỏ ra sự nhu mì của mình qua việc ông đã đón nhận kỷ luật của Chúa và tiếp tục lãnh đạo dẫn dắt dân sự.

5. Việc dẫn dắt dân sự Ngài (Dan 20:14-22)

Y-sơ-ra-ên lúc bấy giờ đang tiến về phía bắc đến đồng bằng Mô-áp (33:48) nơi Mô-i-se sẽ chuẩn bị một thế hệ mới để đi vào xứ. Tuyến đường dễ đi nhất là đi theo đại lộ của vua xứ Ê-đôm ngang qua lãnh thổ dân Ê-đôm, là tuyến đường giao thông thương mại chính thời bấy giờ. Dân Ê-đôm là những hậu tự của Ê-sau (Sa 36:1-43) và do đó họ có bà con với Y-sơ-ra-ên, vì Gia-cốp là em trai của Ê-sau.

Sau khi nắm biết tình hình lịch sử của cuộc xung đột giữa Ê-sau và Gia-cốp, Mô-i-se đã dùng sách lược ngoại giao khéo léo để xin phép được đưa dân sự đi ngang qua lãnh thổ Ê-đôm. Y-sơ-ra-ên trước đó đã đánh bại nhiều vua và nhiều dân tộc khác trên bước đường họ ra đi, và dân Ê-đôm có hay điều này, cho nên Mô-i-se tỏ ý với họ ông muốn có một cuộc hành quân trong hòa bình. Chúng ta có ấn tượng rằng Dan 20:14-17 là tư liệu được viết đầu tiên về việc vua Ê-đôm đã tiếp những nhà ngoại giao của Y-sơ-ra-ên sai đến. Trong khi vốn là một hoàng tử Ai-Cập, Mô-i-se ắt hẳn rất rành về tất cả những vấn đề ngoại giao này.

Thứ nhất, Mô-i-se nhấn mạnh một sự thật rằng dân Do Thái với dân Ê-đôm là những người anh em với nhau (c.14), và ông dùng cụm từ “tổ phụ chúng ta” hai lần (c.15). Sự đồng kế tự này ắt sẽ khiến cho những nhà cầm quyền Ê-đôm cảm động về tình nghĩa anh em giữa hai dân tộc. Sau đó, Mô-i-se nhắc người Ê-đôm nhớ lại những nỗi thống khổ và ách nô lệ của Y-sơ-ra-ên tại Ê-díp-tô và những sự giải cứu bằng phép lạ mà Đức Giê-hô-va đã ban cho Y-sơ-ra-ên. Vì Chúa đã giải phóng họ và Ngài hiện đang dẫn đường họ đi, cho nên chắc chắn người Ê-đôm cũng sẽ muốn góp phần với Đức Giê-hô-va cho phép những người Do Thái bà con thân thuộc này đi ngang qua đất nước họ.

Tuy nhiên để cho khoảng từ hai đến ba triệu người cùng với bầy gia súc của họ đi ngang qua lãnh thổ của bạn không phải là chuyện đơn giản, bởi vì họ sẽ cần phải có đồ ăn thức uống để ăn uống nữa. Được Đức Giê-hô-va trực tiếp chỉ dẫn (Phu 2:1-8), Mô-i-se cam đoan với dân Ê-đôm rằng dân sự ông sẽ trả tiền đầy đủ cho những đồ ăn thức uống đó và thậm chí sẽ không đi vào các cánh đồng nho của Ê-đôm đâu. Mô-i-se đang nỗ lực hết sức để đảm bảo cho cuộc hành trình lúc ấy diễn ra trong hòa bình, thế nhưng dân Ê-đôm đã từ chối không chấp nhận lời đề nghị độ lượng này của ông. Mô-i-se cố gắng thêm lần thứ hai thuyết phục người Ê-đôm, nhưng những lời lẽ của ông lại càng khiêu khích sự chống đối gia tăng thêm mà thôi.

Gia-cốp và Ê-sau có gặp nhau và đã dàn xếp ổn thỏa những sự bất hòa của họ vào những năm trước đó (Sa 32:1-33:20), nhưng con cháu hậu tự của Ê-đôm thì cứ luôn luôn ấp ủ mối thù truyền kiếp của dòng họ cha ông mình. Nhiều năm sau đó, khi Giê-ru-sa-lem bị tấn công, dân Ê-đôm đã trợ giúp cho quân thù và thậm chí ngăn cản bước đường chạy trốn của những người dân Do Thái tị nạn (xem Áp-đi-a Thi 137:7). Đúng là bi kịch khi khi có mối thù truyền kiếp của gia đình dòng họ cứ được nuôi dưỡng từ thế hệ này sang thế hệ khác, tiêm nhiễm nọc độc thù oán vào tâm trí của nhiều người gây cảnh phân ly giữa tình anh em với nhau.

Lúc quân đội Ê-đôm kéo đến nơi ngang đường, thì Y-sơ-ra-ên chỉ còn một cách khôn ngoan nhất là tìm con đường mới nào đó mà đi. Chắc chắn Đức Chúa Trời dư sức giúp Y-sơ-ra-ên tiêu diệt gọn quân Ê-đôm, nhưng việc đó không nằm trong kế hoạch của Ngài, “**Nếu có thể được, thì hãy hết sức mình mà hòa thuận với mọi người**” (Ro 12:18 NKJV). Đức Chúa Trời ắt sẽ xử lý người Ê-đôm khi thời điểm đến (xem sách Á-đi-a); còn trong lúc ấy, Y-sơ-ra-ên đã kiếm đường khác thích hợp và theo đó đi đến núi Hô-rơ. Chúng ta đến giờ vẫn không biết được núi Hô-rơ hiện ở đâu, nhưng chắc chắn ấy là nơi an táng A-rôn sau khi ông qua đời tại đó.

6. Việc duy trì chức thầy tế lễ (Dan 20:23-29)

Cả Môi-se lẫn A-rôn đều có chống nghịch Đức Chúa Trời khi Môi-se đập mạnh vào hòn đá, do đó không ai được vào Đất Hứa cả. Vào ngày đầu tiên của tháng thứ năm năm năm thứ bốn mươi (33:38), Môi-se, A-rôn, và Ê-lê-a-sa cùng nhau đi lên chỗ nào đó trên núi Hô-rơ, vì lúc ấy A-rôn sắp chết. Môi-se nói lời giã biệt người anh yêu dấu của mình và Ê-lê-a-sa đã bày tỏ lòng tôn kính cha mình. A-rôn hưởng thọ 123 tuổi (33:38-39).

Tuy nhiên, cái chết của A-rôn đã không làm gián đoạn công việc chức vụ của thầy tế lễ, vì Ê-lê-a-sa đã thay thế vị trí của ông. Như John Wesley từng nói, “Đức Chúa Trời đã chôn cất những người làm việc cho Ngài, còn công việc Ngài thì vẫn cứ luôn tiếp tục”. Theo Luật Pháp (Xu 29:29-30), Môi-se đã lấy lại các áo lễ của anh mình là A-rôn và mặc cho Ê-lê-a-sa. Có lẽ ông đã cử hành lễ xức dầu phong chức cho Ê-lê-a-sa để Ê-lê-a-sa nhận nhiệm vụ mới. Khi Môi-se và Ê-lê-a-sa trở lại trại quân mà không có A-rôn đi cùng, dân sự nhìn thấy Ê-lê-a-sa mặc áo choàng ngoài của thầy tế lễ thượng phẩm, thì họ hiểu rằng A-rôn đã qua đời rồi. Họ thương khóc A-rôn suốt 30 ngày đêm, bây giờ sự việc ấy đưa chúng ta bước vào tháng thứ sáu.

Ê-lê-a-sa là con trai thứ ba của A-rôn (Dan 3:2) hai con trai đầu là Na-đáp và A-bi-hu đã bị Đức Giê-hô-va giết chết vì họ làm ô uế đền tạm bằng một thứ lửa lạ (Le 10:1-20). Trước khi trở thành thầy tế lễ thượng phẩm, ông là một quan trưởng của người Lê-vi lo việc coi sóc đền tạm (Dan 3:32 4:16). Ông sẽ phụ tá Môi-se thực hiện cuộc điều tra dân số của thế hệ mới (26:1-3) và bổ nhiệm Giô-suê làm người kế nhiệm Môi-se (27:18-23). Khi Y-sơ-ra-ên chinh phục xứ, Ê-lê-a-sa giúp đỡ Giô-suê phân chia sản nghiệp cho từng chi phái (34:17 Gios 14:1 19:15).

Môi-se đã trải qua hai đám tang của người trong gia đình, hai sự đối đầu với những khủng hoảng trong trại quân, và một thất bại cá nhân tại Ca-đe; tuy nhiên, ông đã nhặt gậy của mình lên và trở lại tiếp tục làm việc ngay. Sự phục vụ của một Cơ Đốc nhân chiến thắng, cũng như đời sống hầu việc Chúa của một Cơ Đốc nhân chiến thắng luôn luôn là một chuỗi những sự khởi đầu mới. Chúng ta từng mắc phải những lỗi lầm gì không thành vấn đề, quan trọng là ở chỗ không nên bỏ cuộc quá sớm.

8. ĐI ĐẾN THẮNG LỢI – ĐÁNH BẠI QUÂN THÙ (Dan 21:1-35)

Thật đáng chú ý khi nhiều người ngoại đạo có ý nghĩ sai lầm rằng đời sống Cơ Đốc nhân rất tẻ nhạt, buồn chán. Cùng bước đi với Chúa thì chúng

ta làm sao có thể buồn chán khi Cha chúng ta trên trời đang bố trí sắp xếp nhiều kinh nghiệm sống để đem lại ích lợi cho chúng ta và cho vinh hiển Ngài? Đối với người Cơ Đốc thì cuộc sống chính là trường học (Thi 90:12) mà ở đó chúng ta học được rất nhiều về Đức Chúa Trời và Lời Ngài, đồng thời chúng ta cũng nhận biết chính mình rõ hơn và thấy được mình cần phải tăng trưởng ra sao. Cuộc sống cũng sẽ trở thành diễn trường đấu và là chiến trường (He 12:1-29 IITi 2:1-5) nơi chúng ta phải trải nghiệm đức tin và phát triển những cơ bắp thuộc linh mạnh mẽ để có sức chạy đua và chiến đấu.

Lẽ thật này được minh họa rõ nét trong Dan 21:1-35, là phân đoạn Kinh Thánh ghi nhận sự quan tâm và kỷ luật của Đức Chúa Trời dành cho dân sự Ngài quá rõ ràng.

1. Quyền năng của Đức Chúa Trời (Dan 21:1-3)

Cuộc sống cứ tiếp diễn. Người Do Thái đã thương khóc A-rát xong và sớm lên đường trở lại với cuộc chiến. A-rát là một thành của người Ca-na-an cách Hép-rôn khoảng 20 dặm về phía nam, như vậy thế hệ mới của dân Y-sơ-ra-ên hiện đang phải đối mặt với cuộc xung đột đầu tiên là đương đầu với người Ca-na-an. Quân đội Do Thái sẽ phải mất ít nhất 7 năm mới đánh bại hết các dân trong Đất Hứa, do đó Đức Chúa Trời đã để cho họ phải tập dượt về quân sự một vài lần khi họ đang trên đường hành quân đến A-tha-rim. [57]

Tin tức về cuộc hành quân của Y-sơ-ra-ên đi từ Ê-díp-tô đến Ca-đe đã lan đi trước họ, và các nhà cầm quyền của những thành phố độc lập có chủ quyền như một nước ở trong và ở xung quanh xứ Ca-na-an sắp sửa tiếp đón những vị khách không mời mà đến này bằng cuộc chiến đấu. Hình như Y-sơ-ra-ên không hề chuẩn bị gì cho lần tấn công đầu tiên đó, cho nên có một số trong dân sự đã bị bắt làm tù binh, thế nhưng các vị lãnh đạo của họ liền mau chóng trở lại tìm Đức Giê-hô-va cầu xin Ngài giúp đỡ. Họ thề nguyện sẽ hủy diệt hết người Ca-na-an và những thành phố của dân ấy nếu Đức Chúa Trời ban cho họ chiến thắng.

“Diệt hết” có nghĩa là dành hết thứ gì đó cho Đức Giê-hô-va (Le 27:28-29 Phu 7:2-6), là tuyệt diệt con người, phá huỷ hết các thành của họ và dâng hết tất cả các chiến lợi phẩm cho Chúa. Đây là điều mà Y-sơ-ra-ên đã làm tại Giê-ri-cô (Gio 6:17-21), vì A-can lấy những thứ thuộc về Đức Chúa Trời cho nên ông ta đã bị giết chết (Gios 7:1-26). [58]

Nền văn hóa của người Ca-na-an cực kỳ gớm ghiếc, tàn độc không tả xiết, đặc biệt là trong các hành vi lễ nghi tôn giáo của họ, và Đức Chúa Trời muốn những dân này phải biến mất khỏi thế gian.

Đức Chúa Trời ban cho Y-sơ-ra-ên chiến thắng quân thù và dân sự đã giữ đúng lời thề nguyện của mình với Chúa. Họ hủy diệt A-rát cùng các thành có liên thông với nó rồi đặt cho nó một tên mới: Họt-ma, nghĩa là “sự hủy diệt”. Trận đánh này hoàn toàn tương phản với sự thất bại mà Y-sơ-ra-ên đã nếm trải trước đó 38 năm khi họ tự nỗ lực giao chiến với kẻ thù chứ không sự ban phước của Đức Chúa Trời (Dan 14:39-45). Lúc Giô-

suê phân chia sản nghiệp cho các chi phái trong xứ Ca-na-an, ông dành vùng này cho Giu-đa (Gios 15:30) và Si-mê-ôn (19:1,4).

2. Ân huệ của Đức Chúa Trời (Dan 21:4-9)

Thắng lợi đầu tiên này chắc chắn rất khích lệ người Y-sơ-ra-ên, giống như ý trong câu “*cất cánh bay cao như chim ưng*” và “*chạy mà không mệt nhọc*” (Es 40:31). Niềm khích lệ trong trận đánh sẽ đem lại khả năng chịu đựng bền bỉ trong cuộc đua. Bởi vì dân Ê-đôm không chịu cho Y-sơ-ra-ên đi ngang qua lãnh địa của họ bằng con đường chính, do đó, Môi-se đã phải dẫn dân sự đi từ phía đông Ê-đôm và sau đó là từ phía bắc đi ngang qua vùng có địa hình rất khó khăn hiểm trở. Đứng trước những khó khăn trở ngại của cuộc hành quân không bao lâu, dân sự đã không chịu nổi nên lại bắt đầu lảm bảm oán trách. Chúng ta thật dễ dàng giành được thắng lợi trong trận đấu nhưng cũng dễ dàng đánh mất nó!

Dân sự phạm tội (Dan 21:5): Con giận dữ và tinh thần thiếu kiên nhẫn trong lòng dân sự đã sôi trào ra thành những lời nói khó nghe chống nghịch lại Đức Chúa Trời và Môi-se. Cả trong thái độ lẫn lời nói của họ đều chất chứa sự khiêu khích Chúa (ICo 10:9), đó là điều hết sức nguy hiểm. Dân sự lại lảm bảm giống y như trước đó: Môi-se đem họ ra khỏi Ai Cập làm chi, để rồi giờ đây họ sẽ phải chết trong đồng vắng, ngoài bánh ma-na ra, sao chẳng có gì ăn cả. Hàng ngày, đang khi hành quân gặp phải nhiều khó khăn, dân sự quên đi lời Đức Chúa Trời đã hứa rằng họ chắc chắn sẽ được vào Đất Hứa và nhận lãnh chúng làm nơi ở của mình (Dan 15:1). Kể từ lúc Xuất Khỏi Ai Cập không lâu, Y-sơ-ra-ên đã được Đức Chúa Trời ban bánh ma-na từ trời xuống cho cách dư dật luôn vào mỗi buổi sáng, và cứ như thế trong suốt 40 năm, Chúa đã nuôi dưỡng dân Ngài theo nhu cầu của họ. Ma-na là “thức ăn của thiên sứ” (Thi 78:25), nhưng rồi dân sự đã quá coi thường những phước hạnh này của họ đến nỗi họ phát ón và ghét cay ghét đắng ma-na nên họ gọi chúng là “thứ thức ăn vô bổ” (Dan 11:4-6).

Theo sách Tin Lành Giăng đoạn 16, thì bánh ma-na đã được ban cho Y-sơ-ra-ên để làm đồ ăn mỗi ngày rất dư dật: đó chính là hình bóng Chúa Giê-xu Christ, Con của Đức Chúa Trời, là “Bánh Sự Sống” (c.32-40). Ma-na chỉ được ban cho Y-sơ-ra-ên mà thôi, còn Chúa Giê-xu đã đến để làm Chúa Cứu Thế của cả nhân loại. Tất cả mọi tác dụng mà bánh ma-na có thể phát huy được là để duy trì sự sống, còn Chúa Giê-xu Christ thì *ban cho* sự sống đó. Khi người Do Thái chê bai bánh ma-na, tức là họ đang khước từ Con của Đức Chúa Trời thực sự. Lại một lần nữa, Chúa thử dân sự Ngài, nhưng rồi họ đã quên đi sự thử ấy (Phu 8:15-16).

Lời Chúa là “bánh từ trời” mà dân sự Chúa cần ăn hằng ngày nếu họ muốn thực hiện thành công cuộc hành hương đi về thiên quốc của mình (Mat 4:4). Cái cách chúng ta đối xử với Lời Chúa vào thì giờ đầu tiên của mỗi ngày cho thấy chúng ta có đầu phục Ngài và vâng theo Ngài hay không. Bước vào một ngày mới mà không ưu tiên ăn thức ăn là bánh ma-na đến từ thiên thượng thì e rằng chúng ta sẽ gặp phải thất bại và có nhiều điều thất vọng.

Dân sự bị trừng phạt (Dan 21:6): Trong quá khứ, khi Y-sơ-ra-ên phạm tội, vinh quang của Đức Chúa Trời thường xuất hiện và tiếp theo sau đó là sự đoán phạt của Ngài. Còn lần này, chẳng hề có một sự cảnh báo nào. Sự đoán phạt đến bất thành linh khi Đức Giê-hô-va sai những con rắn độc đến giữa vòng dân sự. Họ đã khước từ món quà của Ngài từ trời đến đem lại sự sống và sức khoẻ cho họ, cho nên giờ đây Ngài ban sự đau đớn khổ sở với sự chết từ đất đến cùng họ, và có rất nhiều đã chết. Từ “rực lửa” dịch từ tiếng Hê-bơ-rơ “*saraph*” nghĩa là “đốt cháy” và cũng ngụ ý đến những thiên binh (sê-ra-phim) - những vật sống phục vụ trước ngai thánh của Đức Chúa Trời (Es 6:2,6). Hình ảnh “Rực lửa” không phải là sự mô tả vẻ bề ngoài của các con rắn đó mà là chứng sừng viêm đau đớn do nọc độc của chúng gây ra. Những ai bị rắn cắn đều bị chết ngay và có vẻ như là họ không phải chết một cách nhẹ nhàng, êm thấm chút nào. Tiền công của tội lỗi vẫn là sự chết.

Dân sự xưng nhận tội lỗi và nài xin khẩn thiết (Dan 21:7): Y-sơ-ra-ên làm bầm oán trách, phản loạn rất nhiều lần, và có lần trước đó họ thú nhận, “Chúng ta đã phạm tội” (14:40), nhưng lần này là lần đầu tiên, sự thú nhận này của họ có vẻ thành thật. [59]

Trong quá khứ, Môi-se từng sấp mặt mình xuống trước Đức Chúa Trời và cầu xin giùm cho dân sự, còn bây giờ dân sự đã năn nỉ ông hãy cầu nguyện cho họ. Điều này có nghĩa là thế hệ mới này biết hướng lòng mình về Đức Giê-hô-va nhiều hơn chẳng? Chúng ta hy vọng như thế.

Dân sự được giải cứu (Dan 21:8-9): Môi-se cầu nguyện cho dân sự nhưng Đức Giê-hô-va đã không trả lời theo như cách dân sự mong đợi. Thay vì khiến các con rắn độc kia mau lìa xa khỏi họ và chữa trị cho những người bị rắn cắn, Đức Chúa Trời đã hướng dẫn Môi-se chế tạo ra một con rắn bằng đồng rồi treo nó lên trên một cây trụ đặt ở một nơi mà tất cả dân sự đều có thể nhìn thấy. Nếu ai bị rắn cắn thì hãy nhìn lên con rắn đồng đó ắt sẽ được chữa lành ngay tức khắc.

Chúa Giê-xu từng dùng hình ảnh con rắn đồng này minh họa về sự chết của Ngài trên thập tự giá (Gi 3:14). (“Được treo lên”) là cụm từ được người ta hay dùng trong thời đó ngụ ý về sự đóng đinh vào cây thập tự). Những sự so sánh giữa con rắn đồng trong thời Môi-se với Thập Hình Đấng Christ giúp chúng ta hiểu rõ hơn ý nghĩa về ân điển cứu rỗi của Đức Chúa Trời. Tất cả những ai đã bị nọc độc tội lỗi tiêm nhiễm đều sẽ phải chết vào một ngày nào đó và phải đối diện với sự đoán phạt (He 9:27), nhưng nếu họ nhìn vào Đấng Christ bởi đức tin thì Ngài sẽ cứu họ và ban cho họ sự sống đời đời. Nhìn vào con rắn đồng, người ta sẽ được cứu khỏi sự chết thuộc thể, còn nhìn vào Đấng Christ thì chúng ta sẽ được cứu khỏi sự chết đời đời.

Nhưng tại sao Môi-se lại đúc ra mô hình *con rắn* – một loài vật gây chết chóc cho con người như vậy? Bởi vì trên thập tự giá, Chúa Giê-xu đã trở nên có tội thay cho chúng ta – là thứ đã kết án con người – và nhờ thân thể Ngài mang lấy sự chết thuộc linh cho chúng ta (ICo 5:21 Ro 8:3 Ga 3:13 IPhi 2:22-24). Môi-se đã không che khuất con rắn đồng, nhưng ông

treo nó lên trên một cây trụ cao rồi đặt cây trụ đó tại nơi mà tất cả mọi người đều có thể nhìn thấy! tương tự, Chúa Cứu Thế chúng ta đã bị đóng đinh trên cây thập tự giữa thanh thiên bạch nhật một cách công khai, bên ngoài thành Giê-ru-sa-lem, và hễ ai nghe Tin Lành đều có thể “nhìn thấy Ngài” và sẽ được cứu, **“Vì ai kêu cầu danh Chúa thì sẽ được cứu”** (Ro 10:13).

Môi-se không trồng cây trụ ở bên trong đền tạm hoặc thậm chí trong hành lang đền tạm, bởi vì không ai có thể được cứu bởi giữ Luật Pháp. Con rắn được treo lên là phương thuốc chữa bệnh duy nhất trong trại quân, giống y như Đức Chúa Giê-xu Christ là Đấng cứu Thế duy nhất cứu mọi tội nhân trên toàn hành tinh này (Cong 4:12 Gi 14:6). Không ai có thể nhìn vào con rắn đồng đó thay cho người khác; mỗi tội nhân sắp chết đều phải tự mình nhìn vào nó cho chính mình. Sự cứu rỗi của Đấng Christ ban cho là dành cho từng người và từng cá nhân một. Mỗi người trong chúng ta phải nhìn vào Đấng Christ bởi đức tin của chính mình. Việc người ta đã cố gắng nỗ lực ra sao không thành vấn đề, bởi lẽ chẳng có người Do Thái nào đã có thể tự cứu lấy mình được. Ở đây sự cứu giúp duy nhất có thể có là do Đức Chúa Trời ban cho cách nhưng không bởi ân điển Ngài, và nếu bạn từ chối không đón nhận thì bạn chắc sẽ chết.

Tội lỗi và sự chết lên vào trong thế gian này qua cái nhìn (Sa 3:6), sự giải cứu duy nhất khỏi tội lỗi với sự chết đòi đòi bởi cái nhìn đức tin: **“Hỡi các người hết thảy ở các nơi đầu cùng đất, hãy nhìn xem ta và được cứu! Vì ta là Đức Chúa Trời, chẳng có Chúa nào khác”** (Es 45:22 NKJV). Nhìn có nghĩa là đức tin được trải nghiệm, và phương pháp duy nhất để được cứu là bởi đức tin (Eph 2:8-19). Một người Do Thái sắp chết có lẽ biện luận rằng, “Đó là cách chữa trị thật ngu ngốc,” nhưng rất cuộc người ấy đã được chữa lành (ICo 1:18-25). Còn người Y-sơ-ra-ên sắp chết thì bảo, “Sao mà chữa trị đơn giản quá!”, nhưng rồi anh ta cũng đã được chữa khỏi.

Hãy tưởng tượng sự vui mừng quá đỗi trong trại quân ra sao khi có lời thông báo rằng đã có phương thuốc có khả năng chữa lành cho mọi người! Những người không được cứu khỏi chết là những người vì lý do nào đó đã không nhìn vào con rắn bởi đức tin, **hoặc là những người đã không nhận biết phương cách chữa trị đó là hữu hiệu.** Chúng ta cần rao ra tin tức tốt lành này, **“Đức Chúa Jêsus Christ đã đến trong thế gian để cứu vớt kẻ có tội”** (ITi 1:15) là việc hết sức quan trọng.

3. Sự nhân từ của Đức Chúa Trời (Dan 21:10-21)

Sau khi rời khỏi chiến trường, Y-sơ-ra-ên tiếp tục hành quân tiến về phía bắc, băng ngang qua sông Xê-rết và đóng trại tại đó. Sau đó họ vượt qua sông Ạt-nôn đến gần bờ cõi dân A-mô-rít, đi dọc ranh địa phận giữa Mô-áp và A-mô-rít. Trong Dan 22:1-24, chúng ta sẽ gặp lại dân A-mô-rít và sẽ thấy họ lừa gạt xúi bẩy dân Y-sơ-ra-ên vào sự bất tuân với Đức Chúa Trời ra sao.

Trong 21:14-15, chúng ta có sự mô tả về khu vực này, dựa theo tài liệu cổ được ký thuật với tên gọi là **The Book of the Wars of the Lord** (“Những Trận Đánh của Đức Giê-hô-va”). Cuốn sách đã bị thất lạc này có vẻ như là

một bản trích yếu gồm những thông tin chi tiết về sự đi lại và những trận đánh của Y-sơ-ra-ên. [60]

Ở đây có trích dẫn sự mô tả vị trí địa lý khu vực Y-sơ-ra-ên đã đi ngang qua. Đó là địa hình không phải dễ đi, nhưng Đức Chúa Trời đã ban cho dân sự Ngài sức mạnh và nghị lực giúp họ thực hiện được chuyến đi đó.

Khi họ đến Bê-re (có nghĩa là “giếng”), Đức Giê-hô-va đã lường trước nhu cầu của dân sự và hứa ban nước uống cho họ. (Xu 17:1-7 Dan 20:2-13 21:6) “Chúng ta ăn gì đây?” và “Chúng ta sẽ uống gì?” dường như luôn luôn là những mối quan tâm thường trực của dân sự (Mat 6:24-34), tương tự như những mối quan tâm lo nghĩ của thiên hạ ngày nay vậy, cùng với nỗi lo “Chúng ta sẽ mặc gì?”. Nhưng trong dịp này, dân sự không có làm bầm. Trái lại họ còn hát xướng! Theo như sự ký thuật này đề cập, đây là lần đầu tiên chúng ta thấy Y-sơ-ra-ên hát xướng ca ngợi Đức Chúa Trời vì Ngài đã giải phóng họ khỏi Ai Cập cách đó 40 năm (Xu 15:1-27).

“Bài Ca Giếng Nước” (Dan 21:16-18) được dân sự hát lên ca ngợi Đức Giê-hô-va đã chu cấp nước cho họ trong đồng vắng. Không có vẻ gì cho thấy là giếng nước đó do mấy người lãnh đạo dùng gậy của họ đào nên (NIV), bởi vì trong hoang mạc đầy cát ấy nếu muốn đào được giếng thì chắc chắn người ta phải cần dùng đến những dụng cụ chuyên môn hơn. Vì đây là bài ca, cho nên chúng ta hãy nhường chỗ cho sự biểu lộ đậm chất thơ. Chắc là sự việc như thế này, Đức Chúa Trời chỉ cho Môi-se biết chỗ có mạch nước, những người lãnh đạo dân sự liền dùng cây gậy chọc xuống chỗ ấy khơi thông khiến mạch nước phun lên.

Dân sự vui mừng xiết bao vì Đức Giê-hô-va đã ban cho họ những nhu cầu có cần cho sự sống, và họ tìm thấy niềm vui thỏa trong sự ngợi khen Ngài về tấm lòng nhân từ của Ngài. nước là thứ quý báu trong hoang mạc, và người Do Thái đã không nhìn nhận ra điều đó, tương tự như thế ngày nay phần đông người ta cứ cho rằng nước là do tự nhiên mà có, cho nên họ tha hồ xài một cách hoang phí và làm ô nhiễm chúng. Khi Đức Chúa Trời, Đấng Tạo Hóa bị con người loại ra khỏi khung cảnh này thì người ta đã không ngớt tự xem mình là những quản gia và là những khách hàng ích kỷ tiêu thụ sản phẩm Ngài để lại đó. Rồi đây có ngày Đức Chúa Trời sẽ hủy diệt tất cả những ai đã tàn phá tinh cầu này (Kh 11:18).

Đây là chỗ rất hay mà chúng ta cần dừng lại chú ý đến những hình ảnh nói về Đức Chúa Giê-xu Christ chúng ta được tìm thấy trong thể văn tường thuật này. Chúng ta thấy Ngài qua hình ảnh ma-na là Bánh Sự Sống (Gi 6:1-71), giờ đây qua hình ảnh giếng nước, Ngài là Đấng ban cho chúng ta nước hằng sống (7:37-39). Trong Kinh Thánh, nước uống là hình ảnh của Đức Thánh Linh, còn nước rửa là hình bóng về Lời Chúa (Eph 5:26-27). Nhưng trước lúc Chúa Giê-xu có thể sai Đức Thánh Linh đến thì Ngài đã phải chết trên thập tự giá (Gi 7:39), là hình ảnh đưa chúng ta đến với con rắn đồng đã được treo lên trong Dan 21:4-9 và trong Gi 3:14. Ma-na nhấn mạnh đến thân vị của Chúa, [61] con rắn đồng nhắc về sự đóng đinh Chúa, còn nước kia nói về sự thắng thiên của Ngài và việc Đức Thánh Linh được đổ ra.

4. Chiến thắng của Đức Chúa Trời (Dan 21:21-35)

Trước khi đến đồng bằng Mô-áp, người Y-sơ-ra-ên đã đánh hai trận chính dưới sự giúp sức của Đức Giê-hô-va nên họ thắng cả hai trận.

Đánh thắng dân A-mô-rít (Dan 21:21-32): Đang khi tiếp tục cuộc hành trình, người Do Thái đi đến địa phận của dân A-mô-rít. Dân này là hậu duệ của Cham con trai Nô-ê, qua con trai Cham là Ca-na-an (Sa 10:6-15) và chúng ta không nên nhầm lẫn với dân Am-môn. Đức Chúa Trời cấm Y-sơ-ra-ên không được đánh nhau với dân Am-môn (Phu 2:18-19) bởi vì họ có bà con với dân Giu-đa qua Lót cháu nội của Áp-ra-ham (Sa 19:30-38).

Có thời dân A-mô-rít cai trị nhiều khu vực rộng lớn ở vùng Mê-sô-bô-ta-mia và Sy-ri-a, nhưng trong thời Môi-se, lãnh thổ của họ đã thu hẹp lại nhiều. Dân A-mô-rít định cư ở bờ tây Biển chết, phía bắc của người Ê-đôm, giữa Ạt-nôn và sông gia-bốc. Dưới cái nhìn của Đức Chúa Trời, họ là một dân tộc gian ác đầy sự góm ghiếc, sẽ phải gặt lấy sự đoán phạt (15:16), Môi-se biết rõ rằng Chúa từng hứa sẽ ban cho Y-sơ-ra-ên chiến thắng đám dân độc ác này (Xu 23:23). Tuy nhiên, trước hết Môi-se đã cố gắng ngoại giao, như ông từng làm trước đó với dân Ê-đôm (Dan 20:14-22), cam đoan với Si-hôn vua xứ Hết-bôn rằng Y-sơ-ra-ên sẽ đến trong hòa bình và sẽ không gây rắc rối gì (Phu 2:26-37).

Đức Giê-hô-va muốn Y-sơ-ra-ên chiếm lấy vùng đất phía đông sông giô-đanh, cho nên Ngài đã để cho vua Si-hôn tấn công Y-sơ-ra-ên. Thủ đô của Si-hôn ở tại Hết-bôn, thế nhưng vua và quân đội ông ta lại từ phía nam kéo đến Gia-hát, cách sông Ạt-nôn về hướng bắc khoảng 20 dặm, chúng ra mặt thách thức Y-sơ-ra-ên. Dân sự Đức Chúa Trời đã đánh bại chúng và chiếm lấy xứ từ Ạt-nôn đến sông Gia-bốc. Trước khi Y-sơ-ra-ên tiến vào Đất Hứa, phần lãnh thổ phía đông sông Giô-đanh này đã được phân chia cho Ru-bên, Gát và Ma-na-se (Dan 32:1-42).

Trong 21:27-30, Môi-se trích dẫn “một bài ca chiến trận” của người A-mô-rít và áp dụng nó cho người Y-sơ-ra-ên. Nguyên thủy của bài ca này là dùng để hát xướng ca tụng kỷ niệm chiến thắng vĩ đại của dân A-mô-rít khi quân Si-hôn đánh bại Mô-áp, chiếm lấy các thành của họ và bắt dân Mô-áp làm tù binh. Nhưng giờ đây chính quân Si-hôn và A-mô-rít là những kẻ đã thất trận. Quân Si-hôn đã đánh bại Kê-mốc, thần của người Mô-áp; còn bây giờ Đức Giê-hô-va đã đánh bại các thần của dân A-mô-rít! Sáu dòng đầu của bài ca này (c.27-28) mô tả Si-hôn thắng Mô-áp, còn hai dòng cuối (c.30) thì mô tả Y-sơ-ra-ên thắng Si-hôn. [62]

Trong bản văn của sách Dân Số Ký, Môi-se được Đức Thánh Linh hướng dẫn ghi lại bài ca này và ứng dụng nó cho Y-sơ-ra-ên. Thực tế, tiên tri Giê-rê-mi cũng có trích dẫn một phần của bài ca này trong các lời tiên tri của ông khi ông đề cập đến sự đoán phạt Mô-áp (Gie 48:45-46). Như vậy có phải có nghĩa là dân sự Chúa ngày nay có thể mượn “những bài ca thể tục” để dùng vào trong các dịp thờ phượng Chúa cũng được chăng? Không, không phải như vậy, bởi vì Y-sơ-ra-ên đã dùng “bài ca với mục đích chế giễu” này nơi ngoài chiến trường chứ không phải dùng trong nơi thánh. Môi-se đang viết lịch sử chứ không phải viết những vần thơ trữ tình, còn

Giê-rê-mi thì viết lại những lời tiên tri. [63] có nhiều nhà thơ Cơ Đốc đã mượn những âm điệu giai vần ngoài đời khi sáng tác, [64]

Nhưng chúng ta sẽ gặp phải nguy hiểm khi chúng ta mượn những lời lẽ theo thể tục để trình bày sự ngợi khen và thờ phượng Đức Chúa Trời của chúng ta.

Đánh thắng dân Ba-san (Dan 21:33-35): Sau “cuộc càn quét” mở màn xung quanh vùng Gia-ê-xe, Y-sơ-ra-ên quay sang chú ý đến Ba-san, một vùng đất rất phì nhiêu màu mỡ nằm ở phía đông Biển hồ Ga-li-lê và phía nam núi Hết-môn. Trong thời Áp-ra-ham, có một dân tộc gọi là Rê-pha-im sinh sống ở đó (Sa 14:5). Óc, vua của dân Ba-san, đã chiến đấu với Y-sơ-ra-ên tại Ết-rê-i, một thành nằm cách Gia-ê-xe về hướng đông bắc khoảng 50 dặm, nhưng Đức Giê-hô-va có hứa chắc với Môi-se rằng Y-sơ-ra-ên sẽ chiến thắng trận này, và đúng như vậy.

Theo Gios 2:10, tin tức về chiến thắng này đã lan đến thành Giê-ri-cô gây nên nỗi kinh hoàng sợ hãi cho cư dân ở đó. E-xơ-ra có đề cập đến chiến thắng này trong lời cầu nguyện của ông (Ne 9:22) và các tác giả Thi Thiên cũng có nhắc đến trong những bài ca ngợi khen Chúa của họ (Thi 135:11 136:19-20). Vua Óc còn có thủ phủ tại Ách-ta-rốt (Phu 1:4) và vua cai trị trên 60 thành (Gio 13:30), nhưng tất cả đều đã bị Y-sơ-ra-ên chiếm đóng và huỷ diệt hết, không để lại một ai sống sót (Dan 21:35 Phu 3:1-11).

Trong cuộc chinh phục Ca-na-an, Y-sơ-ra-ên đã thực hiện theo chiến lược được mô tả ở Dan 21:32-35. Giô-suê phái các thám tử đi do thám xứ trước. Sau đó, ông tìm kiếm những sự hướng dẫn đặc biệt của Đức Chúa Trời cho mỗi cuộc tấn công, tuân theo các mệnh lệnh của Ngài bằng đức tin và cuối cùng đã chiến thắng. Có hai lần Giô-suê không làm theo cách thức này nên ông đã bị thua trận (Gios 7:1-26 9:1-27).

Toàn bộ khu vực phía đông sông Giô-đanh lúc bấy giờ đã rơi vào tay Y-sơ-ra-ên và rốt cuộc nó đã được chuyển giao lại cho các chi phái Ru-bên, Gát và Ma-na-se (Dan 21:32 Phu 29:7-8). Tuy nhiên, Y-sơ-ra-ên giờ đây sắp sửa đương đầu với dân Mô-áp dẫn đến một thảm kịch không dễ mô tả nổi khiến 24000 người Do Thái đã phải bỏ mạng.

THỜI KỲ CHUYỂN TIẾP

Chuyện kể về Ba-la-am, một thầy bói thần bí được ghi lại trong Dan 22:1-25:18. Bởi vì đây là câu chuyện rất đầy đủ, cho nên chúng ta sẽ bước theo đại cương gợi ý được nêu lên dưới đây. Chương 9 bàn về 22:1-23:26, còn chương 10 đề cập đến 23:27-25:18.

I. Ba-la-am và ý chỉ của Đức Chúa Trời (22:1-35)

1. Yêu cầu của vua (22:1-20)
2. Sự phản kháng của con lừa (22:21-30)
3. Sự tiết lộ của thiên sứ (22:31-35)

II. Ba-la-am và sứ điệp của Đức Chúa Trời (22:36-24:25)

1. Lời tiên đoán thứ nhất – (22:26-23:12) một dân tộc được biệt riêng ra
2. Lời tiên đoán thứ hai – (23:13-26) một dân tộc sẽ đi chinh phục
3. Lời tiên đoán thứ ba – (23:27-24:14) một dân tộc thịnh vượng
4. Lời tiên đoán thứ tư – (24:15-19) một dân tộc thuộc về thiên thượng
5. Ba lời tiên đoán kết luận – (24:20-25)

III. Ba-la-am và dân sự của Đức Chúa Trời (25:1-18)

1. Tội lỗi của Y-sơ-ra-ên – (25:1-9)
2. Lòng can đảm của Phi-nê-a – (25:10-15)
3. Sự đoán phạt Ma-đi-an – (25:16-18)

IV. Ba-la-am và Hội Thánh ngày nay

1. Con đường Ba-la-am đã đi - (IIPhi 2:15)
2. Sự sai lạc của Ba-la-am - (Giu 1:11)
3. Học thuyết của Ba-la-am- (Kh 2:14)

Trước khi đi nghiên cứu chi tiết, có lẽ bạn nên đọc Dan 22:1-25:18 liền mạch để có được một bức tranh tổng thể. Cũng cần chú ý đến ba phần sách tham khảo quan trọng thuộc Kinh Thánh Tân Ước nằm ở phần IV của đại cương gợi ý trên, xin tham khảo thêm những phân đoạn sách trong Kinh Thánh Cựu Ước như: 31:8 Phu 4:3-4 23:3-6 Gios 13:22 24:9-10 Ne 13:1-3.

9. NHỮNG SỰ THỐNG TRỊ VÀ CÁC THỂ LỰC – PHẦN I (Dan 22:1-23:26)

Vào đêm Lễ Vượt Qua, dân Y-sơ-ra-ên ra đi khỏi Ai Cập giống như những người lính đang hành quân đi chinh chiến vậy, và Đức Chúa Trời đã chôn vùi quân đội Ê-díp-tô đang truy đuổi theo dưới những làn nước sâu của Biển Chết. Ngoại trừ dân Ca-na-an là dân mà Y-sơ-ra-ên đã hấp tấp tấn công không theo ý chỉ đường lối của Đức Chúa Trời (14:39-45), còn lại hề bất luận kẻ thù nào Y-sơ-ra-ên chạm trán thì họ đều đánh bại hết: Quân A-ma-lét (Xu 17:8-16), vua A-rát (Dan 21:1-3), quân A-mô-rít (c.21-25) và các lực lượng của Óc vua xứ Ba-san (c.33-35).

Nhưng khi Y-sơ-ra-ên đi đến đồng bằng Mô-áp, họ đã phải đối mặt với một loại kẻ thù khác, là kẻ giấu mình sau những dãy núi cao có khả năng chiêu tập các thể lực xấu xa hỗ trợ cho hắn ta. Sau khi đóng trại trong thung lũng thật bình yên, dân Y-sơ-ra-ên không hề nghĩ rằng Ba-la-am đang cố tình rửa sả họ để dân Mô-áp và dân Ma-đi-an có thể đánh bại họ. Cảnh tượng này nhắc chúng ta nhớ đến lời cảnh báo của Phao-lô trong Eph 6:12 *“Vì chúng ta đánh trận, chẳng phải cùng thịt và huyết, bèn là cùng chủ quyền, cùng thể lực, cùng vua chúa của thế gian mờ tối này, cùng các thần dữ ở các miền trên trời vậy”*.

Quý Sa-tan thường xuất hiện như sư tử rống vầy (IPhi 5:8), nhưng nếu nó bị thua, nó sẽ quay lại tấn công như con rắn đầy mưu ma quỷ quyết (II Co 11:3). Hội Thánh ngày nay luôn luôn phải chiến đấu chống lại kẻ thù rất mạnh là quân đội được tổ chức bao gồm những tà linh, thần dữ xấu xa độc ác đang ra sức chống đối, cừu địch lại dân sự Chúa và ngăn trở các công việc Ngài (Eph 6:10-20). [65] Đức Chúa Trời đã bảo vệ Y-sơ-ra-ên khỏi sự tấn công của “các vua chúa cường quyền và các thế lực tối tăm đời này” khi họ đóng trại tại đồng bằng Mô-áp.

Ở bài học nghiên cứu sau đây, chúng ta sẽ xem xét hai trong số bốn khía cạnh của đời sống và tư cách đạo đức của con người xấu xa kia, sẽ thấy chúng có liên quan đến Đức Chúa Trời với dân sự Ngài ra sao.

1. Ba-la-am và ý chỉ của Đức Chúa Trời (Dan 22:1-35)

Nhân vật chính trong vở kịch này là một thầy bói huyền. [66] bí tên là Ba-la-am, một người ngoại giáo sống tại nơi gọi là Phê-thô-rơ gần sông Ô-phơ-rát (22:5 Phu 23:4). Ông rất nổi tiếng là người có khả năng bói toán chính xác (có khả năng lĩnh hội kiến thức bí ẩn, đặc biệt là về tương lai) và niệm thần chú hiệu quả (dựa vào sức mạnh huyền bí để chúc phước hoặc rủa sả), ông luôn sẵn sàng bán sự phục vụ của công việc mình cho tất cả những ai trả tiền thù lao cho ông.

Yêu cầu của vua (Dan 22:1-22). Dân Mô-áp và dân Ma-đi-an cảm thấy khiếp đảm khi họ nhìn thấy sự đông đảo hoành tráng của trại quân Y-sơ-ra-ên (“*họ phủ khắp mặt đất*”, c.5) và khi họ nghe kể về những chiến thắng của lực lượng vũ trang Y-sơ-ra-ên trên các dân tộc láng giềng (“*đoàn dân đông này sẽ nuốt hết thầy chung quanh ta, khác nào con bò ăn cỏ trong đồng vầy*”, c.4, NKJV). Ba-lác, vua Mô-áp đã không nhận ra rằng Đức Chúa Trời từng bảo Y-sơ-ra-ên không được tấn công Mô-áp (Phu 2:9) bởi vì người Mô-áp có bà con với người Do Thái, là những hậu duệ của Lót – cháu nội của Áp-ra-ham (Sa 19:26-37).

Chiến tranh với vũ khí thường nằm ngoài vấn đề này. Mô-áp với Ma-đi-an cần sự giúp đỡ của ma quỷ, và Ba-la-am đã tiếp xúc với ma quỷ. Cuộc đối địch này sẽ đến một chương hồi khác như điều Donald Grey Barnhouse gọi là “cuộc chiến tranh vô hình”, là sự xung đột giữa Đức Chúa Trời với Sa-tan được bắt đầu kể từ khi Đức Chúa Trời rủa sả con rắn trong Vườn Ê-đen (Sa 3:13-15 Kh 12:1-18). Chắc hẳn Ba-la-am rất nổi danh là người đang hành nghề bói khoa với yêu thuật huyền bí tài tình, nếu không phải như thế thì Ba-lác đã không bận tâm đến quãng đường xa xôi [67] và giá cả khi vua cho sai mời Ba-la-am.

Ba-lác dựa vào hai thứ để gây áp lực tác động đến Ba-la-am khiến ông chịu đến giúp vua: thứ nhất là đoàn đại biểu rất gây ấn tượng gồm những nhân vật quan trọng là các bậc trưởng lão của Ma-đi-an và Mô-áp, thứ hai là của cải họ mang theo để trả công cho Ba-la-am. Ba-la-am là người được thuê làm việc rất rạch ròi, cho nên điều ông quan tâm trước hết là tiền (IPhi 2:15). Mặc dù ông từ chối lời mời của Ba-lác hai lần, khiến chúng ta cứ tưởng ông đang ở trong đường lối của Đức Chúa Trời nhưng thực ra

ông đang khéo léo xảo quyết để có thể đi tới Mô-áp nhận tiền thù lao của mình.

Trong thời đó, người ta tin rằng mỗi dân tộc đều có vị thần riêng của họ, và Ba-la-am biết rõ Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời của dân tộc Y-sơ-ra-ên. Do đó, ông đi đến tìm xem ý Chúa nói gì về những lời mời gọi của Ba-lác. [68] Chính Đức Chúa Trời là Đấng đã đến với Ba-la-am chứ không phải tự thân Ba-la-am là người đưa Đức Chúa Trời đến với ông, và Chúa đã không cho phép ông nhận lời mời đó. Ngài cho biết ý Ngài rất rõ ràng: *“Người chó đi với chúng nó, chó rửa sả dân này, vì dân này được ban phước”* (Dan 22:12, NIV). Ba-la-am biết nếu không có Đức Chúa Trời bên cạnh, thì ông sẽ không thực hiện được kết quả công việc mình, do đó ông nói với phái đoàn kia là ông không thể đi với họ được. Tuy nhiên, ông đã không cho họ biết lý do là, Y-sơ-ra-ên không thể bị rửa sả bởi vì Đức Chúa Trời đã chúc phước cho họ rồi. Nếu ông nói ra điều này với phái đoàn thì e rằng ông sẽ đặt một dấu chấm hết cho cuộc đàm phán và các vị lãnh sự kia chắc có lẽ không bao giờ quay về Phê-thô-rơ nữa.

Quyết không nản lòng từ bỏ ý định đánh bại Y-sơ-ra-ên, vua Ba-lác lại phái một đoàn đại biểu khác thậm chí đông hơn gồm các sứ thần có quyền cao chức trọng hơn những người trước đến cùng Ba-la-am hứa hẹn với ông sẽ trả cho ông bất kỳ công giá nào ông muốn, thêm nữa là vua sẽ ban cho ông danh cao vọng trọng trong triều đình. Sau khi biết được ý Chúa đối với vấn đề này, Ba-la-am đáng lý ra phải từ chối thậm chí không cần phải xem xét lời đề nghị lần thứ hai này thì mới phải, đáng này, vị thầy bói thuê ấy lại vẫn tiếp tục nuôi hy vọng sẽ tìm cách nào đó để phá hỏng ý chỉ của Đức Chúa Trời. Dưới ánh sáng của sự việc này cho thấy Ba-la-am thậm chí rất quan tâm đến lời đề nghị thứ hai đó của vua, lời ông nói trong câu 18 chỉ là lời hết sức giả dối. Ngoài môi miệng, Ba-la-am tỏ ra vâng lời Chúa, nhưng trong lòng ông thì rất thèm thuồng tiền bạc và hy vọng Đức Chúa Trời sẽ thay đổi ý định của Ngài.

Đức Chúa Trời đến cùng Ba-la-am phán dạy ông hãy đi với phái đoàn *kia nếu như sáng mai họ đến kêu ông đi* (c.2). [69] Chúa dặn Ba-la-am: *“nhưng chỉ hãy làm theo lời ta sẽ phán”*. Thế nhưng sáng hôm sau, Ba-la-am không đợi phái đoàn đến, mà ông lại tự cỡi lừa đi tới nơi họ đang đóng trại, cho thấy ông đã làm theo ý riêng của mình. Quyết định này, cùng với sự tham lợi trong lòng Ba-la-am khiến Đức Giê-hô-va nổi giận. Ba-la-am đang hành động chẳng khác nào con ngựa và con lừa (Thi 32:9): ông lật đật chạy xông lên phía trước của Đức Chúa Trời đồng thời lúc đó đã ngu xuẩn từ chối vâng theo những lời chỉ dạy rất rõ ràng của Chúa. Ông biết rằng Y-sơ-ra-ên đã được Chúa chúc phước, vậy mà ông còn hy vọng sẽ có thể rửa sả dân tộc Do Thái ấy để kiếm cho mình của cải và những sự vọng trọng theo lời nhà vua đã hứa với ông. Ông đúng là một kẻ giả hình và ăn ở hai lòng.

Sự phản kháng của con lừa (Dan 22:22-30): Đức Chúa Trời nổi giận khi Ba-la-am coi thường ý chỉ của Chúa và đã để cho lòng tham muốn tiền bạc chế ngự, điều khiển. Chúng ta đôi lúc cũng hay dùng cụm từ “những con vật không biết nói”, nhưng trong trường hợp này con vật đó lại còn

thông minh sáng suốt hơn cả chủ nó và hai đầy tớ của tên chủ ấy! Nó nhìn thấy thiên sứ của Đức Giê-hô-va đang cầm gươm đứng ngang lối đi; bằng cách nép sang một bên, nó đã cứu mạng Ba-la-am. Cả ba lần nó đổi đường đi thì lần nào nó cũng bị chủ đánh. Ba-la-am không tìm chế được cơn giận; và nếu lúc ấy ông có vũ khí trong tay chắc là ông đã giết chết con vật trung thành đó của mình mất. Phi-e-rơ gọi nó là “*sự điên cuồng của người tiên tri đó*” (IIPhi 2:16).

Tại sao Ba-la-am không kinh ngạc khi con vật của mình lại “*nói được tiếng người ta*” như thế? (c.16, NIV). Chắc chắn đây không phải là chuyện xảy ra thường ngày đối với một thầy bói chuyên nghiệp như ông. Sa-tan đã cất tiếng nói qua con rắn khi nó lừa dối Ê-va (Sa 3:1 đến hết đoạn ICo 11:3), có khả năng trong quá khứ bọn ma quái của quỷ Sa-tan đã trò chuyện với Ba-la-am qua các con vật. Đối với một người đã biến trở nên hết sức ti tiện thấp hèn trong cuộc sống thì Đức Chúa Trời buộc phải dùng những con vật cục súc để thông báo cho kẻ ấy biết ý nghĩ của Ngài thế nào.

Sự tiết lộ của thiên sứ (Dan 22:31-35): Chính Đức Chúa Trời đã mở miệng và mở mắt cho con lừa, Ngài cũng mở mắt cho Ba-la-am nữa khiến ông có thể nhìn thấy thiên sứ đáng vẻ uy nghi đáng kinh sợ đang cầm bảo kiếm trong tay đứng giữa đường. Cuối cùng Ba-la-am cũng đã làm được một điều đúng là sắp mặt xuống trước thiên sứ Đấng vừa bảo cho ông biết con lừa đã cứu mạng ông. thiên sứ cảnh cáo Ba-la-am rằng ông đang liều lĩnh dẫn thân một cách thiếu suy nghĩ trên con đường lầm lạc dẫn đến sự hư mất, và Ba-la-am xin quay trở về nhà.

Những lời ông nói “Tôi đã phạm tội” không phải là bằng chứng của sự ăn năn thật lòng. Pha-ra-ôn (Xu 9:27), Vua Sau-lơ (ISa 15:24,30 26:21), và Giu-đa Ích-ca-ri-ốt (Mat 27:4) tất cả đều đã thốt lên những lời như vậy nhưng rốt cuộc họ đều không trở lại với Chúa để nhận sự thương xót của Ngài. Thử hỏi có giá trị gì khi bạn nói ra những lời nghe có vẻ rất sùng đạo nhưng lòng dạ bạn thì lại đang tiếp tục hướng đến sự phạm tội? Hãy lắng nghe Đa-vít nói (IISa 12:13 Thi 54:4 IISa 24:10,17 ISu 21:8,17) hoặc nghe Đứa Con Hoang Đàng nói gì nếu bạn muốn nghe sự xưng tội thành khẩn, thật lòng.

Trong ý muốn có dụng ý của Đức Chúa Trời, Ngài cho phép Ba-la-am tiếp tục chuyến đi của ông, nhưng Ngài dặn ông chỉ được nói ra những sứ điệp nào Ngài ban cho ông mà thôi. Ở lần thứ nhất này, Ba-la-am nhận ra rằng ông sẽ gặp nhiều rắc rối hơn nếu ông mạo hiểm đi rửa sả một dân tộc chỉ nhằm để kiếm cho mình một số tiền. Khi Chúa dùng con lừa quả trách chủ nó, tức là Ngài đã dùng Ba-la-am để bày tỏ những lẽ thật quan trọng về Y-sơ-ra-ên và về Đấng Mê-si-a đã được hứa ban của Y-sơ-ra-ên. [70]

2. Ba-la-am và sứ điệp của Đức Chúa Trời (Dan 22:1-35) (Dan 22:36-24:25)

Việc vua Ba-lác tỏ ra nóng lòng muốn gặp vị thầy bói nọ cho thấy vua hết sức nôn nóng muốn khởi binh tấn công Y-sơ-ra-ên ngay. Tại sao Ba-la-am đã trì hoãn sự đến của mình như vậy? Chẳng phải lời đề nghị của Ba-lác không đủ hấp dẫn ông ta sao? Có phải ông ta đã không nhận ra tính chất

ngghiêm trọng của tình hình lúc ấy? Ba-la-am không biện hộ cho mình và cũng không giải thích cho các hành động của mình, nhưng ông có nói rõ ràng rằng tất cả những gì ông có thể làm là tuyên ra những lời nào Đức Chúa Trời sẽ ban cho ông. Nhà vua dâng tế lễ cho thần Ba-anh của mình và có lẽ vua đã ban cho Ba-la-am một số bộ phận nội tạng của con sinh tế như là sự thưởng công cho việc bói toán của ông.

Lời tiên đoán thứ nhất (22:39-23:12): Sáng hôm sau, Ba-lác dẫn Ba-la-am đến Ba-mốt Ba-anh (là “những nơi cao của thần Ba-anh”) nơi họ có thể nhìn thấy trại quân Y-sơ-ra-ên và dâng thêm tế lễ cho thần Ba-anh. Ba-la-am dùng những của tế lễ này như một phần của sự dùng bùa chú để bói toán (24:1) ông đã không đợi sứ điệp của Đức Chúa Trời đến như Ngài có bảo ông trước đó. Trong ân điển và sự thương xót của Ngài, Đức Chúa Trời đã dùng con người xấu xa gian ác này và Ngài cam tâm chịu đựng sự ăn ở hai lòng của hắn ta bởi vì Ngài cần tuyên ra một sứ điệp đặc biệt về dân Y-sơ-ra-ên của Ngài.

Sứ điệp Đức Chúa Trời ban cho Ba-la-am nhấn mạnh một số lẽ thật căn bản về dân Y-sơ-ra-ên. Thứ nhất, Đức Chúa Trời đã ban phước đặc biệt cho dân Y-sơ-ra-ên và họ không thể bị rửa sả(23:7-8). Đây là một phần trong giao ước của Ngài đã lập với Áp-ra-ham (Sa 12:1-3) và điều ấy đã được ứng nghiệm xuyên suốt lịch sử của họ. Đức Chúa Trời sẽ đoán phạt bất cứ kẻ thống trị nào hay là bất luận quốc gia nào gây cho dân sự Ngài đau khổ, khốn đốn, kể cả Ai Cập, A-sy-ri, Ba-by-lôn và Đức Quốc Xã.

Không hề có dân tộc nào được Đức Chúa Trời ban phước giống như Y-sơ-ra-ên, Ngài không những ban phước cho họ về đời sống vật chất và ban cho họ sự bảo vệ thánh, mà Ngài còn chủ yếu ban cho họ rất nhiều ơn phước thuộc linh để họ chia sẻ lại cho toàn thế giới. Phao-lô có kể ra một vài ơn phước trong số ấy ở Ro 9:1-5. Y-sơ-ra-ên đã đem lại cho thế giới sự nhận biết về Đức Chúa Trời hằng sống chân thật, về Lời Chúa đã được viết ra, và về Đức Chúa Giê-xu Christ là Chúa Cứu Thế của nhân loại.

Lẽ thật nền tảng thứ hai của Ba-la-am là dân Do Thái là dân tộc đã được Đức Chúa Trời chọn do đó dân này cần phải được biệt riêng ra khỏi các dân tộc khác (Dan 23:9). Đức Giê-hô-va có lần đã tuyên bố như vậy với Y-sơ-ra-ên tại núi Si-na-i (Xu 19:5-6), và những luật lệ mà Ngài ban cho họ tại núi Si-na-i có thể giúp họ sống đời sống của một dân tộc đặc biệt. Trong sứ điệp từ già Y-sơ-ra-ên của Môi-se, ông cũng có nhấn mạnh tính độc nhất vô nhị của Y-sơ-ra-ên đó là một dân tộc của Chúa (Phu 4:20 14:2,21 26:18-19 32:8-9 33:3,28-29) ông nhắc họ luôn hãy nhớ rằng Đức Chúa Trời đã chọn họ bởi vì Ngài yêu thương họ (Dan 7:6-8). Xin xem thêm Le 20:26 IVua 8:52-53 Am 3:2 Es 43:21.

Sự căm dỗ ghê gớm đối Y-sơ-ra-ên là mong muốn được trở nên giống các dân tộc khác, đây là điều dẫn họ đến với sự sa ngã và sự lưu đày. Thay vì vui sướng thỏa lòng với tính chất đặc biệt độc đáo của mình là một dân tộc thuộc về Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật, đấng này họ lại đi tập tành bắt chước các dân láng giềng trong sự thờ phượng và cách ăn nết ở của họ, cho nên Đức Chúa Trời buộc lòng phải sửa trị họ. Thay vì để cho

Đức Chúa Trời tể trị họ như là Vua của họ, đấng này họ lại đi cầu xin một vua “giống như tất cả các dân tộc khác vậy” (ISa 8:5), việc này đã đưa dân tộc rơi vào đủ thứ rắc rối và nguy nan khôn đốn.

Thật đáng buồn thay, có nhiều người trong Hội Thánh ngày nay vẫn có ý nghĩ sai lầm là phải trở nên giống như thế gian mới tiếp xúc được với thế gian. Họ quên rằng Hội Thánh là dân sự của Chúa, một dân tộc đặc biệt đã được cứu bởi ân điển Ngài. Thay vì duy trì sự biệt riêng ra (II Co 6:14-7:1), họ lại ra sức bắt chước người đời (IGi 2:15-17 Ro 12:2), do đó càng ngày người ta càng khó nhận ra điểm khác biệt giữa dân sự Đức Chúa Trời với các dân khác trong thế gian. Vì vậy, Campbell Morgan đã nhắc nhở chúng ta: “Khi Hội Thánh còn rất nhỏ bé so với gian, thì ấy là lúc Hội Thánh đã làm nhiều điều nhất cho thế gian”.

Sự nhấn mạnh thứ ba của Ba-la-am là tính chất đông đảo, rộng lớn của trại quân Y-sơ-ra-ên dẫu rằng ông chỉ đang nhìn thấy một phần nhỏ của nó (Dan 22:41). Từ “đất” mà ông đã dùng nhắc chúng ta nhớ lại những lời Đức Chúa Trời hứa với Áp-ra-ham và các hậu duệ của người rằng họ sẽ trở nên đông đúc vô số kể như cát bụi trên đất vậy (Sa 13:16 28:14). Các dân các nước hết thịnh rồi suy, còn dân dân tộc Y-sơ-ra-ên mặc dù gặp rất nhiều gian truân nhưng họ không bao giờ bị tuyệt diệt cả. Thay vào đó, ngày nay họ lại càng trở nên đông đúc và người ta thấy họ ở khắp nơi trên thế giới.

Ba-la-am được phái đến rửa sả Y-sơ-ra-ên, tuy nhiên ông đã kết thúc lời tiên đoán của mình bằng sự tuyên bố rằng ông muốn được *giống như* Y-sơ-ra-ên “*Người công chánh thác thế nào, tôi nguyện thác thế ấy Cuối cùng người nghĩa làm sao, tôi nguyện cuối cùng tôi làm vậy!*” (Dan 23:10). Bạn sẽ không chết với cái chết của người công chính trừ phi bạn sống đời sống của người công chính, đó là điều mà Ba-la-am đã không sẵn sàng thực hiện. Ông đã để tình yêu tiền bạc của mình điều khiển, không chế đời sống ông đến nỗi ông sẽ phải làm bất cứ việc gì miễn là kiếm được tiền của. Ba-la-am đã chết với cái chết của kẻ ác khi Y-sơ-ra-ên đánh bại dân Ma-đi-an (31:8), kết thúc cuộc đời ông là sự đoán phạt đời đời.

Khi Ba-lác cần nhận về lời tiên đoán thứ nhất của Ba-la-am, ông chỉ có sự đáp lại duy nhất rằng: đó là những lời đến từ Đức Chúa Trời và đó là những gì ông bắt buộc phải nói. Đáng lý ra Ba-la-am đã bịa đặt ra những lời rửa sả nào đó để lừa Ba-lác, thế nhưng Đức Chúa Trời đã không cho phép ông làm điều ấy, vì những lời tiên đoán đó sẽ có ngày trở thành một phần trong Lời thánh của Đức Chúa Trời.

Lời tiên đoán thứ hai (Dan 23:13-26): Để khích lệ Ba-la-am làm những gì mà ông đã được thuê làm - rửa sả Y-sơ-ra-ên - Ba-lác đề nghị vị thầy bói thuê của mình hãy nói về một viễn cảnh khác. Vua đưa ông lên đỉnh núi Phích-ga là nơi họ lại dâng tế lễ lần nữa cho các thần của họ (23:13-14 Phu 34:1-4). Thực tế là Ba-la-am đã có tham gia vào các lễ nghi huyền bí của người ngoại giáo và điều đó chứng tỏ trong lòng ông có sự gian ác. Ông tuyên Lời Chúa ra và ước ao được chết như người công bình chết, ông nghĩ không cần phải dùng đến bùa chú cả và kết giao với Sa-tan nữa (Dan 24:1).

Ông là kẻ ăn ở hai lòng với tham muốn kiếm được thật nhiều tiền bạc như có thể bằng cách tiếp thị những kỹ năng, mảnh lời của mình.

Lời tiên đoán thứ nhất diễn tả Y-sơ-ra-ên là *một tuyến dân* có được là bởi tình yêu của Đức Chúa Trời, lời tiên đoán thứ hai trình bày họ là một dân tộc đang đi chinh phục nhờ bởi sự thành tín của Ngài. Đức Chúa Trời là Đấng không hề nói dối, vì thế tất cả những lời hứa và các giao ước của Ngài đều chắc chắn; Ngài là Đấng không hề thay đổi, cho nên bản chất của Ngài sẽ luôn luôn là như vậy. Ngài không yếu đuối, ngược lại Ngài luôn có khả năng làm thành những lời phán hứa của Ngài; không ai có thể thao túng Ngài hay kiểm soát Ngài được. [71] Đức Chúa Trời luôn ở cùng dân Y-sơ-ra-ên và là vua của họ cai trị họ.

Chính Đức Chúa Trời đã ban cho Y-sơ-ra-ên nhiều thắng lợi, bắt đầu từ cuộc xuất hành của họ khỏi Ê-díp-tô. Dân tộc giống như một con bò đang sung sức và giống như sư tử đang trong tư thế rình mồi để vồ lấy chúng và giết đi. Do đó, không có phép thuật phù thủy nào có thể chống nghịch lại dân sự Chúa một cách thành công bởi vì Đức Chúa Trời luôn hành động trong họ và qua họ, *“Việc Đức Chúa Trời làm lạ là dường nào!”* (23:23, NKJV).

Khi Đức Chúa Trời xem xét Y-sơ-ra-ên, Ngài không thể nào chấp nhận những điều tội lỗi trái với luân thường đạo lý và những kẻ ác, cho nên Ngài có lý do để đoán phạt chúng. Y-sơ-ra-ên là “một vương quốc của thầy tế lễ và là một dân tộc thánh” (19:6), dẫu vậy Ngài vẫn buộc phải trừng phạt họ về tội vô tín và tội bất tuân của họ. Cơ Đốc nhân ngày nay cũng chính là tuyến dân của Đức Chúa Trời (Eph 1:4), được ấn núp trong Đấng Christ (Co 3:3), được mặc lấy sự công bình Ngài (ICo 5:17,21) và được đồng ngồi với Ngài trên thiên đàng (Eph 2:4-6). Bởi vì chúng ta được “ở trong Đấng Christ”, cho nên Đức Chúa Trời xem chúng ta là tuyến dân đặc biệt của chính Ngài (IPhi 2:5,9-10), vì vậy Ngài sẽ luôn tương giao với chúng ta.

Lại một lần nữa, Đức Chúa Trời đã biến sự rửa sả thành sự chúc phước! Những trận chiến mà dân sự Chúa ngày nay đang chiến đấu chẳng phải là chiến đấu với thịt và huyết trên đất này, bèn là chiến đấu với các tà linh của quỷ Sa-tan trên các tầng trời (Eph 6:10-24), và chúng ta không thể nào chiến thắng chúng bằng sức mạnh của chính chúng ta. Trước hết chúng ta phải tự nhìn nhận mình là dân sự của Chúa, đã được Ngài mua bằng huyết của Đấng Christ, đang được Đức Thánh Linh ngự trong lòng, và chúng ta hãy nhờ Đấng Christ *“mà thắng hơn tội phần”* (Ro 8:37). “Mọi khí giới của Đức Chúa Trời” là sự bảo vệ chúng ta, và những khí giới chính của chúng ta chính là Lời Chúa và sự cầu nguyện (Eph 6:13-20 Cong 6:4).

Y-sơ-ra-ên tiếp tục đồng hành với Chúa và vâng theo ý chỉ Ngài, nên họ luôn được chiến thắng và Chúa đã làm nhiều việc lạ lùng kỳ diệu trên đời sống họ, *“vì hễ sự gì sanh bởi Đức Chúa Trời, thì thắng hơn thế gian, và sự thắng hơn thế gian, ấy là đức tin của chúng ta”*(IGi 5:4 NKJV).

Dan 22:36-41; xem giải nghĩa Dan 22:1-35

Dan 23:1-26; xem giải nghĩa Dan 22:1-35

10. NHỮNG SỰ THỐNG TRỊ VÀ CÁC THỂ LỰC-PHẦN II (Dan 23:27-25:18)

1. Ba-la-am và sứ điệp của Đức Chúa Trời (Dan 23:27-30) (Dan 23:27-24:25)

Ba-lác dẫn Ba-la-am lên đỉnh núi Phê-ô, một ngọn núi được đồng nhất hoá với thần Ba-anh của người ngoại giáo (25:3,5 Phu 4:3 Thi 106:28-29 Os 9:10). Những bàn thờ được lập lên và các con sinh được dâng lên cúng tế như thường lệ tại đó, nhưng lần này Ba-la-am đã không cố tình dùng đến phép thuật bùa chú của mình. Thay vào đó, ông chăm chú nhìn ra trại quân Y-sơ-ra-ên và Thần Linh của Đức Chúa Trời giáng trên ông, ban cho ông lời tiên đoán thứ ba.

Lời tiên đoán thứ ba (Dan 23:27-24:14): Sự nhấn mạnh ở đây là tình thần mãn nguyện của dân sự Chúa ở tại chính quê hương mình. Cuộc chinh phục Ca-na-an đã kết thúc (24:8-9), các kẻ thù của họ đã bị đánh bại, và Y-sơ-ra-ên đang vui hưởng sự thịnh vượng sung túc mà Chúa đã ban cho họ trong “xứ đượm sữa và mật”. Đất Hứa là vùng đất lý tưởng với nguồn nước dư dật, một thứ quan trọng ở phương Đông, và những nơi Y-sơ-ra-ên đang cư ngụ đã trở nên ổn định tựa như hoa cỏ đẹp đẽ cùng với cây cối tốt tươi trong vườn vậy. Trong xứ người ta thấy có sự tươi đẹp và nét phồn thịnh có được là bởi các ơn phước Chúa.

Trong lời tiên đoán thứ hai, Ba-la-am nhìn thấy Đức Chúa Trời là Vua Y-sơ-ra-ên (23:21), còn lần này ông thấy dân tộc được cai trị bởi chính vua của họ là người vĩ đại hơn A-gát (24:7). Vì cái tên A-gát (cũng gọi là A-ga) còn xuất hiện vào nhiều thế kỷ sau đó (ISa 15:9), cho nên có lẽ ấy là tên có liên quan đến chức vụ của các bậc cầm quyền người A-ma-léc, chẳng hạn như là “Pha-ra-ôn” ở Ai Cập và “A-bi-mê-léc” ở Ghê-ra (Sa 20:26). Khi Y-sơ-ra-ên đang trên đường đến núi Si-na-i, dân A-bi-mê-léc đã tấn công họ và bị những lời cầu nguyện của Môi-se cùng với binh sĩ của giô-suê đánh bại, về sau dân A-ma-léc trở thành kẻ thù không đội trời chung của dân Do Thái (Xu 17:8-16).

Vua Do Thái nào đã được đề cập đến trong lời tiên tri này? Dĩ nhiên là không phải vua Sau-lơ, người đã thất bại khi tiến công tiêu diệt dân A-ma-léc và còn bị chết cách nhục nhã. Có thể đó là vua Đa-vít, nhưng chắc chắn không phải chỉ về Đức , Đấng “**cao hơn hết các vua trên đất**” (Thi 89:27). Dường như đây là lời tiên tri kép, vì trong thời trị vì của Chúa Giê-xu Christ trên vương quốc thuộc Đấng Mê-si-a như đã hứa, thì xứ của Y-sơ-ra-ên sẽ giống như Vườn Ê-đen vậy (Es 35:1-10).

Ba-la-am nhắc lại những hình ảnh con bò và sư tử (Dan 24:8-9 23:22,24), ông kết thúc lời tiên đoán này của mình bằng câu trích dẫn từ giao ước của Đức Chúa Trời lập với Áp-ra-ham (24:9 Sa 12:3 27:29). Ba-lác không ưa những lời Ba-la-am vừa nói, đặc biệt là sự đe dọa rằng vua sẽ bị rửa sả nếu vua rửa sả Y-sơ-ra-ên. Vua bảo thầy bói kia hãy về nhà đi, vì Ba-la-am không làm đúng công việc vua yêu cầu cho nên ông đã không được trả tiền công. Vì Ba-la-am đã lắng nghe tiếng Chúa và chỉ truyền đạt

lại Lời Chúa, cho nên vua Ba-lác kết luận rằng Chúa đã cản Ba-la-am nhận lãnh phần thưởng của mình!

Ba-la-am đồng ý trở về nhà, nhưng đợi cho đến sau khi ông ban phát ra lời tiên đoán thứ tư. Tuy nhiên, Ba-la-am vẫn cứ nán lại với Ba-lác đủ thì giờ tổ chức sắp đặt một bữa yến tiệc đầy cám dỗ dẫn đến việc làm ô uế dân Y-sơ-ra-ên và đánh bại họ. Ba-la-am không thể rửa sạch Y-sơ-ra-ên nhưng ông có thể cám dỗ làm hại họ.

Lời tiên đoán thứ tư (Dan 24:15-19): Lời giới thiệu của phần tiên đoán thứ tư này tương tự như lời giới thiệu ở phần tiên đoán thứ ba (c.3,4), nhấn mạnh rằng những gì Ba-la-am đã nhìn thấy và nghe được đều đến từ Đức Chúa Trời. Điều này tác động mạnh đến nỗi nó đã khiến cho vị thầy bói ấy phải sắp mình xuống đất. Có lẽ bạn tưởng rằng kinh nghiệm được ở cùng Đức Chúa Trời hằng sống đáng nhớ đó chắc hẳn đã đem Ba-la-am đến sự đầu phục Chúa và có đức tin nơi Ngài, tuy nhiên không phải như vậy. Điều ấy chỉ cho thấy một kẻ vô tín vẫn có thể đến gần với sự nhận biết Chúa như thế nào nhưng thực tâm kẻ ấy vẫn khước từ lẽ thật ra sao (Mat 7:15-23) [72]

Khái tượng này rất vắn tắt và có mục đích; nó tập trung về sự đến của Đấng Mê-si-a của Y-sơ-ra-ên và những sự chinh phục của Ngài “trong những ngày sau rốt” (Dan 24:14). Hình ảnh ngôi sao và cây phủ việt tượng trưng cho vương quyền và sự trị vì của Đấng Mê-si-a (Sa 49:10 Kh 22:16), câu “**Đấng ra từ Gia-cốp sẽ cầm quyền**” chắc chắn là nói về Đấng Mê-si-a (Dan 24:19 Thi 72:8 Xa 9:10 Kh 1:6). Trong khi đó một phần của sự hiện thấy này có lẽ đã được ứng nghiệm chút chút ở những cuộc chinh phục của Đa-vít, còn Chúa Giê-xu Con Đa-vít sẽ làm cho chúng ứng nghiệm hoàn toàn khi Ngài trở lại đánh bại các kẻ thù nghịch Ngài và thiết lập vương quốc của Ngài trên đất này (Kh 19:11-20:6).

Nhưng vị thầy bói kia không dừng lại ở đó. Lúc ông đứng trên đỉnh núi Phê-rơ, ông có những sự hiện thấy liên quan đến các dân tộc khác và ông đã tiên đoán được số phận của họ. **A-ma-léc** (Dan 24:20) là dân tộc đầu tiên tấn công Y-sơ-ra-ên sau khi họ xuất khỏi Ê-díp-tô (Xu 17:8-16), nhưng rồi cuối cùng họ đã bị Đa-vít đánh bại và tiêu diệt hoàn toàn (ISa 27:8-9 IISa 8:11-12). **Kê-nít** (Dan 24:21-22) là dân du mục rày đây mai đó sống giữa vòng những người Ma-đi-an. [73] Họ sống trên các vùng núi cao, nhưng “cái tổ” của họ đã không bảo vệ nổi họ khỏi bị người A-sy-ri xâm lược và bắt họ làm phu tù. Số phận của các dân tộc đều luôn nằm trong tay Đức Chúa Trời (Cong 17:24-28), và không có dân tộc nào hoặc cá nhân nào có thể còn sống sót mà không nhờ bởi sự thương xót của Ngài (Dan 24:23).

Những lời tiên tri trong câu 25 rất khó cắt nghĩa, nhưng như tiến sĩ Roland B. Allen khẳng định: “**Hễ có một dân tộc dấy lên thay thế cho một dân tộc nào đó, thì lúc ấy mới biết số phận bất hạnh của dân tộc kia ra sao. Trái lại, dân Y-sơ-ra-ên luôn được ban phước hạnh và họ còn có lời hứa chắc chắn về Đấng giải cứu họ là Đấng cuối cùng sẽ chiến thắng...**” [74] Điều đáng chú ý ở đây là Đức Chúa Trời đã ban sự hiện thấy này cho một kẻ thầy bói ngoại giáo chứ không phải ban cho một tiên tri Do

Thái thực thụ. Nhưng Ngài cai trị theo đường lối và ý tưởng Ngài, đường lối và ý tưởng Ngài thì luôn cao hơn đường lối và ý tưởng của chúng ta (Es 55:8-11).

Dan 24:1-25; xem giải nghĩa 23:27-30

2. Ba-la-am và dân sự Đức Chúa Trời (Dan 25:1-18)

Câu “**Đoạn, Ba-la-am đứng dậy đi về bốn xứ**” (Dan 24:25, NIV) không được giải thích là ông có quay trở lại núi Phê-rơ ngay sau đó hay không, bởi vì Ba-la-am cũng nằm trong số những kẻ bị đã giết khi Y-sơ-ra-ên tàn sát dân Ma-đi-an (31:8). “**Bốn xứ**” ở đây có nghĩa là nơi Ba-la-am đang trú ngụ lúc ông đi gặp Ba-lác.

Tội lỗi của Y-sơ-ra-ên (Dan 25:1-5). Ba-la-am không thể rửa sả Y-sơ-ra-ên được, nhưng ông biết cách làm ô uế họ và đẩy họ vào sự phạm tội nghiêm trọng đến nỗi Đức Giê-hô-va buộc phải đoán phạt họ. Ba-la-am gợi ý Ba-lác (31:16) hãy triệu tập dân Mô-áp và dân Ma-đi-an lại rồi cho tổ chức một bữa yến tiệc tôn giáo thật thịnh soạn để tỏ lòng tôn kính thần Ba-anh, đồng thời hãy mời dân Do Thái đến cùng dự. Dĩ nhiên bữa đại tiệc đó có liên quan đến việc thờ hình tượng và những sự hũ bại, suy đồi đạo đức rất gớm ghiếc, ghê tởm, là những hành vi vi phạm vào giao ước của Y-sơ-ra-ên đã lập với Đức Chúa Trời. Nhưng Mô-áp có bà con với người Do Thái qua Lót cháu nội Áp-ra-ham, còn người Ma-đi-an là đồng minh của người Mô-áp, cho nên không có lý do gì để người Do Thái không “**ăn ở hòa thuận với hàng xóm láng giềng**” của mình cả. Ba-la-am không không có khả năng lôi kéo ma quỷ, nhưng ông đã cảm dỗ được xác thịt và rủ rê mời chào người Do Thái đến tham dự để “**họ tự mình thương thức**” tại bữa tiệc thờ cúng thần Ba-anh Phê-rơ.

Đây là trường hợp đầu tiên được ký thuật trong Kinh Thánh nói về việc Y-sơ-ra-ên thờ lạy thần Ba-anh, nhưng chắc chắn đó không phải là lần cuối cùng. Ba-anh là vị thần chính trong số các tà thần của người Ca-na-an và đặc biệt đây là thần có nhiệm vụ, khả năng ban mưa và sự sinh sản cho chúng sinh. Mãi cho đến khi ra khỏi Ba-by-lôn thì Y-sơ-ra-ên vẫn là một dân nông nghiệp; mỗi khi gặp hạn hán, họ lại thường quay sang xin thần Ba-anh xin cứu giúp thay vì cầu xin Đức Giê-hô-va. Các nghi lễ xin khả năng sinh sản của người Ca-na-an có liên quan đến cả hai phái nam lẫn nữ xúi giục cảm dỗ họ thực hiện hành vi thông dâm với đủ cách đủ kiểu quan hệ tình dục vô đạo đức. Cả việc thờ hình tượng và sự suy đồi đạo đức này đều bị Luật Pháp Đức Chúa Trời cấm cản (Xu 20:1-5,14).

Chắc bạn hy vọng người Do Thái nhớ lại kinh nghiệm đáng kinh sợ của họ tại núi Si-na-i khi họ bước vào sự thiết lập giao ước với Đức Chúa Trời. Những tưởng họ cũng sẽ nhớ lại việc thờ hình tượng của dân tộc tại Si-na-i khi A-rôn chế đúc ra một con bò con bằng vàng Đức Chúa Trời đã trừng phạt dân tộc (32:1-35). sự kiện đó cũng có liên quan đến cả việc thờ hình tượng lẫn sự suy đồi đạo đức. Y-sơ-ra-ên là một dân tộc đặc biệt, “**một dân tộc chỉ toàn là thầy tế lễ**” của Đức Chúa Trời, cho nên họ không được có những hành động và thói ăn nết ở hoà lẫn với người Mô-áp và người

Ma-đi-an vốn là những dân ngoại, họ cũng không được thờ lạy các thần giả dối của các dân ấy.

Đức Giê-hô-va sai tai vạ đến bắt đầu giết chết dân chúng, và Môi-se phải bắt tay hành động. Theo mệnh lệnh của Chúa, ông truyền bảo các quan án trong từng chi phái hãy giết những người nào cầm đầu dẫn Y-sơ-ra-ên vào sự phạm tội gớm ghê này, và hãy bêu xác họ lên để cảnh cáo những người còn lại. Nhưng có một hành động đặc biệt của sự đoán phạt đã giúp làm cho tai vạ dừng lại và cứu mạng những người còn lại của dân tộc.

Lòng can đảm của Phi-nê-a (Dan 25:6-15): Xim-ri, một người lãnh đạo của chi phái Si-mê-ôn (c.14), ông không chỉ tham dự bữa tiệc thờ cúng hình tượng mà còn đưa một người nữ Ma-đi-an tên là Cốt-bi về trại quân Y-sơ-ra-ên công khai dẫn nàng vào trong lều của ông ngay trước mắt Môi-se và những người Y-sơ-ra-ên đang khóc tại cửa hội mạc. [75] Đây là tội ý quyền ý thế rất tráo trạo không thể nào tha thứ được. Xim-ri là quan trưởng của Y-sơ-ra-ên còn Cốt-bi là con gái của một quan trưởng, do đó có lẽ họ nghĩ rằng vì họ có địa vị xã hội như vậy nên họ có quyền phạm tội.

Phi-nê-a cháu nội của A-rôn rời khỏi buổi nhóm cầu nguyện và đi theo sau cặp nam nữ ấy, thế rồi ông đã dùng giáo mình đâm chết cả hai người đó ngay trong lều họ. Việc này khiến cho tai vạ dừng lại, nhưng có 24.000 người đã phải chết trước đó (Sa 4:3-4). [76] Tương tự Áp-ra-ham khi ông dâng Y-sác (Sa 22:1-24 Gia 2:21-24), Phi-nê-a đã chứng minh đức tin của ông bằng những hành động cụ thể, và điều đã “kể ông là người công bình” (Thi 106:28-31).

Phi-nê-a có lòng sốt sắng như vậy là vì ông kính sợ Đức Giê-hô-va, cho nên Chúa đã ban phần thưởng đặc biệt là chức tế lễ đời đời cho chính ông và hậu duệ của ông. Phi-nê-a không hề biết gì về phần thưởng này trước khi ông hành động, vì thế động cơ của ông không mang tính ích kỷ. Ông được thúc giục hành động vì ông có lòng sốt sắng kính sợ Chúa và thẩm quyền của Luật Pháp Ngài. Phi-nê-a đã đi cùng Môi-se khi Y-sơ-ra-ên tấn công người Ma-đi-an (Dan 31:5-6), vì vậy ông không sợ hãi khi ra trận. Ông còn có nhiệm vụ là nhân viên gác cổng đền tạm và ông luôn thi hành công tác này trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời (ISu 9:20). Việc bảo vệ nơi thánh của Đức Chúa Trời là công việc đòi hỏi tinh thần trách nhiệm cao, và chắc chắn Phi-nê-a là người rất can đảm làm tốt công việc ấy.

Sự đoán phạt Ma-đi-an (Dan 25:16-18): Đức Chúa Trời tuyên bố rằng người Ma-đi-an được xem là kẻ thù nghịch của Y-sơ-ra-ên và phải bị tiêu diệt. Kỹ thuật của Môi-se cho thấy điều này đã được ứng nghiệm trong 31:1-24. Như chúng ta đã thấy, Ba-la-am, người đề xướng ra bữa tiệc cũng đã bị giết lúc đó.

Những ai lên án Đức Giê-hô-va và Kinh Thánh về sự tàn sát các dân tộc này đều là những người đã không hiểu rằng Đức Chúa Trời trước đó đã hết sức kiên nhẫn chịu đựng các dân gian ác ấy hàng bao thế kỷ (Sa 15:16) và Ngài cũng đã rộng lượng ban cho họ cơ hội ăn năn hối cải. Ngài bày tỏ chính Ngài cho họ biết qua thiên nhiên (Ro 1:8-32 Thi 19:1-14), và họ đã có nghe nói đến những sự đoán phạt của Ngài giáng trên Ê-díp-tô là thể

nào (Gios 2:8-14). Những hành vi tôn giáo của họ hết sức bất nhân, tục tĩu rất ghê tởm, và chỉ có một cách để Đức Chúa Trời có thể cất đi ung nhọt gớm ghiếc ấy là Ngài phải xoá hết toàn bộ nền văn hoá này. Y-sơ-ra-ên có một công việc quan trọng cần làm cho Chúa, và sự hiện diện của những dân tộc gian ác kia chỉ là sự cám dỗ người Do Thái phạm tội mà thôi.

3. Ba-la-am và Hội Thánh ngày nay (Dan 25:1-18)

Là dân sự Chúa ngày nay, chúng ta không nên nghĩ rằng những gì được tường thuật lại trong Kinh Thánh Cựu Ước đơn thuần là những câu chuyện lịch sử xa xưa rất lý thú chỉ để cho chúng ta đọc mà thôi. Mãi cho đến khi Kinh Thánh Tân Ước được viết ra, thì Kinh Thánh Cựu Ước vẫn là bản Kinh Thánh duy nhất mà Hội Thánh Chúa ở thế kỷ đầu tiên đã dùng; nhờ nó mà họ được khích lệ và được khai sáng. Những sự kiện này trong lịch sử Do Thái được dùng làm những sự cảnh cáo chúng ta không được bất tuân với Đức Chúa Trời (ICo 10:1-13), đồng thời khích lệ chúng ta hãy xây dựng đức tin (He 11:1-40) và hy vọng của mình (Ro 15:4).

Ba-la-am được ba tác giả khác nhau trong Kinh Thánh Tân Ước đề cập đến: Phi-e-rơ (IIPhi 2:15-16), Giu-đe (c.11) và Giăng (Kh 2:14).

“Con đường Ba-la-am đã đi” (IIPhi 2:15-16): Sách II Phi-e-rơ đoạn 2 tập trung nói về sự nguy hiểm của các giáo sư giả khi họ lén lút thâm nhập vào trong Hội Thánh rồi dẫn đưa con cái Chúa đi đến chỗ sai lạc. Phi-e-rơ hứa rằng Đức Chúa Trời sẽ đoán phạt những kẻ lừa gạt đó (c.3), nhưng ông cũng cảnh báo Cơ Đốc nhân chúng ta phải có cái nhìn thuộc linh sáng suốt để khỏi bị các tà thuyết thu phục. Những giáo sư giả này như Ba-la-am dù họ biết đường đúng cần phải đi nhưng họ lại không đi, họ có lòng tham vô đáy, và họ đã dẫn người ta đi vào sự suy đồi đạo đức (c.14). Thực vậy, khi bạn đọc phân đoạn Kinh Thánh này, bạn sẽ thấy những tính chất tiêu biểu đó của Ba-la-am đã được phơi bày rất rõ.

“Con đường Ba-la-am đã đi” là cách sống của ông, đó là một người hành nghề bói toán và cũng là một tiên tri giả. Động cơ của ông là để kiếm tiền, và ông đã tận dụng mọi cơ hội mình có không phải để hầu việc Chúa mà là để thoả mãn sự tham muốn của cái vật chất của mình. Mặt khác, ông đã tự bán mình cho sự thê mươn của kẻ nào trả giá cao nhất cho ông. Ông lợi dụng “đạo” chỉ để kiếm tiền và để che đậy lòng tham muốn đầy tội lỗi của mình mà thôi. Ông còn lợi dụng “đạo” để dụ dỗ người ta vào sự phạm tội.

Ba-la-am biết Đức Chúa Trời không hề muốn ông đi cùng với phái đoàn sứ thần đó và không được hầu việc cho vua Ba-lác, nhưng ông đã mưu mô thủ đoạn lẩn quanh ý chỉ đã được Đức Chúa Trời tuyên bố và đi đến Mô-áp. Một nhà truyền giáo người Anh tên là F. W. Robertson nói rằng, “Ông ta đi đến với Chúa chỉ để nhận nhiệm vụ của mình đã được thay đổi, chứ không phải đến để học” [77] Những gì Ba-la-am đã nói ra qua môi miệng ông không quan trọng, quan trọng là vấn đề ông đang che giấu nhưng thực sự ông không thể che giấu được Đức Chúa Trời chút nào. Nếu Chúa không cho phép có sự cai trị trên đời sống của một người nào đó, thì Ngài sẽ luôn thắng thế và hoàn thành các mục đích của Ngài giống như nhau cả, **nhưng còn kẻ đầy tớ bất tuân kia chính là kẻ thua**. Đức Chúa Trời dùng “con vật

câm” để quở trách Ba-la-am và cố điều khiển ông đi trên con đường đúng, nhưng tấm lòng Ba-la-am không bao giờ thay đổi. Việc nhìn thấy thiên sứ của Đức Giê-hô-va có lẽ làm ông khiếp sợ, nhưng điều đó vẫn không khiến ông đầu phục và tin cậy Chúa. Ba-lác hứa ban cho ông nhiều của cải và ông quyết đi đến đó để nhận bằng con đường này hoặc con đường khác.

Có khi nào chúng ta đi trên “con đường Ba-la-am đã đi ” không? Đó là lúc chúng ta cố tình phản loạn, chống lại ý chỉ của Đức Chúa Trời đã được Ngài tiết lộ và ra sức làm thay đổi nó. Khi chúng ta có những động cơ hành động ích kỷ và hỏi, “Tôi phải làm gì để thoát ra khỏi con đường ấy?” là khi chúng ta khiến cho người khác phạm tội để chúng ta có thể kiếm lợi cho mình. Có lẽ Phao-lô đã nghĩ đến Ba-la-am khi ông viết ITi 6:9-10, những lời rất cần cho chúng ta ngày nay. “Đạo” là “Con đường kinh doanh béo bở” ngày nay và rất dễ để cho các giáo sư, các nhạc sĩ, các nhân viên, các nhà văn và nhiều người khác nữa trong những ban ngành của Hội Thánh ngày càng quan tâm tới để kiếm tiền và để được nổi danh hơn là để tìm kiếm các giá trị thuộc linh cùng những phẩm chất Cơ Đốc.

“*Sự sai lạc của Ba-la-am*” (Giu 1:11): Tương tự Phi-e-rơ, Giu-đe viết những lời cảnh báo Hội Thánh về các giáo sư giả (c.3-4). Thực vậy, thư Giu-đe là sự phản hồi của những điều Phi-e-rơ đã viết trong II Phi-e-rơ đoạn 2, vì thế, Chúa đã ban cho chúng ta lời cảnh báo kép. Điều này cho chúng ta thấy các giáo sư giả thật nguy hiểm biết chừng nào, chúng ta phải có trách nhiệm lớn lao ra sao trong việc nhận biết và đánh bại bọn họ. Thật đáng buồn thay, có nhiều tự xưng mình là cđtn nhưng lại chẳng quan tâm gì đến các giáo huấn của Kinh Thánh và dễ dàng sa ngã trở thành nạn nhân của các thế lực và những sự tác động của bọn dị giáo. Có một sự thật không được biết đến là hiện vẫn đang có nhiều thành viên tham gia các buổi thờ phượng sai trật lại là những người thuộc các Hội Thánh chính thống. Những người thờ phượng này không hề cố gắng tìm kiếm cho được những linh hồn hư mất, bởi vì họ không có sứ điệp về sự cứu rỗi dành cho những người bị hư mất. thay vào đó, họ lại bắt những người mới tin Chúa đưa vào trong xích xiềng nô lệ (c.18-19).

Sự sai lạc của Ba-la-am là ông không chỉ nghĩ rằng ông có thể bất tuân với Đức Chúa Trời và trốn thoát khỏi Ngài, mà ông còn nghĩ rằng những người mà ông đã dụ dỗ đi vào trong tội lỗi ấy chắc chắn cũng sẽ trốn thoát được với ông. Các giáo sư giả trong thời Phi-e-rơ và Giu-đe cũng đã nhắm vào các on mỗi là những người thiếu hiểu biết và cố tình dẫn họ đi vào tội lỗi (c.10,13,18 Giu 1:4,8,18-19) và ở mọi thời đại thì những việc này đều được che đậy dưới lớp áo choàng bên ngoài là “đạo”. Nếu sự xấu xa nhất là sự làm hư hỏng sai lạc điều tốt đẹp cao cả nhất thì những giáo sư giả này quả thật chính là những kẻ phạm tội tà đình nhất, vì họ lợi dụng niềm tin Cơ Đốc như một chiếc áo choàng để che đậy các công việc gian ác xấu xa của họ.

Dĩ nhiên, “phần thưởng” là động lực ở phía sau những việc họ làm (c.11), và điều này có nghĩa là một số thứ như: tiền bạc, quyền lực cai trị người khác, sự nổi tiếng, và những sự khoái lạc xác thịt của cá nhân. Giu-

đa Ích-ca-ri-ốt đã lợi dụng chức vụ của mình để tư lợi (Gi 12:6) nhưng kết cuộc là sự tụt vắn.

“**Học thuyết của Ba-la-am**” (Kh 2:14): Đây là giáo huấn Ba-la-am đã ứng dụng khi ông khuyến dụ dân Y-sơ-ra-ên tham dự vào bữa tiệc thờ cúng hình tượng tại Phê-rơ Ba-anh và phạm vào những tội suy đồi đạo đức với người Ma-đi-an (Dan 25:1-18). Có câu nhấn mạnh cho điều đó là, “Hễ nhập gia phải tùy tục. Đừng làm ra vẻ mình là người thiêng liêng quá, hỡi những người theo chủ nghĩa biệt lập. Hãy là người hàng xóm tốt và là người bạn dễ thương. Nói tóm lại, bạn đang sống trong một xã hội của những người theo thuyết đa nguyên, cho nên bạn cần phải học biết cách tôn trọng cái cách mà người ta tin và sống đó nhé!”. Nhưng theo quan điểm của Đức Chúa Trời, thì những gì Y-sơ-ra-ên đã làm đã **sự thỏa hiệp** và vi phạm giao ước mà họ đã lập với Chúa tại Si-na-i.

Vấn đề tại Phích-ga là các giáo sư giả đã thâm nhập trà trộn vào Hội Thánh và phỉnh dỗ dân sự dự tiệc tại các đền thờ thờ lạy hình tượng. [78] Như tại Ba-anh Phê-rơ, tội của dân sự là thông đồng với thần tượng và làm những điều đồi bại vô đạo đức, nhưng các giáo sư giả đã không trình bày chúng theo cách ấy. Họ dạy rằng ân điển Đức Chúa Trời ban cho dân Ngài là cứ tự do phạm tội, Giu-đe gọi đó là “đổi ơn Đức Chúa Trời chúng ta ra việc tà ác” (Giu 1:4 Ro 6:1-23).

Dân Do Thái là tuyển dân của Đức Chúa Trời, được biệt riêng ra khỏi các dân khác để hầu việc và làm vinh hiển Ngài. Họ không được thờ lạy các thần của các dân láng giềng của họ và không được tham gia vào các lễ hội của dân ngoại. Khi họ vào Đất Hứa, Y-sơ-ra-ên đã phải phá dỡ các đền thờ am miếu của bọn dân ngoại xuống và hủy phá những tượng chạm (Phu 7:1-20 Gios 23:1-16), vì sợ rằng họ sẽ bị cám dỗ xây khối Đức Chúa Trời bằng sống chân thật và bắt đầu học đòi bắt chước những người hàng xóm trần tục kia. Thật đáng buồn thay, điều ấy chính xác đã xảy ra kể từ sau khi Giô-suê chết (Cac 2:10-3:6).

Học thuyết của Ba-la-am là giả dối vì nó chủ trương cho phép người đã được cứu sống giống như người chưa được cứu, rằng ân điển của Đức Chúa Trời ban cho chúng ta là chúng ta được quyền bất tuân Luật Pháp Ngài. Xuyên suốt Cựu Ước, sự thỏa hiệp với việc thờ hình tượng của Y-sơ-ra-ên được gọi là “sự thông dâm” và “sự mại dâm”, vì dân tộc đã được Đức Giê-hô-va “cưới” tại núi Si-na-i rồi. (Gie 2:19-20 3:1-11 Exe 16:23 Os 1:1-2:32). Hình ảnh “cuộc hôn nhân” tương tự như vậy cũng được áp dụng đối cho Đấng Christ và Hội Thánh trong thời Tân Ước (II Co 11:1-4 Eph 5:22-23 Gia 4:4 Kh 19:6-9). Con cái Chúa mà đi thỏa hiệp với tội lỗi thì người chồng hoặc người vợ phạm tội tà dâm vậy.

Bất luận có sự dạy dỗ nào dễ dàng cho phép phạm tội thì đó đều là tà thuyết, bởi vì Lời Chúa được ban cho chúng ta để khiến chúng ta sống đời sống thánh khiết (ITi 6:3-4 Tit 1:1). Phao-lô nhấn mạnh nhu cầu trong Hội Thánh là cần có “những học thuyết đúng đắn, hợp lẽ”, tức là “đạo lành” (ITi 1:10 IITi 4:3 Tit 1:9 2:1). [79] Phao-lô đã ví sánh tà thuyết giống như sự phát triển di căn của căn bệnh ung thư vậy (IITi 2:17, NKJV).

Khi Y-sơ-ra-ên giết chết Ba-la-am cách đây hàng bao thế kỷ, họ vẫn không triệt tiêu được những lời dối giả mà ông ta đã để lại trong thế gian, những lời dối giả đó lại tiếp tục tác động đến dân Do Thái sau khi họ đã chinh phục Ca-na-an (Gios 22:15-18). Những lời dối giả này cũng đang tác động đến từng cá nhân con cái Chúa và các Hội Thánh ngày nay, đồng thời căn bệnh ung thư là sự thoả hiệp sẽ làm cho chúng ta không còn dạn dĩ làm chứng cho Chúa và nó còn tiêu hủy sức mạnh thuộc linh của chúng ta nữa (II Co 6:14-7:1).

Chúng ta cần chú ý lời cảnh báo của F.W. Robertson: “Hỡi anh em yêu dấu, hãy cẩn thận! Hãy dè chừng khi có ai đó thường luôn miệng nói những lời hay ý đẹp, nhưng lẽ thật chính thống, thế nhưng trong lòng người ấy chỉ chứa toàn những điều xấu xa đồi bại!”. [80]

“Khá cẩn thận giữ tấm lòng của con hơn hết,

Vì các nguồn sự sống do nơi nó mà ra.” (Ch 4:23 NKJV).

11. SỰ KHỞI ĐẦU MỚI (Dan 26:1-29:39 36:1-13)

Sự chuyển tiếp từ phân đoạn Kinh Thánh 25 đến phân đoạn 26 nhắc chúng ta nhớ lại sự chuyển tiếp từ phân đoạn 14 đến phân đoạn 15, vì trong cả hai trường hợp trên Đức Giê-hô-va đều chuyển từ sự đoán phạt thành sự thương xót, từ sự sửa trị thành sự phán hứa. Tại Ca-đe Ba-nê-a và tại Ba-anh Phê-ô, Y-sơ-ra-ên đều có phạm tội trọng và Đức Chúa Trời đã sửa phạt họ, nhưng bởi ân điển Ngài, Ngài đã tha thứ cho sự bất tuân của họ và ban cho họ một sự khởi đầu mới. E-xơ-ra là thầy thông giáo đã nhấn mạnh lẽ thật này trong lời cầu nguyện xưng tội của mình khi ông nói, *“hỡi Đức Chúa Trời của chúng tôi ôi! Thật Chúa chẳng có phạt chúng tôi cho đáng như tội chúng tôi, và đã ban cho chúng tôi được phần sót lại đường này”* (Exe 9:13, NKJV); Đa-vít cũng có cảm nhận như vậy nên ông viết, *“Ngài không đả chúng tôi theo tội lỗi chúng tôi. Cũng không báo trả chúng tôi tùy sự gian ác của chúng tôi”* (Thi 103:10 NIV).

Khi Y-sơ-ra-ên nán lại trong đồng bằng Mô-áp, Môi-se đã thực hiện đầy đủ bốn nhiệm vụ quan trọng để chuẩn bị Y-sơ-ra-ên cho những những điều đã trình bày lúc đầu.

1. Tu bộ binh sĩ (Dan 26:1-51)

Vào thời điểm Y-sơ-ra-ên tiến đến thung lũng Xê-rét (21:12), thì thế hệ lớn tuổi của dân sự đều đã chết hết (Phu 2:14-15), ngoại trừ còn lại Môi-se, Ca-lép và Giô-suê (Dan 26:63-65); sau đó chẳng bao lâu Môi-se cũng đã qua đời. Y-sơ-ra-ên thực hiện một sự khởi đầu mới, nhờ bởi sự thành tín và ơn thương xót của Đức Chúa Trời. đó là lúc họ thực hiện cuộc điều tra dân số của thế hệ mới và bắt đầu hướng về tương lai.

Môi-se có hai mục đích trong đầu khi ông thực hiện cuộc tu bộ dân số lần hai. [81] Ở lần tu bộ thứ nhất (1:1-46), Môi-se cần biết có bao nhiêu người nam có khả năng, từ hai mươi tuổi sắp lên và có thể phục vụ trong quân đội được. Mục đích thứ hai của lần tu bộ dân số này là để xem thử có bao nhiêu đất mà mỗi chi phái sẽ cần khi Y-sơ-ra-ên chiếm được Ca-na-an và nhận lấy sản nghiệp của mình (26:52-56). Giô-suê, Ê-lê-a-sa thầy tế lễ

thượng phẩm và mười vị lãnh đạo đại diện cho các chi phái ở phía đông sông Giô-đanh lo công việc phân chia sản nghiệp cho từng chi phái (34:16-29).

Cuộc tu bộ dân số lần thứ nhất cho biết tổng cộng 603.550 chiến sĩ có khả năng ra trận được (1:45-46), còn cuộc điều tra dân số lần hai có tổng cộng 601.730 người (26:51), hơi suy giảm một chút. Khi xem xét bạn sẽ thấy cứ mỗi người giờ đây thay thế vào vị trí của từng người đã chết trong 38 năm về trước thì số dôi ra **chỉ vắn vắn có 1.820 người mà thôi**, con số này thật đáng chú ý. Như khi Đức Chúa Trời đã khiến cho dân Ngài đông lên vô số kể trong những năm họ chịu đựng đau khổ tại Ê-díp-tô (Xu 1:7,12), bấy giờ Ngài lại làm cho họ sinh sôi nảy nở như vậy trong thời gian họ đi lang thang nơi đồng vắng. Đức Giê-hô-va luôn thành tín giữ trọn giao ước mà Ngài đã hứa (Sa 12:2 15:5 22:17).

Những chiến sĩ có khả năng ra trận chủ yếu là ở nằm ở các chi phái Gát, Si-mê-ôn và Ru-bên, với chi phái Ru-bên có số lượng đông nhất là từ khoảng 59.300 người đến 22.2000 người. Ba chi phái này cùng nhau đóng trại ở phía nam đền tạm có lẽ thế mà họ đã tác động ảnh hưởng xấu lẫn nhau. Đa-than và A-bi-ram thuộc chi phái Ru-bên đã tham gia vào cuộc bạo loạn của Cô-rê đưa đến gần 15.000 người phải mất mạng (Dan 26:9-11 16:35,49). Có lẽ trong số những kẻ phản loạn có nhiều người thuộc chi phái đó. Cũng một thể ấy, Xim-ri kẻ đã phạm tội kiêu căng ngạo mạn trong vụ Ba-anh Phê-rơ (25:6-15) vốn là quan trưởng của chi phái Si-mê-ôn. Tấm gương xấu xa của ông có lẽ đã ảnh hưởng đến nhiều người khác của chi phái Si-mê-ôn khiến họ cũng thờ hình tượng và làm những việc vô đạo đức như người Ma-đi-an đã làm và điều đó đã đem lại sự chết chóc cho họ.

Giu-đa, I-sa-ca và Sa-bu-lôn đã cho quân cắm trại ở phía đông đền tạm, hết thấy họ đều cho thấy họ tăng dân số lên rất đáng kể. Thật là lạ khi Ép-ra-im đã bị thất thoát 8.000 người trong khi đó chi phái anh em của nó là Ma-na-se thì tăng lên 20.000 người.

Đáng lý ra Đức Chúa Trời đã sai các thiên sứ đến truy quét sạch sẽ dân Ca-na-an ra khỏi đất đó ngay tức khắc, tuy nhiên Ngài lại chọn cách là hành động thông qua con người vào một thời điểm nào đó. Chắc chắn Đức Chúa Trời đã và đang nhẫn nại chịu đựng dân sự Ngài rất lâu, và chúng ta có thể xem đó là một ân huệ lớn lao của Đức Chúa Trời và hãy cùng đồng công với Ngài trong sự hành động của Ngài.

2. Chuẩn bị nhận lãnh sản nghiệp (Dan 26:1-51).(Dan 26:52-27:11 36:1-13)

Y-sơ-ra-ên không vượt qua sông mà vào Đất Hứa, hiển nhiên là nhờ bởi Đức Chúa Trời mà Môi-se đã sửa soạn cho các chi phái chuẩn bị chiếm đất cho mình.(Những từ “thừa kế” hoặc “sản nghiệp” được dùng 12 lần trong phần này). Ngoại trừ làm ứng nghiệm mạng lệnh của Đức Chúa Trời là hãy tiêu diệt người Ma-đi-an (25:16-18 31:1-11), Y-sơ-ra-ên không phải đánh thêm trận nào nữa cho đến khi họ đến Giê-ri-cô. Dầu rằng bản thân ông không được phép đi vào Đất Hứa nữa, tuy nhiên ông đã dành hết những

tuần lễ cuối cùng của cuộc đời ông vào công việc chuẩn bị cho thế hệ mới đi vào Ca-na-an và chiếm lấy đất mà Đức Chúa Trời hứa ban cho họ.

Sản nghiệp của từng chi phái (26:52-56): Sau khi đất đã bị chiếm, Đức Chúa Trời ban nó cho phần dân còn lại của Ngài, Giô-suê, Ê-lê-a-sa, và đại diện của mười chi phái (34:16-29) sẽ bắt thăm để quyết định phần đất nào là của chi phái nào (Gios 14:1-19:51). Theo tự nhiên, căn cứ vào số lượng người của từng chi phái mà phân chia lượng đất cho họ. Theo kỹ thuật trong sách Giô-suê thì có một số chi phái vui vẻ nhận lấy phần sản nghiệp mình và bước vào công việc xây dựng “quê hương”, nhưng cũng có những chi phái thì lăm bằm về phần đất mà họ đã được chia, và họ đi ra chiếm thêm các lãnh địa khác nữa, “Theo như đức tin các ngươi phải được thành vậy” (Mat 9:29). [82]

Sản nghiệp của người Lê-vi (Dan 26:57-62): Từ cuộc điều tra dân số lần thứ nhất đến cuộc điều tra dân số lần thứ hai, số người Lê-vi có gia tăng chút chút từ 22.000 người (3:39) đến 23.000 người (27:62). Người Lê-vi không được ban đất mà Y-sơ-ra-ên đã chiếm, trái lại, họ bị rải ra khắp quốc gia tại 48 thành (35:1-5 Gios 21:1-45). Có chuyện như vậy là bởi ít nhất ba lý do.

Thứ nhất, sự tan lạc của người Lê-vi là để làm ứng nghiệm lời tiên tri của Gia-cốp lúc ông hấp hối rằng hậu tự của Lê-vi sẽ phân rải ra khắp xứ (Sa 49:1-7). Lê-vi và Si-mê-ôn đã dùng bạo lực đối đã với người Si-chem (34:1-31), và Gia-cốp cảm thấy an toàn hơn là nên phân tán các con trai Lê-vi ra khắp nơi.

Thứ hai, bởi sự phân tán ra khắp xứ, người đã có cơ hội tốt hơn để dạy Luật Pháp của Đức Chúa Trời cho nhiều người hơn và tác động đến họ khiến họ tin cậy nơi Chúa. Các bậc cha mẹ phải có bốn phận dạy dỗ Lời Chúa cho con cái mình (Phu 4:1-10 6:6-15), còn trách nhiệm của các thầy tế lễ và người Lê-vi là dạy dỗ dân sự hiểu được Luật Pháp Đức Chúa Trời và những phước hạnh có được nhờ vâng theo Luật Pháp ấy (Le 10:11 IISu 15:3 17:7 Ma 2:4-7).

Lý do thứ ba người Lê-vi khiến không được thừa kế sản nghiệp là vì chính Đức Chúa Trời đã là gia nghiệp của họ rồi (Dan 26:62). họ có đặc quyền được hầu việc Chúa với vai trò là những thầy tế lễ, và họ được chia các sinh tế về các của lễ cùng với những phần mười mà dân sự đem dâng cho Chúa (18:20 Phu 10:9 12:12 14:27-29 18:1-2 Gio 13:14,33). Người Lê-vi dâng mình hoàn toàn để hầu việc Chúa và phục vụ dân sự Ngài, họ sống bởi đức tin, nhận lãnh các nhu cầu cho đời sống họ từ tay Đức Chúa Trời thông qua dân Ngài.

Sản nghiệp của gia đình (Dan 27:1-11): Vì đất thuộc về Đức Giê-hô-va (Le 25:23-28), cho nên người Do Thái không thể phân chia chúng hoặc sử dụng chúng theo ý họ thích. Việc duy trì giữ lấy đất từ thế hệ này sang thế hệ khác là việc quan trọng đối với từng gia đình và từng chi phái mà gia đình đó trực thuộc. [83]

Tương tự các quốc gia khác thời ấy, Y-sơ-ra-ên là một xã hội đầy đặn khí mạnh mẽ của đảng mây râu, và ông bà tổ tiên họ đã để lại rất nhiều tài

sản cho con cháu họ là những nam nhi. Người con trưởng nam sẽ nhận 2/3 sản nghiệp và những người con trai còn lại sẽ nhận mỗi người 1/3 (Phu 21:15-17). Nếu một người nào đó không có con trai, thì người ấy sẽ để tài sản của mình lại cho người bà con gần nhất với người mà phải là nam, chứ không chứ không phải để lại cho con gái người. Khi có một đứa con gái trong gia đình lấy chồng, thì nàng sẽ nhận được của hồi môn từ cha nàng và sẽ không còn được sống trong nhà cha nàng nữa. Của hồi môn đó chính là sản nghiệp của nàng.

Năm người con gái của Xê-lô-phát thuộc chi phái Ma-na-se, đã cho rằng luật lệ này không công bằng, nên họ đã kiến nghị Mô-i-se, Ê-lê-a-sa cùng các quan trưởng hãy tổ chức cuộc hội họp để thay đổi luật ấy. Tại sao tên cha của những người con gái này đã bị xoá khỏi Y-sơ-ra-ên chỉ vì mỗi một việc là do ông không có con trai? Lẽ nào chỉ vì ông không có con trai mà gia đình ông lại bị đối xử bất công vậy sao?

Là một người khôn ngoan, Mô-i-se liền dâng vấn đề cho Chúa, giống như ông đã làm đối với vấn đề của người phạm tội báng bổ Chúa (Le 24:10-16) và người đã vi phạm vào ngày Sa-bát (Dan 15:32-36). Đức Giê-hô-va đồng ý với đề nghị của năm người nữ kia và Ngài tuyên bố rằng nếu người cha nào không có con trai thì để lại gia nghiệp cho các con gái mình. Nếu người ấy không có đứa con nào thì người có thể giao lại đất của mình cho người bà con nào gần nhất với mình.

Quyết định này cho phép con gái cũng được hưởng quyền thừa kế, việc này giải quyết được một vấn đề nhưng lại tạo ra vấn đề khác, các nhà lãnh đạo chi phái Ma-na-se đã đem trình với Mô-i-se (36:1-13). Nếu một người nữ nào đó thừa kế đất của cha mình để lại mà ập gia đình với người ở chi phái khác, thì đất đó sẽ được xem là một phần gia sản của chồng nàng. Vào năm Hân Hí (Le 25:8-24), đất ấy sẽ không được trả trở về cho gia chủ ban đầu của nó, làm như vậy thì sẽ có chi phái nào đó bị lấy đi của cải tài sản vốn thuộc về nó.

Chắc hẳn Mô-i-se cũng đã trình dâng việc này cho Chúa bởi vì ông có thừa, “tùy theo lời của Chúa” (Dan 27:5). Giải pháp giải quyết cho vấn đề này là người nữ có gia nghiệp kia phải lập gia đình với người nam trong cùng chi phái với mình. Thủ tục đơn giản này sẽ cho phép người nữ lập gia đình đồng thời cũng giữ lại được tài sản của gia đình gốc mình tại chi phái ban đầu. Năm người nữ kia tuân thủ theo mạng lệnh đó và mỗi người đều lập gia đình với mỗi người anh trai con bác mình.

Có nhiều phép tắc tương tự như vậy thật ra không còn cần thiết nữa trong xã hội thời nay, nhưng chúng lại rất quan trọng đối với dân sự Đức Chúa Trời thời xưa. Chúa là Đấng sở hữu đất và Ngài cho dân Ngài được quyền sử dụng nó cho đến chừng nào họ còn vâng lời Ngài. khi dân Do Thái quay sang thờ hình tượng và làm ô uế đất, Đức Chúa Trời đã để cho các dân khác xâm chiếm xứ và đánh cướp đi hết mọi sản vật (sách Các Quan Xét). Khi tội lỗi của Y-sơ-ra-ên trở nên cực kỳ tàn ác đến nỗi Đức Chúa Trời không thể chịu đựng nổi nữa, Ngài liền đuổi dân Do Thái ra khỏi

xứ và họ đã bị bắt làm phu tù tại Ba-by-lôn. Họ học được bài học ở đây là phải biết quý trọng những gì Chúa đã ban cho họ.

Đối với người Do Thái ở Ca-na-an, họ chiếm xứ để xây dựng gia đình, tìm kiếm lợi nhuận và có được sự an toàn cùng với nhiều nhu cầu khác cho cuộc sống. Các nhà tiên tri thường xuyên lên án những người giàu nhờ việc họ ra sức tích góp của cải bằng cách cướp lấy đất của người nghèo (Es 5:8-10 Mi 2:1-3 Ha 2:9-12). Cuộc sống lý tưởng đối với một người Do Thái thời Cựu Ước là anh ta có quyền sở hữu đất của mình và có thể ngồi dưới cây vả của chính mình vui hưởng niềm vui gia đình cùng với những bông trái thành quả do chính anh ta làm lụng mà có (IVua 4:25 Mi 4:4).

Dan 26:52-65; xem giải nghĩa Dan 26:1-51

Dan 27:1-11; xem giải nghĩa Dan 26:1-51

3. Tuyển chọn người lãnh đạo mới (Dan 27:12-23)

Mặc dù vẫn còn khoẻ mạnh, nhưng giờ đây Môi-se đã được 120 tuổi (Phu 31:2 34:7) đó là lúc ông sẽ phải rời khỏi sân khấu cuộc đời. Ông đã trung tín lãnh đạo dẫn dắt Y-sơ-ra-ên suốt 40 năm (Cong 7:23,30 Xu 7:7), đã phải mang lấy nhiều gánh nặng của dân sự, cùng sẻ chia các chiến thắng với họ và dạy dỗ Luật Pháp của Đức Chúa Trời cho họ. Chúa với Môi-se thường hay đàm đạo với nhau như thể hai người bạn, và Ngài đã không hề giấu diếm đầy tớ Ngài bất kỳ điều gì.

Môi-se và xứ (Dan 27:12-14): Bởi vì Môi-se và A-rôn không kính trọng Đức Giê-hô-va tại Mê-ri-a, cho nên họ không được phép vào Đất Hứa cùng với thế hệ mới (20:2-13). Môi-se cứ van nài Chúa cho phép ông được vào xứ (Phu 4:23-29), [84] nhưng Ngài không mủi lòng. Môi-se bị trừng phạt không phải chỉ vì tội kiêu ngạo và nổi giận tại Mê-ri-a mà còn vì tội ông đã hủy đi hình bóng như được giải thích diễn giải trong sách Hê-bơ-rơ. Không phải Luật Môi-se mà là chính Chúa Giê-xu đã ban cho chúng ta sản nghiệp thừa kế thuộc linh (Sách Giô-suê He 4:8 và phân đoạn trên). [85]

Sau khi Môi-se phân phát sứ điệp được ký thuật trong Phục Truyền Luật Lệ Ký, ông được phép lên núi Nê-bô (núi Phích-ga), tại rặng núi A-ba-rim, và quan sát toàn cảnh xứ mà Y-sơ-ra-ên đã thừa hưởng (Phu 32:48-52 34:1-4). Nhiều thế kỷ sau đó, Môi-se và Ê-li đã đứng trên Núi Hóa Hình trong sự vinh quang khi họ trò chuyện với Chúa Giê-xu về cái chết sắp xảy đến của Ngài trên thập tự giá (Mat 17:1-8); như vậy cuối cùng thì ông cũng thực hiện được việc vào Đất Hứa.

Môi-se và Giô-suê (Dan 27:15-23): Có rất nhiều lần trong thời gian ông thi hành chức vụ mình, Môi-se đã phải tự chứng minh cho mình là một người lãnh đạo chân chính qua việc ông luôn quan tâm đến dân sự nhiều hơn là quan tâm đến bản thân mình. Có hai lần Đức Chúa Trời tỏ ý muốn hủy diệt dân Do Thái và bắt đầu gầy dựng nên một dân tộc mới với Môi-se nhưng Môi-se xin Chúa đừng làm vậy (14:11-19 Xu 32:7-14), và ông thường cầu xin giùm cho dân sự khi sắp xảy ra sự đoán phạt của Chúa. Ông bị người ta hiểu lầm, bị chỉ trích, suýt nữa còn bị ném đá, nhưng ông vẫn cứ hằng trung tín chăn dắt dân sự mình.

Mặc dầu sắp qua đời, nhưng Môi-se vẫn không nghĩ đến bản thân mình mà chỉ lo nghĩ đến tương lai của dân tộc. Sự quan tâm lớn nhất của ông là xin Đức Chúa Trời ban cho dân Ngài một người lãnh đạo thuộc linh bởi vì họ là những con chiên (Dan 27:17 Thi 74:1 79:13 95:7 100:3 IISa 24:7), và chiên thì cần phải có người chăn (IVua 22:17 Xa 10:2 Mat 9:36 Mac 6:34).

Chắc chắn chúng ta không phải ngạc nhiên khi Giô-suê là người đã được Đức Chúa Trời chọn để thay vào chỗ của Môi-se, vì Giô-suê đã từng là người thân cận làm việc với Môi-se kể từ lúc dân tộc rời khỏi Ê-díp-tô. Ông là người đã lãnh đạo quân đội Do Thái đánh bại dân A-ma-lét (Xu 17:8-16), ông được bổ nhiệm làm người trợ lý cho Môi-se (Xu 24:13 33:11 Dan 11:28), ông cũng có đi cùng với Môi-se lên núi Si-na-i lúc Đức Chúa Trời ban Luật Pháp (c.13 32:17). Là một trong số 12 thám tử, ông đã phối hợp với Ca-lép khích lệ động viên dân sự tiến vào Đất Hứa (14:6-9). Ông được đổ đầy Đức Thánh Linh (27:18 Phu 34:9) và được rèn luyện tinh thần nghiêm khắc khi còn là nô lệ cho người Ê-díp-tô và khi hành quân trong đồng vắng. Nói chung về mọi mặt, ông là người rất hoàn hảo kế nhiệm Môi-se.

Môi-se nhận được sự kêu gọi mà sứ mệnh của mình một cách cá nhân tại đồng vắng của người Ma-đi-an (Xu 3:1-22), còn Giô-suê thì được Môi-se và thầy tế lễ thượng phẩm Ê-lê-a-sa bổ nhiệm công khai. Môi-se đặt tay mình trên người kế vị ông và trao cho quyền hạn mà Đức Chúa Trời đã ban cho ông, và Ê-lê-a-sa dùng U-rim và Thu-mim giúp Giô-suê xác quyết đó là ý chỉ của Đức Chúa Trời (Dan 28:30). Trong những tuần lễ tiếp theo, Môi-se giao trách nhiệm dần dần cho Giô-suê để dân sự nhận biết và học cách tôn trọng Giô-suê và vâng lời ông là người lãnh đạo đã được Đức Chúa Trời chọn. [86] Những lời uỷ nhiệm của Môi-se được tìm thấy trong Phu 31:1-8, và Đức Chúa Trời đã ban cho Giô-suê sự khích lệ hơn nữa trong Gios 1:1-9.

Trong suốt những năm công tác cùng với Môi-se, Giô-suê đã học được một số nguyên tắc có giá trị về đời sống thuộc linh, những nguyên tắc đó ngày nay vẫn có thể áp dụng được. Khi bạn đọc sách Giô-suê, bạn sẽ thấy ông luôn quan tâm đến sự vinh hiển của Đức Chúa Trời và sự an khang thịnh vượng của dân chúng, ông cũng rất cẩn thận vâng theo các mạng lệnh Chúa đã ban cho ông. Có hai lần Giô-suê không tìm kiếm ý Chúa, khiến ông đã đưa dân sự đến với thất bại nhục nhã (7:1-26 9:1-27), nhưng trong niềm tin, ông tin rằng đến giờ chót Đức Chúa Trời sẽ xoá đi những lỗi lầm của ông.

Dưới sự lãnh đạo của Giô-suê, dân tộc đã cùng nhau hành động đánh bại các dân ngoại ở Ca-na-an và sau đó thiết lập nên quốc gia Y-sơ-ra-ên. Trước lúc qua đời, Giô-suê cho gọi các nhà lãnh đạo đến và nhóm họp dân sự lại dâng mình và dâng gia đình mình cho Đức Giê-hô-va, ông khẳng định với họ, ***“nhưng ta và nhà ta sẽ phục sự Đức Giê-hô-va.”*** (24:15).

Một trong những trách nhiệm của người lãnh đạo Cơ Đốc ngày nay là phải nhìn thấy được vấn đề là thế hệ tiếp theo cần được trang bị để tiếp tục

công việc Chúa (ITi 2:2). Mỗi Hội Thánh địa phương sẽ là một thể hệ có khả năng bị tuyệt duyệt trừ phi chúng ta biết dạy dỗ huấn luyện, đào tạo ra những nhà lãnh đạo mới, nếu không chúng ta sẽ huỷ hoại mất tương lai của chính gia đình mình, của Hội Thánh và của cả dân tộc.

4. Hướng đến sự thờ phượng (Dan 27:12-23) (Dan 28:1-29:39)

Kể từ lúc bắt đầu sống đời sống có quốc gia của mình, thì bí quyết thành công của Y-sơ-ra-ên chính là nhờ họ ở trong mối tương giao với Đức Chúa Trời được thể hiện bằng đức tin và sự vâng lời. Dân Do Thái là dân của giao ước Đức Chúa Trời, đã được Ngài chọn để làm theo ý muốn và đường lối Ngài để cuối cùng đem lại Đấng Cứu Chuộc cho nhân loại. Từ khi dân Y-sơ-ra-ên định cư trong xứ, họ phải hết sức cẩn thận làm theo những lời chỉ dạy này, và họ thờ lạy Đức Giê-hô-va là Đấng Toàn Năng. Các dân ngoại sống xung quanh họ có thể nhìn thấy những hình thức thờ phượng của họ, nhưng Y-sơ-ra-ên phải đem dâng các của lễ một cách đúng đắn vào đúng thời điểm theo đúng cách thức, nếu không thì Đức Chúa Trời sẽ không ban phước cho họ (Gi 4:22).

Có một vài giáo huấn được ban ra ở đây thì trước đó đã được ban ra tại núi Si-nai, còn lại là những giáo huấn mới. Sự thờ phượng của họ được căn cứ vào lịch trình ghi lại những ngày đặc biệt đã được tóm lược trong Le 23:1-44, bắt đầu với lễ Sa-bát hằng tuần và kết thúc là lễ Lều Tạm. [87] Cụm từ “thức hương có mùi thơm” trong bản dịch KJV được dùng 7 lần trong hai phân đoạn Kinh Thánh này (Dan 28:2,6,8,13 29:2,6,8), được dịch là “hương vị làm hài lòng Ta” trong bản dịch NIV. Mỗi một của lễ được dâng lên với từng mục đích khác nhau, tuy nhiên mục tiêu cuối cùng của hết thảy cá của lễ là nhằm làm hài lòng Chúa và làm cho Ngài vui thích, Đức Chúa Trời tìm kiếm những người thờ phượng chân thật (Gi 4:23) và Ngài lấy làm vui thích về sự thờ phượng của dân sự có lòng kính mến Ngài.

Những của lễ hằng ngày (Dan 28:1-10): Cứ vào mỗi buổi sáng và mỗi buổi chiều, các thầy tế lễ phải dâng lên cho Chúa một con chiên con làm của lễ thiêu. Còn giáo huấn mới dạy rằng vào những ngày lễ Sa-bát, trong buổi sáng và buổi chiều, họ phải dâng lên hai con chiên con, (Xu 29:38-43 Le 1:1-17). của lễ thiêu tượng trưng sự dâng mình hoàn toàn cho Đức Giê-hô-va, và chúng ta nên bắt đầu mỗi và kết thúc mỗi ngày bằng việc dâng mình trọn vẹn cho Chúa (Ro 12:1-2). Đời sống Cơ Đốc nhân là “của lễ thiêu thường xuyên” dâng lên cho Chúa, nếu chúng ta không làm của lễ sống, thì chúng ta sẽ chỉ là của lễ chết mà thôi.

Những sinh tế phải dâng hàng tháng (Dan 28:11-15): Đây là chỉ dẫn mới cho các thầy tế lễ. Dân Do Thái dùng lịch ta (âm lịch), (Le 23:1-44) và “ngày trăng mới” được cả dân tộc tổ chức lễ hội rất vui vẻ sôi động (Dan 10:10 Thi 81:1-3) và ở từng cá nhân gia đình cũng có tổ chức nọ (ISa 20:5,18,24). Vào ngày thứ nhất của mỗi tháng, cùng với của lễ thiêu hằng ngày như thường lệ, các thầy tế lễ sẽ phải dâng thêm một của lễ thiêu nữa gồm có hai con bò tơ, một con cừu đực và bảy con chiên đực tuổi giáp năm, kèm theo của lễ chay và lễ quán. Cũng sẽ dùng một con dê đực làm sinh tế

cho của lễ chuộc tội. Y-sơ-ra-ên sẽ phải thực hiện sự khởi đầu mới với mỗi tháng mới.

Các của lễ về những sự kiện tôn giáo hằng năm như thường lệ (Dan 28:16-29:40): Có năm sự kiện hằng năm khác nhau được kể ra ở đây, bắt đầu với Lễ Vượt Qua. Lễ Ngũ Tuần được tổ chức sau Lễ Vượt Qua 7 tuần (ngũ tuần có nghĩa là “ngày thứ 50” trong tiếng Hy Lạp), và còn được gọi là “Kỳ Lễ Của Các Tuần”. Vào tháng bảy mỗi năm của người Do Thái thường được bắt đầu với Lễ Thối Kèn (29:1-6 Le 23:23-25), báo hiệu sự khởi đầu cho một năm thường kỳ của người Do Thái (Rosh Hashana). Vào ngày mồng mười tháng đó, Y-sơ-ra-ên cử hành Ngày Đại Lễ Chuộc Tội (Dan 29:7-11 Le 16:1-34 23:26-32). Cách năm ngày sau đó, thì Lễ Lều Tạm sẽ được cử hành kéo dài một tuần lễ. Còn lễ hội mùa thu hoạch là thời gian vui vẻ của dân Do Thái, họ vào sống trong các căn lều để tưởng nhớ lại thời kỳ họ còn ở trong đồng vắng. Đối với từng sự kiện trong số những sự kiện đặc biệt này, các thầy tế lễ được chỉ dẫn dâng lên cho Chúa các của lễ thích hợp. Còn đối với Cơ Đốc nhân ngày nay, những sự kiện đặc biệt hằng năm này đều nói về Đấng Christ và về những việc Ngài đã làm cho chúng ta.

Lễ Vượt Qua (Dan 8:16-25 Xu 12:1-50): Lễ hội này được tổ chức vào ngày Y-sơ-ra-ên xuất khỏi Ê-díp-tô và nó còn đánh dấu cho sự bắt đầu một năm sinh hoạt tôn giáo của dân tộc (12:1-50 và chú ý c.2). Vào ngày 14 tháng đó, chủ hộ của mỗi gia đình đem giết một con chiên sau đó thiêu lên rồi ăn, nhưng vào ngày 15, các thầy tế lễ bắt buộc phải dâng trên bàn các của lễ theo kỳ định vào ngày trăng mới: của lễ thiêu gồm có hai con bò tơ, một con chiên đực, và bảy con chiên con đực, thêm một con dê đực nữa làm sinh tế cho của lễ chuộc tội. Các của lễ theo kỳ định được dâng giống nhau mỗi ngày trong suốt một tuần, là khoảng thời gian người Do Thái tổ chức Lễ Bánh Không Men và trút bỏ tất cả mọi dấu vết men khỏi từng gia đình họ.

Đối với con cái Chúa, Lễ Vượt Qua nói về sự chết của Đấng Christ trên thập tự giá vì có tội lỗi nhân loại (Gi 1:29 ICo 5:7-8 IPhi 1:18-21 Kh 5:5-6). Men là hình ảnh tội lỗi, và dân sự được cứu chuộc của Đức Chúa Trời phải loại bỏ tội lỗi khỏi đời sống họ và họ phải là một dân tộc thánh khiết (ICo 5:1-8 Ga 5:7-9 Mat 16:6 Mac 8:15 Lu 12:1).

Lễ Ngũ Tuần (Dan 28:26-30 Le 23:15-22) được tổ chức cách năm mươi ngày sau Lễ Vượt Qua, tính từ Lễ Trái Đầu Mùa, là lễ được cử hành sau ngày Sa-bát tiếp theo sau Lễ Vượt Qua. [88] Thầy tế lễ dâng của lễ theo kỳ định cho ngày trăng mới và cho Lễ Vượt Qua. Cơ Đốc nhân tổ chức Lễ Ngũ Tuần là ngày Đức Thánh Linh giáng lâm như đã được hứa và làm phép Báp-tem cho kẻ tin để trở thành thân thể của Đấng Christ và ban quyền năng cho họ để họ thi hành chức vụ (Cong 1:1-5 2:1-4). Lễ Ngũ Tuần là ngày khai sinh ra Hội Thánh.

Lễ Thối Kèn (Dan 29:1-6 Le 23:23-25): Tiếng kèn được thổi lên vào ngày ngày thứ nhất của tháng thứ bảy báo hiệu sự bắt đầu một năm mới như thường lệ của Y-sơ-ra-ên. Trong ngày đó, người Do Thái không làm việc còn các thầy tế lễ thì lo dâng lên cho Chúa một của lễ thiêu gồm có một

bò tơ đực, một chiên đực trưởng thành và bảy chiên con đực cùng với của lễ chuộc tội gồm một con dê đực.

Theo Dân Số Ký đoạn 10, thì người ta thổi kèn vì một số lý do sau: để triệu tập mọi người nhóm hiệp lại (c.2), là tín hiệu báo động (c.5), hoặc làm thông tin thông báo xung trận (c.9). Ngày nay, người Do Thái hiện đang là một dân tộc bị tản lạc khắp nơi (Phu 28; Le 26), nhưng rồi đây có ngày tiếng kèn kia sẽ vang lên kêu gọi họ trở về quê hương xứ sở của mình và sửa soạn họ cho sự tái lâm của Đấng Christ (Es 27:12-13 Mat 24:29,31). Khi tiếng kèn được thổi vang lên là lúc các Cơ Đốc nhân của Hội Thánh Chúa đang chờ đợi Chúa được báo tin về sự tái lâm của Chúa Cứu Thế (ITe 4:13-18).

Ngày Đại Lễ Chuộc Tội (Dan 29:7-11 Le 16:1-36 23:26-32): Đây là ngày lễ trọng thể nhất và thánh khiết nhất của Y-sơ-ra-ên, khi đó dân sự kiêng ăn và không làm bất cứ công việc nào hết. Thầy tế lễ dâng các của lễ theo kỳ định vào ngày đầu tháng, nhưng *bản thân thầy tế lễ* cũng sẽ được dâng lên để làm lễ chuộc tội cho chính mình theo nghi lễ được phát họa trong sách Lê-vi Ký đoạn 16. Đây là ngày duy nhất trong năm thầy tế lễ thượng phẩm được phép đi vào phía trong bức màn đến nơi chí thánh, nhưng ông phải mang theo lư hương đầy than đang cháy và huyết con sinh. Nghi lễ này trong Ngày Đại Lễ Chuộc Tội mô tả công việc của Đức Chúa Giê-xu Christ khi Ngài chịu chết trên thập tự giá vì có tội lỗi chúng ta.

Lễ Lều Tạm (Dan 29:12-39 Le 23:33-43): Lễ hội mùa thu hoạch vui vẻ này bắt đầu sau Ngày Đại Lễ Chuộc Tội năm ngày và kéo dài một tuần lễ. Trong suốt tuần ấy, các thầy tế lễ dâng trên 200 sinh tế, bao gồm các của lễ thiêu hằng ngày (hai chiên con đực) là của lễ được dâng gấp đôi trong ngày Sa-bát. Lễ hội này hướng đến tương lai là khi Đức Chúa Trời sẽ làm ứng nghiệm lời hứa về vương quốc mà Ngài đã lập với Y-sơ-ra-ên và dân tộc sẽ vui hưởng xứ đẹp để thịnh vượng của họ.

Cơ Đốc nhân ngày nay ít nhất cũng có thể hiểu được rằng có ba bài học rút ra từ các của lễ này. Thứ nhất, tất cả các của lễ đó đã được ứng nghiệm trong Đức Chúa Giê-xu Christ (He 10:1-18). Huyết con sinh tế không bao giờ có thể lấy đi được tội lỗi (c.1-4), nhưng huyết Đấng Christ thì sẽ làm cho chúng ta được sạch hết tội lỗi mình (IGi 1:7 Eph 1:7 Kh 1:5). Những sinh tế này được dâng giống nhau theo kỳ định thường xuyên; nhưng sinh tế là Đấng Christ tại đồi Gô-gô-tha thì được dâng lên chỉ một lần đủ cả để làm sự cứu rỗi đời đời cho chúng ta (He 9:24-28 10:11-14).

Thứ hai, dân tộc không thể làm được gì nếu không có vai trò và công việc của các thầy tế lễ. Họ đại diện cho dân sự khi đến trước mặt Đức Chúa Trời và dâng các của lễ cho Ngài theo yêu cầu của Ngài. Ngày nay, Đức Chúa Giê-xu Christ chính là thầy tế lễ thượng phẩm đang ở trên trời của các Cơ Đốc nhân (4:14-16) và “*vì Ngài hằng sống để cầu thay cho những kẻ ấy*” 9:25). Sinh tế của Ngài tại đồi Gô-gô-tha là sinh tế cứu cánh mang tính chất quyết định, giờ đây Ngài là thầy tế lễ thượng phẩm của chúng ta, là Đấng Cầu Thay cho chúng ta (IGi 2:1-3), và cũng là Đấng Trung Bảo của chúng ta hiện đang ở trên thiên đàng (ITi 2:5 He 8:6 12:24).

Thứ ba, những sinh tế này rất có giá trị. Chưa tính các phần sinh tế mà người ta đem dâng trong thì giờ thờ phượng cá nhân của họ, thì nội số chiên con đực đã bị giết vào ngày Lễ Vượt Qua đã là vô số kể rồi, mỗi năm các thầy tế lễ dâng 113 con bò đực tơ, 32 chiên đực trưởng thành và 1.086 chiên con đực! Nếu dân sự Đức Chúa Trời ở dưới Luật Pháp mà còn có khả năng dâng hiến cho Chúa được như thế, thì thử hỏi chúng ta là những người đã nếm trải được ơn thương xót của Ngài sẽ có thể dâng cho Ngài được bao nhiêu!

Chúng ta thật biết ơn vô cùng hệ thống tục lệ các của lễ được dâng cho Chúa thời xưa như vậy nay đã được ứng nghiệm trong Đức Chúa Giê-xu cả rồi, và giờ chúng ta có được đặc ân ra mắt Chúa bất cứ lúc nào nhờ bởi “**đường mới và sống**” (He 10:19-25). Là những thầy tế lễ của Đức Chúa Trời, chúng ta có thể đem dâng lên cho Ngài các của lễ thuộc linh của chúng ta (IPhi 2:5,9) đó là: thân thể chúng ta (Ro 12:1-2), những người được thu phục về cho Đấng Christ (Ro 15:1-16:27), tiền bạc và những món quà bằng hiện vật (Phi 4:18), sự thờ phượng và sự ngợi khen (He 13:15), những việc lành việc thiện (c.16), tấm lòng tan vỡ (Thi 51:17), và lời cầu nguyện khẩn thiết rất tin quyết (141:1-2).

Chúng ta hãy noi theo Đa-vít không dâng cho Chúa những gì vô giá trị (II Sa 24:24 Ma 1:6-11).

Dan 28:1-31; xem giải nghĩa Dan 27:12-23

Dan 29:1-39; xem giải nghĩa Dan 27:12-2

12. CHUẨN BỊ CHO CUỘC CHINH PHỤC (Dan 30:1-35:34)

Suốt 40 năm, Y-sơ-ra-ên đã đi từ nơi này đến nơi khác, họ là một dân tộc du mục đã đi đến Đất Hứa của mình. Họ sớm đi vào chinh phục đất đó và thiết lập nên quốc gia của chính mình, vì trách nhiệm này mà họ phải được chuẩn bị. Những phân đoạn Kinh Thánh cuối cùng của sách Dân Số Ký, cùng với sách Phục Truyền Luật Lệ Ký, đã ghi lại những lời chỉ dạy của Đức Chúa Trời qua Môi-se ban cho dân sự để sửa soạn họ cho kinh nghiệm mới mẻ đầy thách thức này. Vì Y-sơ-ra-ên phải trở thành một dân thánh để làm vinh hiển Đức Chúa Trời, cho nên họ phải chấp nhận và áp dụng những nguyên tắc căn bản do Môi-se đề ra, và những nguyên tắc này vẫn còn cứ tiếp tục được duy trì trong các cộng đồng cùng với các quốc gia ngày nay.

1. Những lời thiêng liêng (Dan 30:1-6)

Trong Le 27:1-34, Môi-se có đề cập đến vấn đề hứa nguyện tự dâng mình và dâng tài sản cho Chúa, nhưng ở đây ông nói về những lời thề hứa cá nhân và chúng sẽ gây ảnh hưởng ra sao đối với các mối quan hệ. Phân đoạn Kinh Thánh cho biết rõ ràng rằng gia đình là nền tảng của quốc gia, rằng phải có quyền hành và sự phục tùng trong gia đình, lẽ thật đó là sự nối kết xã hội lại với nhau.

Có điều khác nhau giữa “sự hứa nguyện” và “lời thề”, nhưng cả hai đều được xem là không được vi phạm. Sự hứa nguyện là lời hứa sẽ làm việc gì đó cho Chúa, còn lời thề là lời hứa sẽ không làm điều gì đó. Bất luận người

nào đó đã hứa nguyện hoặc thề rời thì phải giữ lời, bởi vì những gì người đó đã nói ra là “nói với Chúa”. Khi dân sự quên rằng Đức Chúa Trời luôn nghe những gì họ nói, thì họ bị cám dỗ đi lừa gạt người khác, và những lời nói dối là nguyên nhân khiến cho kết cấu xã hội bị xé toạc ra từng mảnh (Phu 23:21 Thi 76:11 Tr 5:1-70).

Khi những người nam đã hứa nguyện với Chúa, thì họ phải giữ lời và không ai có thể tự ý huỷ bỏ lời mình đã hứa, nhưng những người phụ nữ thì sao? Môi-se đề cập đến vấn đề thề thốt của những người nữ còn độc thân tại nhà họ (Dan 30:3-8), những phụ nữ trước đó đã từng lập gia đình (c.9) và những người đàn bà hiện đã lập gia đình (c.10-15). Nguyên tắc căn bản ở đây là nếu người nữ nào đang ở dưới quyền của cha mình hoặc chồng mình, thì người cha đó hoặc người chồng đó phải chấp thuận lời thề ấy cũng như sẽ có quyền huỷ bỏ của nàng.

Đối với thiếu nữ chưa lập gia đình đang còn ở tại nhà mình (Dan 30:3-8): Nếu người cha của nàng có nghe được những lời nàng thề mà ông không có ý kiến gì, thì nàng phải giữ lời thề đó và thực hiện nó. Quyền không chỉ thể hiện qua lời nói mà còn thể hiện bằng sự im lặng. Trong trường hợp này, im lặng có nghĩa là đồng ý. Nhưng nếu người cha cho biết ông không chấp thuận lời thề ấy thì nó phải bị huỷ bỏ. Còn nếu sau đó nàng đính hôn và vị hôn phu của nàng không có ý kiến gì về lời thề đó của nàng thì nàng phải giữ lời mình đã thề, thậm chí sau khi kết hôn, chồng nàng không chấp thuận, mà cho dù cha nàng có chấp thuận đi chăng nữa thì các lời thề ấy của nàng cũng sẽ bị huỷ bỏ. Chính Chúa sẽ giải thoát nàng khỏi những sự ràng buộc có liên quan đến lời thề đó.

Đối với đàn bà góa và người đã li dị chồng (Dan 30:9): Theo Chúa thì những người này đã từng trải và đã trưởng thành cho nên họ có thể có những quyết định khôn ngoan, mặc dầu tuổi tác và kinh nghiệm không phải lúc nào cũng là yếu tố đem lại sự khôn ngoan. Nếu họ hứa nguyện với Chúa thì họ phải làm thành những lời hứa ấy. Môi-se không giải thích điều gì sẽ xảy ra nếu họ kết hôn lần nữa. Vì ở đây không có sự giới hạn đặc biệt nào cả, cho nên chúng ta có thể kết luận rằng những lời thề nguyện của họ thậm chí cả người chồng mới của họ cũng sẽ không có quyền huỷ bỏ được.

Đối với phụ nữ có chồng (30:10-16): Nếu người chồng nghe những lời thề của nàng mà không ý kiến gì thì những lời thề đó sẽ trở nên ràng buộc vì im lặng có nghĩa là đồng ý, chấp thuận. Còn nếu người chồng công khai không đồng ý với những lời thề ấy và cấm đoán chúng thì chúng sẽ bị huỷ bỏ. Tuy nhiên, nếu anh ta thay đổi ý định sau khi đã đồng ý, thì anh ta (chứ không phải người vợ) phải trả tiền phạt vì đã khiến nàng từ bỏ lời thề thiêng liêng của mình, và điều này có nghĩa là anh ta phải đem dâng một của lễ chuộc tội cho Đức Giê-hô-va (Le 5:4).

Có một vài lẽ thật quan trọng đã được viết ra để hình thành luật lệ này, chứ chỉ ít không phải là nhờ ở tài ăn nói. Đưa ra một lời hứa nguyện nào đó là tự ràng buộc mình vào với Chúa, cho dù người ta có nhận biết được điều đó hay không. Nền tảng xã hội ngày nay đang bị xói mòn bởi vì có nhiều lời hứa không được giữ, bất kể đó là những hợp đồng làm ăn chính

thức công khai, những lời thề ước trong hôn nhân, những cam kết hiệp định về chính trị, hay là những lời của người đứng ra làm chứng. Chúng ta mong đợi Chúa giữ lời Ngài đã hứa, và Ngài cũng luôn trông đợi chúng ta giữ lời mình đã hứa. Tính chân thật là chất hàn gắn liên kết xã hội lại với nhau.

Lẽ thật thứ hai là tính chất quan trọng của quyền hạn và sự phục tùng trong xã hội cũng như trong gia đình. Mặc dù tất cả mọi người đều được tạo dựng một cách bình đẳng trước mặt Đức Chúa Trời và trước Luật Pháp, nhưng ở đây vẫn có nhiều mức độ quyền hạn và trách nhiệm mà chúng ta phải lưu ý (Eph 5:18-6:9). Người hầu gái chưa lập gia đình khi còn ở trong nhà cha mình phải chịu sự giám sát, quản chế của cha, còn khi đã lập gia đình rồi thì phải lệ thuộc chồng mình. Trước khi thề nguyện, người hầu gái cần có sự tư vấn của cha mình còn khi đã có chồng thì cần sự chỉ dẫn của chồng, nếu chỉ mới đính hôn thì sẽ phải xin ý kiến hôn phu của mình. Các mối quan hệ này đem đến những trách nhiệm, và hễ vội vàng đưa ra những lời cam kết thiếu khôn ngoan thì ắt sẽ lãnh nhận hậu quả là điều có thể phải trả giá đắt (Ch 20:25 Phu 5:1-6).

2. Niềm tin chiến thắng (Dan 31:1-54)

Dân Y-sơ-ra-ên đã sai trật vì có dính líu với dân Ma-đi-an tại Ba-anh Phê-ô, còn dân ấy thì sai trật vì đã nghe theo những lời khuyến dụ tư vấn của Ba-la-am ra sức huỷ diệt Y-sơ-ra-ên. Hễ ai rửa sả Y-sơ-ra-ên thì sẽ bị Đức Chúa Trời rửa sả lại (Sa 12:1-3), và thời điểm đó đã đến là lúc Đức Chúa Trời trừng phạt người Ma-đi-an (Dan 16:1-18:32) [89] Trận đánh này sẽ là “cuộc tổng dợt có trang phục y như thật” chuẩn bị diễn tập cho các trận đánh mà Y-sơ-ra-ên sẽ đánh tại đất Ca-na-an. Nhưng đây cũng chính là trận đánh cuối cùng của Môi-se; kể đó ông sẽ gặp “kẻ thù sau chót” của mình là sự chết (ICo 15:26).

Trận đánh (Dan 31:1-10): Trận đánh này là một phần của “cuộc thánh chiến” mà Đức Giê-hô-va đã tuyên bố chống nghịch lại người Ma-đi-an vì dân ấy đã dẫn Y-sơ-ra-ên đi vào tội lỗi. Chắc chắn Y-sơ-ra-ên phải chịu trách nhiệm về việc họ đã bất tuân đối với Đức Chúa Trời, tham gia cúng thờ hình tượng và làm những việc đồi bại vô đạo đức, cho nên Chúa phải trừng trị họ, còn dân Ma-đi-an là kẻ đầu têu gây nên những sự phạm tội như thế, do đó phải bị trừng phạt là điều hiển nhiên (Mat 18:7). Hội Thánh Chúa hiện nay không có lệnh của Chúa cho phép nhúng tay vào “các cuộc thánh chiến” (Gi 18:10-11,36) bởi vì kẻ thù của chúng ta không phải là thịt và huyết (Eph 6:10-24) và khí giới của chúng ta chính là linh năng từ Đức Chúa Trời (II Co 10:1-6). Gươm của Đức Thánh Linh là vũ khí duy nhất mà chúng ta cần phải dùng để phát huy sức mạnh chính nghĩa của Đấng Christ (Eph 6:17-18).

Chúng ta hãy xem đây là kiểu mẫu những trận giao chiến về quân sự mà Y-sơ-ra-ên sẽ phải trải qua tại Ca-na-an: Y-sơ-ra-ên sẽ nhận được những lời chỉ dẫn của Đức Chúa Trời và nhờ Chúa đi trước họ đem lại chiến thắng cho họ. Chúng ta được biết rằng Giô-suê là người lãnh đạo quân đội, còn Phi-nê-na con trai thầy tế lễ thượng phẩm, cũng có mặt ở đó cùng với các

thầy tế lễ lo khiêng hòm giao ước đi và thổi kèn vang lên (Dan 10:1-10). chính Phi-nê-a là người tỏ ra rất can đảm và hết lòng tôn kính Đức Chúa Trời khi tội lỗi ở Ba-anh Phê-ô xâm nhập vào trại quân Y-sơ-ra-ên (25:7-15).

Đây quả là một chiến thắng vĩ đại của Chúa vì tất cả mọi người nam trong dân Ma-đi-an đều bị giết chết, thế nhưng chẳng hề có một người lính Do Thái nào bị chết trong trận chiến ấy cả (31:7,48-49). Rất nhiều tướng tá của kẻ thù bị giết chết trong trận đánh đó, sau trận đánh, Giô-suê giết luôn năm vua của người Ma-đi-an, giết cả Xu-rơ cha của Cốt-bi là người nữ đã cùng Xim-ri phạm tội trong trại quân Y-sơ-ra-ên (25:14-15). Ba-la-am, kẻ chủ mưu bày ra những sự cám dỗ tại Ba-anh Phê-ô cũng đã bị giết chết (31:8,16). Y-sơ-ra-ên thiêu hủy hết các thành quách phố xá của dân Ma-đi-an và chiếm lấy lãnh thổ của họ, sau đó giao nó cho chi phái Ru-bên (Gios 13:15-23).

Sự tẩy uế (Dan 31:12-24): Vì không tuân theo mạng lệnh của Đức Chúa Trời, các anh em binh sĩ Y-sơ-ra-ên không chịu tiêu diệt triệt để hết tất cả dân Ma-đi-an, nhưng họ đã bắt dẫn phụ nữ và trẻ con đem về làm tù binh. Việc này khiến Môi-se nổi giận, vì sự có mặt của đám đàn bà con gái Ma-đi-an trong trại quân Y-sơ-ra-ên đã tạo thêm cơ hội cho sự phạm tội là điều suýt hủy diệt Y-sơ-ra-ên. Dân Y-sơ-ra-ên vừa thắng trận xong nhưng giờ đây họ lại đang ở trong mối hiểm họa sắp đánh mất chiến thắng của mình, một lỗi lầm mà dân sự Đức Chúa Trời một lần nữa lại tái phạm như họ đã phạm xuyên suốt trong nhiều thế kỷ trước đó.

Môi-se ra lệnh giết hết bọn trẻ em trai và tất cả đàn bà con gái nào không còn đồng trinh. Những người nữ nào còn đồng trinh thì được giữ lại làm đầy tớ hầu hạ người ta. [90] Hễ những người lính nào đã bị ô uế trên chiến trường do có đụng đến các xác chết, thì họ đều bắt buộc phải được tẩy uế theo luật định (19:11-13), Môi-se cũng áp dụng luật này đối với các tù binh là nữ mà giờ đây họ đã có thiện chí sống theo luật của người Do Thái. Những của cải tài vật vô số kể mà người ta đã lấy được của dân Ma-đi-an cũng được đem tẩy uế toàn bộ bằng lửa hoặc bằng nước, phải mất cả tuần lễ mới hoàn thành xong công việc tẩy uế này.

Cho dù ở trong thời bình hay thời chiến, thì vấn đề quan trọng đối với dân Y-sơ-ra-ên vẫn là họ phải luôn luôn giữ mối tương giao thánh khiết với Đức Giê-hô-va. Họ phải biết phân biệt điều thánh khiết và bất khiết, họ không được phép thoả hiệp, lẫn lộn. Công việc tẩy uế kéo dài suốt một tuần lễ này sẽ nhắc nhở 12.000 chiến sĩ và dân chúng trong trại quân rằng họ ắt sẽ phải đương đầu với nhiều nguy hiểm tại Ca-na-an, bởi vì những nguy hiểm ấy không chỉ là các kẻ thù mà còn là những kẻ phạm tội bất khiết thường hay cám dỗ khuyến dụ họ và làm ô uế họ. Môi-se muốn đề phòng ngăn chặn không để xảy ra thất bại nữa như ở Ba-anh Phê-ô.

Những chiến lợi phẩm trong trận đánh (Dan 31:25-47): Số người và gia súc mà dân Y-sơ-ra-ên đã cướp được là những chiến lợi phẩm chiến tranh được đem phân chia như sau: Các anh em chiến sĩ nhận một nửa, dân chúng ở lại trong trại nhận một nửa, và cả quân lẫn dân đều phải trích một

phần của mình ra dâng cho Đức Chúa Trời. Vì nói cho cùng, chính Chúa là Đấng đã ban chiến thắng cho họ. Hết thủy quân binh được lệnh phải đem dâng cho Chúa một 1/500 là người hoặc gia súc, tổng cộng được 840 phần; còn quần chúng thì dâng 1/50 là người hoặc gia súc, tổng cộng được 8.400 phần. Số gia súc và người này được giao cho thầy tế lễ thượng phẩm Ê-lê-a-sa để dùng vào các công việc có cần của đền tạm. Đám phụ nữ được giao cho công việc trợ giúp các thầy tế lễ và người Lê-vi (Xu 38:8 ISa 2:22), là những người mà chúng ta tin chắc rằng đám phụ nữ ấy sẽ học biết được về Đức Chúa Trời hằng sống chân thật của Y-sơ-ra-ên và vâng theo Ngài.

Lễ vật đặc biệt (Dan 31:48-54): Vì chỉ có 12.000 người ra trận tấn công dân Ma-đi-an (c.5), cho nên ắt hẳn là tối đa cũng chỉ có chừng 132 quan tướng mang những lễ vật đặc biệt đến cùng Môi-se để dâng chúng cho Chúa. Tuy nhiên, có thể một vài người chỉ huy nào đó phải gánh trách nhiệm quản lý chỉ đạo quân số vượt hơn 100 binh sĩ theo quy định. Khi các quan tướng kiểm tra sĩ số lính của mình sau khi đánh giặc trở về, họ nhận thấy rằng không hề thiếu, mất một người lính Y-sơ-ra-ên nào cả! Chỉ có Đức Chúa Trời mới có thể làm được phép lạ như thế và các quan tướng Y-sơ-ra-ên muốn bày tỏ lòng biết ơn Chúa của họ ra với Ngài. Họ liền chọn ra một lễ vật đặc biệt trong số những chiến lợi phẩm mà họ đã nhận được về phần mình rồi đem dâng lễ vật ấy vào nơi thánh của Đức Chúa Trời. Chúng ta cần có thứ gì đó đem làm những lễ vật dâng cho Chúa vì đó là bổn phận của chúng ta, hơn thế nữa là bởi vì chúng ta yêu Chúa và ngưỡng mộ những điều Ngài đã làm cho chúng ta.

Khi các quan tướng bảo họ sẽ dâng lễ vật cho Chúa “đặng chuộc tội” cho mình trước mặt Chúa (c.50), ý họ muốn nói rằng lễ vật bằng vàng ấy của họ có thể sẽ giúp cứu được linh hồn họ chẳng (Thi 49:6-9 IPhi 1:18-19). theo Xu 30:11-16, cứ mỗi lần có cuộc điều tra dân số trong Y-sơ-ra-ên (và có một lần vừa mới xảy ra - Dan 26:1-65), thì tất cả những người nam từ 20 tuổi trở lên mỗi người phải đem nửa siếc-lơ bạc làm lễ vật dâng cho Đức Giê-hô-va. việc này được biết đến như là “món tiền đền mạng”, và số bạc ấy được người ta dùng vào việc đúc các lỗ trụ giúp cho việc tạo thành khung đền tạm (Xu 38:21-28). Sau khi nhận thấy được Chúa khoan hồng độ lượng giữ lại mạng sống họ, 12.000 binh sĩ muốn dâng thêm “tiền đền mạng” cho Ngài để cảm tạ Ngài. Thay vì mang bạc đến, họ đã đem trên 400 cân vàng đến dâng cho Chúa, và Môi-se với Ê-lê-a-sa đã nhận số vàng này đưa vào trong nơi thánh.

3. Lòng trung thành của dân sự đối với nhau (Dan 32:1-42)

Một tập thể hoặc một quốc gia, dân tộc nào muốn có sự thành công thì không chỉ tùy thuộc vào việc chúng ta phải biết giữ lời của mình và nhờ cậy Đức Chúa Trời ban cho chiến thắng; mà điều ấy còn tùy thuộc vào lòng trung thành tín nghĩa của mọi người đối với nhau nữa. Có lẽ cụm từ “chủ nghĩa yêu nước” của chúng ta là sự mô tả hay nhất cho thái độ này, miễn là chúng ta đừng bao giờ biến tình yêu quê hương đất nước của mình thành tình yêu thần tượng. [91]

Lời thỉnh cầu (Dan 32:1-5): Các chi phái Ru-bên và Gát là những người sống bằng nghề chăn đàn gia súc, cho nên họ thỉnh cầu được phép định cư ở phía đông bên kia sông Giô-đanh là nơi đất rất màu mỡ phì nhiêu có nhiều cỏ tốt để nuôi các bầy đàn gia súc. Phân nửa chi phái Ma-na-se về sau này sẽ cùng nhập vào chung với họ (c.33, Gios 13:8-33). Chúa đã ban tất cả vùng đất đó cho dân sự Ngài cai quản (Dan 21:1-34), vì thế việc của họ bây giờ là lo xây dựng củng cố và chiếm lấy nó. Quả thực, những chi phái này về sau đó đã phân cách với các chi phái còn lại của dân tộc bởi sông Giô-đanh, tuy vậy họ chỉ xem điều này như một sự bận tâm không đáng mà thôi.

Phản ứng của Môi-se (Dan 32:6-15): Có lẽ nhà làm luật vĩ đại này đã phản ứng quá vội vàng (Ch 18:13), bởi vì ông có ý nghĩ trước hết là các chi phái này đang từ bỏ mục đích sự nghiệp chung. Dĩ nhiên, lời họ nói: **“Xin đừng biểu chúng tôi đi ngang qua sông Giô-đanh”** (Dan 32:5) có lẽ đã khiến Môi-se có ấn tượng rằng họ đang sẵn sàng ổn định cuộc sống.

Môi-se lúc nào cũng hết lòng yêu mến dân tộc, ông luôn hằng mong cả dân tộc cùng vượt qua thách thức lớn là chinh phục và chiếm lấy Đất Hứa. Đối với Môi-se, tội lỗi gớm ghê nhất xảy ra trên bất kỳ chi phái nào vào lúc này chính là sự thoái lui khỏi cuộc chiến và chấp nhận thất bại chứ không tham gia vào cuộc chinh phục xứ nữa. Tương tự như 10 thám tử hèn nhát đã làm cho cả dân tộc bị nhụt chí tại Ca-đe Ba-nê-a kỳ trước, và dẫn mọi người đến với 38 năm vô ích vô nghĩa, thì giờ đây hai chi phái này lại đang làm cho Y-sơ-ra-ên mất hết can đảm từ bỏ ý định khi họ đang đứng trước biên giới lãnh thổ sản nghiệp của mình. Hơn thế nữa, thái độ ích kỷ cá nhân của họ cũng đã chọc giận Đức Chúa Trời, cho nên Ngài có thể sai sự đoán phạt đến như Ngài đã làm trước đó lúc dân tộc phạm tội. Thậm chí còn tội tệ hơn, Ngài sẽ lìa khỏi dân tộc và bỏ mặc họ phải chết mất trong đồng vắng.

Lời thanh minh và biện pháp quân sự của hai chi phái (32:16-19): Chắc chắn chi phái Ru-bên và Gát đã không lấy làm vui vẻ gì về điều họ được gọi là “dòng dõi tội tội nhân” (c.14 NIV) như vậy, nhưng sai phạm của họ ở đây là họ đã đưa ra lời đề nghị, thỉnh cầu cầu thả, thiếu suy nghĩ như thế. Bây giờ họ phải cẩn thận giải thích cho Môi-se hiểu rằng họ đang sẵn sàng chuẩn bị tiến vào xứ và cùng kề vai sát cánh chiến đấu với các anh em mình cho đến khi chiếm được Ca-na-an. Cho đến đến khi nào các chi phái còn lại đã nhận được sản nghiệp mình rồi thì hai chi phái này (và sau đó có thêm phân nửa chi phái Ma-na-sa nữa) mới quay về định cư tại vùng đất phía đông bên kia sông Giô-đanh. Tuy nhiên, trước hết họ muốn xây dựng các thành phòng thủ thật vững chắc để bảo vệ vợ con mình và những trại chăn nuôi gia súc. Sau đó, họ sẽ phối hợp cùng các chi phái còn lại vượt ngang qua sông Giô-đanh chiến đấu với quân thù.

Sự ký hiệp ước (Dan 32:20-42): Môi-se nhắc lại những lời người của chi phái Gát và chi phái Ru-bên đã hứa, ông cũng có đưa ra thêm lời cảnh cáo này: Nếu họ không giữ lời tức là họ đã phạm tội chống nghịch Đức Giê-hô-va, và tội lỗi đó của họ ắt sẽ sẵn đuổi theo họ luôn! Cụm từ **“tội chắc sẽ đổ lại trên các người”** (c.23) thường được dùng trong những lời thỉnh cầu

của người truyền bá Phúc Âm, và người ta có thể xem đó là lời mời gọi; thế nhưng theo xu hướng ban đầu thì nó là lời khuyên cáo dân sự Đức Chúa Trời. Họ phạm tội không giữ lời mình thề nguyện và không sẵn lòng trợ giúp các anh chị em mình trong những công việc Chúa đã kêu gọi họ làm.

Vì Môi-se sẽ không còn sống cho đến khi dân tộc vượt qua sông Giô-đanh, cho nên ông gọi Ê-lê-a-sa, Giô-suê và các vị lãnh đạo của các chi phái đến bảo họ lập một hiệp ước. Trách nhiệm của họ là cùng nhau lo liệu tạo điều kiện cho các chi phái ở phía bờ đông sông Giô-đanh giữ lời mình đã hứa vượt sông Giô-đanh chiến đấu với các dân ở Ca-na-an. Đất đai họ chiếm được sẽ thuộc về họ, nhưng nếu họ bội ước thì họ sẽ mất hết.

Dân tộc vẫn có thể nán lại đợi hai chi phái ấy cùng một nửa của một chi phái nữa cùng dời vào trong đất của họ, đánh bại các kẻ thù còn sót lại, và đưa gia đình với bầy vật của họ đến nơi sinh sống ổn định an toàn. Thế nhưng chúng ta không thể không thắc mắc liệu những chi phái đã quyết định chọn ở lại bên bờ đông sông Giô-đanh kia là điều có khôn ngoan hay không. Họ ở bên ngoài xứ được hứa và họ phân rẽ khỏi các chi phái còn lại của dân tộc. Họ đã chọn cho mình quyết định như vậy chỉ vì dựa trên mục đích cá nhân của họ là: vì đất ở nơi đó tốt tươi màu mỡ, thuận lợi cho bầy vật của họ. Giống như Lót, họ đang bước đi bởi mắt thấy chứ không phải bởi đức tin (Sa 13:10-11). Họ có giữ lời hứa, tuy nhiên dù thế nào đi chăng nữa thì địa điểm bên kia sông Giô-đanh mà họ chọn đó cũng đã nảy sinh ra một số vấn đề (Gios 22:1-34).

Theo sách Hê-bơ-rơ đoạn 4, việc chiếm lấy sản nghiệp nơi Đất Hứa là sự minh họa về hai cách khác nhau mà Cơ Đốc nhân ngày nay đã thể hiện có liên quan đến ý muốn của Đức Chúa Trời và sản nghiệp mà Ngài hứa ban cho chúng ta hiện tại trong Đức Chúa Giê-xu Christ. Một số người giống như thế hệ tổ phụ của người Do Thái đã chết mất trong quá trình họ đi lang thang lưu lạc và không bao giờ vào được Đất Hứa cả. Số còn lại thì giống 10 thám tử đã đến dò xét xứ tận mắt nhìn thấy sự giàu có trù phú của xứ, thế nhưng họ lại thất bại không vào được xứ. Các chi phái ở phía bờ đông sông Giô-đanh có vào được xứ nhưng rốt cuộc đã không ở lại đó. Họ thích sống ở vùng biên giới ấy hơn và phát triển nghề chăn nuôi gia súc của mình. Đức Chúa Trời muốn dân sự Ngài trở nên giống như thế hệ mới của người Do Thái có lòng tin cậy Chúa, bước vào Đất Hứa, giành lấy chiến thắng và vui hưởng các phước hạnh của Ngài.

4. Quyền tể trị tối cao của Đức Chúa Trời (Dan 33:1-49)

Đức Giê-hô-va hạ lệnh cho Môi-se hãy ghi lại tên các địa danh mà Y-sơ-ra-ên đã đóng trại trong suốt cuộc hành trình họ đi trong đồng vắng. Có 40 địa danh đã được kể ra, bắt đầu là Ram-se ở Ai Cập (c.3) và kết thúc là đồng bằng Mô-áp đối ngang Giê-ri-cô (c.49). Cuộc xuất hành khỏi Ê-díp-tô của Y-sơ-ra-ên được ký thuật trong câu 3-4, và cuộc hành quân của họ cùng với sự kiện họ vượt Biển Đỏ được nhắc đến trong câu 5-8. Câu 9-15 đưa Y-sơ-ra-ên từ Ma-ra đến núi Si-na-i, còn câu 16-36 thì ghi lại từ núi Si-na-i đến Ca-đe, là nơi vì có vô tín mà Y-sơ-ra-ên đã thất bại không vào được Đất Hứa. Ba mươi tám năm lang thang lưu lạc của họ rơi vào giữa câu 36-37

và kể đó là đi vào sự yên lặng. Chặng đường đi từ Ca-đe đến đồng bằng mô-áp được ký thuật trong câu 37-49.

Tuy nhiên ở phân đoạn này còn có điều đáng nói hơn bên cạnh việc nó đã kể ra tên các địa danh; đó là lời chứng về quyền tể trị tối cao của Đức Chúa Trời trong mối quan hệ với dân sự Ngài. Như A.T.Pierson đã từng nói rằng: “Chiến thắng luôn là câu chuyện của Ngài”. Đức Chúa Trời không chỉ viết nên lịch sử; mà Ngài còn là Đấng làm nên lịch sử và Ngài cho thấy kế hoạch của Ngài đã được thực hiện ra sao. *“Muru của Đức Giê-hô-va được vững lập đời đời, Ý tưởng của lòng Ngài còn đời này sang đời kia”* (Thi 33:11 NKJV). Khi Y-sơ-ra-ên không để cho Đức Chúa Trời cai trị họ, Ngài đã lìa bỏ họ. Y-sơ-ra-ên đã đánh mất phước hạnh của mình còn Chúa thì vẫn thực hiện được các mục đích của Ngài.

Không có khó khăn trở ngại nào là quá lớn đối với Đức Chúa Trời. Ngài mở Biển Đỏ ra và dẫn dân Ngài vượt ngang qua đó, rồi Ngài đã khép nó lại chôn vùi đoàn quân Ê-díp-tô đang truy sát ở phía sau. Khi dân Ngài gặp nguy hiểm, Đức Chúa Trời liền ban cho họ chiến thắng các kẻ thù họ. Khi họ khát, Ngài ban nước cho họ, và mỗi buổi sớm mai Ngài lại ban bánh Ma-na từ trời xuống nuôi sống họ.

Trong suốt cuộc hành quân này, thế hệ lớn tuổi đều chết cả và thế hệ mới kế tục tiến bước. Mi-ri-am chết tại Ca-đe (Dan 20:1) và có người nữ khác thay thế hướng dẫn ca đoàn. A-rôn qua đời tại núi Hô-rơ (c.23-29) và con trai người là Ê-lê-a-sa trở thành thầy tế lễ thượng phẩm. Trước khi Môi-se chết, ông đã chỉ định Giô-suê làm người kế nhiệm. Nhưng cho dù có những sự thay đổi như vậy, thì Đức Chúa Trời vẫn không hề thay đổi và Ngài không bao giờ bỏ rơi dân sự Ngài. *“Lạy Chúa, từ đời này qua đời kia Chúa là nơi ở của chúng tôi”* (Thi 90:1).

Quyền cai trị tối cao của Đức Chúa Trời không loại bỏ, hủy diệt những tính cách, sở thích riêng hoặc trách nhiệm của con người. Chúa quá vĩ đại đến nỗi Ngài có thể cho phép chúng ta tự do chọn lựa nhưng Ngài vẫn hoàn thành được mục đích của Ngài. Ngài quả là Đức Chúa Trời quyền năng cao cả biết bao! Phao-lô đã viết những lời thật tuyệt vời: *“Ôi! sâu nhiệm thay là sự giàu có, khôn ngoan và thông biết của Đức Chúa Trời! Sự phán xét của Ngài nào ai thấu được, đường nẻo của Ngài nào ai hiểu được!”* (Ro 11:33).

5. Điều chắc chắn về sản nghiệp (Dan 33:1-49) (Dan 33:50-35:34).

Vùng Ca-na-an được đề cập 16 lần trong phân đoạn này, và điều nhấn mạnh ở đây là Y-sơ-ra-ên sẽ tiến vào xứ chiếm lấy phần sản nghiệp đã được hứa này cho mình. Đức Chúa Trời muốn dân sự biết rằng sự trì hoãn suốt 38 năm vẫn không thay đổi được các kế hoạch hoặc hủy bỏ các mục đích của Ngài. Phần này mở ra bằng Chúa phán rằng: *“Khi nào các người đã đi ngang qua sông Giô-đanh dựng vào xứ Ca-na-an”* (33:51 NKJV). Đây là lời đầy khích lệ đối với họ biết bao!

Những cư dân trong vùng (Dan 33:50-56): Đức Chúa Trời muốn cuộc xâm chiếm xứ Ca-na-an của Y-sơ-ra-ên là một cuộc chinh phục toàn diện, triệt để. Y-sơ-ra-ên phải đánh đuổi các dân bản xứ ra khỏi đó hết, phải phá

huỷ các bàn thờ, am miếu, tượng chạm, và sau đó phân chia xứ ra cho các chi phái. Mạng lệnh này không có gì mới; bởi vì Chúa có lần đã bảo họ như vậy rồi lúc còn ở núi Si-na-i (Xu 23:20-33 34:10-17). Môi-se cũng có nhắc lại mạng lệnh trên trong thông điệp già từ của ông gửi cho dân sự (Phu 7:1-26 12:1-3).

Vậy còn có những lý do nào phải tiêu diệt sự gian ác của họ (Sa 15:15-16 Le 18:24-28). Họ trở nên xấu xa độc ác ra sao và điều gì đã xảy ra như là hậu quả do họ gây nên thế nào, đã được mô tả trong Ro 1:17-32. Đức Chúa Trời hết sức nhẫn nhịn chịu đựng họ suốt nhiều thế kỷ, và giờ đây thời điểm đã đến cho sự đoán phạt của Ngài giáng xuống họ.

Lý do thứ hai là để dọn đường sạch sẽ cho các chi phái Y-sơ-ra-ên tiến vào nhận lãnh sản nghiệp của mình (Dan 33:54). Tương tự một nhà thầu xây dựng phải phá dỡ và đập bỏ những nhà cửa cũ nát, dọn dẹp đất cho sạch sẽ và xây lên đó công trình mới theo cấu trúc mới, do đó Đức Chúa Trời phải dẹp bỏ xã hội người ngoại giáo ở Ca-na-an để dân Ngài có thể chuyển vào đó xây dựng một quốc gia làm vinh hiển Ngài. Đất Hứa sẽ là sân khấu để qua đó Đức Chúa Trời có thể phô bày ra quyền năng Ngài, để Ngài đổ các ơn phước của Ngài xuống, rồi Ngài sẽ ban lễ thật của Ngài ra và sẽ có ngày Ngài sai Con Ngài đến chịu chết vì có tội lỗi nhân loại.

Lý do thứ ba để tuyệt diệt các dân ngoại ấy là nhằm loại bỏ sự cám dỗ ra khỏi dân Y-sơ-ra-ên vì họ có xu hướng muốn thờ lạy hình tượng (c.55-56). Trong suốt cuộc hành quân nơi đồng vắng, dân Do Thái cho biết họ rất thèm muốn những thứ ở Ê-díp-tô, và tại Ba-anh Phê-ô, họ không chống lại nổi sự cám dỗ thờ cúng thần tượng Ba-anh. Nếu các đền miếu của người ngoại giáo vẫn cứ còn tồn tại ở đó, thì có lẽ chẳng mấy chốc dân Y-sơ-ra-ên sẽ lãng quên Đức Giê-hô-va và bắt đầu thờ hình tượng cho mà xem. Thật đáng buồn thay, dân Y-sơ-ra-ên đã không chịu vâng theo các mạng lệnh của Chúa cho nên kết cuộc họ đã bị cám dỗ sống theo những thói đời của bọn người ngoại giáo còn sót lại trong vùng (Cac 2:6-15).

Các biên giới hạn định của xứ (Dan 34:1-15): Trong thời cổ đại, không hề có công tác đo đạc địa hình với những tài liệu khoa học xác định ranh giới đất đai. Người ta nêu tên các thành phố và kể ra những đặc điểm vị trí địa lý khi họ muốn xác định các đường biên giới. Đức Giê-hô-va bắt đầu với đường biên giới phía nam Ca-na-an (c.3-5), kể đó chuyển đến vùng biên giới ở phía tây gọi là Biển Địa Trung Hải (c.6). Tiếp theo là biên giới phía bắc (c.7-9), biên giới phía đông (c.10-13), cuối cùng là phần giới hạn dành cho các chi phái ở bờ đông sông Giô-đanh (c.14-15).

Đức Chúa Trời ban cho dân Ngài một vùng đất rộng lớn tươi tốt, nhưng họ đã không chịu đánh bại hết các kẻ thù mình và không nhận lãnh tất cả xứ bằng đức tin (Gios 15:63 16:10 17:11-13 Cac 1:21-35) [92] Biên giới ở phía đông của họ không giáp được với vùng Địa Trung Hải, vì dân Phi-li-tin vẫn đang nắm giữ lãnh địa đó; và đối với Ha-mát ở phía bắc xa xôi cũng vậy. Về phía đông sông Giô-đanh khi bạn xuất phát từ biên giới của chi phái Ma-na-se đi về hướng bắc, bạn sẽ thấy vẫn còn có những ổ đề kháng là nhóm những người chống đối còn sống sót trong các thành thị phố xá

mà dân Y-sơ-ra-ên đã không tiêu diệt hết. Lời tiên đoán của Môi-se đã trở thành sự thật: những người Ca-na-an đó chẳng khác nào những cái gai trong mắt họ và ở sát bên sườn họ đã dẫn dụ một số người Do Thái đi vào tội lỗi (Dan 33:35).

Trước đó chúng ta đã đi qua sự đoán phạt mà Đức Chúa Trời giáng trên dân Y-sơ-ra-ên thời cổ đại, còn Hội Thánh ngày nay thì sao? Chúng ta có nhận lãnh tất cả mọi sự mà chúng ta có được trong Đấng Christ bằng đức tin không? Có phải hiện vẫn đang còn có những ổ đề kháng tồn tại trong đời sống chúng ta lôi kéo dụ dỗ chúng ta rời xa khỏi Chúa chăng? ***“Vậy, chúng ta phải gắng sức vào sự yên nghỉ đó, hầu cho không có một người nào trong chúng ta theo gương kẻ chẳng tin kia mà vấp ngã”*** (He 4:11, NKJV).

Sự phân chia xứ (Dan 34:16-29): Ngay từ lúc bắt đầu sách Dân Số Ký, Môi-se đã có một hội đồng gồm 12 vị lãnh đạo trợ giúp ông thực hiện cuộc điều tra dân số (1:5-16), và giờ đây ông lập ra một uỷ ban gồm 10 người lãnh đạo giúp đỡ Giô-suê và Ê-lê-a-sa phân chia xứ cho các chi phái đang sống ở phía đông sông Giô-đanh (Gios 14:1-19:51).

Các thành phố trong xứ (Dan 35:1-34): Sau khi chinh phục được Ca-na-an, dân Do Thái đổi tên nhiều thành phố, họ còn thiết lập 48 thành dành cho người Lê-vi ẩn náu, 6 thành dành cho người tị nạn (c.1-8). Như chúng ta đã thấy, người Lê-vi đã bị tản lạc trong khắp Y-sơ-ra-ên để họ có thể thi hành chức vụ của mình là dạy dỗ Luật Pháp Đức Chúa Trời cho dân sự (Gios 21:1-45). Họ cũng được cấp cho những vùng đất đầy cỏ tốt ở gần thành phố thuận tiện cho họ chăn nuôi, chăm sóc các bầy vật gia súc của mình.

Có 6 thành ẩn náu dành cho người tị nạn tại Kê-đét, Si-chem và Hếp-rôn nằm ở bờ Tây sông Giô-đanh, còn Gô-len, Ra-môt và Bê-xe nằm ở bờ đông. Nếu bạn nhìn vào bản đồ Y-sơ-ra-ên thời cổ đại, bạn sẽ thấy rằng những thành phố này được toạ lạc ở trong xứ tại vị trí mà bất kỳ ai đang ở thành của mình cần chạy đến đó ẩn náu để tị nạn thì đều không bị cách xa lắm.

Dân Y-sơ-ra-ên có quân đội nhưng không có được một sự trang bị nào như đối với lực lượng quân sự, cảnh sát thời hiện đại của chúng ta ngày nay. Nếu có ai đó bị giết, mà các thành viên trong gia đình và bạn bè của người bị giết ấy nhìn thấy thì kẻ giết người kia sẽ bị xử tử. Tuy nhiên, nếu có kẻ giết người nhưng không cố ý thì sẽ bị xử theo tội ngộ sát chứ không phải bị xử theo tội danh giết người; và thật nhảm lẫn khi bắt anh ta phải trả giá bằng chính sinh mạng mình.

Anh ta có thể chạy trốn để tị nạn từ thành này sang thành kia và trình bày tình trạng của mình với các bậc trưởng lão nào có thể chịu lắng nghe anh ta nói và đồng ý làm chứng cho anh ta. Nếu các vị trưởng lão ấy cho rằng anh ta đúng là kẻ phạm tội sát nhân thì họ sẽ bắt dẫn anh ta về giao nộp cho chính quyền xử lý trừng phạt anh ta. Nhưng nếu họ kết luận anh ta vô tội thì họ sẽ cho phép anh ta trú ngụ lại trong thành ẩn náu dưới sự bảo vệ của họ và cứ ở đó mãi cho đến chừng thầy tế lễ thượng phẩm qua

đời. Lúc đó anh ta sẽ được tự do quay về nhà mình mà không phải nộp bất cứ món tiền chuộc nào để được trả tự do sớm hơn (c.32).

Còn nếu anh ta phạm tội thật sự thì sẽ bị người ta ném đá cho đến chết. Tội giết người là tội bị tử hình theo quy định trong Y-sơ-ra-ên chứ không được ân xá bằng khoản tiền chuộc nào cả (c.32). Huyết kẻ vô tội làm ô uế đất, mà đất thì thuộc về Đức Giê-hô-va (c.33-34 Sa 4:10 9:5). Chỉ có một cách là đất đó phải được tẩy uế bằng sự chết của kẻ sát nhân kia.

Tội nhân ngày nay có thể tìm đường đi ẩn náu bởi đức tin đặt nơi Đức Chúa Giê-xu Christ và tìm đến Ngài tị nạn đặng thoát khỏi cơn đoán phạt của Đức Chúa Trời (He 6:18). Bởi vì Chúa Giê-xu là Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm đời đời, cho nên sự cứu rỗi của Ngài có giá trị bảo đảm vĩnh viễn; *“Bởi đó Ngài có thể cứu toàn vẹn những kẻ nhờ Ngài mà đến gần Đức Chúa Trời, vì Ngài hằng sống để cầu thay cho những kẻ ấy”* (He 7:25, NKJV). Ngài đã mang lấy sự đoán phạt vốn dành cho kẻ phạm tội; do đó, ngoài Ngài ra không thể có sự chuộc tội nào khác nữa (Ro 8:1).

Dan 33:50-56; xem giải nghĩa Dan 33:1-49

Dan 34:1-29; xem giải nghĩa Dan 33:1-49

Dan 35:1-34; xem giải nghĩa Dan 33:1-49

Dan 36:1-13; xem giải nghĩa Dan 26:1-29:39